

Dịch từ: Epoch Times - epochtimes.com
Nguồn: epochtimesviet.com

Thiên Cổ Anh Hùng

**Tượng
Giới
Thạch**

Quyển I (Phần 1-30)

*Ban nghiên cứu về các nhân vật thiên cổ anh hùng
của 5000 năm văn hóa Thần truyền.*

11.2024

MỤC LỤC

Phần 1: Chống lại Satan, khôi phục Hoa Hạ	1
Phần 2: Tiếp bước Quốc phụ thống nhất Trung Nguyên	11
Phần 3: Vì đại nghĩa diệt phản loạn	18
Phần 4: Tiếp bước theo con đường Quốc phụ	27
Phần 5: Trường quân sự Hoàng Phố	35
Phần 6: Binh chinh thiên hạ	46
Phần 7: Cái nhìn sâu sắc về thời cuộc	57
Phần 8: Nguồn gốc của võ sĩ đạo	64
Phần 9: Dã tâm của Nhật Bản	72
Phần 10: Nội loạn ở Trung Nguyên	80
Phần 11: Dẹp giặc trong, ngăn giặc ngoài	88
Phần 12: Trì hoãn chiến tranh	98
Phần 13: Cấu kết bên trong và bên ngoài	105
Phần 14: Satan mê hoặc lòng người	113
Phần 15: Sự biến Tây An	121
Phần 16: Tầng tầng phản bội	129
Phần 17: Cui cái chết nhẹ tựa lông hồng	137
Phần 18: Toàn diện kháng chiến	149
Phần 19: Bích huyết thanh thiên	157
Phần 20: Thống soái chiến khu	166
Phần 21: Lấy đức báo oán	175

Phần 22: Chiến đấu với quân Cộng Sản, bảo vệ Trung Nguyên ..	186
Phần 23: Mối họa cộng sản tiến về phương Đông	196
Phần 24: Con tò vò của Đảng Cộng sản Liên Xô	203
Phần 25: Phụ thể xâm nhập	211
Phần 26: Thanh lọc Đảng cứu đất nước	224
Phần 27: Bình định nội loạn	238
Phần 28: Trước sau thọ địch	251
Phần 29: Cứu tinh của Trung Cộng	261
Phần 30: Đơn độc khó chống đỡ	267

Phần 1: Chống lại Satan, khôi phục Hoa Hạ

5000 năm lịch sử Trung Hoa là ghi chép về vận mệnh chung của các thị tộc, từ các thị tộc riêng rẽ cho đến hợp nhất thành dân tộc Hoa Hạ và dân tộc Hoa Hạ, để chống ngoại xâm và bảo vệ sự tồn vong của mình, đã tạo nên một đất nước có lịch sử lâu đời. Bộ lịch sử ấy dựa trên những đức tính vốn đã vô cùng cao quý, đồng thời tái hiện nền văn minh văn hóa huy hoàng của Trung Hoa.

Lời dẫn

Vào thế kỷ 17, sau cuộc khởi nghĩa Lý Tự Thành, nhà Minh đã rút lui khỏi vũ đài lịch sử, *triều đình Mãn Thanh* thuận theo vận mệnh tiến vào làm chủ Trung Nguyên. Thanh triều mang theo nền văn hóa của riêng mình, vốn phát triển mạnh mẽ trong ba đời Khang Hy, Ung Chính, Càn Long. Sau thời kỳ huy hoàng của “Khang Càn thịnh thế”, đến thế kỷ 19 nhà Thanh bắt đầu suy yếu. Trong bối cảnh đạo đức suy thoái và sức mạnh quốc gia dần cạn kiệt, sự va chạm của các nền văn minh phương Đông và phương Tây, hai cuộc chiến tranh Nha phiến, trong khi các quốc gia phương Tây đang trở dậy mạnh mẽ... triều đình nhà Thanh thất bại nên phải cắt đất để cầu hòa. Năm 1850, Hồng Tú Toàn thuận thiên mệnh đã kiến lập nên Thái Bình Thiên Quốc, thu phục một nửa lãnh thổ Trung Quốc và gần như lật đổ nhà Thanh. Sau đó, Thái Bình Thiên Quốc rút lui khỏi vũ đài

lịch sử. Khi nhà Thanh bước vào những năm cuối cùng, nội bộ thối nát hủ bại cùng với nguy cơ ngoại xâm đã đẩy nhanh sự băng hoại đạo đức, kết quả không chỉ khiến nhà Thanh diệt vong mà còn kéo theo một cuộc khủng hoảng chưa từng có trong 5000 năm trở lại đây.

Tôn Trung Sơn tự coi mình là “Hồng Tú Toàn thứ hai”, đã phát động mười cuộc khởi nghĩa vũ trang, dẫn đến cuộc cách mạng năm Tân Hợi và kết thúc triều đại nhà Thanh. Kế thừa 5000 năm chính thống của Trung Hoa và hấp thu những tinh hoa của tư tưởng trong và ngoài nước, Tôn Trung Sơn đã sáng tạo ra chủ nghĩa Tam Dân, gấp rút cứu dân tộc như cứu hỏa hoạn, tạo dựng nền cộng hòa, thành lập chính quyền và quân đội. Phục hưng Trung Hoa đòi hỏi một chặng đường dài phía trước và cần phải có người gánh vác sự nghiệp vĩ đại này.

Khi ấy, ánh mắt của lịch sử đổ dồn vào người lính trẻ tuổi xuất thân trong gia đình thường dân, bụng đầy thi, thư (Tứ thư Ngũ kinh), thiên chất thông minh, bác cổ thông kim, thông tỏ đông tây. Người lính trẻ ấy tên là Tưởng Giới Thạch. Năm 19 tuổi, Tưởng Giới Thạch gia nhập học viện quân sự Bảo Định, năm 20 tuổi sang Nhật học quân sự. Sau khi Cách mạng Tân Hợi nổ ra, Ông trở về nước tham chiến và quang phục Hàng Châu. Đầu thời Trung Hoa Dân Quốc, Ông kiên quyết ra tay diệt nghịch tặc, cống hiến hết mình cho cuộc cách mạng lần thứ hai thảo phạt Viên Thế Khải và lên con tàu Vĩnh Phong trung thành bảo vệ chủ. Trí tuệ, sự kiên trì, cũng như sự trưởng thành, tầm nhìn rộng và nhất là chí khí “làm việc lớn mà không nhận công lao” của Tưởng Giới Thạch đã khiến Tôn Trung Sơn hoàn toàn kính trọng



*Tướng Giới Thạch thăm căn cứ không quân vào tháng 3 năm 1945.
(Ảnh Miền Công cộng)*

và ngưỡng mộ. Tướng Giới Thạch là ứng cử viên sáng giá nhất kế thừa sự nghiệp vĩ đại của Cách mạng Quốc Dân. Để diệt trừ quân phiệt và thống nhất quốc gia, Tôn Trung Sơn đã bổ nhiệm Tướng Giới Thạch thành lập Học viện Quân sự Hoàng Phố. Sau khi Tôn Trung Sơn mất, Tướng Giới Thạch phụng mệnh xuất sơn, hai năm sau, bắc phạt kết thúc, nhất thống Trung Nguyên.

Tướng Giới Thạch đã chiến đấu can trường, lãnh đạo nhân dân bảo vệ Trung Hoa, lập được những kỳ công trên vũ đài lịch sử, làm thay đổi hình thế của Trung Quốc, châu Á và thế giới. Trí tuệ và sự hiểu biết thấu đáo của Ông đã bảo vệ nền văn minh Thần truyền 5000 năm Hoa Hạ, làm phong phú thêm tinh thần của nhân loại và để lại một di sản quý báu. Ông quả không hổ danh là *“người khổng lồ xoay bánh xe lịch sử”*.

Tuy nhiên, Tướng Giới Thạch đã mất chính quyền vào tay ĐCSTQ chỉ trong 4 năm sau thắng lợi của cuộc chiến chống Nhật. Đây phải chăng là sự an bài của số phận không thể bước qua của quy luật “thành – trụ – hoại” nơi thế gian này?

Xin chớ quên rằng đây là một thời đại phi thường, một thời kỳ đặc thù phát triển bất bình thường của nhân loại. Thứ chủ nghĩa gây họa loạn thế gian hơn 100 năm qua đã xuất hiện ở nhiều quốc gia dưới hình thức Đảng Cộng sản, đã được cựa thế lực trong vũ trụ thao khống, hỗ trợ và bành trướng, thậm chí đã trở thành một hiện tượng trong thời gian dài.

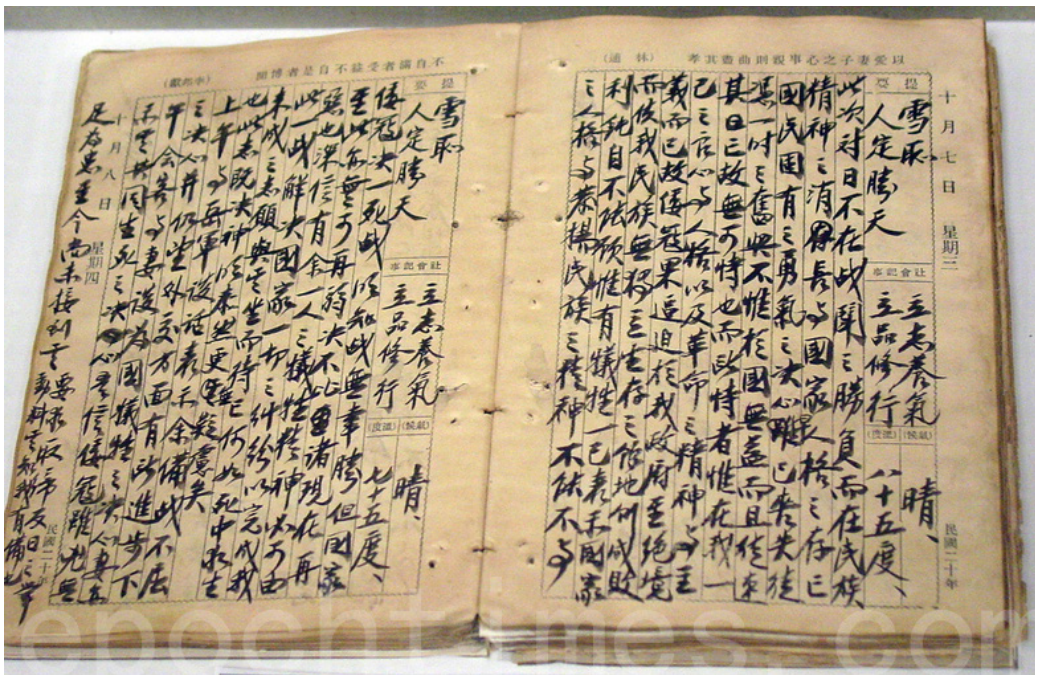
Trong thời đại mà đạo đức mê lạc và không phân biệt đúng sai này, những nguyên thủ quốc gia trên thế giới, những lãnh tụ thời kỳ đầu của Quốc Dân đảng, những người lãnh đạo đã cố hiến hết mình cho cách

mạng cộng sản và một số lượng lớn đảng viên phổ thông đều không thấy được bản chất của tà linh cộng sản. Họ dùng phương thức tư duy thông thường để đối đãi với thứ đảng phái dị loại này và có thái độ dung túng đối với sự xuất hiện và phát triển của ĐCSTQ. Kết quả là nhân loại đã phải chịu đựng thảm họa cộng sản trong hơn một trăm năm qua, thời gian kéo dài và mức độ sâu xa của nó là chưa từng có. Xã hội nhân loại phải trả giá quá đắt, giai đoạn lịch sử này đã trở thành những chương tang tóc bi thương của Trung Quốc cận đại.

Khi cả thế giới vẫn còn ảo tưởng vào ĐCSTQ thì Tưởng Giới Thạch chính là người đầu tiên nhận ra một cách sâu sắc và toàn diện về bản chất của ĐCSTQ.

Tưởng Giới Thạch đã sử dụng chữ *“Tà ma Satan”* để trực tiếp vạch rõ ý đồ xâm lược của ĐCSTQ. Trong tài liệu năm 1957, Ông viết: *“Mục đích của nó (ĐCSTQ) không phải vì hòa bình và dân chủ cho Trung Quốc, mà là để xâm lược và chinh phục Trung Quốc”; “Quyền thế của quỷ Satan không chỉ ở việc nó sử dụng bạo lực để đe dọa mạng sống và sự an toàn thân thể của chúng ta, mà còn khiến chúng ta trong khiếp sợ mà khuất phục theo nó”, “Khi một dân tộc bị tiêu diệt và bị quỷ Satan khống chế, sẽ luôn có những con người không khuất phục trước ma quỷ, cùng nhau sát cánh chiến đấu vì độc lập tự do của dân tộc”. (1957)*

Tưởng Giới Thạch đã thấy trước sự phá hủy của ĐCSTQ đối với 5000 năm văn hóa truyền thống. Ông viết: *“ĐCSTQ sẽ phá hủy văn hóa lịch sử cao quý và ưu tú 5000 năm của dân tộc Trung Hoa chúng ta; hủy diệt không còn dấu vết, nó muốn đem luân lý nhân ái hòa bình của Trung Quốc biến thành một cuộc đấu tranh*



Ngày ký Tường Giới Thạch. (Ảnh Tào Cảnh Triết / Epoch Times)

tàn nhân và độc ác, tham gia vào cuộc thảm sát quốc tế”. (“Tổng tập tư tưởng ngôn luận của tiền Tổng Thống Tưởng Công - Tập 32 - Báo cáo”)

Tưởng Giới Thạch đã chỉ ra một cách sâu sắc việc nhân loại dung túng cho sự lây lan của tà ác. “Thế nhân thường bởi vì thất vọng, bi quan, ích kỷ, tự tư mà mất đi tín ngưỡng ban sơ vào Thượng Đế. Điều này đã khiến ma quỷ trở nên hung hãn, chính nghĩa mai một, ngồi nhìn chủ nghĩa phản Thần và chủ nghĩa duy vật lây lan ra toàn cầu, khiến cho giữa con người với con người chỉ còn lừa đảo, khủng bố, bạo lực và giết chóc!” (1952).

Tưởng Giới Thạch nhận ra rằng Chủ nghĩa Cộng sản là phản nhân loại. “Bản chất tà ác của Chủ nghĩa Cộng sản ban đầu dựa trên việc chinh phục bản chất con

người làm điều kiện tiên quyết cho sự tồn tại của nó. Bất kỳ Chủ nghĩa Cộng sản cực quyền nào cũng được xây dựng trên cơ sở khống lõ và tàn ác của ‘công cuộc cải tạo nhân tính’ trong một cuộc chiến không hồi kết đối kháng lại nhân tính của con người”. “Trung Cộng phải đối mặt với một thách thức mạnh mẽ khác, đó là sự bền bỉ bất khuất và sức sống của văn hóa Trung Hoa. Văn hóa Trung Hoa tiêu biểu cho sự sáng chói cao nhất của chủ nghĩa nhân văn 5000 năm lịch sử con đường đang sáng tỏ, sự nghiệp đang hưng thịnh là dựa vào sức sống của nền văn hóa này để nuôi dưỡng. Đây là một nền văn hóa ưu mỹ dựa trên nhân tính và đạo đức, tạo thành giá trị tín ngưỡng không thể thay đổi và tinh thần nơi sâu thẳm của mỗi người Trung Quốc, tuyệt không thể dung hợp với chủ trương thù hận, bạo lực và bản chất tà ác chủ nghĩa cộng sản”. (Tướng Giới Thạch “quán triệt quyết tâm và hành động của chúng ta đối với cuộc cách mạng và khôi phục đất nước trước những biến đổi và hỗn loạn của thế giới” – Chỉ thị của Hội nghị toàn thể lần thứ tư của Ban Chấp hành Trung ương khóa thị đối với phiên họp toàn thể lần thứ tư của Ủy ban Trung ương khóa X).

Tướng Giới Thạch đã nhìn ra nguy cơ tín ngưỡng của thế giới: “Tôi cảm thấy những năm gần đây khoa học tiến bộ hơn, văn minh vật chất tiến bộ, nhưng đạo đức ngày càng thấp, đời sống tinh thần cũng nghèo hèn. Vì vậy, con người cảm thấy lòng mình trống rỗng, cuộc sống càng mơ hồ và đáng sợ không có nơi trú ngụ”. “Thiên tính con người của chúng ta là linh tính được truyền từ Thượng Đế, cái linh tính này chính là tinh thần nhân từ, lòng nhân từ này là nơi chứa đựng chân lý của



Bức ảnh mặc đồng phục của Tưởng Giới Thạch, chụp sau khi Ông được bầu làm Chủ tịch Chính phủ Quốc gia năm 1944. (Ảnh Miền Công cộng)

vũ trụ và đó là nơi ý nghĩa của cuộc sống đời người. Mọi người nên biết rằng cái linh tính của Thượng Đế này, ở Trung Quốc mà nói thì chính là ‘Thiên tính’ (thiên mệnh chi vị tính)”.

Tướng Giới Thạch nói về vật chất và tinh thần: “Ngày nay thổ phỉ cộng sản sợ nhất và thù hận nhất không phải là loại vật chất mà khoa học nhìn thấy được, mà là tinh thần đạo đức nhìn không thấy... Chỉ có lực lượng tinh thần đạo đức, đặc biệt về phương diện sức mạnh tôn giáo, có thể nói rằng họ không thể và không bao giờ có được sức mạnh tinh thần nhìn thấy và vô hạn như này!” (1960).

Kiến thức, tầm nhìn và sự hiểu biết thấu đáo của Tướng Giới Thạch đã vượt qua các nhà lãnh tụ trên thế giới và các triết gia cùng thời. Khi vũ trụ đang ở trong thời khắc mạt thế, cần đảo ngược sóng gió để cứu độ chúng sinh, thì niềm tin của Ông đối với Thần và kiến thức về cuộc sống, vật chất, tinh thần và vũ trụ đã vô cùng uyên thâm, sâu sắc.

Vào năm 1972, Tướng Giới Thạch đã tiên đoán rằng Đảng Cộng sản Liên Xô sẽ tan rã vào năm 1990 và rằng sự tan rã của ĐCS TQ sẽ chậm hơn một bước — (Tướng Võ Quốc, “Tướng Giới Thạch cha của tôi”). Phải chăng Ông đã nhận được khả thị từ cao tầng và nhìn thấy tương lai của thế giới? Từ việc Tôn Trung Sơn gặp Phật trên núi Phổ Đà đến việc Tướng Giới Thạch chứng kiến nhiều kỳ tích, có thể thấy rằng Sáng Thế Chủ đã dành sự quan tâm đặc biệt cho Trung Hoa.

Trước khi thế giới trải qua những thay đổi lớn, trước khi vũ trụ cuối cùng khảo nghiệm xem liệu nhân loại có thể thoát ra khỏi cái rối ren của thời mạt kiếp

hay không, cụ thể lực trong vũ trụ đã an bài để ĐCSTQ đạt được bước thăng tiến lớn, có thể mê hoặc con người thế gian. Khi các nước trên thế giới đang thỏa hiệp đối với ĐCSTQ, thì Tưởng Giới Thạch lại là người đầu tiên nhìn thấu bản chất tà ác ấy. Ông chính là nhà tiên tri, tiên giác, nhưng *“Một cây đơn độc khó có thể chống đỡ tòa cao ốc thế gian”*! Ông bị ĐCSTQ bôi nhọ, phê phán Ông như một nhân vật phản diện và coi là ‘kẻ tội đồ’ của dân tộc Trung Hoa.

Những phân tích sâu sắc về ĐCSTQ, cả cuộc đời anh dũng chiến đấu và ý thức chống cộng mạnh mẽ của Tưởng Giới Thạch đã giúp các thế hệ tương lai nhận rõ bộ mặt thật của ĐCSTQ. Sự xuất hiện của ĐCSTQ đã tạo ra hoàn cảnh lịch sử giúp Tưởng Giới Thạch trở thành thiên cổ anh hùng. Sáng Thế Chủ thông qua Tưởng Giới Thạch mà an bài lời giải cuối cùng cho nhân loại thoát khỏi kiếp nạn.

Thời đại của Tưởng Giới Thạch là một thời đại rối ren và đầy bi kịch. Hùng tâm tráng chí của ông chưa được đền đáp, nhưng bằng máu và nước mắt ông đã vẽ nên hình ảnh bi tráng cảm động đất trời lưu lại cho con người thế gian, dệt thành bài giáo huấn và mở ra con đường đúng đắn để nhân loại tự cứu mình.

Tưởng Giới Thạch chính là *“người khổng lồ”* chống lại thế lực phản Thần, phản đạo đức, phản truyền thống, là vị Thần bảo hộ vĩ đại cho nền văn minh Thần truyền 5000 năm của Trung Hoa...

Phần 2: Tiếp bước Quốc phụ thống nhất Trung Nguyên

Tướng Giới Thạch sinh ra tại thị trấn Khê Khẩu, huyện Phụng Hóa, miền đông tỉnh Chiết Giang, vào ngày 31 tháng 10 năm 1887, tên thời thơ ấu của Ông là “Thụy Nguyên”, còn được gọi tên khác là Chu Thái, Chí Thanh và Trung Chính, tên chữ là Giới Thạch.

Thiên chất thông minh

‘Tả Truyện’ ghi rằng: *“Phàm là họ Tưởng, Hình, Mao, Tế thì đều là hậu duệ của Chu Công”*. Giới Thạch lúc 5 tuổi vào trường tư thực, đọc Tam tự kinh, Bách gia tính và các sách vỡ lòng khác. Năm 7 tuổi, Ông bắt đầu học các trước tác kinh điển và sách lịch sử như Đại học, Trung Dung, Luận Ngữ, Hiếu kinh, Xuân Thu, Tả Truyện, Kinh Thi, Cổ văn từ v.v. Thời trẻ Tưởng Giới Thạch rất hiếu học và thông minh. Thầy Tưởng Cẩn Phiên của Trường tư thực đã từng nói với mẹ của Ông là Vương Thái Ngọc rằng con trai bà thiên chất thông minh tài giỏi, sau này sẽ thành người vĩ đại.

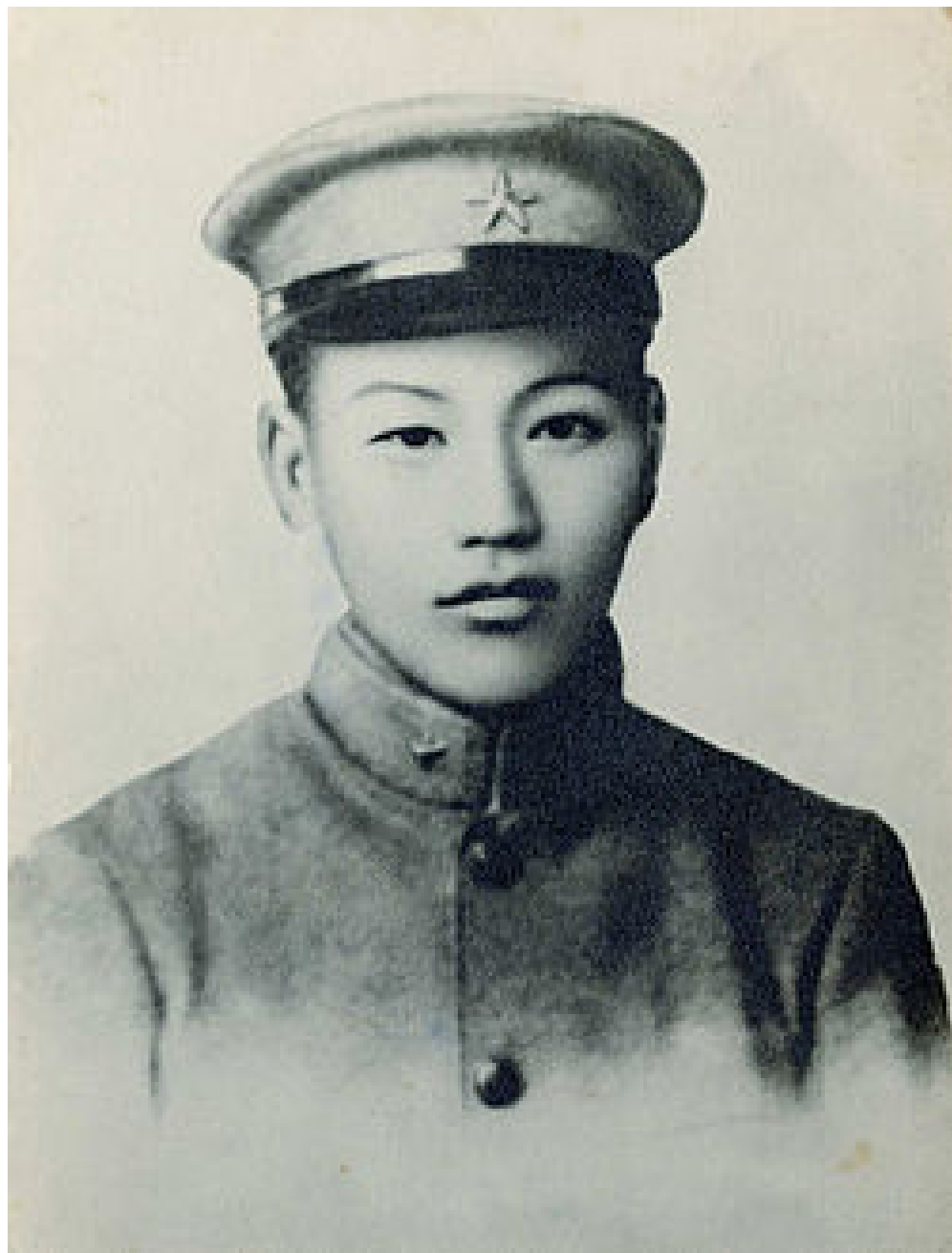
Tướng Giới Thạch vào lúc mười ba tuổi đã đọc Kinh Dịch – quyển sách có ảnh hưởng lớn đến cuộc đời Ông. Sau khi trưởng thành, Ông đổi tên thành Trung Chính với tên tự là Giới Thạch. Các tên đều được lấy từ hào từ “62” của “Chu dịch – Dự quái”: *“Giới ư Thạch, bất chung nhật, trinh cát”*. Nghĩa là: Giữ tiết tháo như đá, không đọi hết ngày, kiên trì chính Đạo thì có được đại cát đại lợi. Trong “Thoán” nói: *“Bất chung nhật trinh*

cát dĩ Trung Chính dã". Đại ý là giữ vững tâm chí, vững chắc như bàn thạch, không bao giờ ngừng nghỉ, quả là tốt đẹp, có thể đứng ở giữa "cư trung" thì sẽ đạt được chính "đắc chính".

Tướng Giới Thạch lúc tám tuổi thì mất ông nội và năm chín tuổi thì mất cha. Mẹ Ông Tướng trung trinh thủ tiết, chịu thương chịu khó nuôi nấng và dạy dỗ con cái không biết mệt mỏi. Tướng Giới Thạch trong một bài văn "*Lời cảm ơn sinh nhật lần thứ 50 vì phụng sự quốc gia và nhớ về người thân*", hồi tưởng về mẫu thân của mình rằng: "*Bà ấy yêu thương Trung Chính rất đậm sâu, như cưng nựng một em bé, khi dạy dỗ thì rất nghiêm khắc, như một người thầy nghiêm cần vậy. Khi ra vào nhà thì kiểm tra những thứ con mang theo, đi chơi ở đâu đều phải báo cáo rõ ràng, khi đọc sách thì tổng kết bài học thu được từ trong sách, ngoài ra còn dạy các phép tắc lễ nghi trong đối đáp, dạy quét dọn, cho đến dạy các đạo lý về chịu thương chịu khó tự lực cánh sinh, giám sát, đôn đốc, vỗ về người làm việc, giúp đỡ không biết mệt mỏi các hoàn cảnh cơ nhỡ trẻ mồ côi nơi sở tại*".

Mẹ Ông luôn khuyến khích con học tập, dạy Tướng Giới Thạch các lễ tiết ứng xử với người khác và yêu cầu cậu chia sẻ việc nhà với người hầu và nuôi dưỡng chí hướng tự chủ chính mình. Những lời nói và việc làm của mẹ Ông đã đặt nền móng vững chắc cho cuộc đời và sự nghiệp sau này của Tướng Giới Thạch.

Vào mùa hè năm 1907, Tướng Giới Thạch được nhận vào Học viện Lục quân cấp tốc toàn quốc của trường Bảo Định. Có lần một giảng viên sĩ quan người Nhật lấy một cục đất trong lớp học vệ sinh ra và nói:



Ảnh chụp khi Tưởng Giới Thạch du học tại Nhật Bản. (Ảnh wikipedia)

“Cục bần này có thể chứa được 400 triệu vi sinh vật, giống như Trung Quốc các bạn có 400 triệu người đang ký sinh ở đây”.

Tướng Giới Thạch tức giận không nhịn được, bèn bước lên bục giảng và bẻ một cục đất hỏi ngược lại vị giáo viên kia: *“Nhật Bản có dân số là 50 triệu người, phải chăng cũng giống như vi sinh vật ký sinh ở trong cục đất này như ông nói”?* Viên sĩ quan giảng viên cục kỳ tức giận và lấp bắp hỏi rằng liệu Tướng có phải là một thành viên của đảng cách mạng hay không? Ban giám hiệu trường đã bảo vệ Tướng Giới Thạch khỏi sự trả thù vô lý từ người giáo viên kia. Chàng trai trẻ Tướng Giới Thạch đã nhìn thấy sự khinh thường Trung Quốc bởi một số người dân tộc Đại Hòa (Nhật Bản) và tính cách dám nói dám làm của Ông dần được biểu lộ. Không lâu sau đó, Tướng Giới Thạch được chọn đi học trường sĩ quan dự bị tại Nhật Bản.

Tuổi trẻ anh hùng, đảm lược hơn người

Tướng Giới Thạch – một người trẻ tuổi đầy nhiệt huyết, bụng đầy Thi, Thư, tính cách kiên nhẫn, can đảm hơn người và tràn đầy hùng tâm tráng chí. Trong thời gian ở Nhật Bản, Ông đã viết nên một bài thơ có tựa *“Thuật chí”*:

*“Đằng đằng sát khí mãn toàn cầu
Lực bất như nhân vạn sự hưu
Quang ngã thần châu hoàn ngã trách
Đông lai chí khởi tại phong hầu”.*

Tạm dịch:

*Đằng đẳng sát khí khắp toàn cầu
Sức không bằng người chẳng thành đầu
Khôi phục Thần Châu là chức trách
Chí lớn chẳng mong được phong hầu.*

Ngày từ năm 1905, Tưởng Giới Thạch nghe ông Cố Thanh Liêm ở Học viện Tiển Kim Ninh Ba kể về sự tích Tôn Trung Sơn gặp nguy khốn tại Luân Đôn, đột nhiên cảm phục Tôn Trung Sơn và thấy căm ghét kẻ thù. Năm 1908, Tưởng Giới Thạch đang du học ở Nhật Bản, được Trần Kỳ Mỹ giới thiệu và gia nhập Đồng Minh hội. Năm sau đó Tưởng Giới Thạch lần đầu tiên gặp Tôn Trung Sơn. Chàng sinh viên học viện quân sự trẻ tuổi này đã để lại ấn tượng rất tốt với Tôn Trung Sơn. Tôn Trung Sơn nói với Trần Kỳ Mỹ rằng người này sẽ trở thành trung kiên của cuộc cách mạng và phong trào cách mạng của chúng ta cần một người như vậy.

Ngày 10 tháng 10 năm 1911, cuộc khởi nghĩa Vũ Xương nổ ra, đây là cuộc khởi nghĩa đầu tiên trong Cách mạng Tân Hợi. Ngày 23 tháng 10, Tưởng Giới Thạch thôi học, sau đó Ông trở về Thượng Hải làm chỉ huy “Đội cảm tử tiên phong”, dưới sự chỉ huy của 5 đội cảm tử, đến Hàng Châu tấn công phủ Thống đốc Chiết Giang. Đây là lần đầu tiên Tưởng Giới Thạch chiến đấu với quân chính phủ nhà Thanh bằng kiếm và súng thật, sống chết khó đoán trước, cho nên Ông đã viết “Quyết biệt thư” từ biệt gia đình của mình, biểu thị rằng: “nguyện hy sinh cho cách mạng”. Người nhà thấy vậy hoảng hốt. Nhưng mẹ của Tưởng Giới Thạch hiểu được đại nghĩa của con mình, nghiêm mặt nói: “*Nam nhi báo quốc, tử tặc tử nhĩ, hà túc vi lự*”. Ý rằng: Thân



Trương Giới Thạch năm 1912. (Ảnh wikipedia)

nam nhi vì báo đáp quốc gia, sống chết có sá gì, hà tất phải lo lắng.

Đêm ngày 4 tháng 11, nghĩa quân chiếm được nha môn tuần phủ và bắt sống Tuần phủ Chiết Giang Tăng Tích. Vào ngày mùng 5, tất cả quân nổi dậy bao vây trại quân địch và buộc tướng Đức Tế ở Hàng Châu phải đầu

hàng. Toàn bộ thành phố Hàng Châu được khôi phục trong vòng một ngày.

Bốn ngày sau, “Nhật báo Dân Lập” Thượng Hải đăng một bài báo “hình ảnh hùng tráng lẫn liệt của các đội cảm tử ở Chiết Giang”, trong đó ghi lại quá trình chiến đấu: *“Việc thành lập quân Cách mạng Chiết Giang dựa trên các đội cảm tử, sau đó dựa trên các đội quân đó mà gọi thêm các tên mới, biên chế của đội quân cảm tử tổng phân thành 5 đội do Tướng Giới Thạch làm chỉ huy; đội thứ nhất và thứ hai do đội trưởng Trương Bá Kỳ chỉ huy, đội thứ ba do đội trưởng Đồng Mộng Giao chỉ huy, một tiểu đội gồm 15 người, mỗi đội có 10 người sử dụng súng ngắn và 5 người sử dụng lựu đạn. Đội thứ 4 do đội trưởng Vương Kim Phát chỉ huy tấn công vào cục quân trang, đội thứ 5 được phân bố đến dưới cổng Kỳ thành, mỗi cổng đều có 5 người quân, họ ra vào trong mưa đạn, không chút sợ hãi. Các tướng tá trực tiếp dưới quyền Ông, ai nấy đều vô cùng cảm phục”.*

Sau khi trận chiến kết thúc nhanh chóng, Tướng Giới Thạch trở về Thượng Hải và được Trần Kỳ Mỹ bổ nhiệm làm Phó tư lệnh Sư đoàn 1 Thượng Hải kiêm chỉ huy trung đoàn đầu tiên chuẩn bị cho cuộc Bắc phạt. Chàng trai hai mươi bốn tuổi Tướng Giới Thạch không ngờ rằng mình sớm đã tham gia vào một sự kiện kinh tâm động phách như thế này và Ông ấy phải đưa ra một lựa chọn quyết định để hoàn thành một cuộc mạo hiểm lịch sử.

Phần 3: Vì đại nghĩa diệt phản loạn

Sáng sớm ngày 14/01/1912, các bệnh nhân trong bệnh viện Quảng Từ của Tô Giới Pháp ở Thượng Hải nghe thấy tiếng súng vang lên. Một người đàn ông 34 tuổi bị bắn nhiều phát và tử vong. Đó là Đào Thành Chương, vốn là phó chủ tịch của Quang Phục Hội và là một “lão làng cách mạng” nổi tiếng.

Vậy ai đã ám sát Đào Thành Chương? Vì có gì? Thời gian trôi qua, sự thật dần dần hé mở... Ngược thời gian trở lại năm Quang Tự thứ 20 của triều đại nhà Thanh, tức là vào năm 1894, hải quân Bắc Dương bị ảnh hưởng nặng nề trong cuộc chiến tranh Giáp Ngọ (chiến tranh Trung Nhật 1894 – 1895) và hoàn toàn thất bại, nhà Thanh mất mặt trước những thách thức của quân Nhật. Cuối tháng 11, Tôn Trung Sơn thành lập đoàn thể phản Thanh đầu tiên, tức Hưng Trung hội ở Honolulu. Năm 1903, Hoàng Hưng, Tống Giáo Nhân và những người khác thành lập Hoa Hưng hội ở Trường Sa. Năm sau, Đào Thành Chương, Thái Nguyên Bồi và những người khác thành lập Quang Phục hội ở Thượng Hải, với Thái Nguyên Bồi đảm nhận chức vị hội trưởng và Đào Thành Chương là người lãnh đạo trên thực tế.

Năm 1905 tại Nhật Bản, Tôn Trung Sơn đã liên hiệp Hưng Trung hội, Hoa Hưng hội và Quang Phục hội cùng các tổ chức phản Thanh khác để thành lập Trung Quốc Đồng Minh hội. Tôn Trung Sơn giữ chức vụ thủ tướng và Hoàng Hưng làm tổng vụ. Tôn và Hoàng trở thành những nhà lãnh tụ phản Thanh được công nhận. Sau khi hợp nhất, lực lượng của các tổ chức phản Thanh

dần dần lớn mạnh. Hưởng ứng lời kêu gọi của Tôn Trung Sơn, các Hoa kiều đã hào phóng quyên góp tiền của, thành lập lực lượng vũ trang và ra sức góp tiền góp sức nhằm chấn hưng Trung Hoa. Nhưng cũng cùng lúc đó, mâu thuẫn bắt đầu xuất hiện giữa các phe phái trong những tổ chức phản Thanh.

Năm 1907, Đào Thành Chương của Quang Phục hội gặp trở ngại trong việc gây quỹ ở nước ngoài, ông đã đến Nam Dương để xin Tôn Trung Sơn kinh phí nhưng không đạt được mục đích. Ông ta bắt đầu ra tay đá đảo Tôn Trung Sơn và đưa ra bản *"Tôn Văn tội trạng"*, liệt kê mười hai *"tội trạng"*, yêu cầu *"khai trừ danh nghĩa Thủ tướng của Tôn Văn và bố cáo khắp trong và ngoài nước"*. Đào Thành Chương, Chương Thái Viêm (Bình Lân) và những người khác rút khỏi Đồng Minh hội và tiếp tục hoạt động dưới danh nghĩa Quang Phục hội, khiến nội bộ đoàn thể phản Thanh chia rẽ. Trong bức thư gửi Ngô Trĩ Huy vào năm 1909, Tôn Trung Sơn viết: *"Đào Thành Chương nghe theo vợ, tị nạnh kể công, tranh đoạt danh lợi và xúi giục người khác giết tôi"*. Các hoạt động của Đào Thành Chương đã đe dọa sự an toàn cá nhân của Tôn Trung Sơn.

Năm 1909, Đào Thành Chương cùng đồng đảng một lần nữa phát động làn sóng lật đổ Tôn Trung Sơn, đăng bài văn *"Hãy xem bản tội trạng của Tôn Văn do Chương Bính Lân viết"* trên Nhật báo Nam Dương. Đồng thời, Đào Thành Chương cũng tuyên truyền rằng *"Quang Phục hội là khởi nguyên của Đồng Minh hội"* và muốn lập Quang Phục làm tổ chức chính thống, hạ thấp địa vị lịch sử của Trung Hưng hội và Hoa Hưng hội và tranh giành quyền lãnh đạo với Đồng Minh hội – (theo

Bành Kiếm, *“Một cuộc thăm dò mới về phong trào đả đảo Tôn Trung Sơn lần thứ hai”*, 2006).

Trong bức thư gửi Tôn Trung Sơn, Hoàng Hưng đã tố cáo Đào Thành Chương là: *“Ông ta lòng đầy hiểm ác, rất đáng hận”*, *“Nói ông ta là chó của Hạ Kiệt cắn vua Nghiêu cũng không oan”*, *“Ông ta là một kẻ thần kinh. Một kẻ điên nói trong lúc mê ngủ tự đã không thể tin, hơn nữa những người có hiểu biết cũng đã quở trách ông ta đến nỗi không còn chữa đường lui nữa”*. Bậc nguyên lão của cách mạng Tân Hợi là Mã Quân Vũ tỏ ra khá phẫn nộ trước hành động của Đào, nói rằng: *“Hắn ta chắc hẳn có bộ não dị dạng, nên vào bệnh viện tâm thần thì đúng hơn”*. Trần Kỳ Mỹ (Anh Sỹ) từng khuyên Tưởng Giới Thạch phải cẩn thận với Đào Thành Chương: *“Anh Sỹ nói với tôi: Đào Thành Chương chỉ vì chút kinh phí nhỏ nhoi mà không màng đến đại cục, khuấy đảo nội bộ trong đảng, quả là đáng tiếc, khuyên tôi không nên quan tâm hắn làm gì, cũng không nên dao động vì hắn, để tránh gây ra tranh chấp”* — (Trích *“Trung Chính tự thuật sự lược”*).

Sau cuộc khởi nghĩa Vũ Xương, Trần Kỳ Mỹ lãnh đạo Đồng Minh hội và liên lạc với Lý Tiếp Hòa của Quang Phục hội để phát động cuộc khởi nghĩa ở Thượng Hải vào ngày 03/11/1909 và đã giành chiến thắng vào ngày hôm sau. Ngày 08/11/1909, Trần Kỳ Mỹ được bầu làm thống đốc của quân Thượng Hải. Quang Phục hội không phục, một số thậm chí còn đưa ra ý kiến bắt giữ Trần Kỳ Mỹ vì tội *“vi phạm quân lệnh và soán đoạt danh nghĩa”*, nhưng Lý Tiếp Hòa đã phủ quyết. Quang Phục hội đã thành lập một chi nhánh quân sự và chính trị ở Ngô Tùng, ngoại ô Thượng Hải. Lý Tiếp Hòa tự

phong mình làm đô đốc, rõ ràng đang chia phe để đối kháng lại Trần Kỳ Mỹ, điều này khiến người ta phải kinh ngạc. Hơn nữa, Đào Thành Chương còn thành lập “*phòng gây quỹ hỗ trợ huấn luyện binh lính nghĩa quân Quang Phục Chiết Giang – Thượng Hải*” ở Ngô Tùng và công khai chiêu binh mãi mã, thành lập một tổ chức riêng biệt. Hành động phạm vào việc đại kỵ như vậy thì ngay cả Chương Thái Viêm cũng cảm thấy thật quá đáng và cảnh cáo Đào: “*Quân Giang Nam thế thì hồng rồi, những binh lính được tuyển mộ đều là vô danh. Đại trượng phu nên có tầm nhìn xa, không nên tranh giành những quyền lực nhỏ nhoi*”. Nhưng Đào không chịu nghe và nhất quyết tấn công Trần Kỳ Mỹ, gây ra một cuộc chiến đẫm máu.

Biết tin, Tướng Giới Thạch rất nóng lòng tìm gặp Lã Công Vọng, tham mưu của quân đội Chiết Giang, hy vọng rằng người bạn học cũ ở Học viện Quân sự Bảo Định này sẽ ra tay giúp ngăn chặn Đào Thành Chương. Lã Công Vọng viết trong hồi ký của mình: “*Sáng sớm ngày 19 (tháng 09 âm lịch tức ngày 09/11/1909 dương lịch), Tướng Giới Thạch vội đến và nói: Đào Hoán Khanh (Thành Chương), Lý Chấp Trung (Tiếp Hòa) và những người khác tổ chức đội tiên phong Trương Bá Kỳ và đưa họ đến Thượng Hải để đánh Trần Anh Sỹ. Nhờ tôi (Lã) khuyên giải, nếu không, ở hậu phương có các phần tử làm loạn thì ở tiền phương làm sao tiến đánh Nam Kinh được đây?*”. Lã Công Vọng phát hoảng, vội vàng đến Thượng Hải để chất vấn Đào: “*Hồng Tú Toàn và Dương Tú Thanh không thành công là do tàn sát lẫn nhau, chúng ta chỉ mới bắt đầu, Nam Kinh vẫn chưa chiếm được, các người đã muốn tàn sát lẫn nhau rồi.*



Tôn Trung Sơn – tổng thống lâm thời đầu tiên của Trung Hoa Dân Quốc. (Ảnh wikipedia)

Chúng ta rốt cuộc làm cách mạng gì đây? Tôi khuyên các ông nên nhìn xa hơn. Bây giờ các ông phải thật lòng trả lời cho tôi, để tôi có thể quyết định, nếu không, tôi sẽ không cùng tiến đánh Nam Kinh nữa”. Đào Thành Chương đành nói: “Được, tôi sẽ không đánh Trần Kỳ Mỹ nữa. Chúng ta hãy đến Ngô Tùng chiếm một địa bàn nhỏ, tổ chức đội ngũ” — (theo “Bút ký của Lã Công Vọng”). Lã Công Vọng và Trương Bá Kỳ đều là thành viên của Quang Phục hội. Trong chiến dịch Quang Phục Hàng Châu vừa kết thúc, Trương là đội trưởng đội cảm tử dưới quyền Tưởng Giới Thạch.

Vào ngày 02/12, sau khi khôi phục được Nam Kinh, Đồng Minh hội cùng đồng ý bầu Hoàng Hưng đảm nhiệm chức vị đại nguyên soái và chủ trì chính phủ cách mạng trước khi Tôn Trung Sơn trở về Trung Quốc. Còn Quang Phục hội thì không có được người giống như thế, vậy mà lại đề cử Lê Nguyên Hồng làm đại nguyên soái. Đào Thành Chương và đồng bọn gọi Hoàng Hưng là “*bại tướng Hán Dương*” và ca ngợi Lê Nguyên Hồng là “*cha đẻ của cuộc khởi nghĩa*”. Cho đến thời điểm đó, sự chia rẽ giữa Đồng Minh hội và Quang Phục hội là rất rõ ràng.

Vài ngày sau khi Tôn Trung Sơn nhậm chức đại tổng thống lâm thời, Đào Thành Chương đã viết thư cho Tôn Trung Sơn, nhắc lại câu chuyện cũ “*gây quỹ ở Nam Dương*”, chỉ trích Tôn Trung Sơn được bầu làm đại tổng thống là nhờ “*lừa dối*”. Tôn Trung Sơn hồi đáp, chất vấn Đào về lý do ban bố “*Bản tội trạng của Tôn Văn*” và nói: “*Tôi không lấy tư cách và địa vị đại tổng thống để giao thiệp với ông mà là đứng trên tư cách cá*

nhân để giao thiệp với ông”. Đó hoàn toàn là phong độ của một bậc quân tử, không tầm thường như Đào.

Đào Thành Chương thậm chí còn ra mặt cổ động Tưởng Giới Thạch. Theo hồi ức của Tưởng Giới Thạch: *“Đào đích thân đến vận động tôi chống lại Đồng Minh hội và tiến cử Chương Bính Lân làm lãnh đạo, đồng thời muốn dồn Anh Sỹ đến chỗ chết. Nghe xong tôi vô cùng kinh hãi và phần nộ trước sự điên rồ của Đào, rằng Đào đã vô phương cứu chữa, nếu không diệt trừ y thì khó bảo toàn được tinh thần của cách mạng và bảo toàn đại cục lúc đó. Có lẽ Đào đã chỉ định sát thủ để mưu sát Anh Sỹ, nếu kế hoạch của ông ta thành công, quân Thượng Hải sẽ vô chủ và hạ lưu sông Trường Giang sẽ bị nhiễu loạn không biết ra sao”* — (Trích *“Trung Chính tự thuật sự lược”*). Nếu ngày nay chúng ta tự đặt mình vào hoàn cảnh đó, thì không khó để nhận ra tình hình hiểm ác lúc bấy giờ, nội bộ đảng cách mạng đã đấu đá đến mức một mất một còn. Trong khi Dân Quốc những năm đầu nằm trong tình trạng bốn bề nguy khốn thì kẻ có khuynh hướng bạo lực như Đào Thành Chương giống như quả bom hẹn giờ, sớm muộn cũng dẫn đến địa chấn chính trị.

Vào tháng 12/1911, Trần Kỳ Mỹ ủy thác cho Lã Công Vọng chuyển lời đến Đào Thành Chương rằng: *“Đừng thêm nhiều chuyện, hãy lấy Đào Tuấn Bảo làm gương”*. Đào Tuấn Bảo vốn là một sỹ quan của quân đội thị trấn, bị Trần Kỳ Mỹ bắn vào ngày 13/12/1911 vì tình nghi phá hoại nguồn cung cấp đạn dược của liên quân dẫn đến thất bại của quân đội. Đào Thành Chương lo lắng, sợ trách tội nên đã trốn trong vùng tô giới của Pháp.

Ngày 14/01/1912, Tưởng Giới Thạch hợp tác với cựu thành viên của Quang Phục hội là Vương Trúc Khanh để thanh trừ Đào Thành Chương tại bệnh viện Quảng Từ ở khu Tô giới Thượng Hải của Pháp.

Về vụ việc này, Tưởng Giới Thạch nói: *“Vì vậy tôi tự nhận hết tội về mình và không muốn liên lụy gì đến Anh Sĩ, nên đã từ chức rồi Đông du để giảm bớt các cuộc công kích vào đảng cách mạng và Anh Sĩ”* — (theo *“Trung Chính tự thuật sự lược”*). Điều này xác thực rõ việc tiêu diệt Đào là kế hoạch hành động của riêng Ông và không liên quan đến người khác. Trước khi sự việc diễn ra, Trần Kỳ Mỹ và Tôn Trung Sơn đều không hay biết. Tưởng Giới Thạch biết rằng việc Trần Kỳ Mỹ bắt Đào Tuấn Bảo đã gây ra sự bất mãn mạnh mẽ của Quang Phục hội. Nếu sử dụng cùng một phương pháp để đối phó Đào Thành Chương thì có thể sẽ dẫn đến một cuộc chiến giữa hai đảng. Ông quyết định hành động mạo hiểm để trừ hại cho quốc gia, sau đó Ông từ chức và đến Nhật Bản. Người đời sau suy đoán rằng Trần Kỳ Mỹ đã cử Tưởng Giới Thạch đi ám sát, thậm chí nói đó là chỉ ý của Tôn Trung Sơn, tất cả đều là võ đoán và không có bằng chứng xác thực.

Trong Nhật ký Tưởng Giới Thạch, ngày 26/07/1943 viết: *“Đọc lá thư của Thủ tướng gửi cho tiên sinh Ngô Trĩ Huy, tôi càng thêm phần nộ và cho rằng tội của Đào Thành Chương là không thể dung thứ. Việc tôi diệt trừ Đào là vì đại nghĩa đối với đảng chúng ta và với cách mạng. Do một mình cá nhân tôi nhận trách nhiệm, một chút cũng không kể công, cũng không cần ai hiểu cho. Tuy nhiên, thủ tướng cuối cùng đã tin tưởng vào tôi và những người ủng hộ tôi, cũng không phải bắt đầu tin tôi*

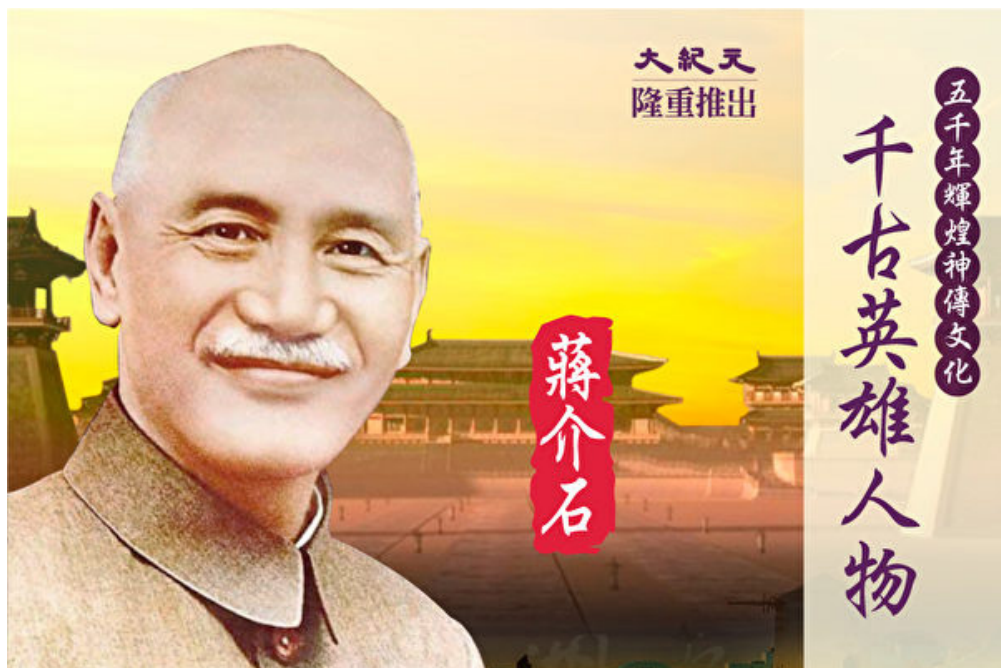
từ sự việc này, nhưng tôi chưa bao giờ đề cập đến việc này với thủ tướng”.

Nhà Thanh vẫn chưa kết thúc, quân đội Nam Bắc đối đầu, Thượng Hải, Chiết Giang sau thời Quang Phục vẫn trong tình trạng chiến tranh. Đào Thành Chương và đồng bọn đã khiêu chiến Tôn Trung Sơn, Hoàng Hưng và Trần Kỳ Mỹ khiến cho lãnh tụ của Đồng Minh hội đối mặt với cuộc đấu tranh một mất một còn... Lúc này, Tưởng Giới Thạch đã hành động quyết đoán và loại bỏ được nguy cơ tiềm ẩn cho đảng cách mạng. Cái chết của Đào Thành Chương giúp Đồng Minh hội và thậm chí cả Quang Phục hội tránh được trận đổ máu trong nội bộ quân cách mạng. Sau khi Đào Thành Chương chết, Quang Phục hội cũng nhanh chóng giải thể. Đồng Minh hội và Quốc Dân đảng sau này dưới sự lãnh đạo của Tôn Trung Sơn dần dần đóng vai trò chủ đạo trong Cách mạng Quốc Dân, cũng từ đó một vở kịch lớn của lịch sử sắp khai màn.

Phần 4: Tiếp bước theo con đường Quốc phụ

Năm 1912, Tưởng Giới Thạch qua Nhật lánh họa và sáng lập nên tạp chí “Quân Thanh”. Ông viết sáu bài luận, đưa ra những kiến giải độc đáo về các vấn đề quân sự, chính trị, kinh tế, lãnh thổ và ngoại giao ở Trung Quốc và thế giới.

Ông dự đoán: “Sau thế kỷ XX, bờ biển Thái Bình Dương sẽ trở thành lĩnh vực mà tất cả các quốc gia cùng cạnh tranh”, “Tiêu điểm của cuộc cạnh tranh giữa các quốc gia là vùng đất Trung Hoa chúng ta”. Ông cũng



Nhân vật thiên cổ anh hùng Tưởng Giới Thạch (The Epochtimes)

chỉ ra rằng, triều đình Mãn Thanh vô năng nên “các nơi quan ải hiểm yếu đều bị người ta chiếm giữ, việc nghị đàm cắt đất, bồi thường tiền để cầu hòa đã trở thành chuyện thường tình... Tướng soái thì vô năng, anh hùng thì nhụt chí. Từ thời Hoàng Đế đến nay, con cháu hậu duệ của nền văn minh hơn 4000 năm đều đã biến thành nô lệ cho bè lũ tóc vàng mắt xanh. Thật đau xót làm sao!” — *(Trích trong tập san Quân Thanh, 1912).*

Ông còn phân tích sự nguy hại của việc đô đốc các tỉnh ở Trung Quốc mỗi người nắm quyền quân sự và chính trị mỗi nơi, đồng thời chủ trương trung ương tập quyền và thống lĩnh quân đội: “Nếu đại tổng thống chính thức có tinh thần cách mạng cùng tư tưởng dân chủ, thì tôi nghĩ rằng người ấy sẽ lấy hoài bão của Washington và phương cách của Napoleon để kiến tạo mô hình nền cộng hòa Quốc dân”, “...mấu chốt của việc tập trung quyền lực, vấn đề thống nhất quân đội và chính phủ là cấp thiết. Nếu không, các vấn đề quân sự và chính trị sẽ hỗn loạn và không thể ngăn cản được, rồi việc tệ hại khó kiểm soát như tài chính, dân số, vật tư sẽ đi đến mức nào nữa”. — *(Trích “Vấn đề thống nhất quân sự và chính trị”, 1912).*

Tầm nhìn của Tướng Giới Thạch không chỉ giới hạn ở Trung Quốc. Trong bài “Chiến cuộc tại Balkan ảnh hưởng đến ngoại giao của Trung Quốc với các nước”, Ông đã phân tích chi tiết về tình hình phức tạp ở Bán đảo Balkan là khu vực giao thoa giữa Âu và Á, đồng thời liên tưởng về tham vọng của Sa hoàng Nga đối với Mông Cổ để cảnh báo người Trung Quốc. Trong bài “Giải pháp căn bản cho vấn đề Mông Cổ và Tây Tạng”, Ông đã đưa ra các biện pháp đối phó chi tiết chống lại mưu

đề của ba nước Nga, Anh và Nhật nhằm tách Mông Cổ, Tây Tạng và Mãn Châu, dốc sức đảm bảo toàn vẹn lãnh thổ. Những bài văn này cho thấy kiến thức uyên thâm, sự vĩ đại và tầm nhìn rộng lớn của Tưởng Giới Thạch. Và điều khiến người ta khó có thể tưởng tượng được là những tư duy đó lại đến từ một quân nhân 24 tuổi.

Mùa đông năm 1912, Tưởng Giới Thạch trở về Trung Quốc. Lúc này, chiếc ghế đại tổng thống lâm thời đã rơi vào tay Viên Thế Khải, chính phủ Dân Quốc cũng chuyển từ Nam Kinh đến Bắc Kinh. Vào tháng 3/1913, nhà lãnh đạo của Quốc Dân đảng là Tống Giáo Nhân bị ám sát, Tôn Trung Sơn đã phát động cuộc cách mạng lần thứ hai và vũ trang chống lại Viên Thế Khải. Tưởng Giới Thạch hưởng ứng theo Tôn Trung Sơn và tấn



*Tôn Trung Sơn, Quốc phụ của Trung Hoa Dân Quốc.
(Ảnh ET Tiếng Việt tổng hợp)*

công Cục Chế tạo Giang Nam ở Thượng Hải nhưng thất bại, sau đó Ông đến Nhật Bản. Vào tháng 1 năm sau, họ Viên đã giải tán Quốc hội và bãi bỏ “Hiến pháp lâm thời của Trung Hoa Dân Quốc”. Tháng 6/1914, Tưởng Giới Thạch gia nhập Trung Hoa cách mạng đảng do Tôn Trung Sơn thành lập tại Nhật Bản, Ông nhiều lần đi đi về về giữa Trung Quốc và Nhật Bản để lên sách lược phản công lại Viên Thế Khải. Từ năm 1914 đến năm 1915, Tưởng Giới Thạch đã đến Nhật Bản ba lần và thường xuyên gặp gỡ Tôn Trung Sơn.

Năm 1916 Viên Thế Khải không khôi phục được chế độ quân chủ mà đã qua đời, Lê Nguyên Hồng lên kế vị làm tổng thống, lúc đó “Hiến pháp lâm thời” và Quốc hội được khôi phục trong thời một gian ngắn. Năm 1917 sau nỗ lực khôi phục thêm bị thất bại, Đoàn Kỳ Thụy lên nắm quyền lại cho giải tán quốc hội và lại phế bỏ “Hiến pháp lâm thời” và liên hợp cùng Phùng Quốc Chương, Trương Tác Lâm khôi phục lại chế độ chuyên chế.

Năm 1917, Tôn Trung Sơn bảo vệ và duy hộ đối với “Hiến pháp lâm thời” rồi thành lập chính phủ quân sự ở Quảng Đông để bảo vệ Hiến pháp. Tôn Trung Sơn làm đại nguyên soái, vạch kế hoạch tác chiến để bảo vệ Hiến pháp, xây dựng quân đội lớn mạnh để bắc phạt. Đội quân bảo vệ Hiến pháp do quân đội Đường Kế Nghiêu (Vân Nam), Lục Vinh Đình (Quế Lâm) và Trần Quýnh Minh (Quảng Đông) thống lĩnh. Lúc đó Tưởng Giới Thạch đệ trình thư “Kế hoạch tác chiến với quân đội phương Bắc” cho Tôn Trung Sơn, trong đó phân tích chi tiết về thực lực của quân đội phương Bắc: “Quân đội dưới quyền quản lý của chính quyền

phương Bắc khoảng 300.000 quân trở lên, nhưng trên thực tế người có khả năng điều động quân của chính phủ là do thế lực của hai phe Phùng và Đoàn, nhưng tổng số các bên gộp lại cũng không quá 60.000 quân”, “Quân miền Bắc tuy đông, nhưng không dám liều mình vì nhà họ Đoàn”. Ông đề ra kế hoạch tác chiến: “Quân đội chúng ta sẽ lấy đôi bờ sông Trường Giang làm địa điểm tác chiến chính. Trước tiên chiếm Vũ Xương, sau đó bình định Nam Kinh, dồn lực đánh bại quân địch dọc theo sông Trường Giang, và sau đó mới tiến thẳng đến Bắc Kinh”. Kế hoạch của Tưởng Giới Thạch được Tôn Trung Sơn chấp thuận.

Tưởng Giới Thạch từng giữ nhiều chức vụ trong quân Quảng Đông, Ông đã bộc lộ tài năng quân sự kiệt xuất. Trần Quýnh Minh là người vô cùng quan trọng đối với Tưởng Giới Thạch, từng viết thư cho Tưởng Giới Thạch ca ngợi rằng: “Quân Quảng Đông có thể thua cả trăm trận nhưng quân ta không thể thiếu được huynh”. Người xưa thường nói: “Cây ở trong rừng mọc quá cao thì dễ bị gió quật gãy”. Tưởng Giới Thạch tài cao bát đẩu nên không tránh khỏi sự ghen tỵ của các cựu quân nhân Quảng Đông. Nhưng Tưởng Giới Thạch chưa bao giờ lưu luyến chức vị của mình, trong 6 năm ông đã từ chức hơn 12 lần, nhưng lần nào cũng nhanh chóng được gọi trở lại vị trí mới. Tưởng Giới Thạch dần trở thành trợ lý quân sự thân tín nhất của Tôn Trung Sơn. Năm 1920, trợ lý của Tôn Trung Sơn là Chu Chấp Tín tử vong trong chiến tranh, Tôn Trung Sơn gọi điện cho Tưởng Giới Thạch nói rằng: “Cái chết đột ngột của Chấp Tín khiến tôi như mất đi hai cánh tay. Theo tôi thấy, biết rõ việc quân trong đảng chúng ta và can đảm

hơn người thì hiện nay không mấy ai, duy chỉ một mình vị huynh đài đây là có thể so sánh được với Chấp Tín, hơn nữa liệu sự việc quân có khi còn vượt trội hơn ông ta”. Có thể thấy, Tôn Trung Sơn rất coi trọng tài năng quân sự của Tưởng Giới Thạch.

Vào năm 1921, mẹ của Tưởng Giới Thạch qua đời khiến bậc hiếu tử như Ông đau buồn thống thiết. Khi đó Tôn Trung Sơn đã vì Tưởng mà đích thân viết bài văn tế lễ: “Tôn Văn cháu đây đã quen biết với Giới Thạch lệnh lang, cùng nhau trải qua hiểm nguy, vào sinh ra tử, tình như thủ túc, thân thiết như huynh đệ ruột thịt, sớm tối cùng nhau như không thể xa rời”, “Nguyễn đem cả cuộc đời vì đại sự, tuy hiểm nguy khó lòng lường trước, thành hay bại cũng không biết được, nhưng có thể gìn giữ văn hóa tổ tiên bất biến thì cũng giống như sự thích ứng của sông nước, sự vững chãi của núi non”, “Quen gặp Giới Thạch cháu đã hiểu biết thêm sự thâm sâu, căn cơ của cậu ấy, biết rõ hơn về gốc rễ và tinh thần của sự tu dưỡng, quả thật xưa nay hiếm thấy”. Tôn Trung Sơn đã để tang mẹ Tưởng và ca ngợi Tưởng Giới Thạch bằng những lời chân tình, nêu bật sự tin cậy của Ông đối với vị tướng tâm phúc yêu quý này.

Ngày 16/6/1922, Trần Quýnh Minh, tư lệnh quân Quảng Đông của Đại tổng thống Tôn Trung Sơn đã phản bội, phát động binh biến và tấn công phủ Đại tổng thống. Tôn Trung Sơn buộc phải lên tàu Vĩnh Phong để tránh tai họa. Ngày 18, Tôn Trung Sơn gọi điện cho Tưởng Giới Thạch: “Việc gấp, tôi hy vọng cậu sẽ đến sớm”. Ngày 29, Tưởng Giới Thạch vội vã từ Chiết Giang trở về Quảng Châu và lên tàu Vĩnh Phong. Tôn Trung Sơn vui mừng khôn xiết: “Chỉ cần một mình Tưởng

quân ở đây thì còn hơn cả hai vạn viện binh”. Khi hay tin Tưởng Giới Thạch lên tàu Vĩnh Phong, Trần Quýnh Minh rất lo lắng, nói rằng Tưởng Giới Thạch ở bên cạnh ông Tôn, chắc sẽ nảy ra nhiều cao kế. Không quan tâm đến an nguy của cá nhân mình, Tưởng Giới Thạch đã ở bên nhà lãnh tụ 42 ngày, đảm bảo an toàn cho Tôn Trung Sơn và xoay chuyển cục diện nguy hiểm. Sau sự kiện đó, Tưởng Giới Thạch đã viết “Ký sự về Tôn đại tổng thống gặp nạn ở Quảng Châu”. Lời tựa của Tôn Trung Sơn: “Trước sự biến của nghịch tặc Trần Quýnh Minh, Giới Thạch trong nguy nan vội vã đến Quảng Đông, lên tàu Vĩnh Phong hộ vệ đêm ngày, đốc thúc các kế hoạch rất nhiều, vui buồn cùng các sĩ quan hải quân sống chết có nhau”. Sau những tháng ngày sát cánh



Tưởng Giới Thạch thời còn trẻ đã bộc lộ nhiều tài năng quân sự kiệt suất. (Ảnh ET Tiếng Việt tổng hợp)

cùng nhau, Tôn Trung Sơn đánh giá cao về phẩm hạnh con người Tưởng Giới Thạch.

Năm 1921, đại biểu của Liên Xô là Marie Sneevliet hỏi Tôn Trung Sơn ở Quế Lâm: “Cơ sở tư tưởng cách mạng của Ông là gì?” Tôn trả lời: “Trung Quốc có một con đường chính thống, Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Vũ, Chu Công và Khổng Tử đã tiếp nối nhau không dứt. Nền tảng tư tưởng của tôi chính là con đường chính thống này. Cuộc cách mạng của tôi là kế thừa tư tưởng chính thống này và phát dương quang đại hơn nữa”. Theo hồi ức Tưởng Giới Thạch có mặt lúc đó, Marie Sneevliet hỏi lại lần nữa, Tôn Trung Sơn vẫn trả lời y nguyên vậy. Tưởng Giới Thạch nói: “Thực ra, ý của Thủ tướng lúc đó là: Chủ nghĩa Tam dân lấy tư tưởng chính trị và tư tưởng lý luận (thiên hạ vi công) vốn có của đất nước chúng tôi làm nền tảng” — (*Trích “Bản chất và cơ sở triết học của chủ nghĩa Tam dân”*).

Thân mang trọng trách, gánh vác sứ mệnh làm nhân vật anh hùng do Sáng Thế Chủ an bài, Tưởng Giới Thạch đã tiếp nối sự nghiệp còn dang dở của Tôn Trung Sơn. Mục tiêu đấu tranh suốt đời của Ông là kế thừa con đường chính thống của Trung Hoa và thực hiện chủ nghĩa Tam dân. Trong mắt Tôn Trung Sơn, nhà cầm quân trẻ tuổi Tưởng Giới Thạch là người “dũng cảm, chân thành, hiểu biết”, đã hun đúc nên toàn bộ tố chất của một vị lãnh tụ dân tộc.

Phần 5: Trường quân sự Hoàng Phố

Thành lập trường quân sự

Tôn Trung Sơn xuất thân từ ngành y, nhưng các hoạt động chính trong suốt cuộc đời của Ông lại tập trung vào đấu tranh vũ trang. Từ khởi nghĩa Quảng Châu năm 1895 đến khởi nghĩa Hoàng Hoa Cương năm 1911, cả mười lần bạo động vũ trang đều do Ông lãnh đạo phát khởi từ Đồng Minh hội và Trung Hưng hội. Ảnh hưởng to lớn từ tư tưởng Tôn Văn và tổ chức bí mật Đồng Minh hội trong quân Thanh đã dẫn đến cuộc khởi nghĩa Vũ Xương, cuối cùng khiến triều đình Mãn Thanh bị lật đổ. Sau khi Tôn Trung Sơn được bầu làm đại tổng thống lâm thời, không chỉ Viên Thế Khải và các thủ hạ quân đội Bắc Dương mới của Viên luôn chực chờ như hổ đói, mà các đội quân khác cũng đang hùng cứ các nơi. Khi đó, Trung Hoa Dân Quốc vừa mới thành lập, Đại Tổng thống Tôn Trung Sơn nắm đảng cầm quyền nhưng trong tay lại không có quân đội, vậy nên Ông khó có thể thi triển được hùng tâm tráng chí của mình.

Tháng 9/1917, Tôn Trung Sơn đi về phía nam đến Quảng Châu, đảm nhiệm chức vị đại nguyên soái của chính phủ Trung Hoa Dân Quốc và tổ chức quân đội bảo vệ Hiến Pháp. Ông dùng “Kế hoạch tác chiến đối kháng lại quân đội phương Bắc” của Tưởng Giới Thạch để phát động cuộc chiến bảo vệ Hiến Pháp và thảo phạt Đoàn Kỳ Thụy, mấy tháng liền thường xuyên có tin

vui. Không ngoài dự liệu của quân chủ lực bảo vệ Hiến Pháp, các sứ quân của Đường Kế Nghiêu và Lục Vinh Đình vì lợi ích cá nhân đã tự ý cầu hòa với phương Bắc và âm mưu với các tướng lĩnh nhằm lũng đoạn quyền lực của đại nguyên soái. Bởi vậy nên vào tháng 5 năm sau, Tôn Trung Sơn tức giận từ chức đại nguyên soái, khi rời Quảng Đông đi Thượng Hải, Ông đã gọi điện chỉ rõ rằng: “Xem mối đại họa của nước ta, không gì lớn bằng những kẻ vũ trang tranh hùng. Miền Nam và miền Bắc như hai con cày hùng cứ cái gò riêng”.

Tháng 1/1921, hội nghị đại hội Quốc hội bất ngờ diễn ra tại Quảng Châu. Vào tháng 4, Tôn Trung Sơn được bầu làm tổng thống và Trần Quýnh Minh được bổ nhiệm làm tổng tư lệnh quân đội Quảng Đông, một lần nữa chuẩn bị cho cuộc Bắc phạt để thống nhất Trung Quốc. Vào ngày 16/6/1922, Trần Quýnh Minh trở mặt phản bội và ra lệnh bắn phá Phủ Đại Tổng thống, buộc Tôn Trung Sơn phải rời Quảng Châu. Sự kiện Trần Quýnh Minh một lần nữa nêu bật sự cần thiết phải thành lập quân đội quốc gia.

Đại hội đại biểu toàn quốc đầu tiên của Quốc Dân đảng được tổ chức vào tháng 1/1924 trùng hợp với cao trào liên minh với Nga. Cố vấn Liên Xô là Borodin cùng một số lãnh đạo ĐCSTQ đã tham gia vào hoạt động cấp cao của đại hội. Thấy Tưởng Giới Thạch vừa trở về sau chuyến thăm Liên Xô và không tán đồng với Liên Xô, Tôn Trung Sơn có ý không để Tưởng tham gia đại hội trừ bị, thay vào đó cử Tưởng làm chủ tịch ủy ban trừ bị của Học viện Quân sự Hoàng Phố để thành lập trường quân sự và lực lượng quân sự của riêng mình. Tưởng Giới Thạch từ chức và trở về quê vì không hài lòng với

việc các đảng viên ĐCSTQ “dựa vào Nga và tự trọng”, nhưng Tôn Trung Sơn vẫn cực lực giữ Ông lại. Tưởng Giới Thạch sau này nhớ lại:

“Quốc phụ gửi điện không ngừng thúc giục, rằng anh là đảng viên gánh vác trọng trách của cách mạng chúng ta, rằng phải phục tùng mệnh lệnh, kiên quyết không cho phép từ chức; đồng thời lại phái đồng chí Đới Quý Đào trở lại Phụng Hóa và chuyển lời hẹn ước của Ông cho phép tôi không nghe việc Đảng và chính phủ mà chỉ chuyên mở trường quân sự. Tôi trở về Quảng Châu tiếp nhận mệnh lệnh làm hiệu trưởng Học viện Quân sự” — (Tưởng Giới Thạch, *“Nước Nga Xô Viết ở Trung Quốc”*).

Sau sự cố tàu Vĩnh Phong hai năm trước đó, Tôn Trung Sơn đã tuyên bố rõ ràng rằng Ông không còn nhiều thời gian nữa và yêu cầu Tưởng Giới Thạch hãy chuẩn bị chiến đấu trong 50 năm. Trong bài văn kỷ niệm 100 năm sinh nhật của Quốc phụ, Tưởng Giới Thạch viết:

“Quốc Phụ đột nhiên nói: ‘Con tàu sẽ sớm được thay đổi và tôi biết rằng thời gian mình sống không quá 10 năm, nhưng anh còn ít nhất hơn 50 năm nữa, mong anh hãy phấn đấu vì Chủ nghĩa Tam Dân, vì tự tôn của cách mạng!’. Nghe xong lời dạy bảo, thành kính và không biết làm như thế nào để an ủi lòng cảm khái của người thầy, người cha, trong lòng tôi lo lắng rằng Trung Chính năm nay cũng ba mươi sáu tuổi. Quốc phụ nhắc lại: ‘Cuộc cách mạng của đảng ta đã gặp phải sự thay đổi lớn lao, tôi vẫn chưa bị bọn phản nghịch ám hại, sự việc về sau này nếu xảy ra bất trắc thì anh hãy vì chủ nghĩa (Tam Dân), tiếp tục phấn đấu 50 năm nữa, cũng không lâu lắm’”. Trời cao đã an bài để Tưởng Giới Thạch lèo lái

vận mệnh quốc gia sau Tôn Trung Sơn và chiến đấu thực hiện chủ nghĩa Tam Dân trong suốt 50 năm.

Tướng Giới Thạch và lãnh tụ đã vào sinh ra tử suốt 42 ngày trên tàu Vĩnh Phong, kể từ sự cố tàu Vĩnh Phong năm 1922 cho đến khi Tưởng Công mất vào năm 1975 là 53 năm. Với Tôn Trung Sơn, Tưởng Giới Thạch là một ứng cử viên tuyệt đối đáng tin cậy, vậy nên Ông đã cử Tưởng đến Liên Xô và sau đó là thành lập học viện quân sự, thực sự đã phó thác tương lai của Trung Quốc cho Ông.

Trước khi chính thức khai giảng Học viện Quân sự Hoàng Phố vào tháng 6/1924, Tưởng Giới Thạch đã gặp gỡ lứa học viên đầu tiên với tư cách là hiệu trưởng vào ngày 8/5, ông phát biểu:

“Chúng ta đang ở trong hoàn cảnh dân tộc suy bại, dân quyền bị tước đoạt, dân sinh điêu tàn, đục vọng tràn lan, đất nước rối ren, chính phủ bấp bênh, từ thủ tướng của đảng chúng ta cho đến các đồng chí trong Ban chấp hành Trung ương, đều gian nan vất vả và điều hành một ngôi trường quy mô lớn này. Đó là việc không dễ dàng gì”. Ông yêu cầu học sinh bắt đầu bằng cách cải cách chính mình: “Bởi vì nếu muốn cải cách cuộc sống của người khác, trước tiên bạn phải cải cách cuộc sống của chính mình. Nếu bạn không thể thay đổi gia đình của chính mình, bạn sao có thể thay đổi được người khác? Vậy có phương pháp nào để cải cách? Đó là tuân theo các nguyên tắc chân chính và đi đúng quỹ đạo”, “Nếu khi gặp tình hình trời đất đảo lộn, thì chúng ta phải đỉnh thiên lập địa mà duy trì chính khí trong trời đất này và cứu lấy bất hạnh của nhân loại” — (Tướng Giới Thạch,

“Cuộc đời sứ mệnh và cách mạng của trường Học viện Quân sự”, 1924).

Ông yêu cầu các học viên phải có tinh thần hy sinh bản thân mình: *“Bốn phận của quân nhân chúng ta chỉ có một chữ ‘tử’ trong chữ sinh tử mà thôi, mục đích của quân nhân chúng ta cũng chỉ có một chữ ‘tử’. Ngoài chữ ‘tử’ ra, ngược lại thì chính là tham sống sợ chết, nếu như tham sống mà sợ chết thì chẳng những không làm được một quân nhân mà còn là kẻ không có nhân cách, chẳng được coi là chân chính làm người”, “Vì vậy, người xưa nói: Có khi chết nặng tựa Thái Sơn, có khi chết nhẹ tựa lông hồng. Nếu chúng ta có chết thì hãy chết có giá trị như núi Thái Sơn, cái chết xứng đáng có giá trị của nó, chẳng hạn như chết vì chủ nghĩa Tam Dân để cứu nước cứu đảng, vậy thì tiếc gì cái chết đó đâu?”* — (Trường Giới Thạch, *“Cuộc đời sứ mệnh và cách mạng của trường Học viện Quân sự”, 1924).*

Học viện quân sự đã dán nhiều khẩu hiệu, trong đó vẽ trên của một câu đối liễn viết: *“Thăng quan phát tài thỉnh vãng tha xứ”* (thăng quan phát tài, vui lòng đi nơi khác” và câu dưới đối lại là: *“Tham sinh phạ tử vật nhập tư môn”* (tham sống sợ chết thì đừng vào trường học), qua đó đã khái quát tinh thần của Học viện Quân sự Hoàng Phố.

Thành đồng vách thép

Sau khi Học viện Quân sự Hoàng Phố được thành lập, hiệu trưởng Trường đích thân quản lý mọi thứ, từ thiết kế quân phục, chiêu mộ giảng viên, biên tập giáo trình giảng dạy, huấn luyện bắn súng, thậm chí cả vệ

sinh trường học và rèn luyện tác phong cho học viên. Trường quân sự kỳ đầu tiên có khoảng 500 sinh viên, hầu hết đều do chính Tưởng Giới Thạch chiêu sinh. Ông đã chế định “Danh mục sách đọc chọn lọc” cho sinh viên, bao gồm các tác phẩm kinh điển, như lịch sử các cuộc chiến tranh trong và ngoài Trung Quốc, văn tập về các anh hùng qua các triều đại và khoa học thời cận đại... Tổng cộng có bốn mươi hai thể loại, hàng trăm cuốn sách, bao gồm nhiều chủ đề.

Học viện Quân sự Hoàng Phố ban đầu dự kiến chương trình đào tạo 3 năm 1 khóa, bồi dưỡng nhân tài quân sự cấp cao. Tuy nhiên do tình hình cấp bách, lựa học viên đầu tiên nhập học vào ngày 5/5/1924 và tốt nghiệp vào ngày 8/11 cùng năm, thời gian chỉ có nửa năm. Có thể thấy sự đặc thù của điều kiện vào thời điểm đó. Theo hồi ức của Vương Bá Linh, những ngày đầu vào quân trường ai cũng nghĩ rằng một khóa học kéo dài ít nhất là một năm, nhưng Tưởng Giới Thạch khẳng định chỉ cần ba tháng và nói rằng nếu kéo dài thì Trung Quốc có thể bị diệt vong trong khoảng thời gian này. Nhưng sau khi tính toán bàn luận và quyết định, một khóa học có thời hạn sáu tháng – (Vương Bá Linh, *“Hồi ức về việc thành lập Học viện Quân sự Hoàng Phố”*).

Vào tháng 10, để dập tắt cuộc bạo loạn của thương đoàn Quảng Châu, Tôn Trung Sơn đã thành lập Ủy ban Cách mạng và cử sáu người trong đó có Tưởng Giới Thạch làm ủy viên đặc mệnh toàn quyền. Ngày 9/10, Tôn Trung Sơn viết thư cho Tưởng Giới Thạch: *“Tình hình hiện nay do người Hán và Cảnh Vệ duy trì bảo vệ, nếu không duy trì bảo vệ được nữa, một khi bên bờ sụp đổ thì hãy lấy dao sắc chặt tơ rối, thành công hay thất*

bại cũng không tính toán. Ngày nay ủy ban cách mạng dùng phương pháp này để chuẩn bị, nó không phù hợp với người Hán và Cảnh Vệ. Vì vậy, cần phải chia nhỏ cách làm, không nên làm qua loa cho có lệ” — (“*Thư gửi Tưởng Giới Thạch*”). Ngày 15, tổng chỉ huy quân sự Tưởng Giới Thạch đã dẫn quân đội sinh viên Hoàng Phố và quân đội chính phủ nhanh chóng bình định thế lực bạo loạn.

Vào ngày 13/11, Tôn Trung Sơn được Trương Tác Lâm, Đoàn Kỳ Thụy và Phùng Ngọc Tường mời đi lên phương Bắc để thảo luận về các vấn đề đất nước. Trước khi rời đi, Ông đi thị sát một vòng học viện quân sự và nói với Tưởng Giới Thạch: “*Nhìn các học viên của Học viện Quân sự Hoàng Phố... như vậy là có thể kế tục sinh mệnh của tôi và thực hành được chủ nghĩa Tam Dân của tôi rồi. Có đội quân sinh viên như các vị đây để có thể hoàn thành những chí nguyện còn dang dở của tôi, thì tôi có chết cũng được rồi*”. Sau đó, Quốc phụ đã ra đi không trở lại nữa, đó là lời di ngôn Tôn Trung Sơn lưu lại cho trường quân sự Hoàng Phố.

Vào ngày 1/2/1925, Tưởng Giới Thạch đích thân soái lĩnh quân đội gồm giảng viên và sinh viên của Học viện Quân sự Hoàng Phố cùng Lữ đoàn 2 và 7 của quân đội Quảng Đông đi thảo phạt Trần Quýnh Minh. Sau hai tháng giao tranh đẫm máu đã đánh đuổi quân phản loạn về Giang Tây. Tổng tư lệnh quân bắc phạt của cuộc cách mạng Tân Hợi năm 1911 là Diêu Vũ Bình từng nhớ lại rằng: Ông Tưởng có lòng can đảm hơn người, trong cuộc viễn chinh miền Đông, Ông ấy đã đeo lựu đạn đầy người, khi chỉ huy trên tiền tuyến thậm chí còn dẫn đầu quân xung phong.



Tướng Gióì Thạch năm 1933. (Ảnh Wikipedia)

Tướng Gióì Thạch yêu cầu sinh viên trường quân sự Hoàng Phố luôn sẵn sàng chiến đấu và hy sinh bất cứ lúc nào. Hơn một nửa trong số các sinh viên khóa thứ nhất của trường quân sự Hoàng Phố đã hy sinh trên chiến trường chỉ sau một năm. Tướng Gióì Thạch viết trong “Lời nói đầu cho các sinh viên khóa thứ nhất” vào năm 1925: *“Quân đội ta đã lấy 500 sinh viên trong khóa thứ nhất của trường cùng với đoàn giáo viên là 3000 đồng chí cùng ta chinh chiến, 1/3 trong số đó đã bị thương vong, nghĩ lại chuyện này cũng không khỏi buồn!”*.

Vào ngày 10/2, Tướng Gióì Thạch đã viết một bài thơ tứ tuyệt trên đường đông chinh, cảm giác bi phần tràn đầy trang giấy:

*Thân suất tam thiên đệ tử binh
Si hiệu vị tĩnh thử đông chinh
Gian nan cách mạng thành cô phần
Huy kiếm trường không thế lệ hoành.*

Dịch nghĩa:

*Đích thân ta soái lĩnh ba nghìn quân sinh viên,
Bọn phản loạn chưa bình định xong nên phải
đông chinh*

*Cuộc cách mạng này gian nan khó khăn khiến thành
cô phần (sự phần nộ của con người cô độc),
Vung cao kiếm lên không trung gạt đôi hàng giọt lệ.*

Từ tháng 4 đến tháng 6, Tưởng Giới Thạch dẫn binh đánh bại phiến quân phản loạn quân Điền và quân Quế của Dương Hy Mẫn và Lưu Chấn Hoàn. Từ tháng 10 đến tháng 11, Tưởng Giới Thạch tiến hành cuộc Đông Chinh lần thứ hai và quét sạch hoàn toàn quân phản loạn của Trần Quýnh Minh, đạt được mục tiêu chiến lược của Quốc phủ là “chế định Quảng Đông”. Đội quân do Tưởng Giới Thạch chỉ huy được chính quyền và nhân dân “dựa vào như Vạn Lý Trường Thành”.

Bài xã luận “Dân Quốc Nhật báo” ở Quảng Châu nhận định: “Ông Tưởng Giới Thạch là vị thần áo giáp vàng của đảng cách mạng”, “Với kẻ thù mạnh thì (mọi người) nhờ cậy vào Ông mà tiêu diệt địch, khi kỷ luật quân đội suy thoái thì nhờ có Ông mà chấn chỉnh lại, còn với những phần tử bất lương phản cách mạng thì (mọi người) nhờ cậy vào Ông mà thanh trừ, trước những biến cố khôn lường thì (mọi người) đều dựa vào ông để trấn áp. Ông thực sự là một học trò đáng tin cậy và trung thực của Tôn Trung Sơn”...

Tổng Bí thư ĐCSTQ là Trần Độc Tú đã viết một bài báo trên tập san số ra hằng tuần “Hương Đạo”:

“Bây giờ ông Tưởng đã tạo ra một đội quân đảng hùng mạnh. Với lực lượng này mà tiến đánh quân phiệt thì tuyệt đối không bao giờ cần phiền hà đến người dân nữa. Bất kể thành công hay thất bại, chúng ta đã phế bỏ các phái quân phiệt nhỏ của Vân Nam, Quảng Tây và Quảng Đông, những kẻ đã quấy rối người dân Quảng Đông bằng cách khiến cho dân chúng mê vào đánh bạc, thuế má cắt cổ để thống nhất quân đội chính phủ và tài chính của Quảng Đông. Điều này không chỉ là công lao hiển hách khiến mọi người thán phục để thành lập Quốc Dân Đảng mà còn vì sự buồn tiếc lực bất tòng tâm khi còn tại thế của anh Trung Sơn”.

Tôn Trung Sơn chỉ ra rằng việc thực hiện chủ nghĩa Tam Dân phải trải qua ba bước: chính phủ quân chính, huấn luyện chính trị và chính phủ hợp hiến. Năm 1914, Ông ban hành hiến pháp chung của Đảng Cách mạng Trung Hoa, trong đó quy định:

“Đảng cách mạng tiến hành thực hiện trật tự và chia thành ba thời kỳ: (1) Thời kỳ quân chính: Thời kỳ này tích cực dùng vũ lực để quét sạch mọi trở ngại và đặt nền móng cho Trung Hoa Dân Quốc; (2) Thời kỳ huấn luyện chính trị: Thời kỳ này sử dụng các nguyên tắc pháp lý văn minh để nhân dân giám sát và xây dựng quyền tự chủ của địa phương; (3) Thời kỳ lập hiến: Sau khi hoàn thành quyền tự quản địa phương, công dân bầu ra đại diện, tổ chức ủy ban hiến pháp, lập hiến pháp và ngày hiến pháp được ban hành là lúc cách mạng thành công”.

Chưa đầy hai năm sau khi thành lập Học viện Quân sự Hoàng Phố, Tưởng Giới Thạch đã tạo ra một tổ chức

quân đội quốc gia chân chính và thực hiện bước quan trọng để hiện thực hóa “nền quân chính”. Trong các cuộc chiến tranh bên trong và bên ngoài sau này, binh lính của trường quân sự Hoàng Phố là con át chủ bài của quân đội quốc gia và tinh thần của quân đội Hoàng Phố chính là linh hồn của quân đội quốc gia. Tưởng Công đã thống lĩnh quân đội quốc gia, thảo phạt phương Bắc, dẹp loạn thổ phỉ, kháng chiến chống Nhật bảo vệ sự tôn nghiêm của quốc gia, bảo vệ dòng máu dân tộc. Ông xứng đáng là “Người cha của quân đội quốc gia”.

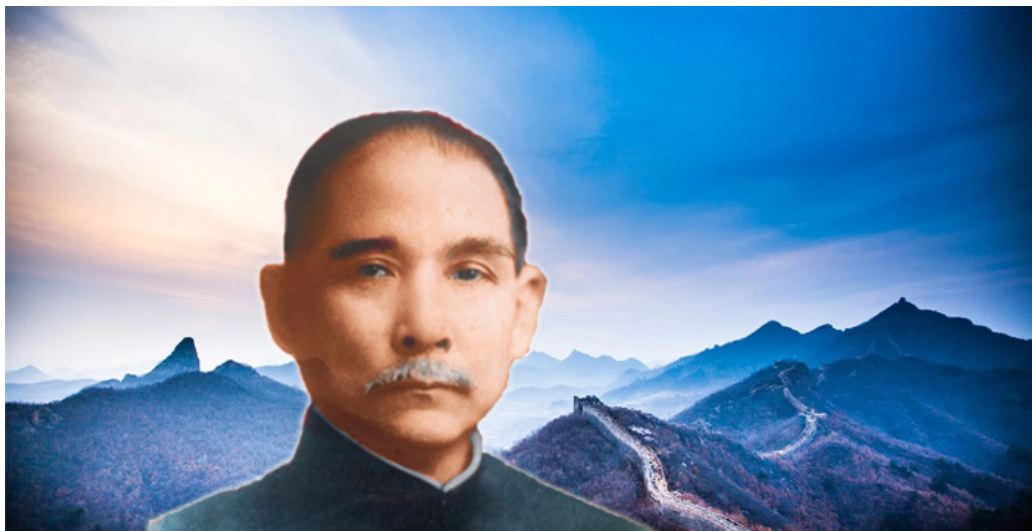
Năm 1939, tổng soái Nhật Bản Okamura Ningji đã nhận xét: *“Có vẻ như trung tâm của lực lượng chống Nhật của kẻ thù không phải là 400 triệu người Trung Quốc, cũng không phải là sự kết hợp của nhiều đội quân khác nhau thành 2 triệu quân mà trung tâm vẫn là do Tưởng Giới Thạch làm nòng cốt và các sĩ quan trẻ tuổi của Học viện Quân sự Hoàng Phố làm chủ lực, đồng thời trong các trận chiến trước đây không chỉ là động lực chính của các trận chiến mà còn giám sát đốc thúc việc quân lính mất ý chí chiến đấu và đang do dự không quyết đoán, khiến họ ổn định trên dưới một lòng. Vì vậy không được xem nhẹ uy lực của đội quân này, đây là sự giáo dục rất triệt để của quân đội của trường quân sự Hoàng Phố”, “Nếu đội quân này tồn tại, chúng ta muốn dùng phương pháp hòa bình để giải quyết các biến cố thì chẳng khác nào trò cây bắt cá”.*

Phần 6: Binh chinh thiên hạ

Phá vỡ các nhóm thế lực quân phiệt

Sau năm 1911, Tôn Trung Sơn phải đối mặt với hai vấn đề là tiêu diệt tàn dư của các thế lực quân phiệt và hoàn thành việc “thành lập Trung Hoa Dân Quốc, thực hiện quyền bình đẳng đất đai”. Từ năm 1917 đến năm 1924, Tôn Trung Sơn đã tiến hành ba cuộc thảo phạt phương Bắc nhưng không đạt được kết quả. Ông bèn yêu cầu Tưởng Giới Thạch thành lập học viện quân sự và kế thừa sứ mệnh còn dang dở của mình.

Ngày 12/3/1925, Tôn Trung Sơn qua đời tại Bắc Kinh. Sau này, Uông Tinh Vệ kế lại với Tưởng Giới



*Ngài Tôn Trung Sơn, vị Quốc phụ của Trung Hoa Dân Quốc.
(Ảnh Etviet tổng hợp)*

Thạch rằng: “Trước lúc lâm chung, Tôn tiên sinh đã gọi mấy lần ‘Giới Thạch, Giới Thạch...’”

Tướng Giới Thạch từng nói: “Lãnh tụ của chúng ta là Quốc phụ của Trung Hoa Dân Quốc”. Quốc phụ qua đời đúng vào lúc Tướng Giới Thạch đang ở tiền tuyến trong chiến dịch Đông chinh thảo phạt Trần Quýnh Minh. Nhận được tin buồn, Ông liền viết bài điệu “Thương tiếc sự ra đi của đại nguyên soái” rồi tức tốc trở về Quảng Châu để tổ chức lễ truy điệu. Điếu văn có đoạn: *“Hai mươi năm đi theo, ngày đêm nương tựa, một sớm ngài từ bỏ ra đi, đời còn gì vui nữa đâu? Nhớ từ khi đi theo phụng sự ngài đến nay, hoạn nạn thì nhiều mà vui vầy thì ít. Giữa những lần vào sinh ra tử, ngài cất lời bi ca khảng khái, than thở thê lương, bên nhau cả ngày, tình cảnh tâm truyền tâm này, ai có thể thành tri âm? Trong chiến dịch Hoàng Phố, thầy của tôi ví mình là Văn Thiên Tường của Trung Hoa Dân Quốc, coi Trung Chính là Lục Tú Phu. Năm ngoái, Ông rời đi phương Bắc, để học viện quân sự được thành lập, có người nối nghiệp, thực hành được chủ nghĩa Tam Dân, nói với Trung Chính là Ông dù có chết cũng không hối tiếc”.*

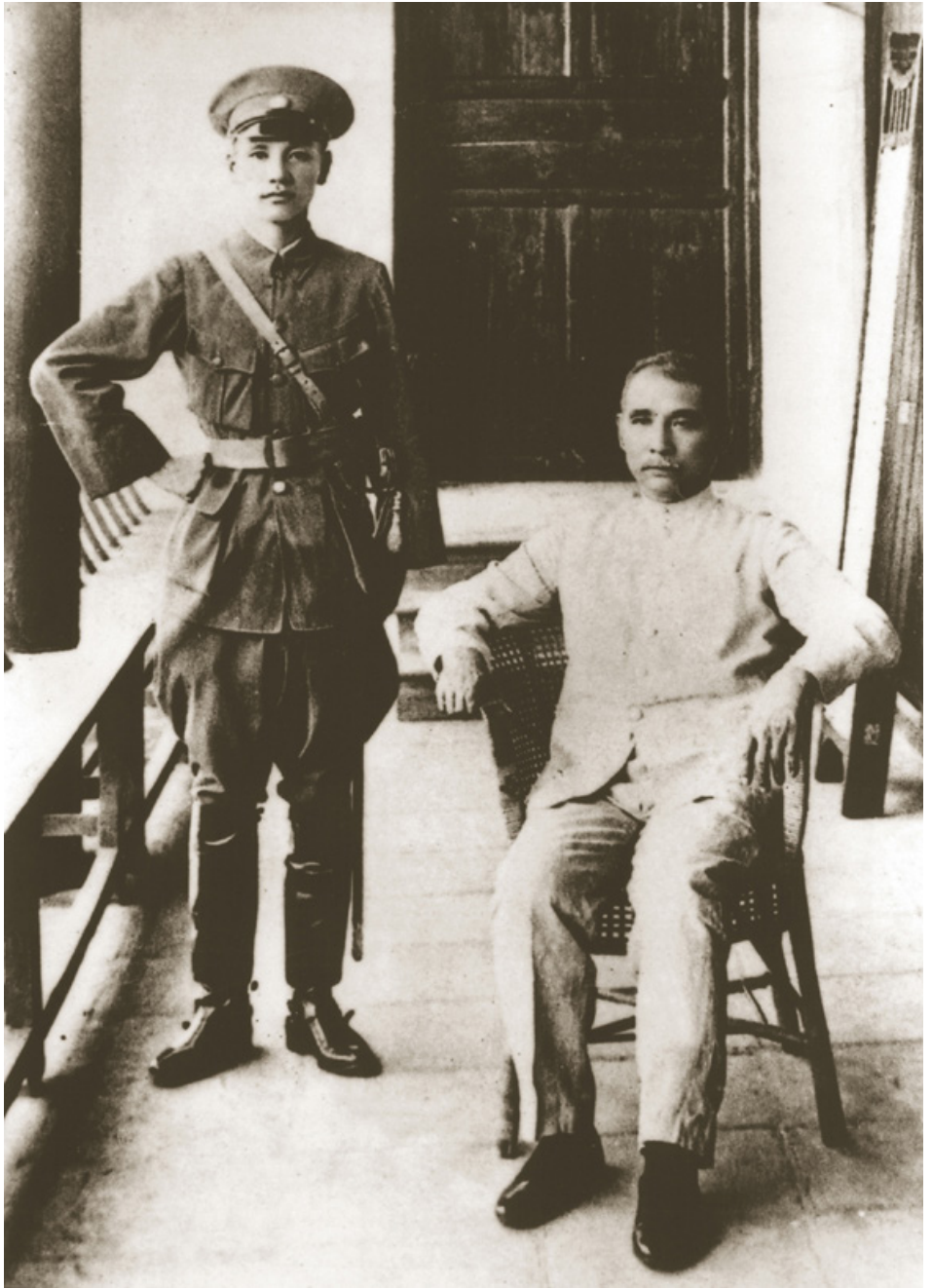
Vào thời điểm đó, ba thành viên lớn tuổi nhất trong Quốc Dân đảng là Ông Tinh Vệ, Hồ Hán Dân và Liêu Trọng Khải. Thế nhưng Bào La Đình lại nghiêm nhiên tự cho mình như là Thái thượng hoàng, hô mưa gọi gió. Tướng Giới Thạch nắm giữ quân đội và có kiến thức sâu rộng về chính trị, Ông giữ vai trò quan trọng nhưng không tranh giành quyền lực với người khác, duy trì quan hệ tốt với Bào, Vương, Hồ và Liêu. Vào tháng 7, Ông Tinh Vệ được bầu làm Chủ tịch Chính phủ Quốc gia và Quân ủy, còn Tướng trở thành thành viên Ủy

ban Thường vụ Quân ủy. Vào tháng 8, Liêu Trọng Khải bị ám sát. Bào La Đình đã gài bẫy Hồ Hán Dân và yêu cầu Hứa Sùng Trí xử bắn Hồ và đồng đảng, đe dọa “xử tử những người này trước, xác chết của họ sẽ là bằng chứng” — (*“Trởng Trung Chính cha của tôi”* – Tưởng Vĩ Quốc). Hồ trốn trong Học viện Quân sự Hoàng Phố và được Hiệu trưởng Tưởng bảo vệ trước khi bị buộc phải ra nước ngoài. Lúc này, Tưởng Giới Thạch chỉ còn cách đỉnh cao quyền lực một bước chân.

Năm 1925, chính phủ thành lập Quân đội Cách mạng Quốc Dân, bao gồm các sĩ quan và binh lính Hoàng Phố tổ hợp thành 5 đội quân, Tưởng Giới Thạch là chỉ huy của đội quân đầu tiên. Một năm sau, do thu nhận lực lượng của Hồ Nam, Vân Nam, Quảng Đông và Quảng Tây, quân đội Quốc Dân đã mở rộng thành tám đạo quân, Tưởng Giới Thạch được bổ nhiệm làm tổng tư lệnh.

Ngày 4/1/1926, Tưởng Giới Thạch lần đầu tiên có bài phát biểu trước công chúng tại yến tiệc của Chính phủ Quốc Dân ở Quảng Đông, chủ trương cuộc Bắc chinh. Ông nói: “Nếu đảng làm việc nỗ lực hơn trong năm nay thì có thể lật đổ các quân phiệt, giành lại Bắc Kinh và đón linh cữu của Thủ tướng đến núi Tử Kim Sơn Nam Kinh để an táng”.

Khi thời cơ đến thì trời đất sẽ cùng hợp sức, Tưởng Giới Thạch giương cao ngọn cờ viễn chinh phương Bắc và bắt đầu thống lĩnh quyền lực của chính quyền, chính phủ và quân đội. Ngày 16/4, Tưởng Giới Thạch thay Ông Tinh Vệ làm Chủ tịch Quân ủy quân Quốc Dân. Vào tháng 5, phiên họp toàn thể lần thứ hai của Đại hội Đại biểu Toàn quốc Quốc Dân đảng đã thông qua “Tổ



Tôn Trung Sơn và Tướng Giới Thạch chụp ảnh sau lễ khai giảng Trường quân sự Hoàng Phố năm 1924. (Ảnh wikipedia)

chức lại các vấn đề của Đảng” do Tưởng Giới Thạch và những người khác đề xuất nhằm hạn chế hoạt động của ĐCSTQ trong Quốc Dân đảng. Ngày 6/7, Tưởng được bầu làm Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Trung ương Quốc Dân đảng. Ngày 9/7, Ông được bổ nhiệm làm Tổng tư lệnh Quân đội Cách mạng Quốc Dân. Vì vậy, lực lượng của cách mạng phải được tập trung theo nguyên tắc Tam Dân và phải đánh đổ các sứ quân và đế quốc mà các sứ quân dựa vào để tồn tại — (“*Tổng tư lệnh Quân đội Cách mạng Quốc gia*”, 1926).

Sau cái chết của Viên Thế Khải vào năm 1916, quân đội giống như một đám quần long mất đầu, chia thành ba phe chính là Trục, Phụng và Hoàn, tranh giành tên gọi của chính phủ Bắc Dương. Trong mười năm, Đoàn Kỳ Thụy, Phùng Quốc Chương, Tào Côn, Trương Tác Lâm và những người khác đã lần lượt thay nhau vào Bắc Kinh.

Trước cuộc Bắc phạt, phái đoàn do Đoàn Kỳ Thụy đứng đầu đã trở thành lịch sử, các thế lực phương Bắc được chia thành ba: Ngô Bội Phu kiểm soát miền Trung, bao gồm vùng lưỡng Hồ; Tôn Truyền Phương chiếm miền Đông, gồm Giang Tô, Chiết Giang, Thượng Hải và Giang Tây; Trương Tác Lâm cố thủ vùng Đông Bắc, miền Bắc Trung Quốc và kiểm soát chính quyền Bắc Dương. Ba thủ lĩnh của các đội quân đã có kinh nghiệm cũng từng kinh qua chiến trường với tổng lực 70 vạn binh được trang bị tốt, nhưng họ chỉ là quân tư gia và không có chí lớn, chủ yếu chỉ vì mưu sinh. Quân Bắc phạt chỉ có 10 vạn người, nhưng họ là những chiến binh chính nghĩa, có tín ngưỡng, có chủ nghĩa Tam Dân chỉ đường dẫn lối do Quốc phụ thành lập, được Tưởng

Công làm thống soái. Không cần so sánh phe nào mạnh hơn hay phe nào yếu hơn, mà nhìn vào câu đối trên cổng Học viện Quân sự Hoàng Phố là sẽ thấy tinh thần của quân Bắc phạt: “*Thăng quan phát tài thỉnh vãng tha xứ, tham sinh úy tử vật nhập tư môn*” (Muốn thăng quan phát tài xin mời đi nơi khác, nếu tham sống sợ chết thì đừng bước vào trường).

Theo sách lược “đánh từng nơi một”, Tổng tư lệnh Tưởng quyết định: “Đả đảo Ngô Bội Phu, liên lạc Tôn Truyền Phương và không quan tâm Trương Tác Lâm”.

Ngày 9/7/1926, Quân đội Cách mạng Quốc Dân tuyên thệ đưa quân vào Quảng Châu, vào ngày 11/7 tiến đánh vùng Trường Sa. Cuộc Bắc phạt và chiến dịch Hồ Nam đã giành được thắng lợi đầu tiên. 3 giờ sáng ngày 12/7, khoảng 5 vạn người dân Trường Sa ra đường chào đón Tổng tư lệnh Tưởng và quân Bắc phạt tiến vào địa phương.

Chiến dịch Vũ Xương là một trận chiến quan trọng. Sau chiến thắng sơ bộ của quân Bắc phạt, Ngô Bội Phu đã dựa vào Hạ Thắng Kiêu để làm thành thế trận “bối thủy nhất chiến”. Ông đã đích thân dẫn đầu 9 viên chỉ huy lữ đoàn, trung đoàn và tiểu đoàn khi đang lâm trận mà bỏ chạy, sau đó cử đại đội đi đôn đốc chiến trận và phản công quân Bắc phạt. Hai bên thế trận giằng co rất kịch liệt, tình hình chiến trận khốc liệt vô cùng. Khi cuộc giao tranh ở cầu Đinh Tứ đang diễn ra ác liệt, Tưởng Giới Thạch đã đến Bồ Kỳ vào ngày 28 và đích thân lên tiền tuyến. Khi đó, một vị tướng đã thỉnh cầu tạm đình chiến với lý do hy sinh quá nhiều, nhưng Tưởng Giới Thạch kiên quyết nói: “Yếu tố quyết định thành bại của cuộc Bắc phạt chính là tại trận chiến này,

nếu nản chí thì sẽ không bao giờ có cơ hội chiến thắng nữa. Quân đội của Ngô Bội Phu vốn đã tuyệt vọng rồi, chỉ cần kiên trì đến phút cuối cùng thì chúng ta nhất định sẽ giành chiến thắng”. Cuối cùng đội quân đã thu phục được Vũ Xương vào ngày 10/10 – kỷ niệm tròn 15 năm Cách mạng Tân Hợi. Về sau, Ngô Bội Phu ca ngợi Tưởng Giới Thạch rằng: *“Cái tài dụng binh và kiên trì vững chắc trong chiến trận của Tưởng Giới Thạch khiến ta đây thật hổ thẹn và không phải là đối thủ của Ông ấy”* — (Chuyên đề Ký ức về Tưởng Công, NXB Thanh Sơn, Đà Loan).

Quân Bắc phạt tiến quân không dừng, được Tưởng Giới Thạch đích thân chỉ huy, đoàn quân tiến vào Nam Xương vào ngày 9/11. Còn quân đoàn số 1 ở Đông Nam do Hà Ứng Khâm chỉ huy tiến vào chiếm thành Phúc Châu vào ngày 18/12.

Vào đầu năm 1927, ba đạo quân tiền phương của Bắc phạt là Đường Quân Đông, Đường Trung Ương và Đường Tây tiến dọc theo hai bờ sông Trường Giang và tiến về Nam Kinh, tấn công Tùng Giang, Tô Châu và Thượng Hải vào ngày 21/3 và đánh chiếm lấy Nam Kinh vào ngày 23/3. Lúc này, nửa giang sơn Hoa Nam đã bình định, lực lượng của Ngô Bội Phu cơ bản bị tiêu diệt, tàn dư chạy về Tứ Xuyên. Tôn Truyền Phương cũng bị ảnh hưởng nặng nề và phải lánh nạn ở phe Trương Tác Lâm.

Bắc phạt thành công

Sau khi Tưởng Giới Thạch bắt đầu thanh trừ nội bộ đảng ở Thượng Hải vào ngày 12/4/1927, Bào La Đình

đã thao túng chính phủ Vũ Hán do Ông Tinh Vệ đứng đầu để chống lại Tưởng. Vào ngày 17/4, Ủy ban Trung ương Quốc Dân đảng Vũ Hán tuyên bố bãi bỏ chức vụ tổng tư lệnh của Tưởng Giới Thạch, khai trừ đảng và truy nã Ông. Cùng ngày, Tưởng Giới Thạch và Hồ Hán Dân tuyên bố sẽ thành lập Chính phủ Quốc Dân tại Nam Kinh và truy nã Bào La Đình cùng các lãnh tụ chủ chốt của ĐCSQT, từ đó hình thành nên hai chính phủ quốc dân “Ninh – Hán đối lập”, khiến cuộc Bắc phạt chịu ảnh hưởng nặng nề. Tháng 8/1927, vì hình thế đại cục Tưởng Giới Thạch phải từ chức và đi thực địa để xúc tiến “Ninh – Hán tái hợp”, còn Ông Tinh Vệ thì dời đô về Nam Kinh.

Khi đó Lý Tông Nhân của quân Quế Hệ tạm thời nắm giữ quân đội nhưng lại có mâu thuẫn với Ông Tinh Vệ. Quân đội Quốc Dân mất đi chủ soái, cuộc Bắc phạt buộc phải dừng lại, tướng bại trận là Tôn Truyền Phương được thời trở lại, Ông ta ngay lập tức đổi hướng từ cuộc Bắc phạt thành “Nam phạt” và gần như chiếm được Nam Kinh, cục diện thật nghiệt ngã!

Vào lúc này, các đồng minh và cả các đối thủ chính trị đều nhận ra rằng sứ mệnh của Tưởng Giới Thạch là lãnh đạo cuộc Bắc phạt và thống nhất Trung Quốc. Nếu không phải là Tưởng thì còn ai nữa đây? Dưới sự đốc thúc của tất cả các bên, Tưởng Giới Thạch được phục chức vào ngày 5/1/1928, làm Chủ tịch Quân ủy kiêm Tổng tư lệnh Quân đội Cách mạng Quốc Dân, chỉnh đốn lại đội ngũ và cờ xí, soái lĩnh toàn quân vượt sông, tiếp tục cuộc Bắc phạt và tập trung tấn công Trương Tác Lâm.

Vào tháng 4, Tổng tư lệnh Tưởng bắt đầu cuộc Bắc phạt lần thứ hai và nhanh chóng tiêu diệt các bộ phái của Trương Tông Xương và Tôn Truyền Phương, trên đường lên phía bắc đã tránh được các chướng ngại của Nhật Bản và tiến thẳng đến Bắc Kinh. Thấy tình thế đã xong, Trương Tác Lâm liền rút khỏi Bắc Kinh vào ngày 4/6 và bị quân Quan Đông đánh bom ám sát tại nhà ga Hoàng Cô Đồn ở Thẩm Dương. Ngày 8/6, quân Bắc phạt tiến vào Bắc Kinh một cách hòa bình, cuộc Bắc phạt thành công rực rỡ. Cuối tháng 12, Tưởng Giới Thạch thuyết phục Trương Học Lương đầu hàng đổi cò ở vùng đông bắc và quy thuận Trung Hoa Dân Quốc. 17 năm sau Cách mạng Tân Hợi, Trung Quốc đại lục cuối cùng cũng thống nhất, lá cờ mặt trời màu trắng tung bay trên bầu trời xanh của bốn tỉnh miền Đông. Sau đó các nước như Anh, Hoa Kỳ, Đức, Ý, Nhật Bản, Pháp, Tây Ban Nha và các cường quốc khác trên thế giới đã công nhận chính phủ quốc gia là chính phủ hợp pháp của Trung Quốc.

Vào ngày 6/7/1928, Tưởng Giới Thạch và các tướng lĩnh khác đã bày tỏ lòng kính trọng đối với Quốc phụ tại chùa Bích Vân ở Hương Sơn. Ông nhấn mạnh cần phải “dùng tinh thần của lãnh tụ, đoàn kết tinh thần đảng, thống nhất tư duy của quốc gia với tư duy của lãnh tụ” và “làm cho tư tưởng của người dân cả nước dựa vào chủ nghĩa Tam Dân, việc thiết lập và thi hành chính trị của cả nước đều do đảng chỉ đạo và thực hiện chủ trương lấy đảng trị quốc của lãnh tụ”. “Chính phủ Quốc Dân được dời đến Nam Kinh và Nam Kinh trở thành thủ đô của Trung Hoa Dân Quốc. Ngày nay, thủ đô cũ của Bắc Bình đã được đổi tên. Nó được thành

lập từ thời xưa. Nó đã được tiếp quản và thành lập kinh đô mới. Không còn nghi ngờ gì nữa”. “Việc thành lập Nam Kinh làm thủ đô là phù hợp với nguyện vọng của Quốc phụ và là biện pháp quan trọng để thực hiện chủ nghĩa Tam Dân. Từ góc độ chiến lược, trước sự thềm muốn của Nhật Bản và Nga đối với lãnh thổ phía bắc của Trung Quốc, thủ đô có thể di chuyển về phía nam và cũng có thể có những cân nhắc về an ninh quốc gia”.

Ngày 10/10/1928, Tưởng Giới Thạch đảm nhận chức chủ tịch Chính phủ Quốc Dân. Ông phát biểu trong thư gửi đồng bào: *“Cuộc Bắc phạt đã kết thúc, cách mạng đặc biệt thành công... Quốc gia đạt được độc lập tự do, con đường duy nhất để thống nhất tư tưởng cách mạng cả nước là xóa bỏ tà thuyết đấu tranh giai cấp; lấy tinh thần yêu nước đoàn kết nhân dân để chấm dứt các cuộc chiến tranh vũ trang trong nước”* — (Thư kỷ niệm lần thứ mười bảy Quốc khánh Trung Hoa Dân quốc gửi đồng bào cả nước, 1928).

Sau cuộc Bắc phạt và trước cuộc kháng chiến chống Nhật, bất chấp trải qua đại chiến tại Trung Nguyên, Đông Bắc gặp nạn, chiến dịch Tùng Hồ và trừ khử cộng sản ở Giang Tây, rốt cuộc Trung Quốc đã bắt đầu phục hồi nguyên khí, những thành tựu đạt được đã thu hút sự chú ý của toàn thế giới. Năm 1951, ông Wedemeyer, cựu Tham mưu trưởng quân Đồng minh tại chiến khu ở Trung Quốc đã có bài phát biểu trước Quốc hội Hoa Kỳ: *“Từ năm 1927 đến năm 1937 được công nhận là khoảng thời gian mười năm hoàng kim, bởi nhiều công dân Anh, Mỹ và kiều dân nước ngoài đã ở Trung Quốc trong một thời gian dài”, “Giao thông tiến bộ, kinh tế ổn định, trường học được thành lập nhiều không kể xiết,*

giáo dục được đẩy mạnh và trong các lĩnh vực khác cũng có những thể chế tiến bộ”.

Cách đây một nghìn ba trăm năm, Bộ Hư đại sư thời nhà Tùy đã viết trong bài thơ tiên tri của mình rằng: *“Can qua khởi, trục lộc mang, thảo mãng anh hùng tướng xuất sơn, đa thiếu chấm qua hào kiệt sỹ, phong vân tụ hội đáo giang nam, kim lăng nhật nguyệt hựu trùng quang”* (chiến tranh nổ ra, các anh hùng hảo hán lần lượt xuất sơn, có bao nhiêu anh hùng, chí sỹ, hào kiệt, quần hùng tập kết đến Giang Nam, ở Kim Lăng nhật nguyệt lại sáng ngời). Lời tiên tri này rõ ràng là chỉ về sứ mệnh lịch sử khởi binh Bắc phạt, kiến lập kinh đô Nam Kinh của Trương Công.

Phần 7: Cái nhìn sâu sắc về thời cuộc

“Kể từ khi khai thông đường biển tới nay, Trung Quốc đã trở thành một thành viên chính thức của cộng đồng quốc tế, đồng thời cũng là bộ phận phức tạp nhất trong các mối quan hệ quốc tế trên mọi khía cạnh chính trị, kinh tế, xã hội, học thuật hay ý thức hệ. Bây giờ vấn đề của Trung Quốc hoàn toàn là vấn đề thế giới, không những vậy, nó là vấn đề trung tâm của thế giới”. (Tưởng Giới Thạch – Đường lối để Chính phủ và Nhân dân cứu nước, 1936).

Trước khi Nhật Bản tấn công Trung Quốc, Trung Quốc đã ở bên bờ vực của chu kỳ “thành, trụ, hoại”. “Trong 5000 năm kể từ khi Trung Quốc được thành lập, bất kể nước nào xâm lược chúng ta, đều luôn bị



Năm 1933, Tưởng Giới Thạch ở Giang Tây. (Phạm vi công cộng)

chúng ta đồng hóa và tiêu diệt. Đó là vì sao? Hoàn toàn là do sự sâu sắc và vĩ đại của nền triết học, văn hóa dân tộc Trung Hoa của chúng ta, vượt lên trên tất cả các quốc gia xâm lược”. Nhưng quốc gia của chúng ta thực sự đã đến thời kỳ cực kỳ nguy hiểm. Vì sao? Vì hiện nay những công dân bình thường của chúng ta sống buông thả, ích kỷ, phóng túng ham muốn. Cái gọi là bản lĩnh dân tộc vốn có và tinh thần dựng nước đã mất. Thêm vào đó, khoa học ngày nay tiên tiến, bọn đế quốc sử dụng các phương pháp khoa học để tiêu diệt quốc gia khác, thì quốc gia đó không thể tồn tại được. Đây đều là nguy cơ diệt vong dân tộc lớn nhất”. (Tưởng Giới Thạch, “Tinh thần lập quốc của Trung Quốc”. 1932).

Tưởng Giới Thạch nhận thức sâu sắc rằng: *“Lịch sử và văn hóa của dân tộc chính là nền tảng sức mạnh mạnh mẽ nhất của quốc gia”*. Ví như Ba Lan, mặc dù Ba Lan đã bị tiêu diệt 150 năm, nhưng những điều kiện cơ bản cho sự phục hưng của nó chưa bao giờ bị tiêu diệt. Những điều kiện này là gì? Đó là lịch sử và văn hóa của dân tộc. Lịch sử và văn hóa dân tộc của họ không những không biến mất mà ngược lại, dưới sự áp bức của ngoại cảnh, họ tiếp tục phát triển, nhân dân đồng lòng hiệp lực vì Tổ quốc để phục hưng. Loại sức mạnh này là sức mạnh cơ bản nhất, mạnh mẽ nhất của dân tộc, vĩ đại hơn bất kỳ thế lực nào. (Tưởng Giới Thạch, “Đường lối cho Chính phủ và Nhân dân cứu nước”. 1936)

Vào thời điểm đó, vấn đề Viễn Đông Trung Quốc là một vấn đề của thế giới. (*“Viễn Đông” trong tiếng Anh là một khái niệm địa lý được người Châu Âu sử dụng. Nó tập trung vào Châu Âu và xa hơn về phía Đông được gọi là “Far East”*). Nếu chiến tranh xảy ra, động tới Trung

Quốc sẽ động chạm tới toàn thể. Không chỉ Nhật Bản và Nga, mà cả Hoa Kỳ, Anh và toàn bộ Châu Âu đều tham gia. “Tuy nhiên, tình hình quốc tế xung quanh Trung Quốc vào thời điểm đó không chỉ đơn giản là cuộc đấu tranh giữa Nhật Bản và Nga. Do đó, nếu Chính phủ Quốc Dân Đảng chấp nhận “Ba nguyên tắc Hirota” của Nhật Bản và biến Trung Quốc trở thành chư hầu của Nhật Bản hoặc sau chiến tranh chống Nhật, chấp nhận sự trung gian của Đức và thương lượng đình chiến với Nhật Bản, thì Nhật Bản sẽ không thể tiến lên phía bắc hoặc phía nam. Nếu chính phủ Quốc Dân Đảng của chúng ta liên kết với Nga để chống lại Nhật Bản và khiến Trung Quốc lặp lại những sai lầm trong 15 năm của Quảng Châu, thì Matxcova sẽ không thể chống lại Nhật Bản để độc chiếm Trung Quốc hoặc cầm chân Trung Quốc và áp dụng đường lối trung lập, đẩy Nhật Bản tiến về phía nam, cũng không biết chừng. Tóm lại, vào thời điểm đó, cho dù Trung Quốc hạ Nhật Bản hay ngã về Nga, thì nạn nhân cuối cùng luôn là các nước phương Tây. Nếu đúng như vậy thì lịch sử Thế chiến II sẽ phải viết lại”. (Tướng Giới Thạch, “Nước Nga Xô Viết ở Trung Quốc”).

Các chính sách và quyết định của Tướng Giới Thạch liên quan đến số phận của các quốc gia và hướng đi của chiến tranh thế giới, đồng thời liên quan trực tiếp đến cuộc chiến chống lại sự bành trướng của Satan trên thế giới và tình hình thế giới hiện tại.

Thế cuộc phức tạp

Năm 1936, Tướng Giới Thạch đã phân tích rõ ràng



Năm 1937, Tưởng Giới Thạch đọc diễn văn tại Lộc Sơn, tuyên bố bắt đầu cuộc kháng chiến trường kỳ. (Phạm vi công cộng)

về tình hình thế giới và tình hình hiện tại ở Trung Quốc trong khẩu hiệu của mình với hiệu trưởng và đại diện học sinh của các trường trung học trên toàn quốc trong Hội truyền cảm hứng Nam Kinh: “Quan hệ quốc tế hiện nay rất phức tạp, trong môi trường quốc tế phức tạp này, một quốc gia muốn tồn tại và phát triển, nhất là muốn phục hưng khỏi sự suy vong thì đó không phải là chuyện đơn giản. Chỉ bằng cách nhận biết các mối quan hệ khác nhau của môi trường thời đại và hiểu rõ

vị trí của bản thân, chúng ta mới có thể thấy được con đường tự lực, tự cường và hoạch định đúng đắn các phương pháp phù hợp với thời đại để ứng phó với môi trường và đạt được mục tiêu phục hưng. Kể từ khi khai thông đường hàng hải tới nay, do sự phát triển của giao thông vận tải quốc tế và nền văn minh khoa học, Trung Quốc từ lâu đã trở thành một bộ phận chính của xã hội quốc tế và Trung Quốc là bộ phận phức tạp nhất trong toàn bộ quan hệ quốc tế. Bất kể sự phát triển của chính trị, kinh tế, xã hội, học thuật và tư tưởng đều chịu sự tác động đáng kể từ môi trường quốc tế. Bây giờ Trung Quốc hoàn toàn là vấn đề thế giới và là vấn đề trọng tâm của thế giới”.

Các cường quốc trên thế giới hiện đang trực tiếp và gián tiếp đấu tranh với nhau về cái gọi là vấn đề Viễn Đông, vấn đề Thái Bình Dương, tức là vấn đề Trung Quốc. Tình hình ngày càng trở nên gay gắt và Trung Quốc sẽ lâm vào tình thế nguy hiểm. Trong số các nước Âu Mỹ, nước có xung đột lợi ích lớn nhất với Nhật Bản. Ngoài Nga và Vương quốc Anh, Nhật Bản tích cực mưu đồ bá chủ Viễn Đông với Anh Quốc, không chỉ có xung đột lợi ích cơ bản ở Trung Quốc, tức là xung đột về buôn bán các thuộc địa của Anh. Tiếp theo là Hoa Kỳ trước chiến tranh Nga Nhật. Họ muốn sử dụng Nhật Bản để chống lại Nga và duy trì cán cân quyền lực ở Viễn Đông, kết quả là Nhật Bản đã đánh bại Nga và bác bỏ sức mạnh của Âu Mỹ ở Đông Á. Tuy nhiên, do hai nước có quá nhiều mâu thuẫn với nhau nên hiện tại không thể liên hợp để chế tài Nhật Bản.

Hóa ra gần một trăm năm qua Nga là nước tham vọng nhất thế giới. Trong thời đại đế quốc của Nga,

nước này chỉ tập trung vào chính sách xâm lược và mở rộng lãnh thổ của mình. Sau thất bại của chính sách hướng Tây, nước này đã đẩy mạnh thực hiện chính sách hướng Đông của họ một cách toàn tâm toàn ý. Chuyên tâm xâm lược Trung Quốc để chiếm Hải Khẩu, nhằm thực hiện tham vọng tàn sát Đông Á. Điều này ăn khớp với chính sách gây mâu thuẫn trực diện với Trung Quốc của Nhật Bản và đối lập với các nỗ lực của Anh ở Viễn Đông. Nhật Bản và Nga vốn đã đối lập gay gắt, tình hình chắc chắn sớm muộn gì cũng sẽ nổ ra chiến tranh.

Chúng tôi đã quan sát hai sự kiện của Hiệp định Nga-Pháp và Hiệp định Anh-Đức. Có thể rút ra hai kết luận. Thứ nhất, tất cả các nước hiện đang đấu tranh để tìm kiếm sự hợp tác với nước này và chuẩn bị cho chiến tranh. Thứ hai, mặc dù các nước Châu Âu có nhiều hận cũ và hận mới, vui buồn không thống nhất, nhưng trong xương tủy bọn họ đều có một vấn đề Viễn Đông, họ không muốn người da trắng xảy ra chiến tranh với nhau. Nói cách khác, họ sẽ cùng nhau giải quyết vấn đề Viễn Đông trong tương lai. Vấn đề cụ thể là họ sẽ cùng khuất phục Nhật Bản để khắc chế Trung Quốc.

Nhật Bản xâm lược Trung Quốc và thống trị Đông Á. Kẻ thù lớn nhất của họ là Anh, Mỹ và Nga. Anh, Mỹ và Nga đều có những kế hoạch đầy tham vọng cho Viễn Đông, mỗi bên đều có những phương tiện đặc biệt và họ là cường quốc hạng nhất thế giới. Anh và Hoa Kỳ đe dọa Nhật Bản bằng hải quân của họ ở Thái Bình Dương. Nga đã uy hiếp Nhật Bản bằng quân đội và không quân ở phía bắc. Nếu Nhật Bản muốn thôn tính Trung Quốc và thống trị Đông Á thì trước hết phải chinh phục Nga

và khuất phục Anh và Hoa Kỳ. Trong mắt Nhật Bản thì không hề có Trung Quốc. Họ lo sợ là ba nước Anh, Hoa Kỳ và Nga.

Chiến lược của Nhật Bản đối với Trung Quốc không dựa trên quân sự, mà thay vào đó họ muốn tận dụng các điểm yếu khác nhau của Trung Quốc và sử dụng các phương pháp khác nhau để đạt được mục tiêu chiến thắng mà không cần chiến đấu nhằm tiêu diệt Trung Quốc mà không cần đổ máu. Phương pháp xấu xa đầu tiên của họ là chống lại Quốc Dân Đảng và Tưởng Giới Thạch. Tại sao họ phải chống lại Quốc Dân Đảng và Tưởng Giới Thạch? Tôi đã từng nói: “Bởi vì Quốc Dân Đảng có chính sách truyền thống là khôi phục Đài Loan và củng cố Trung Quốc”. Về cơ bản, Trung Quốc chỉ dựa vào Quốc Dân Đảng để đảm đương trách nhiệm cách mạng lãnh đạo công cuộc tái thiết và cứu nước.

Họ cũng biết: “Tôi, Tưởng Giới Thạch, là Tổng tư lệnh quân đội Trung Quốc và là người quyết tâm thực hiện các chính sách truyền thống của Quốc Dân Đảng, nếu Tưởng Giới Thạch không bị lật đổ, Trung Quốc sẽ có một nhà lãnh đạo quân sự và là trung tâm của cách mạng. Họ không thể hoành hành ngang ngược ở Trung Quốc và đạt được mục đích là chiến thắng mà không cần chiến đấu. Trung Quốc có một Tưởng Giới Thạch, đó là điều mà người Nhật không cam tâm và căm ghét nhất”.

Phần 8: Nguồn gốc của võ sĩ đạo

Trong thời kỳ lịch sử này, đạo đức con người xuống dốc trầm trọng, tinh thần dân tộc gần như tàn lụi, đất nước đang bên bờ diệt vong. Tướng Giới Thạch chỉ rõ rằng, sự thất bại của Trung Quốc nằm ở chỗ sa sút trầm trọng về giáo dục, không thể kế thừa và duy trì tiếp tục nền văn hóa đạo đức cao quý và trí tuệ tuyệt vời vốn có của Trung Hoa, giáo dục cần phải đề cao về phẩm chất đạo đức.

Giáo dục thất đức

Thực ra, Trung Quốc chúng ta ngoài đất đai màu mỡ, lãnh thổ rộng lớn, lịch sử lâu đời cùng với nền tảng văn hóa Thần truyền lâu đời mà nói thì so với các quốc gia hiện đại Trung Quốc đáng lẽ phải phần thịnh hơn, tiến bộ hơn, nhưng tại sao chúng ta không thể sánh được với các quốc đảo với nền văn hóa tầm thường mà tệ hơn nữa lại còn bị các quốc gia khác xâm lược và đàn áp? Là bởi vì chúng ta đã thất bại về giáo dục, chúng ta không thể tiếp tục phát huy và kế thừa nền văn hóa đạo đức cao quý vốn có và trí tuệ vĩ đại của dân tộc mình. Hãy nhìn Nhật Bản mà xem, từ một quốc gia lạc hậu, không có nền tảng văn hóa, nhưng Nhật Bản đã vươn lên thành một cường quốc trong vài chục năm, đánh bại được Trung Quốc, sau đó là Nga, bây giờ Nhật lại còn tự xưng là cường quốc thế giới, có thể tùy ý thao túng, xâm lược Trung Quốc chúng ta. Lý do tại sao họ có thể biến Nhật Bản từ quốc gia nghèo thành giàu và

yếu thành mạnh, chính là sự thành công trong giáo dục của họ sau thời Duy Tân Minh Trị.

Nhật Bản và Trung Quốc cùng lúc áp dụng giáo dục theo phương thức hiện đại, nhưng tại sao chỉ trong vòng 20-30 năm Nhật Bản lại đột phá nhanh về tiến bộ khoa học kỹ thuật, trau dồi chính trị, phát triển kinh tế, xây dựng thành một cường quốc hiện đại hóa? Ngược lại, giáo dục tại Trung Quốc chúng ta lại không đạt được thành tựu gì đáng kể, đất nước còn nghèo nàn, yếu kém và sa sút, lại phải chịu sự xâm lược và đàn áp từ nước khác? Chính vì người điều hành giáo dục tại Trung Quốc không chú trọng đến vấn đề cốt lõi của giáo dục, không chú trọng đến chất lượng của giáo dục nên không đạt được hiệu quả. Nhiều nhất cũng chỉ là phát triển về ngoài, ít có sự tiến bộ về thực chất.

Giáo dục thực chất mà tôi nói đến là gì? Chính là chúng ta cần đề cao 4 thứ cần giáo dục một công dân bình thường (Đạo đức, Trí tuệ, Thể chất, Tổ chức). Sự thịnh vượng của một đất nước và sự thịnh vượng của dân tộc hoàn toàn bắt nguồn từ đạo đức cao thượng của con người nước đó, tri thức tuyệt vời, sự cường tráng về thể chất và sự phát triển của cộng đồng nơi đó. Người dân Trung Quốc chúng ta bây giờ đã bắt đầu suy thoái về tinh thần và đạo đức, trình độ dân trí thấp, thể chất suy yếu, sự rời rạc trong chính thể, đều là những nguyên nhân suy vong của dân tộc ta. Những căn bệnh căn nguyên này nếu không bị loại bỏ, thì đất nước chúng ta khó có thể chuyển yếu thành mạnh, cứu vong phục hưng được.

Tướng Giới Thạch chỉ ra rằng mấu chốt để kháng Nhật chính là tinh thần và đạo đức: “Cái gọi là chiến



芳年武者天類
武藏坊辨慶

芳年

金吾坊辨慶

Võ sĩ Nhật Bản và hoa đào (Ảnh: Wikipedia)

tranh không phải là chiến tranh thuần túy vật chất, ngoài sức mạnh vật chất còn có sức mạnh tinh thần là cơ bản nhất. Sức mạnh vật chất phải dựa vào sức mạnh tinh thần thì mới có đủ sức mạnh”. Trung Quốc của chúng ta hiện nay còn lạc hậu về kinh tế và khoa học, tuy rằng mọi thứ đã rất khó có thể khôi phục nhưng về mặt tinh thần mỗi người dân vẫn tồn tại. Cái gọi là tinh thần là chỉ tinh thần dân tộc. Tinh thần của dân tộc được sinh ra từ đạo lý vốn có của dân tộc: “trung thành, hiếu thảo, nhân từ, trung tín, hòa hiếu”. Chỉ cần công dân cả nước khôi phục lại đạo lý vốn có của dân tộc, phát huy hết tinh thần vốn có của dân tộc, đoàn kết chiến đấu thì nhất định chúng ta sẽ đánh thắng được sức mạnh về vật chất vượt trội của kẻ thù.” (Những điều trọng yếu khi Chính phủ và Nhân dân hợp lòng cứu nước, 1936).

Nguồn gốc Võ sĩ đạo

Oa Quốc – Nhật Bản

Nhật Bản trong thời cổ đại gọi là Oa Quốc, phong tục dân gian vô cùng đơn thuần. Tồn Thủy Hoàng đã phái Từ Phúc đến phía đông Bồng Lai, mang văn hóa Trung Hoa đến Nhật Bản. Từ thời nhà Tùy và nhà Đường, Nhật Bản đã gửi một số lượng lớn lưu học sinh đến Trung Quốc để tiếp thu đầy đủ nền văn minh Trung Quốc. Từ năm Trinh Quán thứ 4 (năm 630) Nhật Bản đã cử sứ thần sang nhà Đường (tức là sứ thần nhà Đường). Những đại sứ này đã đem về cho Nhật Bản văn hóa Thần truyền thời Đường và nhiều quy định, phong tục dân gian, kiến trúc và trang phục khác nhau.

Đường Thái Tông dựa vào Nhật Bản để mở rộng Đông Hải nên đặt tên đất nước thành Nhật Bản, ý nghĩa là đất nước mặt trời mọc. Năm Trinh Quán thứ 20 (năm 64) – năm Nhật Bản tiến hành đại hóa cải tân. Nhật Hoàng Takatoku tuyên bố lấy Đại Hóa của Trung Quốc làm niên hiệu. Sau cuộc cải cách Đại Hóa, Nhật Hoàng sửa đổi tên nước do thái Tông đặt, chính thức đổi thành Japan.

Dưới thời trị vì của vua Đường Cao Tông, Nhật Bản đã xâm lược nước chư hầu Silla, gây ra chiến tranh, nhà Đường giành được thắng lợi. Các nhân vật anh hùng thiên cổ trong thời đại đó cũng hậu đãi các quốc gia xung quanh bao gồm cả Nhật Bản. Qua những biến đổi triều đại trên vũ đài Thần Châu, văn hóa nhà Đường được bén rễ tại Nhật Bản. Nhà Nguyên 2 lần tấn công Nhật Bản đều thất bại, người Nhật gọi 2 lần đó là Thần Phong – Kamikaze, nó có nghĩa là cơn bão từ Thần Châu. Vì Nhà Nguyên tấn công thất bại nên văn hóa Đại Đường mới có thể được lưu lại tại Nhật Bản.

Nhật Bản được thành lập nhờ tinh thần võ sĩ đạo của Nho giáo. Bắt đầu từ triều đại Nam Tống, các Samurai đã cai trị và trải qua ba thời kỳ Mạc phủ – Kamakura, Muromachi và Edo (thuật ngữ Mạc phủ có nguồn gốc từ tiếng Trung Quốc cổ đại và dùng để chỉ văn phòng chính thức của các tướng lĩnh). Qua thời kỳ lịch sử, bắt đầu với sự kết thúc của chiến tranh Nguyên Bình năm 1185 và kết thúc bằng cuộc Duy tân Minh Trị vào năm 1867, tổng cộng 682 năm đã tạo nên lịch sử thống trị lâu dài của Nhật Bản.

Mạc phủ Kamakura do tướng Raisaku (năm Nam Tống Quan Tông trị vì) đã lãnh đạo võ sĩ, lấy chủ trương

Nho giáo trị vì thiên hạ, đường lối chính trị đơn giản, trọng lễ nghi, thanh tao, đặc biệt chú ý đến tính giáo dục trong võ sĩ đạo. Yuan Lai Chao xuất thân trong gia đình võ sĩ đạo nên đặc biệt chú trọng đến tinh thần võ sĩ đạo. Cái gọi là tinh thần võ sĩ đạo có thể nói rằng, chẳng hạn như trung thành và hiếu thảo, giữ lời hứa, thận trọng và độc lập, biết đối nhân xử thế, luyện võ công, v.v các võ sĩ lấy dân làm thầy, xem hoa như hoa anh đào, xem con người như võ sĩ. Sự giáo dục mà các samurai nhận được trong gia đình chính là sự nghiêm khắc, tuân thủ phương châm “Chết trong đao kiếm, chính là trở về nhà, vũ khí của kẻ thù đâm vào mặt là nỗi hổ thẹn lớn cho các võ sĩ đạo. Loại hình giáo dục võ sĩ đạo này có ảnh hưởng lớn đến các học giả Nhật Bản thời bấy giờ và tín ngưỡng được các võ sỹ tôn trọng dần dần trở thành mục tiêu đạo đức chung của những người dân Nhật Bản. Ngoài ra tư tưởng kính Thần bái Phật cũng là một phần quan trọng của võ sĩ đạo. Nhật Bản xem việc kính Thần Phật ngang hàng với võ thuật, họ cầu nguyện. Khi bắt đầu cuộc đấu hay trong lúc đấu họ đều cầu nguyện, điều đó được truyền lại cho đến bây giờ. (Tướng Giới Thạch, Tinh thần lập quốc của Trung Quốc, năm 1932).

Sau khi hai triều Nguyên, Thanh tiến vào Trung Nguyên, Nhật Bản và các thế lực đối lập đã nói rằng: “Sau vách núi không có Trung Quốc, sau khi Triều Minh vong không có Hoa Hạ”. Họ cho rằng Nhật Bản là người chân chính kế thừa nền văn hóa Trung Hoa, họ tự xưng là Trung Quốc, xem Hoa Hạ như kẻ mọi rợ, gọi người Hoa là nô lệ của Triều Thanh.

Võ sĩ đạo là linh hồn của đất nước Nhật Bản, điểm này Tướng Giới Thạch biết rõ nhất, Ông ấy nói: “Mặc dù lịch sử của Võ sĩ đạo có từ thời nhà Tống, tức là triều đại Genyori của Nhật Bản, nhưng sau thời Mạc phủ Tokugawa và trong thời kỳ Minh Trị Duy tân, nó đặc biệt thịnh vượng; họ sử dụng tinh thần võ sĩ đạo để quảng bá cho Nhật Bản. Họ tạo nên “linh hồn của Yamato” của Nhật Bản, quốc hồn của Nhật Bản, vì vậy võ sĩ đạo là tinh thần thực sự của đất nước họ.

Các tế tướng thường trích dẫn ý nghĩa câu nói của Binh Pháp tôn tử “Công tâm vi thượng”, cũng chính là đạo lý này. Muốn tấn công kẻ địch phải tấn công vào tim của anh ta trước, nếu không chúng ta có chiếm được thành trì, binh sĩ của họ cũng đều vô dụng. Dù là học sinh nào thì cũng phải ghi nhớ phương châm “đánh vào lòng người trước” này, nhất là phải biết tinh thần xâm lược Trung Quốc của Nhật Bản là gì? Điều này quan trọng hơn việc nghiên cứu bất kỳ vũ khí chiến thuật nào!”

Nói một cách đơn giản, sĩ đạo của người Nhật bắt nguồn từ hai chữ Nho giáo của Trung Quốc chúng ta, sĩ là nho, đạo là giáo dưỡng, sĩ đạo cũng chính là Nho giáo. Võ sĩ đạo chính là tàn tích của Nho giáo. Nho đạo vốn dĩ là toàn bộ tinh thần dân tộc của Vương Đạo Trung Quốc chúng ta, nhưng đã bị người Nhật lắp ghép để làm nên tinh thần dân tộc độc đoán của họ. Bản lĩnh của võ sĩ đạo nằm ở chữ Dũng, thêm một chút trí tuệ. Cái dũng của người Trung Quốc cổ xưa là cái dũng của lễ nghĩa, khác với cái dũng của Nhiệt huyết. Tuy nhiên chữ Nhân trong ba từ Trí Nhân Dũng của người Trung Quốc chúng ta, Nhật Bản tuyệt đối không có được, họ

không giáng tín nghĩa, nhân ái, hòa bình, hoàn toàn chỉ giáng xâm lược, cường bạo.

Thật ra đạo lý trong võ sĩ đạo chỉ đơn giản như vậy, không có gì đặc sắc; Đó không phải là bảo vật vốn có của họ ở Nhật Bản, mà là đồ cũ của Trung Quốc bị họ đánh cắp và trở thành quốc hồn quốc túy của họ, họ còn dùng nó để xâm lược Trung Quốc chúng ta. Còn những thứ vốn có của đất nước Trung Hoa chúng ta, chúng ta lại vứt bỏ chúng, để người khác cướp đi, để họ dùng để áp bức chúng ta, thật là quá tệ, thật là đáng xấu hổ. (Tinh thần lập quốc, năm 1932)

Phần 9: Dã tâm của Nhật Bản

Vào thời nhà Minh, lãnh chúa Toyotomi Hideyoshi với nỗ lực thống nhất Nhật Bản và tham vọng thống trị châu Á đã tìm cách chinh phục Triều Tiên và nắm quyền kiểm soát Trung Quốc. Toyotomi Hideyoshi từng tâu lên Nhật Hoàng rằng: “Nguyện vọng một đời của thần chính là chinh phục Triều Tiên, thống nhất Trung Hoa”



Bức ảnh mặc đồng phục của Tướng Giới Thạch, chụp sau khi Ông được bầu làm Chủ tịch Chính phủ Quốc gia năm 1944. (Ảnh Miền Công cộng)

Dã tâm thống trị Đông Á

Toyotomi Hideyoshi đã hai lần dẫn quân tiến đánh Triều Tiên, lịch sử gọi đó là chiến dịch Triều Tiên

Vạn Lịch. Sau thắng lợi, quân Nhật bắt đầu “Nhật Bản hóa” và truyền xuất văn hóa Nhật sang bán đảo Triều Tiên. Trải qua nhiều cuộc chiến, cuối cùng Toyotomi Hideyoshi qua đời vì bạo bệnh, toàn bộ quân đội rút khỏi Triều Tiên. Sau đó, Tokugawa Ieyasu đã kế thừa Toyotomi Hideyoshi và thống nhất Nhật Bản, thành lập chính quyền Mạc phủ Tokugawa (còn gọi là Mạc phủ Edo).

Kể từ thời Mạc phủ Tokugawa, chính quyền bắt đầu cấm các nhà truyền giáo phương Tây, nhiều lần đóng cửa khẩu, lần đóng cửa đầu tiên vào năm 1633. Mãi cho đến năm 1854 khi Sĩ quan Hải quân Hoa Kỳ Perry dẫn đội quân đến và mở lại cửa khẩu với Nhật Bản, sau đó ở Nhật Bản xảy ra một cuộc nội chiến, đến lúc ấy mới chấm dứt sự thống trị của Mạc phủ.

Trước những sóng gió thời Duy Tân Minh Trị, Ito Woo Hyung từng viết thư khuyên hàng gửi đến Ding Ruchang, trong thư có đoạn: “Nhật Bản của tôi đã trải qua khó khăn nhường nào trong 30 năm đầu, trải qua việc có thể cứu sống được rất nhiều người đang hấp hối sinh tử, từ đó chúng tôi đã trải nghiệm được rằng, lúc này đất nước thực sự cần thoát khỏi ách thống trị cũ, thích ứng với điều kiện hiện tại, canh tân chế độ, đặt sự tồn vong của đất nước là một trong những kế hoạch quan trọng nhất” – (*Thư khuyên hàng của Ito Woo Hyung gửi Ding Ruchang*).

Sau thời Duy Tân Minh Trị, Nhật Bản thành lập nhà nước trung ương thống nhất, rời châu Á tiến vào châu Âu, từ đó sức mạnh dân tộc ngày càng mạnh. Nhật hoàng Mutsuhito lấy niên hiệu Meiji (Minh Trị) từ ý tứ của câu trong cuốn Kinh Dịch: “Thánh nhân hướng về

phía nam mà trị vì thiên hạ, hướng về ánh sáng mà trị”. Tên Duy Tân lấy từ một câu trong Kinh Thi, phần “Đại nhã – Văn vương”: “Chu tuy cự bang, kỳ mệnh duy tân”. Nhật hoàng Mutsuhito đã ban hành “Ngự Bút Tín” (Chen Han), kế thừa sự nghiệp vĩ đại của tổ tiên, không quản khó khăn, gian khổ, mở rộng giao thương, an định lòng dân, phá tan mọi sóng gió, xây dựng lòng tin với các nước năm châu.

Tôn Trung Sơn cho rằng, chìa khóa thành công của cuộc Duy Tân Minh Trị ở Nhật Bản bắt nguồn từ triết học Trung Hoa. Ông nói: “Điều đầu tiên là tất cả các nền văn minh cũ của Nhật Bản đều được du nhập từ Trung Quốc. 50 năm trước, các hào kiệt trong cuộc cải cách Duy Tân đã đắm chìm trong học thuyết “tri hành hợp nhất” của Vương Dương Minh – một triết gia vĩ đại của Trung Quốc, vì vậy họ đều mang trong mình tinh thần thượng võ độc lập và đã đạt được thành tích vĩ đại, cứu được 45 triệu người dân trong cuộc chiến dầu sôi lửa bỏng” – (*Cứu Trung Quốc cần cải cách hệ thống cũ và thực hiện một nền cộng hòa*, trích từ bài phát biểu tại Hội nghị chào mừng sinh viên Trung Quốc ở Tokyo, ngày 13 tháng 8 năm 1905).

Tướng Giới Thạch cũng cho rằng, Nhật Bản ngày một cường thịnh là nhờ có triết lý của Trung Hoa: “Người Nhật Bản ngoại trừ khoa học hiện đại và súng ống thì tất cả những gì họ có đều hoàn toàn học được từ Trung Quốc, đặc biệt là về phương diện tinh thần, họ hoàn toàn học từ Trung Quốc chúng ta. Chúng ta cần phải hiểu rằng vũ khí lớn nhất mà họ sử dụng để xâm lược và tiêu diệt Trung Quốc không phải là súng ống hữu hình, mà chính là ở phương diện tinh thần, nói

đúng hơn Nhật Bản mạnh không phải vì khoa học của Âu, Mỹ, mà là vì triết học Trung Hoa. Từ khi khai quốc đến nay, Nhật Bản đã học hỏi ở Trung Quốc chúng ta những gì? Đó chính là Nho giáo và Đạo giáo và điểm mạnh nhất của Nho giáo và Đạo giáo là triết lý của Vương Dương Minh về sự thống nhất giữa tri thức và hành động. Dưới sự phỉ báng của lương tri họ đã đánh cắp triết lý của chúng ta để cải tạo từ một nước yếu ớt, từ một đất nước phong kiến bị chia cắt, thành nước Nhật vững mạnh như ngày nay. Người Trung Quốc chúng ta đã quên đi đất nước của mình và từ bỏ những vũ khí tốt nhất của chính mình.” – (*Tự thuật lại các giai đoạn nghiên cứu triết học cách mạng*, 1932).

Vào thời kỳ Duy Tân Minh Trị ở Nhật Bản, phong trào Tây hóa cũng đã du nhập vào Trung Quốc từ triều Thanh. Cùng thời đó, Tôn Trung Sơn đã gửi một bức thư đến Lý Hồng Chương và bày tỏ rằng: Phong trào Tây hóa khiến con người theo đuổi sức mạnh của thuyền chiến và súng ống mà bỏ quên đi những nhân tài và sự giáo dưỡng, từ đó đã đánh mất mọi thứ.

“Nhận thức sâu sắc về nền tảng thịnh vượng của châu Âu không chỉ là thể mạnh về súng ống, đạn dược, tàu chiến, binh lính, mà chính là họ có thể trân quý nguồn nhân lực, sử dụng được tài nguyên về mặt trí tuệ của con người, sử dụng tối đa nguồn tài nguyên đất đai cũng như nguyên vật liệu, hàng hóa cũng lưu thông hiệu quả. Bốn thứ này chính là nền tảng để phát triển nền kinh tế thịnh vượng và cũng là chìa khóa khiến một quốc gia ngày càng lớn mạnh. Đất nước ta muốn hùng cường cần có hoài bão thật sự lớn mạnh và kế sách lâu dài, tham khảo con đường phát triển của các nước

phương Tây, từ đó hoàn thiện trong nước. Bốn vấn đề trên không thể gấp gáp mà hoàn thành được, vẫn phải đầu tư cường hóa về thuyền chiến và súng ống, không nên cố hữu những thứ cũ. Nhân tài có giáo dưỡng thì cần khuyến khích họ phát huy hết tài năng, có phương pháp quản lý nhân lực. Từ xa xưa Trung Hoa được xem là cái nôi của giáo dưỡng, đáng tiếc là thời gian qua đi, chúng ta đã đánh mất dần cái gốc nền văn minh này, cho đến lúc các nước phương Tây đã trỗi dậy theo sự phát triển của thời đại mới, từ đó đã Tây hóa nền văn minh Trung Hoa của ba thế hệ triều đại” – (*Sách về Lý Hồng Chương*).

Kết quả của cuộc Duy Tân Minh Trị và phong trào Tây hóa được phản ánh trong Chiến tranh Giáp Ngọ (chiến tranh Trung – Nhật, 1894-1895). Năm 1894, Đảng Đông Học ở Triều Tiên nổi dậy khởi nghĩa, vua Cao Tông Triều Tiên phải cầu cứu nhà Thanh, từ đó tạo nên Chiến tranh Giáp Ngọ. Quân đội và hải quân nhà Thanh có súng ống và tàu chiến không thua kém Nhật Bản nhưng lại thất bại nặng nề. Hạm đội Bắc Dương bị tiêu diệt, nhà Thanh bị đánh bại và Hiệp ước Shimonoseki được ký kết. Từ đó, Trung Quốc mất đi Triều Tiên, Đài Loan và Bành Hồ. Việc Nhật Bản chiếm được bán đảo Liêu Đông đã đe dọa ý đồ xâm lược của Hạm đội Viễn Đông – Nga. Sau chiến tranh Nhật – Nga năm 1904 ở Đông Bắc Trung Quốc, Nhật Bản đã giành được chiến thắng về cả bộ quân và hải quân, giành được quyền kiểm soát phía đông nam của Trung Quốc, quân đội Quan Đông đã bắt đầu đóng ở Trung Quốc, từ đó Nhật Bản trở thành cường quốc thế giới. Sau thất bại, nước Nga đã xảy ra cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất,

theo đó Lênin và các đảng viên Bolshevik đã tham gia vào chiến dịch lần này.

“Xét về năng lực, Hải quân Trung Quốc mạnh hơn nhiều so với Nhật Bản, nhưng trong trận Hoàng Hải lần thứ nhất, các tàu như Lai Viễn, Dương Uy, Trí Viễn, Siêu Dũng và Quảng Giáp cùng các chiến hạm khác đã bị đánh chìm và từ đó toàn bộ quân đội bị tiêu diệt”.

“Trong cuộc Chiến tranh Trung – Nhật 1894-1895, với một quốc gia hào hùng như nước ta, tại sao lại bại trận và chịu khuất phục trước một nước Nhật nhỏ bé? Thứ nhất là do nội bộ không đoàn kết, thứ hai là do sự yếu kém của chính quyền Mãn Thanh kèm sự kém hiểu biết của dân chúng, hơn thế nữa, Chính phủ không hiểu rõ tình hình của kẻ địch và thiếu các chính sách chiến lược hợp lý. Qua đó có thể thấy, nguyên nhân dẫn đến thất bại của Chiến tranh Trung – Nhật 1894-1895 không phải là lực lượng của Trung Quốc ta thua kém Nhật Bản, mà bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân khác. Thất bại trên đã cho chúng ta bài học giáo huấn sâu sắc và quý giá trong công cuộc chống xâm lược và cứu nước.” — *(Trích “Chính phủ và nhân dân chung sức cứu nước” của Tưởng Giới Thạch, 1936).*

Từ cuối thời nhà Thanh, Nhật Bản đã chuẩn bị đưa quân tiến vào Trung Nguyên. “Mong muốn của Yamato là đặt nền móng phát triển trên đại lục”. Tưởng Giới Thạch hiểu rất rõ về Nhật Bản. Ông nói rằng nước Nhật “trước ngày 18 tháng 9, tức là sau Chiến tranh Nga-Nhật lần thứ nhất, đã chuẩn bị cho việc chiếm đóng vùng Đông Bắc, vì vậy Ông đã dành 30 năm để chuẩn bị cho sự việc này.” *(Chống ngoại xâm và chấn hưng dân tộc, 1934).*

“Cuộc xâm lược của Nhật Bản đối với Trung Quốc không bắt đầu từ ngày 18/9, cũng không phải bắt đầu từ sự kiện Hoa Bắc vào tháng 12 năm ngoái, mà chính là từ năm Tông Chí thứ 13 triều Thanh (năm 1874) họ đã xâm lược Đài Loan chúng ta, cho đến năm Quang Tự thứ 5 (năm 1879) họ đã đánh chiếm Lưu Cầu, tiếp đến vào năm Gia Vũ (năm 1894) họ lại đánh chiếm Triều Tiên. Từ đó Chiến tranh Trung – Nhật chính thức nổ ra, Trung Quốc bị đánh bại, Đài Loan và Quần đảo Bành Hồ chính thức bị chia cắt. Đến năm 1910, Triều Tiên bị Nhật Bản thôn tính toàn bộ, tính đến hiện tại, họ đã chiếm hết bốn tỉnh miền Đông của chúng ta và xâm lược Hoa Bắc. Không phải ngẫu nhiên mà Nhật Bản có thể từng bước xâm lược thành công Trung Quốc chúng ta, mà từ thời Minh Trị, từ lâu đã có chính sách nhất quán, cụ thể gọi là chính sách Bắc tiến Đại Lục và Nam tiến hải dương. Cho nên, Nhật Bản muốn đánh chiếm Đại Lục cần phải xâm lược Mãn Châu, một mặt ra sức đánh đuổi lực lượng quân đội Nga Xô Viết ở viễn đông, mặt khác kiểm soát Trung Quốc, từ đó hoàn thành tham vọng thống trị Đông Á từ hai phía lục địa và Biển Đông theo mô hình rắn nuốt chửng heo”.

Dĩ tâm này chúng ta có thể nhìn ra ngay nếu hiểu được chính sách của Tanaka đối với Mãn Thanh và Mông Cổ, trong chính sách có viết: “Tất cả những ai đã cai quản Mãn Châu và Mông Cổ trong các thế hệ trước đều tuân theo lời dạy của Thiên hoàng Minh Trị để mở rộng quy mô và hoàn thành Chính sách Đại Lục Mới, muốn chinh phục Trung Quốc, trước hết phải chinh phục Mãn Châu, muốn chinh phục thiên hạ, trước hết phải chinh phục Trung Quốc. Nếu thực sự chiếm được

Mãn Châu, Trung Quốc, chúng ta sẽ có được căn cứ giao thương với 400 tỉnh thành tại Trung Quốc, sau đó lấy Mãn Châu làm tháp chỉ huy và từ đó nắm lấy quyền lợi điều khiển toàn Trung Quốc, tài nguyên và của cải từ Trung Quốc có thể đủ để chinh phục các vùng đảo Ấn độ và biển Nam, Trung Á và cả Europa, với khát vọng chiếm lấy châu Á thì Trung Quốc chính là chìa khóa đầu tiên. Từ đó có thể thấy rằng cuộc xâm lược Mãn Châu của Nhật Bản không phải chỉ được phát động bây giờ mà đã được xác định và lên kế hoạch từ trước”. – (*Đường lối then chốt để chính phủ và nhân dân đồng lòng cứu nước*, 1936).

Tôn Trung Sơn cũng nhìn thấu dã tâm của Nhật Bản, ông từng nói: “Nước đầu tiên có thể đánh bại Trung Quốc chính là Nhật Bản. Nếu Trung Quốc cắt đứt mọi quan hệ với Nhật Bản, thì chỉ trong 10 ngày thôi Trung Quốc sẽ vong” – (*trích bài giảng thứ 5, “Chủ Nghĩa Dân Tộc”, năm 1924*).

Năm 1912, khi Tưởng Giới Thạch thành lập Quân Lệnh tại Nhật Bản, Ông đã chỉ ra rằng mối đe dọa lớn nhất đối với Trung Quốc là đến từ Nhật Bản và Nga, đồng thời Ông thấy rằng Trung Quốc cần có sự chuẩn bị về “lực lượng tự lực tự cường”. Chính vì sức ép về đất đai chật hẹp, dân số đông đúc, tài nguyên nghèo nàn... tỷ lệ nghịch với lực lượng hải quân hùng mạnh và sức mạnh phát triển các ngành công nghiệp nên Nhật Bản đã thúc đẩy mạnh mẽ nhu cầu mở rộng lãnh thổ. Nỗi lo của Tôn Trung Sơn và Tưởng Giới Thạch cũng chính là cơn ác mộng kéo dài đối với Trung Quốc kể từ đó.

Phần 10: Nội loạn ở Trung Nguyên

Vì sao người Trung Quốc đánh mất thể diện quốc gia?

Năm 1915, Nhật Bản sử dụng 21 điều khoản để buộc chính phủ Viên Thế Khải mở rộng hơn nữa lợi ích của mình ở Trung Quốc và khơi mào cho “Phong trào ngày 4 tháng 5”. Khi đó Trung Quốc đang lâm vào thảm họa, dân chúng từ thất vọng đến tuyệt vọng, và phong trào ngày 4 tháng 5 là biểu hiện đầy đủ cho sự tuyệt vọng này. Khẩu hiệu “chống đế quốc, chống phong kiến”, bác bỏ văn minh phương Tây và văn hóa truyền thống 5000 năm đã khiến Chủ nghĩa Cộng sản du nhập vào Trung Quốc.

Trong “Vận mệnh của Trung Quốc”, Tưởng Giới Thạch nhận định:

“Sau phong trào ngày 4 tháng 5, chủ nghĩa tự do và chủ nghĩa cộng sản đã trở nên phổ biến ở Trung Quốc, chỉ muốn thay đổi văn hóa Trung Quốc mà không biết những giá trị truyền thống cần bảo tồn. Đối với văn hóa phương Tây, họ chỉ biết mô phỏng theo, bắt chước theo mà không tìm kiếm những giá trị có thể mang lại lợi ích cho nền kinh tế quốc gia và kế sinh nhai cho người dân Trung Quốc. Đây thực sự là nguy cơ lớn nhất cho sự xâm lược về văn hóa, suy tàn về tinh thần dân tộc.”
– (*Vận mệnh của Trung Quốc*, Tưởng Giới Thạch).

“Mặt khác, trong 100 năm qua, văn hóa Trung Quốc đã gặp phải những sai lầm lớn. Đó là do dưới sự

áp bức của các hiệp ước bất bình đẳng, người Trung Quốc đã chối bỏ văn hóa truyền thống và khuất phục trước văn hóa phương Tây, từ tự cao thành kém cỏi, từ tín ngưỡng Thần Phật chuyển sang tôn thờ các thuyết ngoại lai, lấy tự ti làm tự trọng, nhẩn tâm mặt sát, chối bỏ những di sản văn hóa của Trung Quốc chúng ta.” – (*“Vận mệnh của Trung Quốc”, Tưởng Giới Thạch*).

Tưởng Giới Thạch nhận thức rõ rằng lịch sử và văn hóa dân tộc là sức mạnh căn bản nhất của một quốc gia. Ông viết:

“Nói một cách đơn giản, đất nước chúng ta quá suy yếu, kinh tế xã hội đã gần như đến mức phá sản, lòng dân thì vô cảm, sở dĩ nguyên nhân do đâu? Do chúng ta đã chối bỏ những mỹ đức trong văn hóa truyền thống, chối bỏ tinh thần trị quốc, lập quốc, những học thuyết giá trị, chỉ biết tính nhất thời mà không nghĩ đến lâu dài, không những chúng ta đã quên đi tinh thần lập quốc tốt đẹp vốn có của mình, mà còn quên mất mình là con người, hơn nữa lại là con cháu Trung Hoa! Cho nên dần dần tinh thần đạo đức dân tộc đã mất dần không dấu vết, nếu một người không có giá trị về tinh thần thì cho dù còn sống mà như đã chết đi vậy. Quốc gia cũng vậy, mất đi tinh thần và linh hồn của dân tộc thì chỉ là tồn tại trên danh nghĩa mà chết về bản chất. Xã hội ngày nay đạo đức xuống dốc, lòng dân hoang mang, kỷ cương, trật tự hỗn loạn, vô phép, không biết hổ thẹn, không giảng về tín và nghĩa. Nguyên nhân do đâu? Tất cả chỉ vì tinh thần dân tộc của chúng ta đã chết rồi. Nếu chúng ta không tìm cách cứu vãn, vực dậy và phục hưng tinh thần dân tộc của chúng ta thì ngày

diệt vong gần như trước mắt.” – *(Tinh thần lập quốc – Trung Quốc – 1932)*.

“Thế mới biết, tinh thần dân tộc của một đất nước là vô cùng quan trọng. Nếu mất đi tinh thần dân tộc thì đất nước đó chẳng còn gì, nếu còn tinh thần dân tộc thì dù đất nước có bị diệt vong vẫn có thể phục hưng trở lại. Vì vậy chúng ta không sợ người Nhật xâm lược chúng ta như thế nào, mà chỉ sợ chúng ta đánh mất đi tinh thần dân tộc trong chính mình.” – *(Tinh thần lập quốc – Trung Quốc – 1932)*.

Trung Nguyên nội loạn không ngừng

Lúc này, Chính phủ Quốc dân trực tiếp kiểm soát các khu vực của Hoa Đông Trung Quốc, Chính phủ Trung ương thì chia rẽ Ninh – Việt (Nam Kinh và Quảng Đông), Hồ Hán Dân thành lập Chính phủ Quốc dân tại Quảng Đông. Vào thời điểm đó, mặc dù các khu vực khác trên danh nghĩa đều thuộc về quyền kiểm soát của Chính phủ Quốc dân, nhưng trên thực tế có hơn 60 lãnh chúa cát cứ. Các chính trị gia không muốn thống nhất đất nước, điều này khiến Trung Hoa không những không thể lập quốc mà còn bị chủ nghĩa đế quốc sỉ nhục. Bên ngoài thì Nhật Bản dòm ngó, bên trong thì Trung Cộng mưu tính, Trung Quốc không thể thống nhất và bị mắc kẹt trong cuộc nội chiến, không chống lại được Nhật Bản xâm lược. *(Thế lưỡng nan của Tổng thống Tưởng Giới Thạch)*.

Sau cuộc Bắc phạt, Lý Tông Nhân và Bạch Sùng Hy kiểm soát Quảng Tây, Hồ Nam, Hồ Bắc và các tỉnh khác. Quân đội phía tây bắc của Phùng Ngọc Tường nắm giữ

Thiểm Tây, Cam Túc, Sát Cáp Nhĩ, Hà Nam. Quân đội phía đông bắc của Trương Học Lương nắm giữ bốn tỉnh đông bắc. Mỗi bên có hơn 20 vạn binh lực. Quyền lợi của các lãnh chúa nằm trong quân đội và lãnh thổ mà họ cát cứ, đất nước và dân tộc không phải là mối quan tâm lớn của họ. Các lãnh chúa có lòng tự tôn riêng của họ, và chi tiêu quân sự của họ vượt quá 75% tổng thu ngân sách quốc gia.

Tướng Giới Thạch cố gắng sử dụng biện pháp hòa bình để chế tài các lãnh chúa, còn các lãnh chúa cũng bắt đầu nổi dậy với những cuộc chiến vũ trang, dẫn đến đại chiến Trung Nguyên. Diêm Tích Sơn, Phùng Ngọc Tường và Lý Tông Nhân cùng tham gia, điều động tổng cộng hơn 70 vạn binh sĩ, ngoài ra quân đội Trung ương tham chiến hơn 60 vạn, tổng cộng hơn 100 vạn người đã tham gia cuộc nội chiến cùng các quân phiệt.

Trương Học Lương dẫn đội quân chủ lực Đông Bắc vào cửa khẩu và kiểm soát được Kinh – Tân (Bắc Kinh, Thiên Tân), kết thúc đại chiến Trung Nguyên, dẫn đến thiếu hụt quân đội tại cửa khẩu, từ đó mở đường cho quân đội Nhật Bản phát động cuộc chiến ngày 18 tháng 9.

Khói lửa cuộc đại chiến Trung Nguyên chưa kết thúc thì Uông Tinh Vệ cùng Lý Tông Nhân lập căn cứ riêng tại Quảng Đông cấu kết với Nhật Bản, trợ giúp cho Trung Cộng đưa quân lên phía bắc thảo phạt Nam Kinh. Đồng thời Trung Cộng thiết lập chính quyền Liên Xô tại Giang Tô gây ra nhiều bất lợi cho Tướng Giới Thạch. Chỉ có ông mới biết rằng dung túng cho Trung Cộng chẳng khác gì nuôi hổ. Trung Cộng với mưu đồ rõ ràng về Chủ nghĩa Cộng sản và cương lĩnh chính trị, mà

đằng sau nó là Cộng sản Quốc tế, so với quân phiệt thì hoàn toàn không giống nhau. Các quân phiệt chỉ muốn có quyền kiểm soát khu vực, làm hoàng đế, có quyền sinh sát tại khu vực đó, nhưng Trung Cộng thì muốn phổ cập Chủ nghĩa Cộng sản toàn Trung Quốc.

Chủ nghĩa Tam Dân đánh thức linh hồn dân tộc

Năm 1934, Tưởng Giới Thạch lấy bút danh Từ Đạo Lân viết một bài báo rất quan trọng trên Tạp chí Bình luận Ngoại giao, bàn về “Thế nào là thù? Thế nào là bạn?”, qua đó thuyết phục Nhật Bản từ bỏ chính sách cứng rắn với Trung Quốc, hóa kiếm thành cày. Bài báo viết: “Trung Quốc không có khái niệm về thù hận không thể giải quyết, mà tốt – xấu, kẻ thù – bạn hữu, hai khái niệm này hoàn toàn có thể chuyển đổi”. Nếu Nhật Bản có thể từ bỏ hành vi xâm lược lãnh thổ Trung Quốc, thì Trung Quốc vốn có thể giải hòa làm bạn với các nước phương Tây, huống hồ là Nhật Bản – quốc gia trên cùng lục địa. Tuy nhiên, là một quốc gia phương Đông, Nhật Bản nên hiểu tâm lý và đặc điểm của người Á Đông, đặc biệt là người Trung Quốc, ấy là họ luôn đề cao tình cảm, cách cư xử, lễ phép và đạo đức. “Tôi dám cảnh báo Nhật Bản rằng đối với một dân tộc có những công dân có đặc điểm và ý thức dân tộc, thì hành vi khiến họ khó có thể chấp nhận nhất là hủy hoại quốc gia và văn hóa lịch sử của mình”.

Tưởng Giới Thạch thấy được quan điểm sai lầm của Nhật Bản về giá trị lịch sử của Trung Quốc, tức là người Nhật chỉ nhìn ra khuyết điểm mà không nhìn ra ưu điểm của dân tộc Trung Hoa. Văn hóa và mỹ đức

vốn có của Trung Quốc là nền tảng của Chủ nghĩa Tam Dân, cũng chính là linh hồn của Trung Quốc, chỉ cần linh hồn của đất nước được đánh thức và người Trung Quốc tin tưởng vào Chủ nghĩa Tam Dân thì sức mạnh tinh thần của Trung Quốc có thể đánh bại sức mạnh vật chất của kẻ thù.

“Chìa khóa quan trọng cho việc chiến thắng hay thất bại nằm ở chỗ ‘biết người biết ta, trăm trận trăm thắng’. Mặc dầu người Nhật nắm rõ về tình huống Trung Quốc chúng ta nhưng họ đã mắc một sai lầm rất nghiêm trọng trong cách nhìn nhận về lịch sử dân tộc Trung Hoa, họ đánh giá rằng dân tộc Trung Hoa chúng ta là thuộc chủng loài nô lệ thấp kém.”

“Người Nhật đặc biệt sai lầm khi nhìn nhận các lãnh chúa và quan lại trong thời đại của Viên Thế Khải kể từ năm đầu tiên của Trung Hoa Dân Quốc, rằng họ đều là những kẻ ích kỷ, tham nhũng và coi thường pháp luật, đê hèn, không có một chút quan niệm về đất nước và dân tộc, không có một chút tinh thần cứu nước cứu dân. Họ cho rằng sĩ quan và quân nhân Trung Quốc đều là như vậy. Họ còn cho rằng người Trung Quốc là vô cùng thấp kém, họ có thể mua và sử dụng bất cứ ai, thậm chí có thể tùy ý khống chế và bóc lột.”

“Vi nhận định sai lầm này mà họ tùy ý làm loạn tại Trung Quốc, họ còn nghĩ rằng có thể đánh bại Trung Quốc mà không cần đánh chiếm. Người Nhật chỉ nhìn thấy điểm xấu của Trung Quốc mà không nhìn thấy được những ưu điểm vốn có của Trung Quốc”.

“Họ chỉ nhìn thấy sự diệt vong thời Tống mà không để ý đến những nghĩa sĩ trung thành thời Hậu Tống, càng không nhìn thấy được sự thịnh hưng của nhà

Minh. Chỉ nhìn thấy sự suy vong của Triều Mãn Thanh mà không hình dung được tư tưởng cách mạng đã ăn sâu vào tinh thần của dân chúng, càng không thể nhìn ra được sự thịnh vượng của Trung Hoa Dân Quốc. Chỉ đánh giá cao Viên Thế Khải mà không nhìn thấy được tài năng xuất thần của Tổng thống Tôn Trung Sơn. Chỉ biết đến quân đội của quân phiệt Bắc Dương mà không nhìn thấy được lực lượng quân đội cách mạng nước ta, họ nhìn thấy một phần tồi tệ của Trung Quốc mà đánh giá rằng Trung Quốc hết thảy đều rất tệ, không thể tốt lên được nữa.”

Loại sai lầm này là do sự kiêu ngạo và thành kiến hẹp hòi của đất nước họ gây ra, nhưng phần lớn là do họ hiểu sự việc không rõ ràng. Chính vì những hiểu biết không rõ ràng, phán đoán sai lầm của họ nên dẫn đến những thất bại trong tương lai.

“Chủ nghĩa Tam Dân hoàn toàn là phương cách hòa bình của quân vương, đối lập hoàn toàn với dã tâm bá quyền của chủ nghĩa đế quốc. Từ xưa đến nay, Trung Quốc chúng ta luôn dùng đế vương để khắc chế bá quyền, cái gọi là ‘nhân giả vô địch’, chữ nhân chính là tinh thần cơ bản của cốt cách quân vương, tức là xuất phát điểm của nguyên tắc Tam Dân. Nếu chúng ta sử dụng nguyên tắc Tam Dân để chống lại chủ nghĩa đế quốc thì chắc chắn sẽ giành được thắng lợi vô cùng vĩ đại. Vì vậy, Chủ nghĩa Tam Dân không chỉ là nguyên tắc cao nhất để chiến đấu xây dựng đất nước mà còn là lực lượng vĩ đại nhất. Tinh thần cơ bản của Chủ nghĩa Tam Dân là kế thừa văn hóa và mỹ đức vốn có của Trung Quốc, vì vậy Chủ nghĩa Tam Dân là linh hồn của đất nước, muốn cứu nước thì trước hết phải đánh thức

tin thần của đất nước. Với niềm tin về Tam nguyên, chúng ta sẽ củng cố lòng tin của dân tộc, thống nhất ý thức và nâng cao tinh thần dân tộc. Mặc dù so với kẻ thù chúng ta thua kém về vật chất, nhưng với sức mạnh tinh thần của dân tộc, chúng ta chắc chắn có thể đánh bại mọi sức mạnh vật chất của kẻ thù”. — (*Những điều trọng yếu khi Chính phủ và nhân dân hợp lòng cứu nước*).

Phần 11: Dẹp giặc trong, ngăn giặc ngoài

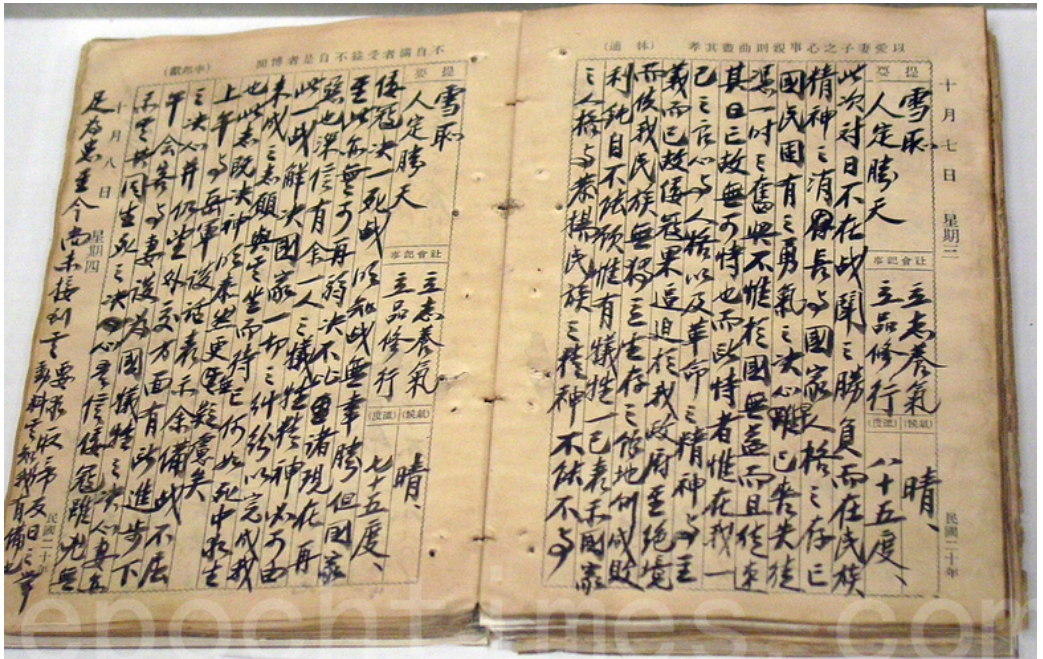
Kế hoạch tổng thể

Tháng 10/1927, Tưởng Giới Thạch đến thăm Nhật Bản lần đầu tiên kể từ khi từ chức. Trong “Thư gửi quốc dân Nhật Bản” tại Tokyo, ông viết: “...các tầng lớp xã hội của quý quốc đều minh tỏ rằng: để thực hiện đại kế trăm năm đối với Đông Á thì cần có tầm nhìn xa trông rộng. Nếu muốn loại bỏ những trở ngại từ Cách mạng Dân tộc Trung Hoa, thì cần có sự đồng tình của nhân dân nước tôi, như thế sẽ giảm thiểu chướng ngại, có phải không?”, “Tôi cũng hy vọng rằng 70 triệu người dân Nhật Bản cùng một dòng giống, cùng chung ngôn ngữ sẽ hiểu thấu đáo phong trào cách mạng của Trung Quốc và có sự trợ giúp về mặt tinh thần và đạo đức. Đó là nền tảng tốt đẹp và cơ bản của hai nước chúng ta.”

Vào ngày 5/11 cùng năm, Tưởng Giới Thạch gặp mặt Thủ tướng Yoshiichi Tanaka và đưa ra ba lời khuyên: Không tạo ra chế độ nô lệ ở Trung Quốc; không can thiệp vào cuộc Bắc chinh; và từ bỏ chính sách vũ lực đối với Trung Quốc. Nhưng Tanaka lại tỏ ra rất lạnh lùng. Sau cuộc gặp, Tưởng Giới Thạch nói: “Từ kết quả của cuộc hội đàm toàn diện với thủ tướng Tanaka ngày hôm nay, có thể kết luận rằng: họ không có lòng thành và hoàn toàn không có khả năng hợp tác với Trung Quốc. Ông ta sẽ không cho phép cuộc cách mạng của chúng ta thành công, và ông ta sẽ cản trở

quân Bắc phạt hành động, cản trở sự thống nhất của Trung Quốc. Tôi thật sự nhìn thấy được tình cảnh này.” (Trích “Cuộc trò chuyện với Thủ tướng Nhật Bản Yoshiichi Tanaka ở Tokyo, ngày 5/11, ngày 16 Trung Hoa Dân Quốc”, trích trong “Tuởng Giới Thạch văn tập”).

Năm 1928, khi Tưởng Giới Thạch chỉ huy cuộc Bắc phạt lần thứ hai, Nhật Bản đã gây ra cuộc thảm sát ngày 3 tháng 5 tại Tế Nam. Quân Nhật tra tấn và giết chết nhà ngoại giao Thái Công Thời cùng với gần 4.000 thường dân hòng chặn đứng cuộc Bắc phạt. Tưởng Công nhìn thấu âm mưu của quân xâm lược, xem xét tình hình thực tế về sức mạnh quân sự giữa hai bên, cân nhắc các



Kể từ đó, Tưởng Công luôn viết từ “tuyệt sĩ” vào đầu nhật ký hàng ngày của mình. (Ảnh: Phạm vi công cộng)

yếu tố chiến loạn quốc gia, bố cục kinh tế cùng với sự nghiệp khôi phục đất nước. Vì vậy, ông hạ lệnh tránh xung đột và tiếp tục cuộc Bắc phạt theo đường vòng. Ông viết trong nhật ký: “Thân mang sỷ nhục, đầu tiên từ sự kiện ngày 3/5, giặc Oa và dân tộc Trung Hoa hình thành mối thù không có lời giải.” Ngày 10/5, Tưởng Công viết hai chữ “tuyệt sỷ” trong trang đầu nhật ký (*chữ “tuyệt” phát âm giống chữ “huyết”, do đó ‘tuyệt sỷ’ là chỉ nỗi nhục nợ máu*). Kể từ đó, mỗi ngày Tưởng Công đều viết từ “tuyệt sỷ” vào đầu trang nhật ký của mình. Cho đến trang nhật ký cuối cùng ngày 21/7/1972, bốn mươi bốn năm như một ngày. Việc tránh khai chiến sớm với Nhật Bản đã giúp Trung Quốc có được “Thập kỷ vàng” quý giá, cho phép nền kinh tế phục hồi, các vấn đề quân sự và chính trị cũng đi lên từng ngày, đặt nền tảng vững chắc cho trận chiến đày máu và nước mắt trong tương lai, cuối cùng giành chiến thắng trước Nhật Bản.

Vào thời điểm này, nội tình ở Trung Quốc gia tăng, đại chiến Trung Nguyên cũng vừa kết thúc. Chính phủ Quốc dân chỉ thực sự kiểm soát Hồ Bắc, Giang Tô, Chiết Giang, An Huy, Hà Nam và một số tỉnh khác, trong khi quân đội Trung ương chỉ có 60 vạn người. Các tỉnh miền Trung Tây, Tây Bắc, Hoa Bắc và Đông Bắc đều do quân phiệt kiểm soát, phớt lờ mệnh lệnh của chính quyền trung ương. Tại đây, Tưởng Giới Thạch đã đưa ra quốc sách “an nội nhượng ngoại” (đẹp yên giặc trong, ngăn chặn giặc ngoài): “Nếu không diệt cộng phỉ trước để khôi phục nguyên khí cho dân tộc thì không thể chống xâm lược, nếu không bình định Quảng Đông trước để hoàn thành thống nhất đất nước thì không thể chống

lại ngoại bang.” (Trích thư “An nội nhượng ngoại” gửi đồng bào toàn quốc).

Năm 1933, một nhà ngoại giao của Trung Hoa Dân Quốc là Tưởng Đình Phất cũng lên tiếng ủng hộ chính sách “An nội nhượng ngoại”. Trong bài báo “Lãnh thổ không bị tước đoạt là lối thoát của chúng ta”, ông viết: “Hạ Duẩn Di của nhà Minh từng nói: ‘Mỗi khi quân ta đi đánh thảo khấu, lũ thảo khấu trong lòng lo lắng thì dàn binh ở biên cương và triệu tập dân chúng để sung quân, bọn Đông Di khi cần kíp sẵn sàng tiêu diệt binh tướng của chính mình để ngừa hậu họa. Binh lực hao tổn, quốc lực kiệt quệ, nên không thể làm được việc gì.’ Tình hình hiện nay rất giống cuối thời nhà Minh! Sự lan tràn của Đảng Cộng sản cũng y chang bọn thảo khấu thời Minh, nhưng vì có tổ chức, có kế hoạch và có chủ nghĩa chỉ đạo nên chúng vượt quá cả bọn thảo khấu thời xưa. Nhật Bản ngày nay, luận về thực lực cơ bản, dã tâm lớn, vũ khí và quân đội tinh nhuệ... thì đều vượt xa Mãn Thanh 300 năm trước.” (Trích “Tiêu diệt Cộng phi trước, kháng Nhật sau, đây mới là điều nên làm”).

Vào tháng 1/1932, quân Nhật tấn công Thượng Hải, thủy quân lục chiến xâm lược Áp Bắc. Đội quân đường thứ 19 của Trung Quốc vùng lên kháng cự, “nhất – nhị bát Tùng Hồ kháng chiến” bùng nổ. Tưởng Giới Thạch lấy thân phận là một thường dân đã kêu gọi toàn quốc ủng hộ cuộc kháng chiến chống Nhật: “Trung Chính sẽ cùng chung hoạn nạn với các đồng chí. Hiện nay tuy quân Nhật dã man, nhưng tôi nguyện cùng sinh cùng tử với các tướng sỹ.” (Trích “Hồ sơ bí mật của Tổng thống Tưởng”, Chương 10 “Sự biến ngày 18 tháng 9”).

Chỉ một tháng sau khi Tưởng Giới Thạch từ chức, chính quyền nhà nước do Lâm Sâm và Tôn Khoa lãnh đạo đã rơi vào tình trạng hỗn loạn và khủng hoảng. Bất đắc dĩ, Tôn Khoa và Uông Tinh Vệ khẩn cầu Tưởng Giới Thạch trở về nắm quyền. Tưởng Giới Thạch nói: “Nếu ta không vào Bắc Kinh, chính phủ sẽ cắt đứt quan hệ ngoại giao với Nhật Bản, sẽ không có kế hoạch tổng thể. Nếu làm ầm ĩ và ra tay liều lĩnh trong nhất thời thì đất nước sẽ diệt vong. Vì vậy, tôi sẽ đến Bắc Kinh để giúp Chủ tịch Lâm cứu vãn nguy cơ, tùy theo lương tâm của tôi mà tận hết trách nhiệm.” (Trích trong “Bản phác thảo văn vật đồ thư sự lược của Tổng thống Tưởng Trung Chính”).

Ngày 1/3/1932, Nhật thành lập chính phủ bù nhìn “Mãn Châu Quốc”, chiếm 13% đất đai của Trung Quốc, biến bốn tỉnh miền Đông thành thuộc địa.

Ngày 8/3, Tưởng Giới Thạch được phục hồi chức Ủy viên trưởng Hội Ủy viên Quân sự, trở thành lãnh tụ tối cao của quốc gia, lãnh đạo đại nghiệp cứu dân tộc. Để ngăn chặn Liên Xô thừa nhận chính phủ Mãn Châu, vào tháng 12, ông quyết định nối lại quan hệ bang giao giữa Trung Quốc và Liên Xô, vốn đã bị cắt đứt 5 năm qua.

Từ năm 1934 đến năm 1937, nhân khoảng thời gian hòa bình ngắn ngủi giữa Nhật Bản và Trung Hoa Dân Quốc, Tưởng Giới Thạch đã tiến hành làm yên ổn nội bộ quốc gia, bao vây ĐCSTQ và thu phục các tổ chức quân phiệt địa phương.

Nhẫn nhục gánh vác trọng trách

Sử dụng kế ‘lùi để tiến’ và ‘lấy nhu chế cương’,

Tướng Công đã tranh thủ thời gian bình định nội loạn trước lúc quân Nhật toàn diện tấn công.

“Mục đích cuộc cách mạng của chúng ta là cứu nước và phục hưng dân tộc, từng chút từng chút một cũng không thể thay đổi. Còn tất cả các chính sách và chiến lược khác là để đạt được mục tiêu này, có thể tùy cơ ứng phó với tình hình hiện tại. Miễn là mục tiêu đạt hiệu quả, tất nhiên có thể tiến hoặc lùi, có thể co lại và có thể lộ ra, có thể cương có thể nhu, rồi sau đó tùy cơ ứng biến. Mối quan hệ giữa các vấn đề quốc gia là rất quan trọng và các khía cạnh liên quan cũng rất phức tạp, không dễ thành công như một đường thẳng. Chúng ta phải khéo léo vận dụng lý trí và phát huy hết khả năng nghị lực của mình, đi qua nhiều khúc quanh và trải qua nhiều khó khăn mới có thể thành công. Vạn vật trong thiên hạ có quy luật là phải lùi trước, sau mới có thể tiến, biết thu lại rồi mới vươn ra được, có thể nhu rồi mới khắc chế được cương. Lấy một ví dụ sơ sơ thôi: Ví dụ, muốn vung nắm đấm để ra đòn, trước hết phải thu tay, nắm chặt tay lại rồi duỗi nắm đấm ra, có đủ lực rồi mới đánh được đối phương. Động tác tự vệ cá nhân cũng như thế, các chính sách và chiến lược của quốc gia cũng giống như thế. Trong một số trường hợp, mặc dù bề mặt là rút lui, nhưng trên thực tế là lấy lùi để tiến. Bề ngoài thì thu lại, nhưng trên thực tế thì thu lại trước rồi sau mới duỗi ra. Trên bề mặt thì nhu, nhưng thực tế là lấy nhu khắc cương. Vì vậy, chúng ta không thể chỉ vì thấy chính phủ tỏ ra nhượng bộ và nhẫn nhục với kẻ thù, hoặc có thái độ nhu hòa một chút, thì liền cho đó là thất bại; cũng không thể thấy người ta bức bách, thúc ép, thì chúng ta liền sợ hãi. Từ sự kiện rút

quân ở Hoa Bắc năm ngoái thì có thể hiểu được đạo lý này.” (Trích trong “Con đường trọng yếu để Chính phủ và nhân dân chung sức cứu nước”, năm 1936).

Ngày 18/9/1931, quân Quan Đông (Nhật Bản) gây ra biến cố ở Thẩm Dương, sau đó Nhật Bản công khai xâm lược ba tỉnh miền Đông. Trương Học Lương chống lại mệnh lệnh của chính quyền trung ương và tự ý rút lui không chiến đấu.

Ngày 19/9, Tưởng Giới Thạch viết trong nhật ký: “Giặc Oa nhân cuộc nổi dậy ở Quảng Đông và chia rẽ nội bộ mà thừa cơ xâm chiếm ba tỉnh phía đông của ta. Ôi! Đau đớn thay!”, “Dã tâm của giặc cướp Nhật Bản đã bùng nổ tất khó thu lại, Đông Á từ nay không có ngày bình yên nữa rồi!” (Trích trong “Hồ sơ bí mật của Tổng thống Tưởng”, Chương 8 “Thống nhất toàn quốc”).

Ngày 20/9, nhật ký viết: “Sau khi nghe tin Thẩm Dương, Trường Xuân và Doanh Khẩu bị Nhật Bản cưỡng chiếm, tôi thấy bất an, cảm giác giống như mất cha mất mẹ vậy. Là con cháu của tổ tiên, nếu tôi không thu hồi vùng Đông Bắc thì xem như không còn tư cách làm người nữa.” Tại thời điểm đó, nếu Trung Quốc tuyên chiến với Nhật Bản, tổ cái dưng của kẻ thất phu thì quốc gia sẽ đi đến diệt vong. Chính phủ quyết định nhẫn nhục để tồn tại, đồng thời tăng cường ngoại giao với Nga, Mỹ, Anh, Đức và các cường quốc khác để khắc chế Nhật Bản.

Trong khi quốc gia lâm nạn, ĐCSTQ đã kích động làn sóng sinh viên và buộc chính phủ phải tuyên chiến với Nhật. Ngày 28/9, đoàn sinh viên thỉnh nguyện đã tấn công Ngoại trưởng Vương Chính Đình. Tưởng Công viết trong nhật ký rằng:

“Hôm nay, sinh viên Đại học Trung ương tấn công Bộ Ngoại giao và đánh vỡ đầu người đứng đầu của bộ; sinh viên Thượng Hải cũng lần lượt đến thỉnh nguyện. Nhất định họ là kẻ tiếp tay của bọn phản động, nên có động cơ chính trị rõ ràng. Tình hình hiện tại vô cùng nghiêm trọng, nội ngoại rối ren, lòng dân ly tán, loạn lạc, quốc gia không biết ngày nào sẽ tàn lụi. Khổng Minh suốt đời cúc cung tận tụy, đến chết mới thôi. Nay ta cũng ở trong hoàn cảnh này, tất cũng sẽ làm như vậy, không hổ thẹn là con của cha mẹ ta, là đồ đệ của



*Tướng Giới Thạch gặp đại diện sinh viên ngày 28/9/1931.
(Ảnh: Phạm vi công cộng)*

Thủ tướng (Tôn Trung Sơn). Nhờ ta chẳng may gặp nguy hiểm đến tính mệnh, thì bức thư này xem như là di chúc vậy. Duy trì ý chí phục thù, chớ quên nỗi nhục máu này, huynh đệ trong ngoài, nguyện cùng đồng bào đoàn kết nhất trí, dưới sự lãnh đạo chỉ huy của Quốc Dân đảng, hãy kiên nhẫn chịu khổ, không ngừng học tập, nghiêm cẩn giữ trật tự, phục tùng kỷ luật, trong vòng 10 năm kể từ ngày chịu nỗi nhục nợ máu này mà hoàn thành đại nghiệp cách mạng quốc dân — Di chúc của Tưởng Trung Chính.” (Trích trong “*Bạn biết bao nhiêu về di chúc của Tưởng Giới Thạch*”, Trần Hồng Dân năm 2010). Bản Di chúc này chưa từng được công bố, và chỉ được phát hiện khi người đời sau chỉnh lý nhật ký của Tưởng Công.

Khi gặp đại biểu sinh viên ngày 28/9/1931, Tưởng Giới Thạch phát biểu: “Về tình thế kháng Nhật, nếu tôi muốn nhân dân cả nước ủng hộ mình, thì quá dễ dàng. Chỉ cần tuyên chiến với Nhật Bản, nhân dân cả nước sẽ khen ngợi tôi. Vậy vì sao tôi không làm, và mọi người lại nghi ngờ rằng tôi không kháng Nhật? Không phải tôi sợ chết, mà tôi không thể hủy hoại huyết mạch của quốc gia. Tôi không thể đặt mạng sống của dân tộc vào nguy hiểm. Tôi phải lập kế hoạch cho tiền đồ của quốc gia, và vì cần suy nghĩ cho tương lai dân tộc, không thể vì danh tiếng cá nhân mà khiến Trung Quốc diệt vong. Đất nước không bị diệt vong vĩnh viễn, hoặc nếu bị diệt vong vài chục năm hoặc vài trăm năm, thì vẫn có thể phục hưng được. Nhưng nếu chúng ta có cách để quốc gia không bị diệt vong, không phải chịu khổ mấy chục năm hoặc mấy trăm năm, thì tại sao chúng ta không

làm? Vì sao chúng ta lại mạo hiểm hàng chục năm hoặc hàng trăm năm để chịu nhận thống khổ chứ?”

Vào tháng 12, các sinh viên từ hai địa phương Bình Tân đã tổ chức “nhóm biểu tình kháng Nhật và cứu quốc ở miền nam” và đả thương Thái Nguyên Bồi – một nguyên lão của Trung Hoa Dân Quốc. Ngày 12/12, Tưởng Giới Thạch tiếp đoàn sinh viên thỉnh nguyện và có cuộc nói chuyện suốt hai tiếng đồng hồ trong tiết trời gió lạnh. Nhật ký ngày đó viết: “Vài lời sỉ nhục.” Vào ngày 14, ông nói: “Hãy giải thích cặn kẽ cho đại diện sinh viên về bản kiến nghị. Những người trẻ tuổi có lý trí chiếm đại đa số, chỉ thiếu số là những kẻ bại hoại, hoành hành không kiêng nể gì, thiếu hiểu biết lễ nghi, đặc biệt là đau thương vì quốc gia.” (*Trích trong “Lãnh tụ kháng Nhật Tưởng Giới Thạch” của Viên Định Hoa*).

Để đảm bảo sự bình yên dài lâu cho toàn quốc, Tưởng Công đã chịu đựng sự sỉ nhục bên trong và sỉ nhục bên ngoài, thậm chí còn lập di chúc. Có thể thấy rằng tình hình lúc ấy khá gian nan, lòng ông cũng như lửa đốt. Vào ngày 15/12, dưới áp lực của Uông Tinh Vệ và những người khác, Tưởng Giới Thạch buộc phải từ chức Chủ tịch Chính phủ Quốc dân, Trưởng viện hành chính, kiêm Tổng tư lệnh Lục, Hải, Không quân. Đây là lần từ chức thứ hai của ông.

Phần 12: Trì hoãn chiến tranh

Trì hoãn chiến tranh

Năm 1932, Tưởng Giới Thạch trong lần diễn thuyết tại trường Sĩ quan lục quân tiên đoán rằng: “Theo cách nhìn của ta thì khoảng năm 1936... E rằng khi đó đại chiến thế giới lần hai cũng sẽ bắt đầu... Lúc Đại chiến lần này nổ ra, chính là mấu chốt cho sự tồn vong của Trung Quốc chúng ta.” (trích trong Con đường Phục hưng Trung Quốc, 1932)

Sau lần Bắc phạt, Tưởng Giới Thạch liền mời cố vấn quân sự người Đức đến Trung Quốc giúp huấn luyện quân đội, sáng lập ra ngành công nghiệp quân sự, chế định chiến lược quốc phòng, thậm chí tham dự chiến tranh. Cuối cùng Trương đoàn cố vấn nhiệm kỳ thứ nhất – Thượng tướng Falkenhausen trước khi rời khỏi chức vị đã giúp Tưởng Công chế định ra chiến lược kháng Nhật, và cũng tham gia dịch Tùng Hồ (Thượng Hải) và cả chiến dịch Đài Nhi Trang.

Trong khoảng thời gian từ Bắc phạt đến kháng Nhật “mười năm hoàng kim”, kinh tế Trung Quốc có được sự nhảy vọt tiến triển. Tưởng Công trong Vận mệnh của Trung Quốc nói rằng: “Trong vòng mười năm này, chính phủ quốc dân đang nhần nại, và run rẩy lo lắng, đang nằm trong hoàn cảnh hiểm họa ăn bữa hôm lo bữa mai, nhưng vẫn có thể xúc tiến kinh tế quốc dân, khiến hàng tiêu dùng nhập khẩu dần dần giảm xuống, mà các đồ công cụ máy móc nhập khẩu thì lại dần dần

tăng lên, và thật sự thấy được sự tiến bộ của các ngành công nông nghiệp và khai thác ở trong nước. Mà thành tích hiển lộ rõ nhất là các chính sách về giao thông và tài chính.” “Chúng ta hôm nay kháng chiến, khiến cho quân sự và kinh tế có thể đứng ở thế không bị thất bại, thực sự là nhờ chính sách này vậy.”

Dù vậy, vào năm 1937, tổng sản lượng công nghiệp của Nhật Bản gấp 4.5 lần Trung Quốc (tức là 6 tỷ USD của Nhật Bản so với 1.4 tỷ USD của Trung Quốc), tổng sản lượng sắt thép là gấp 145 lần Trung Quốc (5 triệu 800 nghìn tấn so với 40 nghìn tấn), tổng sản lượng than đá là gấp 4 lần (5 triệu lẻ 7 nghìn tấn so với 1 triệu 260 nghìn tấn), sản lượng dầu mỏ là gấp 130 lần (1 triệu 619 nghìn tấn so với 13.1 nghìn tấn), sản lượng đồng là gấp 125 lần (87 nghìn tấn so với 0.7 nghìn tấn). Quân Nhật còn có năng lực sản xuất máy bay hằng năm là 1580 chiếc, các loại pháo hạng nặng là 744 chiếc, xe tăng 330 chiếc, ô tô 9,500 chiếc, đồng thời có năng lực chế tạo tàu thuyền với tải trọng 470,000 tấn và tàu chiến với tải trọng 60,000 tấn, ngược lại Trung Quốc thì không có năng lực sản xuất vũ khí hạng nặng. Theo thống kê của chuyên gia quân sự nước Mỹ thời đó: hỏa lực của sư đoàn trọng giáp của Nhật Bản là khoảng gấp 3 đến 4 lần số lượng quân đoàn Trung ương, và chỉ ít gấp 6 lần trở lên so với các đội quân bán chuyên nghiệp ở địa phương

Theo hồi ức của Tôn Nguyên Lương, một vị tướng lĩnh của quân Quốc Dân tham gia trận chiến ở Tùng Hồ (Thượng Hải): “Quân Nhật một sư đoàn thì phải có hơn 5000 con ngựa, 500 chiếc xe hơi, mỗi người một cái súng trường; Nhưng quân Quốc Dân mỗi sư đoàn chỉ

có 3800 cái súng trường, đã không xe tăng, lại không có lục – không quân hiệp trợ, đa số sư đoàn đều không có đại pháo. Binh lính của chúng ta thường thường khi gặp xe tăng quân địch trên chiến trường, mới hiểu được trong thiên hạ này lại có loại vũ khí kiểu mới này ư. Chiến sự vừa mới bắt đầu thì phát hiện thương binh không có bác sĩ không có thuốc men, binh lực vận động toàn quốc được 3 triệu đến 5 triệu người, thế nhưng chỉ có được 1 triệu khẩu súng trường, 300 tấn nguyên liệu thô mà kho vũ khí sử dụng hàng tháng để chế tạo vũ khí và đạn phải chờ máy bay Mỹ chuyển vào bằng đường hàng không. Đạn đã chế thành rồi, nhưng binh quân mỗi binh lính chỉ được phát 4 viên bao gồm cả đạn ở bên trong súng. Lúc Tướng quân Stilwell nhậm chức tùy viên quân sự của lãnh sự quán nước Mỹ ở Trung Quốc, từng thấy tận mắt chiến dịch Đức An Giang Tây vào năm 1938, có một đoàn quân, toàn đoàn quân chỉ có 4 khẩu súng máy hạng nhẹ (theo biên chế phải nên có 100 khẩu mới đúng), mỗi một khẩu chỉ có 200 viên đạn, trong vòng 10 phút là bắn hết rồi. Đoàn quân này đã chiến đấu ác liệt với quân Nhật trong hai ngày đêm, mất 600 người, bị thương 500 người, sau khi phụng mệnh rút lui chỉ còn 400 người sống sót. Sau khi cuộc chiến ở Triều Tiên nổ ra, ta đã sống ở Nhật Bản nhiều năm, đã đọc hết các văn kiện và chiến sử của quân đội Nhật Bản, bọn họ ghi chép rằng thi thể của quân Quốc Dân nằm rải rác trên trận địa là nhiều gấp hơn 20 lần quân Nhật Bản.”

Đối mặt với dã tâm to lớn của Nhật Bản, thái độ của người dân trong nước phân thành 2 phe: Những người thuộc phe buông xuôi, bàn lùi, thì muốn cầu an

với giặc Nhật, và đề xướng thuyết “bất chiến” (tức là không đánh Nhật). Còn phe quá khích, lợi dụng kết quả ngoại giao để tranh quyền đoạt lợi nội bộ bên trong, họ đã đề xướng thuyết “thôi chiến” (tức là thôi thúc chiến tranh). Bọn họ đã quên đi sự kiện lịch sử Hòa Nghị cuối thời Tống, sự kiện đó từng suýt hãm dân tộc chúng ta đi đến diệt vong. Bọn họ lại cũng quên mất chiến dịch “thôi chiến” (tức là thôi thúc chiến tranh) cuối thời nhà Minh, từng gây ra vết thương lớn cho quân lính bảo vệ biên cương, thậm chí xảy ra tình trạng thảm hại khiến đất nước diệt vong không thể cứu vãn” (Mệnh vận của Trung Quốc).

Tướng Giới Thạch cổ vũ người trong nước: “Hiện tại trên trái đất này, các quốc gia có tư cách độc lập chỉ có ba loại: một loại chính là Trung Quốc chúng ta, một loại khác là nước Mỹ, và loại thứ ba là nước Nga. Mà trong 3 quốc gia này dân số nhiều nhất lại là Trung Quốc chúng ta, cho nên Trung Quốc chúng ta nếu thật sự có thể thống nhất lại, tự cường vững vàng, thì không chỉ không có quốc gia dám đến xâm lược Trung Quốc, mà còn không có một quốc gia nào có thể không tôn kính Trung Quốc.” (Buổi giảng thuyết của Thủ tướng nhân kỷ niệm của trường Quân sự năm 1932)

Năm 1934, Tướng Giới Thạch nói trong buổi thuyết giảng với đoàn huấn luyện Sĩ quan ở Lư Sơn rằng: “Lúc Tôi ở Nhật Bản, thường thường đàm luận về vấn đề chính trị quốc tế cùng các tướng lĩnh của họ, Bọn họ nói với ta một cách thực thà rằng: Hiệp ước bất quá chỉ là một trang giấy, xé đi một cái là xong thôi. Bởi vậy có thể thấy được bọn họ từ trước đến nay đều không có coi trọng tín nghĩa, xem bất kể Hiệp Ước nào cũng

chẳng ra gì, từ trước đến nay vẫn là chủ trương cường quyền, thích giải quyết bằng vũ lực, lúc nào cũng như đang tư thế chuẩn bị tác chiến với nước đối địch.” “Chúng ta tưởng nhớ lại thời kỳ 15 năm Dân Quốc, Đại tướng Điền Trung của bọn họ, đã phán đoán quân cách mạng Quốc Dân của chúng ta, nội trong vòng nửa năm nhất định sẽ tự tàn sát lẫn nhau, tất yếu tự nhiên thất bại thôi.” Người Nhật Bản luôn đinh ninh rằng: “Từ đầu đến cuối quân nhân của Trung Quốc chúng ta sẽ chẳng ra được trò trống gì”. “Nên biết rằng chúng ta là đồng bào dân tộc Trung Hoa, là con cháu Viêm Hoàng, có một loại thiên chất ưu tú đặc biệt, bất luận khó khăn ra sao, nguy hiểm như thế nào, bất luận khó khăn nghiêm trọng đến đâu, kẻ địch có lớn mạnh đến đâu, chúng ta nhất định có phương pháp đánh bại chúng.” (trích trong Chống cự ngoại xâm cùng phục hưng dân tộc, năm 1934).

Tháng 1 năm 1936, Tướng Giới Thạch trong buổi diễn thuyết tại Nam Kinh, đã vạch trần chiến lược của Nhật Bản: “Nội bộ người Nhật Bản không sợ mà nói công khai rằng, đả đảo Tướng Giới Thạch tiêu diệt Quốc Dân đảng, Trung Quốc sẽ chia năm xẻ bảy hỗn loạn không dứt. “Nhật Bản vì sao dùng cách nhìn này để xem Quốc Dân đảng và Tướng Giới Thạch tôi đây như là cái đinh trong mắt vậy? Nguyên nhân căn bản cốt lõi, chính là họ vốn có chính sách truyền thống là muốn xâm lược Trung Quốc chúng ta xưa nay rồi, mà Quốc Dân đảng của Trung Quốc chúng ta cũng có một chính sách truyền thống cố hữu cứu vãn lấy Trung Quốc, chính sách truyền thống của đôi bên vừa hay lại đối chọi gay gắt, hai bên đúng là xung khắc tuyệt đối.”

“Bọn họ không xem người Trung Quốc coi như con người, không xem Trung Quốc coi như một quốc gia, bọn họ xem Trung Quốc tuy có 400 triệu người, nhưng trên thực chất như là không có người nào vậy. Bọn họ cho rằng đảng cách mạng tuyệt đối không có cách nào có thể khởi sắc lên được, tuyên thệ xuất quân Bắc phạt, thực chỉ như là trò cưỡi thoi. Sau đó quân cách mạng của chúng ta một mạch đánh tới Vũ Hán, chiếm lĩnh Nam Kinh, Thượng Hải, bọn họ liền vô cùng ngạc nhiên, nói rằng không biết đảng cách mạng làm thế nào lại có thể từ đồng đổ nát mà bỗng nhiên từ Quảng Đông có thể đánh tới lưu vực sông Trường Giang!” (Con đường trọng yếu để Chính phủ cùng nhân dân cứu quốc, năm 1936)

“Trước tháng 6 năm ngoái, quốc gia chúng ta có thể nói là không cơ sở gì, ăn bữa hôm lo bữa mai, Nhật Bản bọn họ nội trong vòng 1 tháng, liền có thể đem chúng ta Trung Quốc toàn bộ tiêu diệt đi. Nhưng từ sau tháng 6 năm ngoái, bởi vì chúng ta đã thống nhất ba tỉnh Xuyên Điền Kiềm (tức ba tỉnh Tứ Xuyên, Vân Nam, và Quý Châu), là nền tảng sau cùng cho sự tồn vong của quốc gia, từ đây đã được ổn định” (Con đường trọng yếu để Chính phủ cùng nhân dân cứu quốc, năm 1936)

Tướng Giới Thạch nói cho người dân cả nước, Đại Tây Nam là nơi đặc biệt có thể tử chiến vì Trung Quốc chúng ta, là bảo địa đặc thắng để khắc địch chế. Về sau sự thật hoàn toàn đã chứng minh cho luận thuật của ông.

Trong nhật ký của mình vào ngày 21 tháng 8 năm 1935, Tưởng Công đã tiên đoán tình hình trước mắt của quan hệ Nhật - Trung: “(1) Đối với Trung Quốc

không chiến mà khuất phục. (2) Đối với Trung Quốc chỉ có thể uy hiếp để phân hoá, tạo ra thổ phỉ Hán gian, để cho chúng làm nhiễu loạn, mà không được thật sự dùng vũ lực, sau đó chinh phục Trung Quốc. (3) Cuối cùng là dùng binh tiến công. (4) Trung Quốc kháng cự lại. (5) Bị quốc tế can thiệp và dẫn đến chiến tranh thế giới. (6) Nước Nhật nội loạn và cách mạng nổ ra. (7) Nội trong vòng mười năm Giặc Oa (chỉ Nhật Bản) thất bại.” Ngoại trừ cái điều thứ 6 ra, thì tất cả các điều khác đều có bên trong dự ngôn của ông.

Tháng 11 năm 1935, Tưởng Công trong đại hội toàn Quốc Dân đảng lần thứ 5 đã tuyên bố: “Nền hòa bình chưa tới thời kỳ tuyệt vọng hết mức, quyết không từ bỏ hòa bình, sự hi sinh chưa tới giai đoạn sau cùng nhất, quyết không xem nhẹ sự hy sinh đó.” Mục tiêu của Tưởng Giới Thạch là trì hoãn chiến tranh nổ phát ra, tranh thủ thời gian, chuẩn bị thời điểm trọng yếu tối hậu đến.

Phần 13: Cấu kết bên trong và bên ngoài

Cấu kết bên trong, liên kết bên ngoài

Kể từ thời Minh Trị, Nhật Bản từ lâu đã hình thành cái gọi là chính sách Đại lục bắc Tiến và Hàng hải Nam Tiến. Quân đội coi Liên Xô là kẻ thù số một, và chủ trương Bắc Tiến rằng “trước tiên đổ mọi lực lượng vào để đánh bại Liên Xô”. Lực lượng hải quân sẽ di chuyển về phía nam, và đối phó với Liên Xô sau khi vương quốc Anh và Hoa Kỳ bị trục xuất khỏi Đông Á. Một tháng trước Biến cố Tây An, vào ngày 25 tháng 11 năm 1936, Nhật Bản và Đức đã ký “Hiệp định Quốc tế chống Cộng sản” tại Berlin, nhằm vào Liên Xô.

Trước khi xảy ra biến cố Tây An, Trương Học Lương bị ảnh hưởng bởi Trung Cộng và những người thân với Trung Cộng nên đã nộp đơn xin gia nhập ĐCSTQ. Trong quá trình giao tiếp với Trương Học Lương, Trung Cộng đã che giấu về chỉ thị “Liên Minh Tưởng kháng Nhật” của Cộng sản Quốc tế”; bên cạnh đó Trung Cộng còn giấu diếm không cho Cộng sản Quốc tế biết về chủ trương binh biến của Trương Học Lương. Trương Học Lương hoàn toàn chìm trong bóng tối, cứ nghĩ có sự ủng hộ của Trung Cộng và quân đội trong nước, cứ thể phát động binh biến, với con bài mặc cả là Tưởng Giới Thạch, kẻ đe dọa lớn nhất đối với Đảng Cộng sản Trung Quốc, ông ta có thể đổi một lượng lớn viện trợ Nga Xô để thống trị vùng tây bắc.

Vào ngày 12 tháng 12 năm 1936, Trương Học Lương, phó tổng tư lệnh của thổ phỉ Tây Bắc, và Dương Hồ Thành, tổng tư lệnh của đội quân đường thứ mười bảy của quân cách mạng quốc gia, phát động một cuộc binh biến phản loạn ở Tây An, bắt giữ Tưởng Giới Thạch, chủ tịch Ủy ban quân đội chính phủ kiêm tổng chỉ huy quân thổ phỉ Tây Bắc.

Sau sự kiện Tây An, Tưởng Công nói: “Vụ việc này là một bước lùi lớn trong quá trình cách mạng quốc gia của chúng ta: Tám năm nỗ lực trấn áp bọn cướp dục kiến sẽ hoàn thành trong hai tuần (tối đa là một tháng), nhưng kết quả đã thay đổi hoàn toàn kèm theo những tàn phá kinh hoàng. Công trình giao thông quốc phòng và xây dựng kinh tế Tây Bắc đã vắt kiệt công sức của đất nước và xã hội mấy năm nay, việc vận hành và lắp đặt còn thô sơ và quy mô lớn, sau sự hỗn loạn này, thiệt hại khó có thể tính toán được. Nếu chúng ta muốn lập lại trật tự địa phương và tín dụng kinh tế theo quan niệm cũ, đó chắc chắn không phải là điều cần làm một cách quyết liệt. Tóm lại, quá trình dựng nước sẽ phải lùi lại ít nhất ba năm, đó là nỗi đau của quốc gia! Những người tạo nên sự hỗn loạn cũng đều tồn tại lương tri, và họ cũng sẽ hối hận về sự kiêu ngạo và bất cần của mình.” (“Nhật ký Tây An”, 1937). Tưởng Giới Thạch luôn tin rằng những người theo ĐCSTQ dù gì cũng là người Trung Quốc, cuối cùng họ sẽ yêu Trung Quốc, có thể cùng nhau làm cách mạng cứu nước. Vì vậy, Tưởng Giới Thạch có ý tốt, giữ lời hứa, tổ chức lại quân đội ĐCSTQ và ngừng đàn áp ĐCSTQ.

Sau sự kiện Tây An, giới chính trị và quân sự Nhật Bản đã chứng kiến sự thống nhất trong nội bộ Trung

Quốc, và Chính phủ Quốc gia cũng đã chuẩn bị sẵn sàng để kết hợp với Đảng Cộng sản và chống lại Nhật Bản. Cảm thấy có một mối đe dọa lớn hình thành, vì vậy thay vì chờ đợi chính quyền trung ương chuẩn bị cho chiến tranh, họ đã phát động Sự kiện Lư Câu Kiều và bắt đầu thôn tính miền Bắc Trung Quốc.

Đảng Cộng sản Liên Xô đã làm hết sức mình để thúc đẩy giải quyết hòa bình sự kiện Tây An, Stalin biết rằng chỉ có Tưởng Giới Thạch mới có khả năng lãnh đạo toàn bộ cuộc chiến tranh chống Nhật của Trung Quốc, Vì lợi ích sống còn của Liên Xô, để giảm bớt mối đe dọa của Nhật Bản đối với Liên Xô, ĐCSLX đã nghiêm cấm ĐCSTQ giết Tưởng Giới Thạch vì điều này giúp quân đội Nhật Bản có thể tấn công Trung Quốc trong thời gian ngắn, tránh được việc quân đội Nhật Bản tiến lên phía bắc và hình thành tình thế câu kết với Đức Quốc xã để tấn công Liên Xô.

ĐCSTQ bị quân đội Quốc gia bao vây ở phía bắc Thiểm Tây, đã sống sót sau sự kiện Tây An, trong tám năm sau đó, nó đã có thể phát triển và lớn mạnh theo chiến lược của Mao Trạch Đông “Một phần kháng Nhật, hai phần ứng phó, bảy phần phát triển”.

Nếu không có Biến cố Tây An, cuộc kháng chiến toàn diện của Trung Quốc chống Nhật Bản có thể bị hoãn lại. Nhật Bản có thể tấn công Liên Xô trước tiên ở phía bắc, và sẽ không mở cuộc tấn công về phía nam vào Trân Châu Cảng, và lịch sử thế giới về Thế chiến thứ hai và hơn thế nữa sẽ được viết lại.

Trương Học Lượng là người kế vị Trương Tác Lâm chỉ huy quân Phạt Phong tộc. Trương Học Lượng thời còn trẻ, mười chín tuổi theo học tại Giảng đường Đông

Bắc, một năm sau tốt nghiệp, ông giữ chức Lữ đoàn trưởng và được phong quân hàm đại tá. Trong cuộc viễn chinh phương Bắc, Phong tộc thất bại, Trương Tác Lâm bị ném bom chết ở Hoàng Cố Đồn trên đường trở về Thẩm Dương. Sau khi Trương Học Lượng lên nắm quyền, ông đã ban hành “không bao giờ cản trở thống nhất Điện tín”, tuyên bố trung thành với Chính phủ quốc gia, Đông Bắc thay đổi quốc kỳ và Trung Quốc nhận ra sự thống nhất chính thức của đất nước.

Trương Học Lượng đã từng tạo nên cuộc chiến tranh giữa đường sắt Trung Đông và Liên Xô. Trương Học Lượng ủng hộ chính quyền trung ương sau khi đổi cờ ở Đông Bắc, tham gia đại chiến Trung Nguyên, kiểm soát 4 tỉnh Đông Bắc và Hoa Bắc, và trở thành nhân vật quan trọng của Trung Hoa Dân Quốc. Sau khi quân chủ lực của Trương Học Lượng tiến vào, quân đội ở ba tỉnh phía đông không đủ, Quân đội Nhật Bản đã nhân cơ hội phát động “Sự cố ngày 18 tháng 9”.

Trước biến cố Tây An, Trương Học Lượng đã nắm trong tay hàng trăm ngàn quân Đông Bắc được huấn luyện tinh nhuệ. Ngày 2 tháng 1 năm 1932, Quân đội Đông Bắc rút lên đèo. Từ khi Nhật Bản khởi xướng “Sự kiện ngày 18 tháng 9” đến khi Trương Học Lượng nhượng bộ toàn bộ lãnh thổ của ba tỉnh đông bắc, Trương Học Lượng chưa bao giờ phát lệnh tác chiến.

Vào đêm “Sự cố ngày 18 tháng 9”, Trương Học Lượng đã đưa ra hai mệnh lệnh không được kháng cự. Khi quân đội Nhật tấn công Trại Bắc Đại, Tham mưu trưởng quân Đông Bắc Vinh Trân đã xin chỉ thị từ Trương Học Lượng. Trương trả lời qua điện thoại

rằng “Tôn trọng tôn chỉ hòa bình của Liên Hợp Quốc và tránh xung đột”.

Trương Học Lượng đã trả lời phỏng vấn công khai với đài truyền hình NHK của Nhật Bản vào năm 1990 và nói trong một cuốn hồi ký vào những năm cuối đời của mình, “Chính quân đội Đông Bắc của chúng tôi đã chọn không kháng cự. Lúc đó tôi nhận định rằng người Nhật sẽ không chiếm toàn bộ Trung Quốc, tôi đã không nhìn rõ ý đồ xâm lược của họ nên cố gắng hết sức để tránh kích động người Nhật và không cho họ có cơ để mở rộng chiến tranh. “Tôi đã sai lầm trong nhận định của mình về Sự cố ngày 18 tháng 9”.

Ngày 8 tháng 12 năm 1931, Tưởng Giới Thạch gọi điện cho Trương Học Lượng báo rằng “Quân Cẩm Châu không được rút lui vào lúc này”. Ngày hôm sau, Tưởng cử một đội quân hàng không khác đến trợ giúp. Vào ngày 29 tháng 12, Hội nghị chính trị trung ương của Quốc dân Đảng (khi Tưởng Giới Thạch xuống và Tôn Kế đang nắm quyền) ra quyết định: “Trong trường hợp bị xâm phạm, hãy phản kháng”. Chính phủ Quốc dân Đảng đã điện báo tinh thần cuộc họp cho Trương Học Lượng, Trương Học Lượng trả lời: “Mạnh yếu chênh lệch quá rõ, bất luận như thế nào cũng cần nâng cao tinh thần, và cần thêm sự may mắn đi kèm”.

Ngày 6 tháng 8 năm 1932, Ông Tinh Vệ liên tiếp đưa ra 5 bức điện thư, tố cáo Trương Học Lượng “Năm ngoái bỏ Thẩm Dương, lại mất Cẩm Châu, khiến 30 triệu dân và hàng trăm vạn đất đai bị mất vào tay giặc, tạo thuận lợi cho giặc mở rộng lãnh thổ đến Tùng Hộ. Đến hôm nay tôi cũng chưa nghe về sách lược một binh – một mục tiêu, vì vậy mà mượn danh phản kháng, để

tập trung tích trữ lực lượng”. Vào ngày 8 tháng 8, Ông Tinh Vệ đã tổ chức một cuộc họp báo và chỉ ra rằng: “Hôm nay Nhiệt Hà đang ở trong tình thế tuyệt vọng, Bình Tân đang gặp nguy hiểm, Trương Hán Khanh không điều binh hỗ trợ, ngày quốc gia đang lâm vào tình trạng nguy hiểm sắp cận kề. Vì vậy, con đường cứu nước duy nhất chỉ có thể là quân phạt, thống nhất nội chính”.

Vào thời điểm đó, tình trạng nghiện ngập của Trương Học Lượng đã nghiêm trọng, trước trận Nhiệt Hà, Tổng Tử Văn cùng Trương Học Lượng ngồi chuyển xe đi kiểm tra chiến tuyến trên, đã phát hiện Trương Học Lượng cứ đi được 40km là phải dừng lại tiêm morphine một lần.

Từ năm 1933 đến năm 1934, Trương Học Lượng đi du lịch châu Âu để cai nghiện. Sau khi Trương trở về Trung Quốc, Tưởng Giới Thạch đã bổ nhiệm ông làm Phó tổng tư lệnh trấn áp thổ phỉ ở ba tỉnh Hồ Bắc, Hà Nam và An Huy. Trương đã dẫn một trăm nghìn quân Đông Bắc chống lại ba vạn Hồng quân, và quân Đông Bắc đã bị đánh bại.

Năm 1935, Tưởng Giới Thạch bổ nhiệm Trương Học Lượng làm phó tổng tư lệnh thổ phỉ Tây Bắc, cùng 200.000 quân Đông Bắc tiến vào Thiểm Tây và Cam Túc. Thiểm Tây do lãnh chúa Dương Hồ Thành kiểm soát, anh ta từ thủ lĩnh đám thổ phỉ hơn chục người và trở thành thủ lĩnh quân sự và chính trị của tỉnh Thiểm Tây.

“Quốc gia” trong Nước

Trung Cộng lợi dụng những cuộc Bắc Phạt đã kích động quân phạt địa phương và quân đội chính phủ trung ương. Đảng Cộng sản Trung Quốc được thành lập năm 1921, sau sự hợp tác đầu tiên giữa Quốc dân Đảng và Đảng Cộng sản, sau khi Tưởng Giới Thạch xóa bỏ đảng phái, ông bắt đầu dấy binh ở Nam Xương vào năm 1927, ông tự thành lập một quốc gia trong nước và công khai chống lại Chính phủ Quốc dân. Từ hơn 10.000 người đến 300.000 quân chính quy và hàng trăm nghìn dân quân địa phương, đồng thời kiểm soát sáu khu vực lớn của Liên Xô trải dài trên một số tỉnh ở Trung Quốc, chẳng hạn như Chiết Giang – Giang Tây, quận Xô viết Hồ Nam – Giang Tây, khu Xô viết Tây Hồ Nam – Hồ Bắc, Hồ Bắc – Hà Nam Khu Xô Viết An Huy, và Khu Xô Viết Bắc Thiểm Tây. Lãnh thổ của nó đã mở rộng đến sáu mươi quận, với dân số 4,3 triệu người và diện tích lãnh thổ hơn 80.000 km vuông.

Từ cuối năm 1930 đến đầu năm 1931, ĐCSTQ đã giành chiến thắng trong cuộc chiến chống bao vây đầu tiên. Sau cuộc chiến này, chính phủ Quốc dân Đảng nhận ra rằng ĐCSTQ đang hết sức bành trướng, và quân đội quốc gia không thể loại bỏ nó chỉ với lực lượng của một tỉnh. Hơn một tháng sau Biến cố ngày 18 tháng 9 năm 1931, Đảng Cộng sản Trung Quốc lợi dụng sự xâm lược của kẻ thù nước ngoài, sự ly khai của quân phạt và sự yếu kém của chính quyền trung ương. Dưới sự hỗ trợ tài chính và sự kiểm soát trực tiếp của Cộng sản Quốc tế, ngày 7 tháng 11, Quốc khánh Liên Xô, “Nước Cộng hòa Xô viết Trung Hoa” được thành lập tại Thụy Kim,

Giang Tây. Cộng hòa Xô Viết Trung Hoa được thành lập trên lãnh thổ của Trung Hoa Dân Quốc và đặt tại vị trí rất gần với Nam Kinh, thủ đô của Trung Hoa Dân Quốc. Dùng lời của Tưởng Giới Thạch mà nói, nếu không cẩn thận thì Nam Kinh cũng sẽ bị đánh chiếm.

ĐCSTQ đã tuyên bố trong “Thông báo của Ban Chấp hành Trung ương Cộng hòa Xô Viết Trung Hoa” rằng từ nay về sau, ở Trung Quốc sẽ có hai quốc gia khác nhau. Một là Trung Hoa Dân Quốc, một công cụ của chủ nghĩa đế quốc. Nước còn lại là Cộng hòa Xô Viết Trung Hoa, một đất nước bóc lột và áp bức giai cấp công nhân, nông dân và binh lính. Ngọn cờ của nó chính là đánh đổ chủ nghĩa đế quốc, xóa bỏ giai cấp địa chủ, lật đổ chính quyền quân phạt Quốc dân Đảng, thành lập chính quyền Xô Viết trên toàn lãnh thổ Trung Quốc.

Phần 14: Satan mê hoặc lòng người

Chỉ sai kém một chiến dịch

Hai cuộc bao vây và trấn áp đầu tiên của quân đội ĐCSTQ, lực lượng chính của quân đội quốc gia không can thiệp. Trong chiến dịch bao vây và trấn áp lần thứ ba vào năm 1931, lực lượng chính của quân đội quốc gia đã can thiệp và đạt được một số thành tựu, nhưng nó bị đình chỉ do Sự cố ngày 18 tháng 9. Cuộc bao vây và đàn áp lần thứ tư buộc phải dừng lại sau chưa đầy một tháng do biến sự Nhiệt Hà kháng Nhật.

Tướng Giới Thạch tự mình chỉ huy lần vây quét thứ năm, cho rằng lần thứ năm vây quét là “vây quét quân sự, vây quét kinh tế, vây quét giao thông và vây quét văn hóa”. Phạm vi quyền lực của Nam Xương Hành Doanh được mở rộng ra 5 tỉnh Phúc Kiến, Quảng Đông, Hồ Nam, Giang Tây và Chiết Giang. Tướng Giới Thạch đã tổ chức “Nhóm huấn luyện sĩ quan Lộ Sơn” tại Lư Sơn, Giang Tây, để huấn luyện đặc biệt cho việc tấn công Đảng Cộng sản. cùng với sự giúp đỡ của các chuyên gia quân sự nước Đức, họ đã tấn công vào những chỗ thiếu sót của quân đội ĐCSTQ.

Tướng Giới Thạch đề xuất với các sĩ quan được đào tạo trong Quân đoàn Huấn luyện Sĩ quan Lư Sơn rằng nên thay đổi các chiến thuật chống cộng cũ, Ông nêu rõ, “Chiến thuật cũ tập trung vào phòng thủ, trong khi chiến thuật mới tập trung vào tấn công; chiến thuật cũ sử dụng đội hình dày đặc hơn, trong khi chiến thuật mới tập trung vào đội hình sơ tán; chiến thuật cũ sử dụng

thiết bị có chiều sâu hơn, trong khi chiến thuật mới chiến thuật tập trung vào trang bị chính diện. Nhưng bây giờ chúng ta đang chống lại bọn cướp, chúng ta phải tập trung vào cả tấn công và phòng thủ. Về việc sử dụng công kích và phòng ngự, gần đây tôi có nghĩ ra hai câu, đó là về mặt chiến thuật, muốn phòng thủ thì phải dùng phòng thủ là công kích (lấy thủ làm công), còn về mặt chiến lược thì phải lấy thế phòng thủ (lấy công làm thủ).

Đợt bao vây và trấn áp lần thứ năm đã thu được kết quả to lớn, quân số của ĐCSTQ đã giảm xuống dưới 100.000 người trong hơn một năm chiến đấu, vào năm 1934, khu vực Liên Xô giảm từ 35 quận xuống còn 7 quận. Quân đội ĐCSTQ bị quân đội quốc gia xóa sổ hoàn toàn chỉ còn là vấn đề thời gian. Bắt đầu những tháng ngày hành quân dài đằng đẵng cho những tên cướp đỏ.

Tướng Giới Thạch đã lợi dụng cuộc hành quân dài ngày của tàn quân ĐCSTQ để giành lại hoàn toàn 8 tỉnh Giang Tây, Phúc Kiến, Quảng Đông, Hồ Nam, Quý Châu, Tứ Xuyên, Thiểm Tây và Cam Túc do các lãnh chúa hoặc ĐCSTQ kiểm soát, và đã tuyển mộ hơn 700.000 quân lãnh chúa địa phương.

Quyền lực của chính phủ trung ương lần đầu tiên chính thức tiếp quản vùng Tây Nam Bộ. Tướng Giới Thạch còn nói với các sứ quân địa phương rằng: Nhật Bản sớm muộn gì cũng sẽ xâm lược chúng ta. Khi đó, chúng ta sẽ thiết lập một hậu phương rộng lớn và kịp thời chuyển các ngành công nghiệp ở vùng sông nước về phía Tây Nam. Một mặt khác cũng khiến cho nơi này trở nên thịnh vượng (Tướng Vệ Quốc khẩu thuật tự truyền).

“Mãi cho đến năm ngoái, Quân đội Quốc gia đã nỗ lực hết sức để tiêu diệt hoàn toàn các ổ băng cướp ở Giang Tây. Hồng tặc đã đi suốt từ Hồ Nam đến Quý Châu, từ Quý Châu đến Vân Nam, và cuối cùng là Tứ Xuyên. Tôi đã đích thân giám sát một mặt dẫn quân đánh đuổi, trấn áp giặc cướp, một mặt thống nhất ba tỉnh Tứ Xuyên, Vân Nam, Quý Châu vốn luôn mất đoàn kết, đặt nền móng cho sự sống của nước ta, và là căn cứ địa cuối cùng cho sự phục hưng của dân tộc

Quyết định của chính phủ lúc bấy giờ là dù tình thế nguy cấp đến đâu, dù bị kẻ thù cản trở, đàn áp thế nào cũng phải chịu nhục và phải hoàn thành việc thống nhất Tứ Xuyên, Vân Nam và Quý Châu (Vân Quý Xuyên), sau đó là chính phủ và nhân dân mới có thể có cơ sở để phục hưng đất nước và dân tộc. Đảm bảo được sự sinh tồn của dân tộc, quốc gia mới là sự bảo đảm cuối cùng.” (Trương Giới Thạch, “Con đường chính để cứu nước của Chính phủ và Nhân dân”, 1936)

Tổng số quân tàn tích của ĐCSTQ đã giảm từ 100.000 tại thời điểm khởi hành xuống còn hơn 7.000, và tất cả pháo binh và súng máy hạng nặng đã bị lạc mất. Mất hơn 90% lực lượng, tàn dư của ĐCSTQ buộc phải tiến vào miền bắc Thiểm Tây cần cỗi và hoang vắng. Trước sự kiện Tây An, Trương Quốc Đào đã chia hơn 80.000 người và đi về phía nam. Hồng tặc bị bao vây bởi quân Mã Lai, quân Tấn và quân Tứ Xuyên, bên ngoài thì bị bao vây bởi quân quốc gia, đang ở bờ vực bị xóa sổ, chỉ sai kém một chiến dịch!

Năm 1936, quân đội của ĐCSTQ ở phía bắc Thiểm Tây chưa đầy 20.000 người, trong khi chính quốc gia đã triển khai 330.000 quân ở phía tây bắc để công kích

ĐCSTQ. Theo sự triển khai của Tưởng Công, việc tiêu diệt ĐCSTQ chỉ là sớm muộn. Khi đó, ĐCSTQ đã ở trong cơn bão trước khi bị quét sạch, chưa kể đến việc kháng Nhật, ngay cả sự sống còn của chính nó cũng không thể đảm bảo được. Cuộc chiến chống Nhật chỉ là khẩu hiệu để ĐCSTQ thay chuyển mục tiêu tự bảo vệ mình.

Báo cáo của Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc gửi Quốc tế Cộng sản giải thích tất cả rằng: “Khu vực Liên Xô ở phía bắc Thiểm Tây đã bị suy giảm đáng kể, và tài chính và lương thực của Hồng quân đã cạn kiệt và đến mức rất khó khăn.” Để bảo toàn các khu căn cứ hiện có, quân đội chủ lực của Hồng quân phải chiếm khu vực Tuy Viễn thuộc Ninh Hạ, phía tây Cam Túc, theo điều kiện thực tế của Hồng quân, nếu không chiếm được khu này, tất yếu sẽ phát triển đến hướng đông nam,... nghĩa là không phải hướng kháng Nhật mà hướng nội chiến. Chiến khu này có nhiều pháo đài, bao vây kiên cố không thể vượt qua được. Vì vậy, yêu cầu Liên Xô có thể hứa và giải quyết hai vấn đề kỹ thuật chính của máy bay và pháo binh cho chúng tôi một cách kịp thời và đáng tin cậy.” (Điện tín của Lạc Phủ, Ân Lai, Bác Cổ và Trạch Đông gửi đồng chí Vương Minh về Chính sách hành động của Hồng quân, ngày 21 tháng 8 năm 1936)

Satan mê hoặc

Sau khi Tưởng Giới Thạch bổ nhiệm Trương Học Lương làm phó tổng tư lệnh ở Tây Bắc, Trương đã tích cực tiêu trừ ĐCSTQ và nhiều lần chiến đấu chống ĐCSTQ ở miền bắc Thiểm Tây.

Hiệu quả chiến đấu của Quân đội Đông Bắc không cao, nên đã bị ĐCSTQ đánh bại bốn lần trong một thời gian ngắn, mất hai sư đoàn bộ binh và một trung đoàn. Hai sư đoàn trưởng thiệt mạng. Một trăm nghìn viên đạn và một khẩu lớn số lượng vật tư khác rơi vào tay quân đội ĐCSTQ.

Chiến sự bất lợi, xung quanh đều là sự rình rập của ĐCSTQ, Trương Học Lương đã bắt đầu tiếp cận với Trung Cộng. Vào đêm ngày 9 tháng 4 năm 1936, Chu Ân Lai bí mật gặp Trương Học Lương ở Diên An. Khi Trương Học Lương gặp Chu Ân Lai lần đầu tiên, ông vẫn hy vọng rằng ĐCSTQ sẽ thay đổi lập trường chống Tưởng và hợp tác với Chính phủ Quốc gia Tưởng Giới Thạch. Trương Học Lương muốn duy trì hòa bình với ĐCSTQ, không tấn công lẫn nhau, và bảo toàn sức mạnh của quân đội Đông Bắc. Trương Học Lương đã bị Chu Ân Lai lừa dối và tin rằng ĐCSTQ và Liên Xô sẽ hợp tác với Quân đội Đông Bắc để chống lại Nhật Bản.

Trương Học Lương đã xác định hợp tác với ĐCSTQ, quân đội Đông Bắc và quân đội ĐCSTQ sẽ không tấn công lẫn nhau, và quân đội ĐCSTQ đã giúp quân đội Đông Bắc đánh trận giả, Trương Học Lương đã giúp ĐCSTQ mua súng trường và cung cấp đạn, thiết bị vô tuyến, thiết bị kho vũ khí và vật tư y tế.

Trước Biện cố Tây An, thân cận của Trương Học Lương đã bị ĐCS cài vào. Năm 1936, Tưởng Giới Thạch bị giam giữ và Tây An vẫn chưa được trả tự do, vào thời điểm đó, tờ “Tân Văn Báo” của Thượng Hải thậm chí còn đăng một bài báo trên nhật báo, trong đó chỉ ra Lê Thiên Tài bên cạnh Trương Học Lương, và đặt ra nghi ngờ về nguyên nhân của sự cố: “Hắn (chỉ Trương Học

Lương) tín nhiệm Lê Thiên Tài, vốn là tín đồ của ĐCS, hẳn ta là một nhà hoạt động của ĐCS khi anh ấy đang học tại Đại học Bắc Kinh. Trương Tác Lâm nhiều lần muốn giết hẳn ta, nhưng Trương Học Lương thấy hẳn ta thông minh, nhanh nhẹn, lại biết văn chương, nên đã giữ hẳn ta lại và làm thư ký riêng cho mình. Sau khi Lê Thiên Tài đầu quân cho Trương Học Lương, không biết đã thay đổi ý đồ, tư tưởng ntn, người ngoài có thể nhìn không ra, nhưng lúc Trương Học Lương nhậm chức, thì một thuộc hạ của Lê Thiên Tài (ám chỉ Phan Văn Uất - người được trích dẫn) là người của ĐCS, đã tiết lộ hết quân cơ bên trong. Từ sự việc trên vẫn chưa thể kết luận rằng, Lê Thiên Tài vẫn là có qua lại với ĐCS và làm việc cho ĐCS, chỉ vì Trương Học Lương vẫn đang phục tùng theo Tưởng Công, nên Lê Thiên Tài cũng không dám có hành động quá khích. Sau khi đến miền bắc Thiểm Tây, Lê Thiên Tài hẳn đã nhìn thấu được ý đồ của Trương Học Lương, và nhân cơ hội nói rằng Trương Học Lương đã rơi vào bẫy của mình, đây có thể là một trong những nguyên nhân dẫn đến cuộc nổi loạn này”.

Chu Ân Lai và ĐCS nhận thấy rằng tay chân của Trương Học Lương đã bị những người Cộng sản cũ trà trộn, sau khi Chu Ân Lai gặp Trương Học Lương, ông đã nghe Lý Khắc Nông, Lưu Đỉnh báo cáo về các thông tin tình báo liên quan của Quân đội Đông Bắc, và sau đó đưa ra một báo cáo cho Ủy ban Trung ương ĐCS vào ngày 11 tháng 4. Nói về Trương Học Lương, “Ông ấy nói rằng có một số người nghiên cứu chủ nghĩa phát xít theo cánh tả hữu của anh ấy, và một số trong số họ là những người Cộng sản (những kẻ phản bội đã ly

khai khởi đảng)". "Một số người cộng sản" được đề cập ở đây rõ ràng là ám chỉ Lê Thiên Tài và những người khác, bởi vì họ có thể được gọi là "tay trái và tay phải" của Trương Học Lương và "những kẻ phản bội đã ly khai khởi đảng". Chỉ có Lê Thiên Tài là lãnh đạo của Đảng Cộng sản cũ. Hầu hết trong số họ là thành viên quan trọng của "Phi Ủy ban trung ương" (sau đây gọi là "Phi Ủy ban") đã bị khai trừ khỏi Cục Chính trị trong Hội nghị toàn thể lần thứ tư của Ban Chấp hành Trung ương ĐCS TQ.

Tổ chức "phi uỷ ban" duy nhất ở miền bắc là một nhóm cộng sản, trước sự nắm giữ nòng của Lê Thiên Tài, Ngô Vũ Minh và Lý Hi Dật, dưới sự lãnh đạo của La Trương Long. Theo Lê (Thiên Tài), họ "chăm sóc các chính sách đảng của chúng tôi vào thời điểm đó", huấn luyện Trương Học Lương để nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin, giải thích cho anh ta về lịch sử của phong trào lao động quốc tế và Trung Quốc, đồng thời nắm bắt cơ hội hợp tác với hàng trăm nghìn quân và khuyến khích Trương Học Lương tìm kiếm độc lập ở Tây Bắc. Vài tháng trước Biến cố Tây An, một kế hoạch hành động đã được xây dựng, bao gồm cả kế hoạch nổi dậy gần đây và kế hoạch dài hạn của Chính phủ Độc lập Tây Bắc. ("Nghiên cứu về cuộc kháng chiến chống Nhật", số 03 năm 2000)

Năm 1928, Dương Hồ Thành đến Nhật Bản và thông qua Phùng Nhuận Chương, đã yêu cầu làm đảng viên lần thứ hai cho Ủy ban ĐCS tại thành phố Tokyo, muốn được là Hạ Long thứ hai. Ban Chấp hành Trung ương ĐCS TQ đã trả lời Ủy ban Thành ủy Tokyo của ĐCS TQ rằng đồng ý chấp nhận cho Dương Hồ Thành

gia nhập ĐCSTQ. Bức thư nguyên văn có đề cập: “Tôi đã nhận được thư của bạn, thư trả lời của tôi như sau:... Dương Hồ Thành (nguyên văn như thế), chính phủ trung ương đã cho phép anh ấy tham gia. Giao cho các đồng chí thực hiện các thủ tục gia nhập, các thủ tục gia nhập là như sau: Cần ba đồng chí giới thiệu, thời gian chờ đợi phê duyệt nửa năm, mong đồng chí nói chuyện lại với anh ấy một lần nữa, làm rõ 2 vấn đề: (1) Nhiệm vụ chủ yếu lúc này là thu phục quần chúng để chuẩn bị bạo động, chứ không phải là lập tức tiến hành Tổng bạo động. Tổng bạo động là tiền đề của đảng ta, hiện tại không phải là khẩu hiệu hành động mà là khẩu hiệu tuyên truyền, đặc biệt không phải đồng chí nào sau khi gia nhập cũng tham gia tuyên truyền bạo động. (2) Mỗi đảng viên sau khi kết nạp, nếu trong công việc có nhu cầu, chi bộ sẽ điều động... “.

Gần hai năm sau cái chết của La Bội Lan, Dương Hồ Thành kết hôn với Tạ Bảo Trân, giám đốc Hiệp hội Phụ nữ do ĐCSTQ cử đến. Tạ Bảo Trân là người Tây An, cô và Dương Hồ Thành được một đảng viên cấp cao hơn là Ngô Đại Phong giới thiệu. Cuộc hôn nhân của hai người cũng đã được sự chấp thuận của Tỉnh ủy Hà Nam, ĐCSTQ. Theo lời kể của của thư ký thân cận của Dương Hồ Thành: Sau khi kết hôn, bà Tạ thường sử dụng danh tính của Dương Hồ Thành để tạo điều kiện thuận lợi cho ĐCSTQ tổ chức các hoạt động. Vào thời điểm đó, nhiều cuộc họp bí mật của ĐCSTQ đã được tổ chức tại nhà của Dương, và Dương Hồ Thành chỉ là lấy cớ để bào chữa cho điều này.

Phần 15: Sự biến Tây An

Giặc nhà khó phòng

Trung Cộng phát hiện Trương Học Lương có khả năng thành công trong Mặt trận thống nhất, cho nên đã đề xuất với Trương về Tổ chức Chính phủ Vệ quốc và Liên quân kháng Nhật đánh chiếm Lan Châu, khai thông tuyến giao thông với Liên Xô để tiếp nhận vũ khí. *“Các anh em phải ngay lập tức hẹn ước phối hợp với Hồng quân, chọn thời điểm thuận lợi trong khoảng tháng 9 và tháng 10, quyết định phát động cục diện kháng Nhật, để chiếm Lan Châu, khai thông Triệu Xô (Liên Xô), củng cố nội bộ, đưa quân tới Tuy Viễn là một kế sách chiến lược cơ bản”*. (“Tài liệu lưu trữ tư nhân quan trọng về Sự biến Tây An do phi công Hyland Lyon thu thập”)

Sau khi Trương Học Lương bị lôi kéo, ông ta cho rằng mình có sự ủng hộ của Đảng Cộng sản và Liên Xô, vì vậy đã chuẩn bị vũ lực phản kháng lại Trung ương và thực hiện cát cứ ở phía Tây Bắc. Vào đầu tháng 5/1936, Lưu Đỉnh, đặc phái viên của ĐCSTQ, người bên cạnh Trương Học Lương, đã gửi một bức điện khẩn đến miền bắc Thiểm Tây. Bởi vì lý do bảo mật, nên trong thư dùng cách nói bóng gió. Nguyên văn là: Nhìn vào kế hoạch của anh ấy (Trương Học Lương). Lớn thì muốn chiếm hẳn một góc của ngôi nhà to (ám chỉ quân đội Đông Bắc), và anh ấy cũng đang tính toán đến con đường đại đạo phía đông (ám chỉ cần dựa vào lộ quân 17 của Dương Hổ Thành); Nhỏ thì muốn huấn luyện

mấy người hầu của mình thành tay chân đắc lực (ám chỉ các tướng lĩnh trong quân đội Đông Bắc). Gần đây, anh ấy hay ra ngoài chuẩn bị cho một sự kiện lớn (chỉ hoạt động phản Tưởng), trước mắt anh ấy còn phải giả bộ chân thật hơn, phải đuổi những kẻ có võ công muốn lại gần những người hàng xóm của mình (tranh thủ thực lực của phái quân phiệt ở Tây Bắc) và mấy người đàn ông trẻ tuổi thích áo khoác màu xanh và ông lão họ Nghiêm (tranh thủ đoàn quân Tấn Tuy của Diêm Tích Sơn) đọ họ yêu mến nhau. Anh ấy đã bắt đầu sử dụng các từ ‘ái X’ và ‘kháng X’ (yêu nước, kháng Nhật Bản) hoạt động cả ở bên trong và bên ngoài, điều này sẽ khiến ông chủ lớn (Tưởng Giới Thạch) không có cách nào để công khai phản đối, đồng thời chuẩn bị làm rất cương quyết, và đang chuẩn bị đánh một trận với ông chủ lớn cũng có thể là như vậy (việc triệt để chống Tưởng). Lão ấy (Trương Học Lương) nói rằng những người quen cũ có thể có người yêu mới vào tháng 11 (chỉ được sự giúp đỡ của Liên Xô), và sau tháng 11 sẽ có thay đổi. Trong việc này một mặt là hòa hợp trong nội bộ và hoạt động chống Nhật cùng bằng hữu, mặt khác là tăng bốc ông chủ lớn (Tưởng Giới Thạch) lên hàng đầu. Chỉ cần nửa năm công phu, đại sự có thể thành. Tôi muốn làm sẽ làm tới cùng. (“Thư của Lưu Đỉnh gửi Lý Khắc Nông”, ngày 27/4/1936)

Trương Học Lương và Trung Cộng trong mấy lần đàm phán, không có lần nào không thảo luận liệu có thể được Liên Xô viện trợ hay không. Cuối cùng Trương Học Lương và Dương Hổ Thành cùng đồng ý với Trung Cộng, chuẩn bị thành lập liên quân Tây Bắc “Tam vị nhất thể” tại Tây Bắc gồm cánh quân Đông Bắc,

cánh quân Tây Bắc và một cánh quân của Hồng Quân là phụ, cùng chính phủ trung ương Nam Kinh thành lập “Chính phủ liên hiệp kháng Nhật Tây Bắc” sánh ngang với Chính phủ Trung ương Nam Kinh.

Bản thân Trương Học Lương thông qua liên lạc viên của trung ương Trung Cộng là Lưu Đỉnh, vào cuối tháng 6/1936 lần đầu tiên đề nghị gia nhập trung ương Trung Cộng. Ngày 2/7, Trung Cộng xin chỉ thị quốc tế cộng sản. Liên Xô cũ công bố một văn kiện của quốc tế cộng sản, bức điện tín của quốc tế cộng sản vào ngày 15/8/1936 viết: *“Điều khiến cho chúng tôi đặc biệt cảm thấy bất an, là các vị đối với tất cả những người muốn gia nhập vào đảng, bất luận xuất thân xã hội của họ như thế nào, đều có thể quyết định tiếp nhận vào đảng và đảng cũng không sợ một số kẻ có dã tâm chui vào trong đảng, và các vị thậm chí còn định thông báo tiếp nhận Trương Học Lương vào đảng”*.

“Diêm Minh Phục, người từng đảm nhiệm Thư ký Ban bí thư Trung Cộng, Trưởng Ban công tác Mặt trận thống nhất trung ương, tiết lộ rằng, Diệp Kiếm Anh khi còn sống đã từng nói với Tống Lê, người chủ trì biên tập chỉnh sửa lịch sử đảng trong quân đội Đông Bắc (lúc xảy ra biến cố Tây An từng là đảng viên bí mật của Trung Cộng, công tác bên cạnh Trương Học Lương, mất ngày 22/10/2002), khẳng định Trương Học Lương chính là đảng viên Trung Cộng. Tống lúc ấy đã ghi chép lại những lời này của Diệp Kiếm Anh, đem bản thảo ghi chép niêm phong cất giữ trong két sắt, thú nhận rằng Trương Học Lương vẫn còn sống, chúng ta nhất định phải bằng mọi cách bảo vệ ông ta, thân phận đảng viên Trung Cộng của ông ta tuyệt đối không thể tiết lộ ra

ngoài, đợi sau khi ông ta qua đời sẽ lại đem ghi chép về cuộc nói chuyện báo cáo với Trung ương.” (Sử minh, “Vạch trần thân phận đảng viên Trung Cộng Trương Học Lương nhân vật chính trong sự kiện Tây An”, tải từ trang web www.hoplite.cn của Trường Quân đội Hoàng phố Trung Quốc).

Ngày từ ngày 16/6/1936, một bản báo cáo nội bộ của Trung Cộng đã nói rằng, lúc đó Trung Cộng đã hẹn trước với Trương Học Lương, một khi được sự đồng ý và giúp đỡ của Liên Xô, sẽ phát động phong trào kháng Nhật phản Tưởng ở Tây Bắc, tranh thủ đem 5 tỉnh khu gồm Thiểm Tây, Cam Túc, Ninh Hạ, Thanh Hải, Tân Cương kết làm một khối thành lập Chính phủ quốc phòng Tây Bắc và Liên quân kháng Nhật.



*Ảnh chụp chung Trương Học Lương và Tưởng Giới Thạch.
(Ảnh: Tài sản công)*

Theo đúng kế hoạch này, Trung Quốc không thể tránh khỏi một lần nữa rơi vào cục diện nội chiến quy mô lớn, mà Mát-xcơ-va lại hy vọng cả nước Trung Quốc kháng Nhật để kiềm chế khả năng Nhật Bản tiến công Liên Xô. Bởi vậy, kế hoạch này lập tức bị đám người Stalin phản đối. Ngày 23/7, tại một hội nghị thảo luận về vấn đề Trung Quốc, Tổng bí thư Quốc tế cộng sản Dimitrov đã chỉ ra rất rõ ràng: *“Nhiệm vụ của Trung Quốc, bây giờ không phải là mở rộng khu Xô-Việt và phát triển Hồng Quân, mà là tìm cơ hội, tìm kiếm con đường tắt và tìm kiếm khẩu hiệu thích hợp, phương pháp thích hợp, khiến cho đại đa số người dân Trung Quốc liên hợp lại kháng Nhật”*. (“Phát biểu tại Hội nghị bí thư Ban chấp hành Quốc tế cộng sản thảo luận về vấn đề Trung Quốc”, 23/7/1936)

“Đem Tưởng Giới Thạch và giặc Nhật đánh đồng như nhau là không đúng, phương châm này là sai lầm trong chính trị, bởi vì kẻ địch chủ yếu của nhân dân Trung Quốc là chủ nghĩa đế quốc Nhật Bản, ở giai đoạn hiện nay, hết thảy đều phải phục tùng kháng Nhật. Ngoài ra, không thể đồng thời tiến hành có hiệu quả đã phản đối Nhật Bản lại phản đối cuộc đấu tranh của Tưởng Giới Thạch, cũng không thể cho rằng toàn bộ Quốc Dân đảng cùng toàn bộ quân đội của Tưởng Giới Thạch đều là đồng minh của giặc Nhật. Vì để tiến hành vũ trang kháng Nhật một cách thiết thực và có hiệu quả, còn cần phải có quân đội của Tưởng Giới Thạch tham gia, hoặc là tuyệt đại bộ phận quân đội tham gia. Xét thấy tình huống trên, nhất định phải áp dụng phương châm đình chỉ hành động quân sự giữa Hồng Quân và quân đội của Tưởng Giới Thạch, đồng thời cùng quân

đội của Tưởng Giới Thạch hiệp đồng kháng Nhật... Vì thế, chúng tôi cho rằng Đảng Cộng sản Trung Quốc và Bộ tư lệnh Hồng Quân nhất định phải chính thức đưa ra đề nghị với Quốc Dân đảng và Tưởng Giới Thạch, lập tức đình chỉ hành động quân sự và tiến hành đàm phán ký kết hiệp nghị cụ thể cộng đồng kháng Nhật. Đảng Cộng Sản và bộ tư lệnh Hồng Quân nên tuyên bố lập tức chuẩn bị cử ra đoàn đại biểu, hoặc là tiếp đãi đoàn đại biểu của Quốc Dân đảng và Tưởng Giới Thạch ngay tại khu Xô-Việt”. (“Điện báo của Ban Bí thư Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản gửi Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc” ngày 15/8/1936)

Một mệnh lệnh quan trọng như vậy của Quốc tế Cộng sản, nhưng Trung Cộng không truyền đạt cho Trương và Dương.

Lôi kéo khắp nơi

“Biển cổ Tây An đã ép Tưởng phải kháng Nhật”, đây là lời giải thích của Trung Cộng. Lúc ấy vì khó khăn của đất nước, ngay trước biển cổ Tây An, Tưởng Giới Thạch đã bắt tay vào giải quyết các vấn đề của Trung Cộng một cách hòa bình, thậm chí còn cân nhắc việc hợp nhất.

“Chiến tranh Trung – Nhật đã không cách nào có thể tránh khỏi, Chính phủ Quốc dân bèn một mặt bắt tay giao thiệp với Liên Xô, một mặt cũng bắt tay giải quyết các vấn đề của Trung Cộng. Phương châm của tôi đối với vấn đề Trung Cộng đang mắc phải, là trước tiên phải giải trừ lực lượng vũ trang Trung Cộng, sau đó đối

với vấn đề đảng của nó mới có thể xem như là vấn đề chính trị, lấy phương pháp chính trị để giải quyết”.

“25 năm sau Cách mạng Tân Hợi, ngày 5/5/1936, Trung Cộng phát thông điệp công bố ‘Đình chiến nghị hòa’. Lập tức, Chu Ân Lai đại biểu cho Trung Cộng, Phan Hán Niên đại biểu cho Quốc tế cộng sản, cùng đến Thượng Hải bàn bạc với Trương Xung. Phan Hán Niên lập tức đến Nam Kinh đàm phán với Trần Lập Phu. Có 4 điều kiện mà chính phủ đưa ra cho Trung Cộng là :

1. Tuân theo chủ nghĩa Tam Dân;
 2. Tuân theo lệnh của chỉ huy Tưởng;
 3. Hủy bỏ ‘Hồng Quân’, cải biến thành quốc quân;
 4. Hủy bỏ Xô viết, đổi thành chính phủ địa phương”.
- (“Nga Xô viết tại Trung Quốc”)



Tướng Giới Thạch tại đoàn thị sát huấn luyện sĩ quan Lu Sơn. Năm 1937, Tướng Giới Thạch có bài nói chuyện “Thời khắc sống còn” tại Lu Sơn, tuyên bố cuộc trường kỳ kháng chiến bắt đầu. (Ảnh: Tài sản công)

Phía Trung Cộng thì bắt đầu phủ quyết: “Nam Kinh đưa thứ trưởng bộ đường sắt Tăng Dương Phủ ra mặt trả lời bức thư mà chúng tôi nhận được, đầy trang giấy là liên hợp kháng Nhật, thực tế là từ chối điều kiện của chúng tôi. Hy vọng Hồng Quân sẽ tiến đến sát biên giới Mông Cổ và ở bên ngoài Sái Cáp Nhĩ, Tuy Viễn, châm lửa cho chiến tranh Xô – Nhật”. (Trích trong “Bức điện Mao Trạch Đông gửi Bành Đức Hoài” ngày 28/6/1936).

Nếu như quân đội Trung Cộng đến biên giới Mông Cổ và ở bên ngoài Sái Cáp Nhĩ, Tuy Viễn để kháng Nhật, Liên Xô không thể không ủng hộ, xung đột vũ trang giữa Nhật và Liên Xô có thể sẽ nổ ra, Liên Xô đương nhiên không đồng ý.

Trung Cộng không chịu xuất binh đến Sái Cáp Nhĩ và Tuy Viễn để kháng Nhật, lại không chịu thỏa hiệp về chế độ Xô Viết và vấn đề biên chế lại Hồng Quân. Tưởng Giới Thạch bèn tiếp tục tiến tấn công, đồng thời ra lệnh cho Trần Lập Phu và Phan Hán Niên tiến hành đàm phán, tìm kiếm một giải pháp bằng chính trị.

Tháng 6/1936, Lưỡng Quảng (hai tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây) tập trung được 30 vạn đại quân lấy danh nghĩa kháng Nhật chống lại trung ương. Tưởng Giới Thạch gấp rút điều 40 vạn đại quân trung ương xuôi về phía nam, mãi đến tháng 9, biến cố Lưỡng Quảng mới kết thúc.

Phần 16: Tầng tầng phản bội

Tội nhân của dân tộc

Thông tin chi tiết về cuộc gặp đầu tiên giữa Lý Khắc Nông và Trương Học Lương vào tháng 3 đã được báo cáo cho chỉ huy quân đội. Khi đó, Lưu Tông Hán, người đang ẩn mình trong quân đoàn 67 của đội quân Đông Bắc, đã cung cấp tin tình báo cho Đới Lập, bao gồm cả nội dung cụ thể của thỏa thuận mà hai bên đạt được. Ngay cả “Thư của Chính phủ xô viết Trung Quốc và Đảng Cộng sản Trung Quốc (ĐCSTQ) gửi toàn thể đồng bào kháng Nhật cứu nước” của Trung Cộng do Quân đoàn 67 lưu hành nội bộ cũng được chuyển đến tay Đới Lập.

Đới Lập đem tin tức tình báo báo cáo Tưởng Giới Thạch, nhưng Tưởng không tin lắm, bảo Đới Lập tiếp tục điều tra. Sau đó, bốn đảng viên ĐCS có Tống Lê là thư ký và phụ tá của Trương Học Lương, Lưu Lan Ba, Mã Thiệu Chu, Tôn Đạt Sinh kích động phong trào học tập, đảng bộ tỉnh bắt giữ bốn người này theo lệnh của Tưởng Giới Thạch. Trương Học Lương phái quân xung kích Đông Bắc đột nhập đảng bộ tỉnh, cướp đi mấy đảng viên ĐCS và một số tài liệu bí mật.

Ngày 4/12/1936, Tưởng Giới Thạch đến Tây An cùng Trương Học Lương và Dương Hồ Thành bàn cách diệt cộng. Lúc này, nhóm người Trương Học Lương, Dương Hồ Thành lại lén lút cấu kết với Trung Cộng, trao đổi làm thế nào để đảo ngược kế hoạch diệt cộng

của Tướng Giới Thạch, dự định dựa vào Liên Xô, liên hợp với Trung Cộng cát cứ tại Tây Bắc. Trước đây, Trương Học Lương từng nhiều lần “can gián” Tướng Giới Thạch từ bỏ kế hoạch diệt cộng ở Tây Bắc.

Ý định “Liên cộng kháng Nhật” của Trương Học Lương bị Tướng Giới Thạch bác bỏ. Vì theo ông thấy, thời khắc cuối cùng mà Trung Quốc tiêu trừ nội loạn đang ở trước mắt. Mà chủ trương của Trương Học Lương chỉ có thể mang họa cho nước nhà. Tướng Giới Thạch không biết, con người kết nghĩa huynh đệ này đã bí mật xin gia nhập Trung Cộng, nhưng bị quốc tế cộng sản từ chối. Ông càng không ngờ rằng, dưới sự xúi giục của ĐCS, Trương Học Lương sẽ mưu phản.

Dương Hồ Thành bày mưu cho Trương Học Lương: “Đợi Tướng Công đến Tây An, bọn ta có thể thực hiện việc ép thiên tử lệnh chư hầu.” Lê Thiên Tài khuyên Trương Học Lương “làm sư tử”, cũng chính là làm lãnh tụ, phản lại Tướng Giới Thạch.

Trong hồi ức “Nhật ký nửa tháng ở Tây An của Tướng Giới Thạch, “Ngày 11/12... nhóm người Lê Thiên Tài đột nhiên đến cầu kiến, trước đó chưa hẹn trước, cảm giác khá đột ngột. Lê trong lúc nói chuyện, biểu thị sự hoà nghi đối với kế hoạch diệt phỉ, không khác gì lời nói của Hán Khanh (Trương Học Lương) hôm trước; biết bọn họ nhuốm độc đã sâu, đau đớn cảnh báo bọn họ. Buổi tối cho mời Trương, Dương, Vu và các tướng lĩnh đến hành dinh ăn liên hoan, bàn thảo kế hoạch diệt địch. Dương, Vu đều chưa tới. Hán Khanh hôm nay dáng vẻ vội vàng, tinh thần hoảng hốt, ta thấy rất là lạ. Chẳng lẽ hôm qua đến gặp ta bị ta khiển trách nên không vui sao? Hoặc đã nghe những lời ta trách



Bức chân dung Tưởng Giới Thạch trong bộ lễ phục. (Ảnh: Tài sản công)

móc Lê Thiên Tài mà cảm thấy bất an? Trước lúc ngủ nằm suy nghĩ mãi, cuối cùng cũng không rõ nguyên nhân. Vì đã muộn, cũng đành gác lại.”

Tối ngày 11/12, Lê Thiên Tài mới rời khỏi Lâm Đồng về đến nhà, không lâu liền nhận được điện thoại của Trương Học Lương, lúc hẵn đuổi theo tới dinh thự của Trương đã hơn 10 giờ, Trương Học Lương đi thẳng vào vấn đề thể hiện rõ quyết tâm của mình: “Anh vài ngày trước chẳng phải khuyên tôi phải làm sư tử, không nên làm cừ non sao? Tôi bây giờ trả lời anh, từ hôm nay trở đi, tôi muốn làm sư tử.” (Theo “Nghiên cứu chiến tranh kháng Nhật”, tháng 3/ 2000)

Buổi tối ngày 11/12, Trương Học Lương và Dương Hồ Thành quyết định chiếu theo kế hoạch tiến hành hành động bắt cóc, triệu kiến riêng biệt quân Đông Bắc và tướng lãnh cao cấp của lộ quân 17, tuyên bố mệnh lệnh sáng hôm sau tiến hành phản đối bằng vũ trang. Về bố trí hành động, bao vây hồ Hoa Thanh và cảnh giới từ giữa Tây An đến Lâm Đồng, giao cho quân Đông Bắc đảm nhiệm; Thành phố Tây Giao, Đường Lũng Hải, bến xe Tây An, Sân bay Tây Giao, bao gồm cả việc tước vũ khí của Hiến binh Trung ương, mật vụ, cảnh sát và bộ đội vũ trang thuộc quân đội Trung ương đóng tại các khu vực trên, bắt giữ máy bay và giam giữ các quan chức quân sự và chính trị Nam Kinh sống rải rác ở nhiều nơi khác nhau tại các nhà khách ở Tây Kinh, đều do Dương Hồ Thành chỉ huy lộ quân 17 thực hiện.

5h30 sáng ngày 12/12/1936, quân Đông Bắc của Trương Học Lương xông vào hành dinh của Tưởng Giới Thạch. Đội bảo vệ ủy viên trưởng liêu chết chống cự, Tưởng Giới Thạch với kinh nghiệm chiến trường



*Vết đạn trong "Sự kiện Tây An" tại cửa sổ của căn nhà 5 gian.
(Ảnh: Wikipedia)*

phong phú, căn cứ tiếng súng phán đoán cửa trước và bên cạnh đều có phản quân, chỉ có đằng sau không có tiếng súng. Dưới sự yểm hộ của đội tùy tùng, Tưởng Giới Thạch trèo qua cửa sổ ra ngoài, lần tới cửa sau, vượt qua bức tường bò về hướng Ly Sơn. Quân Đông Bắc thấy đánh lâu mà không được, rất sợ Tưởng Giới Thạch trốn mất, liền gác mấy khẩu súng máy hạng nhẹ lên bắn mạnh về phía mấy gian phòng, đạn vãi như mưa, xuyên qua cửa sổ bay vào trong phòng, 67 vệ binh của Tưởng Giới Thạch lâm nạn. Phản quân sau khi lục soát trên núi, đã bắt được thủ lĩnh .

Cuộc binh biến ở Tây An đã làm rúng động cả trong và ngoài Trung Quốc. Đám Hồ Thích, Chu Tự Thanh, Phùng Hữu Lan, Văn Nhất Đa tới tấp khiển trách Trương và Dương “Danh nghĩa là kháng địch, nhưng thực chất là tự hủy hoại Trường Thành; liên hệ với tội nhân của quốc gia dân tộc; phá hoại sự thống nhất, tội ác rành rành.”

Trong bài báo “Sự phản bội của Trương Học Lương” đăng ngày 20/12, Hồ Thích nói: “Tầm quan trọng của Tưởng Giới Thạch tiên sinh ở Trung Quốc ngày nay thực sự... là quan trọng không gì so sánh được.” Nhà báo nổi tiếng Trương Quý Loan trong “Thư công khai gửi giới quân sự ở Tây An” cũng nhấn mạnh: “Các nước trên thế giới đều coi ông là trọng tâm trong chính sách ngoại giao của họ đối với Trung Quốc. Nhân tài có thâm niên và uy tín như vậy sẽ không tìm được và sẽ không có cơ hội để đào tạo được.” Những người yêu nước cũng vô cùng lo lắng. Chính phủ ở Nam Kinh bắt đầu chuẩn bị binh lực để thảo phạt phản quân Trương, Dương.

Tầng Tầng phản bội

Đảng cộng sản vì lợi ích của chính mình, chính là tầng cao hy sinh tầng thấp làm giá cả, Quốc tế cộng sản và Liên Xô vì toàn bộ lợi ích của Đảng cộng sản, nên hy sinh lợi ích cục bộ của Trung Quốc. Trung Cộng vì lợi ích của riêng mình lại hy sinh Trương Học Lương

Sau khi bắt được Tưởng, Trung Cộng mừng rỡ, tích cực chủ trương giết Tưởng. “Những người lãnh đạo trung ương Trung Cộng chúng ta, không có một ai nghĩ đến sự kiện Tây An có thể giải quyết một cách

hòa bình; đều cảm thấy nếu như để Tưởng sống, chẳng khác gì nuôi mầm tai họa. Có người chủ trương đưa ra nhân dân xét xử công khai, giết tên đao phủ chống cộng này để trừ hậu họa; có người chủ trương đem giam giữ cẩn mật, làm con tin bức Nam Kinh kháng Nhật, cũng hình thành ưu thế quân sự cho Tây An.” (Trích trong “Hồi ức của tôi” của Trương Quốc Đảo)

Stalin biết việc này sẽ đem lại tai họa rắc rối cho Liên Xô, Tưởng Giới Thạch bị giết, khả năng Hà Ứng Khâm và Uông Tinh Vệ cùng nhau tổ chức chính phủ thân Nhật rất cao. Stalin vội vàng điện báo cho Trung Cộng, nghiêm túc chỉ rõ Liên Xô không tán thành “âm mưu” này, ám thị việc này là do người Nhật ở phía sau kích động. Ông ta lệnh cho Mao và Tưởng phải nói chuyện hữu hảo, tìm ra biện pháp giải quyết hòa bình, đồng thời phóng thích vị lãnh tụ Quốc Dân Đảng này. Sau khi tiếp nhận mệnh lệnh của Stalin, Mao Trạch Đông, Chu Ân Lai, và Chu Đức gửi điện thông báo toàn quốc, tuyên bố Trung Cộng chủ trương giải quyết “Sự kiện Tây An” một cách hòa bình, bất kể động tác mạnh động nào “chỉ là có lợi cho người Nhật”

Chu Ân Lai mới rời khỏi Diên An hai ngày trước, lại cuờn lừa về Diên An để bay đi Tây An. Vừa nhìn thấy thiếu soái liền nói với ông ta, “Không được động đến một sợi tóc của Tưởng Giới Thạch”. Chu Ân Lai, người đã đàm phán mật ước phản Tưởng với Trương, nay lại quay ngược lại nói với ông ta, Trung Quốc bức thiết cần Tưởng Giới Thạch lãnh đạo. Ông ta nói, Stalin và Quốc tế cộng sản yêu cầu Ủy viên trưởng tiếp tục lãnh đạo Trung Quốc. (Trích từ cuốn “Tưởng Giới Thạch và

Trung Quốc hiện đại” của tác giả Jay Taylor người Mỹ do Lâm Thiêm Quý dịch).

Vào ngày 14/12/1936, Chu Ân Lai mật đàm với Trương, thẳng thắn biểu thị Liên Xô cơ bản sẽ không viện trợ cho Tây An. Phản ứng của Trương Học Lương lúc đầu rất tức giận, anh ta cảm thấy như bị phía ĐCS bán đứng, trước đây phía ĐCS luôn ca ngợi Liên Xô có thể viện trợ, bây giờ anh ta đã cưỡi trên lưng hổ, Trung Cộng lại lâm trận rút lui, không làm tròn trách nhiệm.”

“Một năm sau, tháng 12/1937, khi Vương Minh từ Moscow trở về Diên An, từng nói với chúng tôi về lai lịch bức điện báo. Ông ta nói sau sự kiện Tây An, đại sứ quán Mỹ và Anh trú tại Moscow từng hỏi thăm bộ ngoại giao Liên Xô về thái độ của chính phủ Liên Xô đối với việc này. Bộ ngoại giao Liên Xô trả lời đây là âm mưu của Nhật Bản, Liên Xô chưa được biết và cũng không tán thành. Tiếp đó Stalin khởi thảo bức điện báo gửi cho Trung Cộng, đồng thời giải thích với Vương Minh, ý của ông ta là Trương Học Lương chưa đủ sức, làm sao có thể lãnh đạo toàn quốc kháng Nhật, Trung Cộng nhất thời cũng không có năng lực lãnh đạo kháng Nhật. Tưởng Giới Thạch tuy là kẻ thù đáng ghét, nhưng ông ấy là nhà lãnh đạo chống Nhật duy nhất được hy vọng ở Trung Quốc, trong kháng Nhật ông ấy có thể trở thành đồng minh của chúng ta.” (Trích từ “Hồi ức của tôi” của Trương Quốc Đào)

Trương Văn Thiên từng nói rõ với tôi, đây hoàn toàn là vì lợi ích của Quốc tế cộng sản và Liên Xô, không thể không hy sinh lợi ích cục bộ của Trung Quốc,” (Trích từ “Hồi ức của tôi” của Trương Quốc Đào).

Phần 17: Cõi chết nhẹ tựa lông hồng

Cõi chết nhẹ tựa lông hồng

Hôm xảy ra chính biến, Trương Học Lương đến gặp Tể tướng Giới Thạch trước. Tể tướng Giới Thạch chất vấn ông ta về thái độ đối với binh biến, Trương nói dối là không biết trước sự việc. Tể tướng Giới Thạch nói: “Anh đã không biết rõ tình hình, nên lập tức đưa tôi hồi kinh hoặc đến Lạc Dương, thì sự việc còn có thể cứu vãn.”

Trương lại muốn Tể tướng Giới Thạch đáp ứng điều kiện của ông ta, mới có thể thả người. Tể tướng Giới Thạch lập tức dùng ngôn từ chính nghĩa khiển trách hành vi phản bội của Trương, muốn ông ta “Lập tức đem ta ra xử bắn, ngoài ra không còn gì để nói”. Trương lại đem việc “Đưa ra nhân dân xét xử” để uy hiếp. Tể tướng Giới Thạch phẫn nộ cực điểm: “Ta thân có thể chết, đầu có thể chém, tứ chi có thể tàn phế, nhưng nhân cách và chính khí của dân tộc Trung Hoa không thể không giữ gìn.” Tể tướng Giới Thạch muốn Trương Học Lương phải lựa chọn: Lập tức phóng thích hoặc bắn chết ngay tại chỗ. Trương Học Lương nhất thời không biết giải quyết như thế nào.

“Cho đến ngày thứ ba, hấn (Trương Học Lương) mới úp úp mở mở, nửa khuyên nửa cầu nói ra tám điều kiện mà bọn hấn đã cùng nhau đưa ra nghị quyết, cũng nói chỉ cần ta đồng ý ký một chữ, hấn liền lập tức đích thân đưa ta về Nam Kinh. Ta bèn nói với hấn, vô luận

ngươi nói ra lời cầu xin êm tai như thế nào, với việc bắt cóc uy hiếp của ngươi tại Tây An, tuyệt không còn chỗ để thương thảo. Nhưng ta cũng biết, dù cho bọn Trương có ý tính ngộ, mà bọn phỉ Trung Cộng là kẻ chủ mưu, tất cho rằng đây là cơ hội nghìn năm có một, cũng chính là vấn đề sống chết trước mắt của đảng này, không bức bách ta tiếp nhận điều kiện của hãn, chính là tất yếu phải tạo ra cái chết của ta. Ta vào lúc này, chỉ có hạ quyết tâm hy sinh vì nghĩa, trước sau đều cự tuyệt cùng bọn phản nghịch trao đổi bất cứ điều kiện chính trị gì.”

Tình cảnh Tưởng Giới Thạch lúc đó như rơi vào hang hùm miệng sói, cử tử nhất sinh. Ông biết mình cơ hội còn sống rất nhỏ. Ngày 20/12/1936, ngày thứ 8 sau khi phản loạn phát sinh, Tống Tử Văn đến Tây An nhìn thấy Tưởng Giới Thạch. Tưởng Giới Thạch viết di chúc riêng rẽ cho toàn thể quốc dân, vợ cùng hai người con trai. Ông hy vọng Mỹ Linh coi Kinh Quốc và Vĩ Quốc như con đẻ, cũng muốn các con nghe lời hiếu thuận với mẹ kế; cũng muốn Tử Văn truyền lời tới Mỹ Linh, nhất thiết đừng đến Tây An. Ông nói với Tống Tử Văn: “Lúc này không cấp tốc tiến binh, không thể cứu quốc gia thoát khỏi nguy hiểm.” Hơn nữa, ông còn bày ra kế sách tiến binh với Tống Văn, để ông ta nói lại với trung ương. Tưởng Giới Thạch nói: “Chúng ta làm việc, nên hoàn toàn vì việc công, không thể làm việc thiên tư, nếu như nhanh chóng bao vây được Tây An, thì ta mặc dù có nguy cũng thành an, cho dù có hy sinh cũng có thể nhắm mắt được.” (“Nhật ký nửa tháng ở Tây An”)

Trong di chúc đối với Quốc dân, Tưởng Giới Thạch nói: “Trung Chính không thể vì quốc gia mà tự coi trọng

bản thân, ăn ở đơn giản, cho nên phải phản động lợi dụng kẻ hở mê hoặc thuộc cấp mưu hại sinh biển. Nay sự việc đã đến mức này, trên không có lỗi đối với Quốc Dân Đảng, dưới không có lỗi với nhân dân, duy chỉ có cái chết để báo đáp đảng báo đáp nhân dân, kỳ vọng không hổ thẹn là đảng viên cách mạng mà thôi. Sau khi tôi chết, chính khí Trung Hoa mới được bắt tử, thì dân tộc Trung Hoa cuối cùng cũng có ngày lại được tiếp tục phục hưng.”

Đối mặt việc Tưởng Công coi cái chết nhẹ tựa lông hồng, Trung Cộng hết biện pháp, Trương Dương ở vào thế cưỡi hổ khó xuống, việc quốc quân thảo phạt, như tên đã lấp vào dây cung. Ngày thứ 16, Trương Học Lương hốt hoảng báo cáo Tưởng Giới Thạch, không quân trung ương đã bắt đầu ném bom các cứ điểm như Vị Nam, Hoa Châu. Tưởng Giới Thạch có cảm giác được an ủi, trong nhật ký viết: “Biết trung ương dẹp loạn bình định chính biến, có người chủ trì, giống như ở phòng khách nghe ngóng tin tốt lành về bình an của gia đình.”

Tổng Mỹ Linh không đồng ý dùng quân sự giải quyết biến cố Tây An, ngày thứ hai sau chính biến, bà đã ủy thác cho cố vấn riêng là William Henry Donald người Australia rời bay đến Tây An gặp mặt Trương Học Lương, tìm kiếm biện pháp giải quyết thích đáng. Vì muốn thực hiện phương án hòa bình, Mỹ Linh và một bộ phận quan chức cao cấp Quốc Dân Đảng có ý kiến trái chiều nhau, nên rất khó ngăn trở hành động quân sự. Thậm chí có người chỉ trích bà là ý kiến đàn bà, chỉ sốt ruột cứu chông. Mỹ Linh không hề nao núng, vì để giành được hòa bình, cứu cuộc kháng chiến mà



*Ảnh chụp chung Tưởng Giới Thạch và Tống Mỹ Linh
(Ảnh: Tài sản công)*

Tướng Giới Thạch lãnh đạo, bà quyết ý tự mình đi Tây An, cùng sống chết với phu quân.

Vô luận là đồng minh hay kẻ thù chính trị của Tướng Công, mọi người đều biết, không có Tướng Giới Thạch, Trung Quốc sẽ rơi vào cục diện rối loạn như rấn mất đầu, nội chiến sẽ nổi dậy như ong, kẻ khoanh tay đắc lợi đương nhiên là Nhật Bản. Trung Cộng lúc ấy còn lâu mới làm nên trò trống, Nhật Bản sẽ xâm lược toàn diện, nếu như không có Tướng Giới Thạch lãnh đạo, Trung Cộng cũng chỉ có thể lựa chọn làm Hán gian hoặc làm nô lệ mất nước, tuyệt không có năng lực kháng Nhật. Tổng Mỹ Linh tin tưởng vững chắc Tướng Giới Thạch có thể vượt qua cái nạn này.

Tướng Giới Thạch được sự bảo hộ của Thần linh, vượt qua quan sinh tử: “Phu quân tôi đã nói: ‘Anh đã nhiều lần nói em đừng bao giờ đến Tây An, nhưng anh cảm giác rõ ràng là không cách nào ngăn cản được. Sáng nay anh đọc Kinh Thánh, vừa hay đọc đến câu: ‘Jehovah nay sẽ có hành động mới, sẽ lệnh cho người phụ nữ bảo vệ người đàn ông’, nay em quả thật đã tới đây.’ Phu quân đã thuật lại quá trình bị uy hiếp, cũng nói trong khi bị uy hiếp, quyết không chấp nhận bất cứ điều gì, do vậy yêu cầu tôi đừng lấy việc ký tá điều gì để khuyên nhủ. Tôi nói rằng: Tôi vốn coi trọng lợi ích quốc gia hơn sự an toàn của chồng mình, đừng lo lắng tôi có hành động cố khuyên chồng khuất phục.” (“Tổng Mỹ Linh tự thuật: Hồi ký biến cố Tây An”)

Tướng Giới Thạch dù chết cũng không thỏa hiệp, “Ngày thứ 22, Tướng phu nhân đột nhiên tới Tây An, câu đầu tiên tôi nói với cô ấy khi gặp mặt là: ‘10 ngày qua, bọn phản bội mỗi ngày đều dùng các loại thủ đoạn,

chỉ yêu cầu anh ký tên vào các điều kiện đó, liền có thể đưa anh về Nam Kinh, em đến cùng chung hoạn nạn, là vì việc công không phải việc tư, nhất thiết phải lấy Quốc gia làm trọng. Nếu như bọn phản bội với bất kỳ điều kiện nào nhờ vả khuyên can, tất phải nghiêm khắc cự tuyệt. Chúng ta thà chết, cũng không thể đáp ứng.’ Tướng phu nhân lần này hạ quyết tâm. Cô ấy trả lời rằng, cô ấy coi trọng nhân cách của tôi hơn mạng sống của tôi, và cô ấy sẽ không bao giờ thuyết phục tôi hành động đi ngược lại chí hướng vốn có của mình. Cô ấy chỉ nguyện được sống chết cùng tôi.” (“Liên Xô ở Trung Quốc”)

Sau khi Tổng Mỹ Linh đến Tây An, bà khuyên Tưởng Giới Thạch “Thà kháng Nhật chứ đừng chết trong tay giặc”. Anh em họ Tống đại diện cho Tưởng Giới Thạch đưa ra nhượng bộ với Trương Học Lương và Trung Cộng, đình chỉ tiểu cộng, thay đổi tên gọi Phỉ đỏ, thu nhận cả quân cách mạng vào Quốc dân, dưới sự thống soái của Tưởng ủy viên trưởng, chuẩn bị kháng Nhật.

Sau sự kiện Tây An, Trương Học Lương tự mình mang roi chịu tội, trên đường bay từ Tây An đến Nam Kinh đã viết thư vĩnh biệt, trong thư biểu thị rằng thà tự sát để sự việc của người khác thành công.

Một phần của văn kiện đại ý như sau: “Ta thành ý cứu nước, đến bây giờ lại thành hại nước. Bình sinh tự coi là có tín nghĩa, không ngờ có ngày hôm nay. Ta là người đau lòng nhất, vì bọn tiểu quỷ Nhật Bản khoái trá. Ta không muốn nhìn thấy cảnh mất nước, nguyện tự mình kết thúc, mà khiến sự việc tốt lên, cũng mong rằng những người đàn ông có lương tâm trong cả nước càng thêm thức tỉnh. Về Tưởng Công, tôi đã nhiều lần

trần tình rồi. Tôi nghĩ Tưởng Công thông tuệ hơn người, xin xét đến lời Lương nói, Lương xin khấu đầu ba cái.”

Phần Trương Học Lương dặn dò người thân tóm lược lại như sau: “Anh (cha) bản tính là người ngay thẳng thô lỗ, có lòng cứu nước, làm việc là có suy nghĩ. Khởi đầu từ tây bắc, không phải như những gì tôi đã dự định. Tôi đã đơn độc đến Nam Kinh, mong ước đã được rồi, để cứu nước nhà, gia đình và bản thân. Không được để chủ nghĩa đế quốc Nhật Bản đặc ý, không ngờ tôi lại có ngày hôm nay, tôi không muốn giữ lại cái thân này mà khiến sự việc thay đổi, lại càng làm cho mọi chuyện phức tạp hơn. Tuy rằng tôi không làm chuyện đó, nhưng chuyện đó xảy ra, thì tôi cũng phải chịu trách nhiệm, cầu mong cho con cháu họ Trương vì thù nước thù nhà, không bao giờ đội trời chung với Nhật Bản, nguyện đời đời sẽ không bao giờ quên, và truyền lại cho tất cả các anh chị em, con con cháu chắt trai gái của tôi.” (“Tài liệu lưu trữ tư nhân quan trọng về Sự biến Tây An do phi công Hyland Lyon thu thập”)

Vào ngày lễ Giáng sinh 25/12/1936, vợ chồng Tưởng Giới Thạch cùng với Trương Học Lương lên máy bay rời khỏi Tây An. Về đến Nam Kinh vào ngày hôm sau. Vị Ủy viên trưởng anh hùng khai hoàn, dân chúng cả nước trên dưới đều vui mừng.

Trong cuốn “Trương Học Lương và Trung Quốc”, nhà sử học Nhật Bản Kazuo Matsumoto có viết: “Trong sự kiện Tây An người được lợi nhiều nhất là Đảng cộng sản Trung Quốc,... Nhờ sự kiện Tây An ban thưởng, phí đỏ mới có thể hồi sinh, phát triển mà lấy được thiên hạ.” Đây là sự thật. Xét từ một phương diện khác, Tưởng Giới Thạch gặp dữ hóa lành, cũng là đại hạnh trong bất

hạnh của Trung Quốc. Thần Phật đã bảo hộ ông vượt qua quan sinh tử. Khi Nhật Bản xâm chiếm toàn diện Trung Quốc, với khí phách quyết tử, tầm nhìn xa hơn người, ông đã lãnh đạo Trung Quốc đánh thắng trong cuộc chiến tranh vệ quốc.

Trương Học Lương bắt cóc lãnh tụ, làm binh biến ép thoái vị, đúng là tội chết. Nhưng ông ta đã cầm roi chịu tội, tự thú quy án, đối với thế cục đã không còn đáng ngại. Tại Đông Bắc ông ta đã có công lao trở cờ với chính phủ Bắc Dương và trong cuộc chiến ở Trung Nguyên, khiến cho Tưởng Giới Thạch động lòng trắc ẩn, tha cho tội chết. Tưởng Giới Thạch hậu đãi Trương Học Lương, cũng dặn dò Trương Học Lương đọc nhiều sách.

Trương Học Lương sau này đã viết vào sổ tưởng niệm Tưởng Công rằng, hai người “Quan tâm săn sóc, tình như cốt nhục; tranh luận về chủ trương chính trị, thì giống như kẻ thù”.

Trong một buổi lễ ở nhà thờ năm 1937, Tưởng Giới Thạch đã nói: “Biến cố đã dẹp yên, người cầm đầu phiến quân đã tự biết vì hành động phá hoại lỗi mẫn, để lại di họa cho quốc gia, rất là sợ hãi. Nhưng ta tuân theo lời răn của Chúa Jesus tha thứ cho người anh em bảy mươi lần bảy, giúp cho ông ta có cơ hội làm lại cuộc đời.” (“Jesus cho ta lời giáo huấn khi gặp nạn”, 1937)

Trung Cộng gian trá

Theo tường thuật của cuốn sách “Tưởng Giới Thạch và Trung Quốc hiện đại” của Jay Taylor, một quan chức ngoại giao của Hoa Kỳ, (do Lâm Thiêm Quý dịch): “Khi Chu Ân Lai hồi báo về Diên An, Mao Trạch

Đông quả thật là không dám tin, cho rằng Tưởng chỉ là buột miệng nói sẽ đảm bảo đình chỉ nội chiến. Ông ta lo lắng kẻ thù lớn này dường như mấy hôm trước rơi vào tay mình, bây giờ đã không bị khống chế sẽ tiến hành báo thù nhanh chóng, tàn khốc trên quy mô lớn. Chu Ân Lai nói, Tưởng ‘khả năng sẽ không nuốt lời’. Ông ta nói với giọng châm biếm: Tưởng tự coi mình là nhân vật anh hùng, sẽ nói lời giữ lời, tuy nhiên Chu cho rằng loại phẩm cách này là tâm hư vinh. Mao Trạch Đông nghĩ đến bản thân trước đây cũng chế giễu sự ngây thơ của Tưởng. Mao cho rằng Tưởng giống như nhân vật AQ, ôm mộng tưởng hảo huyền đối với mỹ đức và sự chân thành của bản thân và cả truyền thống của Trung Quốc. Trung Cộng chính là có thể lợi dụng triệt để sự ngây thơ của ông ta. Đảng cộng sản bề mặt thì nhất mực cung kính, nhưng nội tâm là đang lặng lẽ chờ thời.”

Jay Taylor trái lại cho rằng: “Tưởng Giới Thạch đích xác là không công khai thừa nhận bất kỳ điều kiện nào, khả năng lớn là có thể nhanh chóng điều động tập hợp đại quân bao vây Diên An. Ba cánh quân của Trung Cộng ở Thiểm Bắc chỉ có khoảng trên dưới 50,000 hồng quân; trong đó chỉ có 29,650 người có súng, hơn nữa bọn họ không có không quân. Tưởng thống lĩnh đại quân 2,029,000, trong đó 300,000 người đã được huấn luyện kiểu Đức, hơn 80,000 người đã được trang bị vũ khí do Đức chế tạo. Ngoài ra, ông còn có 314 phi cơ, hơn 600 phi công lái chiến đấu cơ. Thậm chí, Snow (nhà báo người Mỹ) nói: ‘Sau khi ông ta an toàn thoát hiểm, thanh thế toàn dân ủng hộ rất lớn, chứng thực địa vị của ông trong lòng người dân cả nước như mặt

trời giữa trưa, vượt xa bất kỳ lãnh tụ nào trong lịch sử hiện đại Trung Quốc. Lấy dân ý mà nói, đây chính là thời điểm tốt nhất để phát động tấn công.”

“Nhưng, Tưởng Giới Thạch quả như Chu Ân Lai dự kiến, ông hết lòng giữ cam kết, đình chỉ “tiểu cộng”. Thậm chí, còn bắt đầu mỗi tháng phát 200,000 đến 300,000 nhân dân tệ cho quân đội Trung Cộng.”

“Ủy ban trung ương Quốc Dân Đảng từ chối tán thành Mặt trận Thống nhất, nhiều lần nhắc lại rằng phải chống Cộng đến cùng. Không ít Ủy viên Trung ương vẫn tin rằng hợp tác với Nhật Bản, chứ không phải hợp tác với Đảng cộng sản, mới là con đường duy nhất khôi phục chủ quyền của Trung Quốc. Nhưng Tưởng Giới Thạch khăng khăng muốn làm, ra lệnh mở cửa giao dịch với căn cứ địa hồng quân ở Tây bắc, và khôi phục một phần các dịch vụ bưu điện.”

Tưởng Giới Thạch bởi vì tin tưởng đảng viên Trung cộng cũng là người Trung Quốc, cũng sẽ yêu nước, đã đem thành ý đối đãi với Trung Cộng.

“Khi đó quả thực tôi tin tưởng Đảng cộng sản có thành ý ăn năn hối cải, cùng nhau chống ngoại xâm. Hơn nữa tôn chỉ thảo phạt bọn phỉ của ta, luôn cho rằng bọn người của Đảng cộng sản Trung Quốc là người Trung Quốc, tất sẽ yêu Trung Quốc. Chỉ cần chính phủ gia tăng chế tài thích đáng, không khó để bọn họ nghe theo mệnh lệnh; chỉ cần họ từ bỏ bạo động vũ trang, tự có thể cùng các chính đảng khác chung sức hợp tác. Cho nên từ năm 1919 bắt đầu tiểu phỉ, cho đến 1925 thì dừng, phương châm của tôi đối với đảng cộng sản trước sau là vừa tiểu vừa giúp. Tôi nhận thấy tuyên bố của đảng cộng sản cùng nhau cứu quốc lần này, chính

là hiệu quả thực tế sự chân thành của chính phủ chúng ta chiêu cảm được. Khi đó đa số những nhân sĩ trí thức yêu nước, đều tin tưởng đây là chính sách thành công của chính phủ, cũng chính là niềm báo cho thắng lợi của cuộc kháng chiến dân tộc.

“Không ngờ được hành động sau đó của Trung Cộng, hoàn toàn đi ngược lại cam kết. Đây cố nhiên là do tôi đã tin tưởng quá mức, cuối cùng dẫn đến thất bại trọng đại, điều này cũng chứng minh bọn đảng cộng sản rất cục vẩn là đảng cộng sản. Bọn họ quyết không có cái gọi là yêu tổ quốc và tình cảm dân tộc. Đảng cộng sản không chỉ là không yêu nước, mà còn rắp tâm bán nước, thậm chí vì đất nước Liên Xô cộng sản chủ nghĩa của họ, cho dù mất nước diệt chủng cũng không tiếc. Đây là một bài giáo huấn thực tế nghiêm trọng, tuy đối với cá nhân tôi là một sự sỉ nhục vô cùng, mà đối với cuộc đấu tranh chống lại cộng sản của thế giới tự do ngày nay, lại không phải là không có giá trị đóng góp.” (Liên Xô tại Trung Quốc)

“Trung Cộng công bố thông cáo mật đến toàn thể đảng viên, tuyên bố làm mật trận thống nhất chỉ là sách lược, khiến cho đảng vừa có thể kháng Nhật lại có thể khuếch trương thế lực “gấp trăm ngàn lần”. Tưởng cũng xem được tờ thông cáo này, liền viết: Đây thể hiện ‘sự gian trá của đảng cộng sản’, nhưng ông cũng chưa công khai bộc lộ quan điểm này, vẫn tiếp tục đối đãi với Trung Cộng như một người em trung thành. Ông cũng vứt bỏ nỗ lực làm suy yếu bọn quân phiệt, hiện tại dốc toàn bộ tinh thần để chuẩn bị kháng Nhật. Ông cần sự đoàn kết của cả nước và sự viện trợ quân sự của Liên

Xô.” (“Tướng Giới Thạch và Trung Quốc hiện đại” của Jay Taylor người Mỹ, do Lâm Thiêm Quý dịch)

Trung Cộng để biểu thị “giữ chữ tín”, đình chỉ cách làm tịch thu đất đai mới, nhưng đất đai đã bị tịch thu trước đó thì không được trả lại; đình chỉ tuyên truyền chống lại Quốc Dân Đảng; ủng hộ Chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn. Nhà báo Edgar Snow quan sát được, những thay đổi này “Hoàn toàn không ảnh hưởng đến lý luận cơ bản, phương án hoặc địa vị tự chủ của Trung Cộng”. Trong lòng Tướng Giới Thạch hiểu rất rõ những điều này.

Phần 18: Toàn diện kháng chiến

Toàn diện kháng chiến

“Chúng ta phải lấy thời gian lâu dài để cố thủ không gian rộng lớn, phải lấy không gian rộng lớn để kéo dài thời gian kháng chiến, để tiêu hao thực lực của kẻ địch, để giành lấy thắng lợi cuối cùng” (Tướng Giới Thạch)

Lấy yếu thắng mạnh

Ngày 07/7/1937, Nhật Bản phát động sự kiện cầu Lư Câu, chiến tranh xâm lược Trung Quốc bùng nổ toàn diện. Quân Nhật điều động 10 vạn đại quân, máy bay, xe tăng, xâm phạm quy mô lớn miền Bắc Trung Quốc, tham vọng thực hiện kế hoạch “Khuất phục Trung Quốc trong 3 tháng”. Bắc Bình, Thiên Tân chỉ trong vài ngày lần lượt thất thủ.

Ngày thứ 2 sau sự kiện, Tướng Giới Thạch viết trong nhật ký ở dòng cuối rằng “Khi chiến tranh xảy ra, không phân biệt Đông Nam Tây Bắc, không phân biệt già trẻ nam nữ, đều phải giữ vững quyết tâm bảo vệ tổ quốc, quyết chiến sống chết với kẻ thù. Nếu người nào giữa đường thỏa hiệp hoặc nhượng bộ một tấc đất, thì người đó sẽ trở thành tội nhân trong lịch sử của dân tộc Trung Hoa. Quân nhân có trách nhiệm giữ đất, cho dù chỉ còn một người một súng, thì cũng phải chiến đấu với địch đến cùng.”

(Nhật ký Tướng Giới Thạch, ngày 08/7/1937)

Cuồng vọng của Nhật Bản hoàn toàn không phải chỉ là khuếch trương thanh thế. Nhật Bản khi đó là nước có nền kinh tế lớn hàng thứ 6 trên thế giới, sức mạnh hải quân của họ đứng thứ 3 thế giới. Sau thời Minh Trị Duy Tân, Nhật Bản dựa vào tinh thần võ sĩ Đạo để tạo ra một cỗ máy chiến tranh mạnh mẽ hiếm thấy, xưng hùng xưng bá ở Á Châu và khu vực Thái Bình Dương. Sau khi đánh bại hai nước Trung Quốc và Nga trong chiến tranh Trung-Nhật (năm Giáp Ngọ năm 1904) và chiến tranh Nga-Nhật, Nhật Bản trở thành kẻ hùng mạnh hàng đầu thế giới. Thời đó, Mỹ, Anh, Pháp và các cường quốc khác cũng không muốn động vào Nhật Bản, Liên Xô cũng lo sợ sự uy hiếp của Nhật Bản đối với vùng viễn Đông Liên Xô.

Sau sự kiện “918” (Chiến tranh Trung-Nhật lần đầu tại Đông Bắc Trung Quốc ngày 18/9/1931), Nhật bản chiếm ba tỉnh miền Đông, thành lập Quốc gia bù nhìn Mãn Châu. Nhật Bản lúc đó sĩ khí lên rất cao, bất khả chiến bại. Trung quốc lúc đó dân nghèo nước yếu, bất ổn dân sự, nhân tâm hoảng loạn. Chỉ dựa vào sức mạnh vật chất, Nhật Bản chiếm ưu thế áp đảo. Đối diện với sức mạnh như lang sói của Nhật, Trung Quốc hầu như bất lực. Các quốc gia như Hoa Kỳ, Anh, Pháp, Liên Xô đều khoanh tay đứng nhìn. Tưởng Giới Thạch vô cùng thanh tỉnh, ông phải tìm đường cứu sống dân tộc mình trong nguy nan.

Đầu năm 1934, khi Tưởng Giới Thạch diễn thuyết tại Quân đoàn huấn luyện sĩ quan Lộ Sơn với chủ đề “Bí quyết giành thắng lợi cho cuộc chiến của dân tộc” đã chỉ rõ: “Nếu nhìn kết quả của cuộc chiến trên phương diện chiến trường, tuy được quyết định bởi

sự chiến đấu của quân đội, nhưng trên chiến đấu còn có chiến thuật; trên chiến thuật còn có chiến lược, trên chiến lược còn có sách lược chính trị. Nếu không thể giành chiến thắng kẻ địch trong cuộc chiến, thì phải dùng chiến thuật để thắng địch, nếu dùng chiến thuật không thể chiến thắng, thì phải dùng chiến lược để giành thắng lợi, nếu không thể thắng địch bằng chiến lược, thì phải dùng sách lược chính trị để giành thắng lợi”. Ông đã nói ra Pháp Bảo để lấy yếu thắng mạnh cho Trung Quốc.

Nhật Bản xâm lược là bất nghĩa; Trung Quốc tự vệ là chính nghĩa, “Ai binh tất thắng” (quân đội bị phần nhất định sẽ thắng). Nhật Bản muốn thắng nhanh, không chuẩn bị cho cuộc chiến lâu dài; Trung Quốc cần duy trì cuộc chiến lâu dài, từ sự kiện Tế Nam năm 1928 thì Tưởng Công đã bắt đầu chuẩn bị cho cuộc chiến. Nhật Bản tứ bề thọ địch; Trung Quốc từ đầu đến cuối chỉ có một kẻ thù là Nhật Bản. Nhật Bản thực hiện chế độ “Thống soái và Quốc vụ song lập”, thực chất là Quân đội và Chính quyền phân lập, quân nhân hiểu chiến cướp quyền điều hành Chính phủ, thậm chí giữa Lục quân và Hải quân cũng không liên quan với nhau; Còn Trung Quốc thành lập “Ủy ban Quốc phòng tối cao”, Tướng Tưởng Giới Thạch nắm toàn quyền quyết định chung của Quốc Dân Đảng, Chính phủ và Quân đội. Ngoại trừ Quân đội ĐCSTQ, các đội quân khác hầu hết đều tuân theo sự chỉ huy tối cao của Tướng Tưởng Giới Thạch. Tướng Tưởng Giới Thạch biết cách tận dụng ưu thế Chiến lược Chính trị của mình, trong khi các nhà lãnh đạo quân đội Nhật Bản không nhất định có được những kiến thức này.

Ngày 13/7, Tưởng Giới Thạch gửi điện chỉ thị thủ trưởng hành chính Bắc Bình Tống Triết Nguyên: “Trung ương đã quyết tâm vận dụng toàn lực kháng chiến, thà làm ngọc vỡ chứ không giữ ngói lành, để bảo tồn nhân cách cho đất nước chúng ta.”

Ngày 07/7/1937, Tưởng Giới Thạch phát biểu trong buổi nói chuyện nổi tiếng tại Lộc Sơn, tuyên bố với thế giới: “Chúng tôi hiểu cục diện sau khi toàn quốc ứng chiến, chỉ có hy sinh đến cùng, không có một chút gì là cầu may cầu được miễn gì cả. Một khi chiến tranh xảy ra, sẽ không phân biệt Nam Bắc, không phân biệt già trẻ, bất kể là ai thì đều có trách nhiệm chiến đấu giữ đất với quyết tâm hy sinh tất cả.” (Biểu thị thái độ trang trọng đối với sự kiện cầu Lư Câu, 1937).

Biến “Từ Bắc xuống Nam” thành “Từ Đông sang Tây”

“Cha tôi thực sự đã phân tích tỉ mỉ địa chiến lược của Trung Quốc Đại lục, cho nên mới quyết định, muốn đối kháng với cường địch Nhật Bản, trước tiên phải tạo cho Nhật Bản một quan niệm đánh thắng Trung Quốc. Ông phát hiện, nếu Nhật Bản muốn xâm lược Trung Quốc, thì phải đặt căn cứ tấn công ở phía Bắc, từ phía Bắc đánh xuống phía Nam, đẩy quân Quốc dân Đảng xuống vùng duyên hải Đông nam, nếu làm như vậy, là có thể đạt được giấc mộng “Khuất phục Trung Quốc trong 3 tháng”. Đối sách của chúng ta là khiến quân Nhật phải đổi hướng tấn công từ Bắc xuống Nam thành từ Đông sang Tây, căn cứ tấn công của chúng ta sẽ đặt tại hậu phương lớn (Vân Nam, Quý Châu, Tứ Xuyên),

chỉ cần cửa phía sau căn cứ luôn mở thì chúng ta sẽ có cơ hội, cho nên chúng ta đã bỏ rất nhiều sức để làm đường xa lộ Tây Nam, xa lộ Miến điện và xa lộ Ledo (Xa lộ Trung Ấn). Nếu cha tôi không thông thuộc lịch sử chiến tranh cổ đại của Trung Quốc, thì e rằng sẽ không dễ dàng cảm nhận được địa lý Trung Quốc.”

(Tự truyện theo lời kể của Tưởng Vĩ Quốc)



*Cố vấn Quân sự Đức, Tướng Alexander von Falkenhausen
(Ảnh: Tài sản công)*

“Sau khi kháng chiến nổ ra, cha tôi chỉ huy chiến đấu rằng, phải phá vỡ tuyến tấn công từ Bắc xuống Nam của quân Nhật, khiến áp lực từ Bắc xuống Nam trong nước giảm xuống, đồng thời khiến quân Nhật đổi hướng tấn công từ Đông sang Tây, chỉ có như vậy chúng ta mới có thể lợi dụng khu vực Tây Nam (vốn là hậu phương lớn)”.

(Tự truyện theo lời kể của Tưởng Vĩ Quốc)

Sau khi Trung Quốc mời Cố vấn Quân sự Đức, Tướng Alexander von Falkenhausen khảo sát Quốc phòng Trung Quốc, trong văn kiện bí mật năm 1935 “Kiến nghị về đối sách ứng phó thời cuộc” đã chỉ ra rằng, “Một khi xảy ra xung đột quân sự, miền Bắc Trung Quốc ngay lập tức bị đe dọa. Nếu bỏ rơi Hà Bắc mà không chiến đấu, Đường Lũng Hải và các thành phố lớn của nó sẽ bị mắc kẹt phía trên khu vực chiến sự.” Tướng Falkenhausen gợi ý rằng Trung Quốc nên tăng cường binh lực ở Từ Châu, Trịnh Châu, Vũ Hán, Nam Kinh và những nơi khác.”

Tướng Giới Thạch cho rằng: “Quân đội Quốc Dân Đảng không nên tìm kiếm cơ hội quyết chiến ở đồng bằng phía Nam Bình Tân, trên loại địa hình đó, người Nhật sẽ dễ dàng tiếp ứng cho quân đội, đồng thời phát huy được ưu thế về tính cơ động và hỏa lực.” (Chủ tịch Tưởng chỉ thị cho Tham mưu trưởng Quân ủy Trình Tiềm sửa đổi mệnh lệnh về trình tự chiến đấu), ngày 03/7/1937.

Lấy “Không gian” đổi “Thời gian”

Ngày 13/8/1937, tại Thượng hải nổ ra “trận chiến



Một vị trí súng máy của quân Quốc Dân Đảng trong “Trận chiến sông Tùng thượng Hải” (Ảnh: Tài sản công)

sông Tùng Thượng Hải”, Quân Quốc Dân Đảng hai mặt thọc địch. Tưởng Giới Thạch tương kế tựu kế, quyết định mở rộng chiến sự ở Thượng Hải, dụ quân chủ lực của Nhật di chuyển xuống phía Nam, “khiến quân Nhật đang đánh từ Bắc xuống Nam biến thành đánh từ Đông sang Tây. Chúng ta quay lưng vào căn cứ của mình, vừa đánh vừa lùi,..... như vậy việc dùng không gian để đổi lấy thời gian mới có tác dụng” (Tưởng Vĩ Quốc – Một tắc núi sông một tắc máu).

Nhật Bản không có kịch bản đánh trận quy mô lớn ở phía nam Trung Quốc. Bộ tổng tham mưu quân Nhật sau sự kiện cầu Lư Câu đã xây dựng “Yếu lĩnh xử lý tình hình hiện nay tại Bắc Trung Quốc”, trong đó viết: “Cho dù hành vi kháng Nhật có lan rộng xuống miền Trung và miền Nam Trung Quốc, thì cũng lấy ‘không điều

động binh lực lục quân' làm nguyên tắc." Bộ tổng tham mưu Nhật Bản lấy "đề phòng Liên Xô" làm chiến lược trọng điểm, vì họ cho rằng các thể lực cát cứ, phái hệ ở miền Hoa Bắc của Trung Quốc là độc bá một phương, và họ có bản sắc rất riêng, nên Trung Quốc sẽ không thể phát động chiến tranh toàn diện.

Ngày 29/7/1937, Bộ Tổng tham mưu Nhật Bản lập Đề cương "Kế hoạch Tác chiến chống Trung Quốc": "1. Chiến đấu với quân đồn trú của Trung Quốc, ở khu vực Bình Tân thì đánh quân Trung Quốc càng mạnh càng tốt. 2. Trong tình huống bất đắc dĩ mới tác chiến Thanh đảo và khu vực gần Thượng Hải."

Tướng Giới Thạch bố trí quân chủ lực "chiến đấu với ý chí kiên cường không tiếc bất kỳ sự hy sinh nào" trong tình huống chiến sự bất lợi, Tướng Tưởng tự mình đảm nhận vị trí chỉ huy chiến tuyến thứ 3, ra tiền tuyến chỉ huy. Trong một lần ra tiền tuyến Thượng Hải, đoàn tàu của Tướng Giới Thạch bị máy bay Nhật tấn công và thoát hiểm trong gang tấc. Tướng phu nhân bị máy bay Nhật Bản làm bị thương trên đường đến Thượng Hải. Lục quân, hải quân và không quân Nhật Bản phối hợp với hỏa lực ác liệt, khiến phía Trung Quốc thương vong hơn 100,000 người, cuối cùng chiếm được Thượng Hải. Quân đội quốc gia Quốc Dân Đảng ở thế bất lợi đã kiên cường chống trả và tiêu diệt hơn 60 ngàn quân địch, điều này mài mòn nhuệ khí của quân Nhật. Trận chiến sông Tùng Thượng Hải đã phá vỡ kế hoạch "Khuất phục Trung Quốc trong 3 tháng", và phá vỡ giấc mộng "Ép Tưởng cầu hòa" của Nhật Bản.

Phần 19: Bích huyết thanh thiên

Trước hết luận về sự bèn bỉ

Sau “Trận chiến sông Ngô Tùng Thượng Hải”, trọng điểm chiến lược của quân đội Nhật Bản di chuyển xuống phía Nam và tập trung ở miền Trung, Trung Quốc. Sức mạnh của thiết bị quân sự Nhật Bản tại thủy hương trạch quốc (vùng địa hình đồng bằng sông nước mưa nhiều) đã bị suy giảm đáng kể. Quân Nhật tiến xuống phía Nam và rơi vào thế bố trí chiến lược của Tưởng Công.

Tướng Giới Thạch nói: “Các lãnh chúa Nhật Bản tự cho rằng họ có đầy thủ đoạn, nhưng thực ra họ rất cố chấp.” “Họ làm bất cứ điều gì họ muốn, một cách liều lĩnh. Tuy nhiên, chính sách và chiến lược quốc gia của họ luôn nằm trong tầm kiểm soát của chúng tôi kể từ khi bắt đầu chiến tranh.” (“Vận mệnh của Trung Quốc”)

Thượng Hải thất thủ, Nam Kinh bị đe dọa. Ngày 20/11/1937, Tưởng Giới Thạch ra tuyên bố dõng dạc: “Chúng tôi luôn tin rằng bạo lực không thể đánh bại chúng tôi. Sẽ có một ngày, một đất nước hoàn toàn mới sẽ xuất hiện từ đống đổ nát do kẻ thù tạo ra. Chỉ cần Trái đất còn tồn tại, đất nước này sẽ tiếp tục tồn tại.”

Ngày 13/12/1937, Nam Kinh thất thủ, Quân đội Nhật tàn sát thành phố điên cuồng trong hai tháng, giết hại bừa bãi 300,000 binh lính và dân thường Trung Quốc, lịch sử gọi đây là “Thảm sát Nam Kinh”. Việc chính phủ Quốc Dân Đảng dời về phía Tây khiến

kế hoạch buộc Tưởng đầu hàng của Nhật Bản bị thất bại. Đối diện với sức mạnh như lang sói của Nhật Bản, các lãnh đạo cao cấp của Quốc Dân Đảng có ý kiến khác nhau. Đa phần có tư tưởng bi quan, và cho rằng sẽ thua trận. Phe do Uông Tinh Vệ cầm đầu đã sẵn sàng đầu hàng. Ngay cả trong các thủ hạ thân tín của Tưởng Giới Thạch cũng mang tâm trạng bi quan. Khổng Tường Hi, Vu Hữu Nhậm, Hồ Thích, Thái Nguyên Bồi, Trần Bố Lô và các nhân vật khác đều chủ trương nghị hòa, cho rằng trận chiến sẽ thất bại, Trung Quốc sẽ bị diệt vong. Khi đó, mỗi cuộc họp do hành pháp tổ chức sẽ kết thúc bằng những lời lẽ phẫn nộ như “Trung Quốc sẽ không diệt vong”, “Thật vô lý khi Trung Quốc bị diệt vong”, v.v. (Nhật ký Trần Khắc Văn). Đồng sự và những người dân ủng hộ Tưởng Công kháng chiến bị chế giễu là “hót như khướu”, là “tâm thần bất ổn”.

Tưởng giới Thạch ghi lại trong nhật ký rằng: “Phái cổ hủ và nhân sĩ dao động, chủ trương cầu hòa, nhưng họ không biết rằng cầu hòa lúc này là đầu hàng chứ không phải nghị hòa”; “Tất cả các tướng sĩ đều mất tinh thần chiến đấu và vô cùng đau buồn... Quân địch thực sự không còn quyết tâm tấn công thủ đô, nhưng quân ta quá yếu, kẻ địch dù muốn cũng không thể dừng lại được.” “Các bậc sĩ phu bảo thủ chủ trương nghị hòa trước những thất bại của quân đội, các tướng lĩnh cao cấp thì khao khát hòa bình, những kẻ cơ hội lại càng tệ hơn, một thế hệ nhu nhược không có tinh thần cách mạng.”

Tưởng Giới Thạch lãnh đạo đồng bào cả nước đồng lòng kéo dài kháng chiến. Ngày 16/12/1937, vào đêm trước khi Nam Kinh thất thủ, ông tuyên bố với toàn thể

nhân dân: “Cuộc kháng chiến kéo dài của Trung Quốc, trung tâm quyết thắng cuối cùng, chẳng những không phải ở Nam Kinh, cũng không phải ở các thành phố lớn, mà là ở bản làng cả nước và lòng dân bền chặt; hơi đồng bào cả nước.... cha dặn dò con, anh động viên em, người người chống địch, từng bước phòng bị, ... tạo nên một thành lũy kiên cường hữu hình và vô hình, coi chống giặc là sứ mệnh” (“Quân ta rút khỏi Nam Kinh báo cáo toàn quốc quốc dân thư”, 1937).

Ngày 18/12/1937, năm ngày sau khi Nam Kinh thất thủ, nhật ký của Tưởng Giới Thạch viết: “Gần đây, nhân sĩ các nơi và các đồng chí trọng yếu đều cho rằng quân đội sẽ thất bại, không thể không nhanh chóng cầu hòa, hầu như mọi người đều nhất trí như vậy. Lúc này nếu nhu nhược cầu hòa thì chẳng khác gì diệt vong, không chỉ xấu hổ nhục nhã với bên ngoài, mà nội bộ bên trong còn bất ổn hơn. Thế hệ kia chỉ nhìn thấy nguy hiểm của mình, mà không biết rằng nguy cơ đối phương còn lớn hơn mình, cũng không có chủ kiến gì để chống đỡ khó khăn này!” (“Tìm kiếm chân thực của Tưởng Giới Thạch”).

Tưởng Giới Thạch cho rằng, “Phải để quân địch tiến sâu thêm vào trận chiến, khiến chúng rơi vào khó khăn hơn, những biến hóa trên trường quốc tế có thể không đoán trước được, và điểm yếu của cướp biển Nhật Bản sẽ càng bộc lộ nhiều hơn, lực lượng của kẻ địch sẽ không thể triển khai được, không chỉ lâm vào tình thế tiến thoái lưỡng nan mà còn bị kiệt quệ, như vậy các nước sẽ lợi dụng sự kiệt quệ này để vươn lên. Nếu ngoại chiến dừng lại thì nội chiến nhất định sẽ bắt đầu, thà thua trong Kháng Nhật còn hơn hỗn loạn trong nước.”

Phía Nhật Bản đang tiến công quân sự, nhưng trong tư tưởng họ đã chủ động dụ hòa, áp dụng cả biện pháp cứng rắn và mềm mỏng. Tưởng Công tương kế tựu kế và cử đại diện nhiều lần đến đàm phán bí mật với phía Nhật Bản. Vào tháng 10/1938, Tiêu Chấn Doanh đại diện của Tưởng Công đã có một cuộc nói chuyện bí mật với Tướng Takaji Wachi là đại diện quân sự Nhật Bản. Và Tưởng Công đã nói thêm trong tuyên bố của Trung Quốc, “Chính sách của chính phủ tôi về hòa bình và chiến tranh với các giới hạn của nó, trước đã nhiều lần tuyên bố rằng tiêu chuẩn của hòa bình và chiến tranh là liệu nó có thể khôi phục lại tình trạng ban đầu trước ngày 7/7 hay không.” (“Tìm kiếm chân thực của Tưởng Giới Thạch”, Dương Thiên Thạch).

Ngày 02/11/1938, Bộ trưởng Ngoại giao Nhật Bản Hirota chính thức đề xuất các điều khoản cho cuộc đàm phán hòa bình của phía Nhật Bản. Nhận sự ủy thác của Nhật Bản, ngày 05/11/1938, Đại sứ Đức Trautmann đã gặp Tưởng Giới Thạch và truyền đạt các điều khoản cho cuộc đàm phán hòa bình của phía Nhật Bản. Nhật Bản lần này đưa ra các điều khoản như sau: Nội Mông tự trị, Hoa Bắc tự trị, từ quốc gia bù nhìn Mãn Châu đến sông Vĩnh Định trở thành khu vực trung lập, mở rộng khu vực trung lập sẽ được phân định bởi Hiệp định đình chiến Tùng Thủy Thượng Hải, dùng cảnh sát quốc tế duy trì an ninh, hợp tác kinh tế Trung-Nhật, giảm thuế quan với hàng hóa Nhật Bản, cấm giáo dục bài Nhật và kháng Nhật, cùng nhau ngăn chặn chủ nghĩa Cộng sản....

Ngày 28/12/1938, Tưởng Công nói thẳng với phe chủ hòa quyết liệt nhất là Ông Tinh Vệ, Khổng Tường

Hi rằng: “Tinh thần cách mạng của Quốc Dân Đảng gắn liền với chủ nghĩa Tam Dân, chỉ có thể tìm kiếm tự do và bình đẳng cho Trung Quốc chứ không thể đầu hàng kẻ thù và áp đặt những điều kiện không thể chịu đựng được để gia tăng sự trói buộc vĩnh viễn với đất nước và dân tộc của chúng ta. Nếu kết quả đáng tiếc là tất cả đều thất bại, thì cách mạng thất bại cũng không có gì phải xấu hổ, chỉ cần Chính phủ Quốc gia ta không rơi vào tay giặc thì kẻ thù sẽ không có gì để dựa vào, và đất nước chúng ta có thể có cơ hội khôi phục lại chủ quyền của mình bất cứ lúc nào.” Sau khi Tưởng, Uông, Khổng thảo luận, đã đưa ra quyết định cuối cùng là tiếp tục kiên trì kháng chiến, không chấp nhận các điều kiện hòa bình mà quân địch đưa ra.

Nhật Bản cuối cùng không thể chấp nhận giới hạn mà Tưởng Công đưa ra, nếu chấp nhận thì cũng đồng nghĩa với việc toàn bộ “thành quả” có được sau sự kiện 7/7 đổ sông đổ biển. Nhật Bản nhận thấy Tưởng Giới Thạch sẽ không khuất phục trước áp lực, vì vậy tháng 01/1938 quyết định “không coi Chính phủ Quốc Dân là đối tượng đàm phán”, đặt hy vọng vào việc ủng hộ chính quyền bù nhìn. Năm 1940, sau khi thành lập chính quyền bù nhìn Uông Tinh Vệ, Nhật Bản mới thiết lập được mạng lưới của mình.

Tưởng Giới Thạch tin chắc rằng cuộc kháng chiến sẽ thắng lợi, nhưng không thể trong thời gian ngắn được. Ngay từ ngày 25/02/1932, khi ra lệnh cho Hà Ứng Khâm chuẩn bị kế hoạch chiến tranh, ông đã nói: “Chỉ có kéo dài cuộc chiến với người Nhật thì mới có thể giết chết tham vọng ngạo mạn của họ.” (“Bản thảo các sự kiện trọng đại trong cuộc đời Tổng thống Tưởng Giới

Thạch”); Tháng 01/1938, Tưởng giới Thạch nói: “Chúng ta phải lấy thời gian lâu dài để cố thủ không gian rộng lớn, phải lấy không gian rộng lớn để kéo dài thời gian kháng chiến, để tiêu hao thực lực của kẻ địch, để giành lấy thắng lợi cuối cùng” (“Điều kiện và yếu tố quyết định thắng lợi cho kháng chiến”, 1938)

Bích huyết thanh thiên

Ngày 13/3/1938, Tưởng Giới Thạch viết trong nhật ký: “Kháng chiến chống Nhật quyết không phải chuyện thắng thua, được mất trong chốc lát, mà sẽ liên quan đến họa phúc ngàn đời của Đông Á. Vì vậy, bất kể



Cuộc tranh giành từng tấc đất của Quân đội Cách mạng Quốc gia ở Thái Nhĩ Trang. (Ảnh: Tài sản công)

phải hy sinh đến đâu, trừ khi đạt được mục tiêu này, chiến tranh sẽ không có hồi kết.”

Giữa tháng 3, tháng 4 năm 1938, theo sự bố trí của Tưởng Giới Thạch, quân đội quốc gia dưới sự chỉ huy của Tư lệnh Chiến khu 5 Lý Tông Nhân, đã tiến công và gây thiệt hại nặng cho quân đội Nhật Bản ở Thái Nhĩ Trang tại ngã ba Sơn Đông và Giang Tô, giết chết hơn 10,000 quân địch. Mặc dù Quân đội Quốc gia vẫn đang rút lui chiến lược, nhưng chiến thắng ở Thái Nhĩ Trang đã phá vỡ luận điệu ngông cuồng của Nhật Bản rằng “Quân đội Đế quốc là bất khả chiến bại”. Cách đó không lâu, Chủ tịch tỉnh Sơn Đông kiêm Phó Tư lệnh Chiến khu 5 Hàn Phúc Cử do trốn chạy khỏi trận chiến ở Từ Châu và từ bỏ các tuyến phòng thủ Tế Nam và Hoàng Hà nên đã bị Tưởng Giới Thạch xử bắn. Sự việc này đã trở thành thông tin chấn động một thời và là nguồn cổ vũ mạnh mẽ cho tinh thần chiến đấu của các tướng sĩ ở tiền tuyến.

Từ tháng 6 đến tháng 10 năm 1938, hơn một triệu Quân đội Cách mạng Quốc gia do Tưởng Giới Thạch chỉ huy bảo vệ thủ đô Vũ Hán thời chiến. Khi chiến tranh sắp xảy ra, Tưởng Giới Thạch lên đài phát thanh phát biểu với toàn quốc, ông nói: “Nhân dân và chính phủ Trung Quốc đã bị quân xâm lược Nhật ức hiếp và đàn áp đến giới hạn cuối cùng. Vì sự tồn vong của dân tộc, quân đội Trung Quốc quyết tâm đánh một trận tử chiến với quân Nhật ở khu vực Vũ Hán.” “Trong trận chiến này, quân ta sẽ không tập trung vào việc giành giật từng thành trì từng tấc đất, mà sẽ tự động lựa chọn những địa bàn tác chiến thuận lợi để thực hiện được mục tiêu tiêu diệt sinh lực địch.”

Nhật Bản khao khát nhanh chóng chiếm lấy Vũ Hán nên đã bỏ hết trứng vào một giỏ. Trận chiến này kéo dài bốn tháng rưỡi, quân đội Quốc gia đã sử dụng toàn bộ lực lượng hải quân không quân còn lại chiến đấu sống chết với quân Nhật, khiến hơn 200,000 quân Nhật thương vong. Quân Nhật tức giận nên đã không ngần ngại vi phạm luật pháp quốc tế, sử dụng khí độc khiến hơn 400,000 quân quốc gia thương vong, lực lượng hải quân đã bị xóa sổ, không quân chỉ còn lại vài chiếc phi cơ. “Bích huyết tráng chí thư trung liệt, Thanh thiên bạch nhật tế anh linh” (Máu đào đổ xuống viết lên chí khí trung liệt, trời xanh truy điệu linh hồn các anh hùng đã ngã xuống).

Ngày 21/10/1938, Quảng Châu thất thủ, quân Nhật cắt đứt đường sắt Quảng Đông-Hán Khẩu, Vũ Hán bị địch tấn công. Ngày hôm sau, Tưởng Giới Thạch quyết định rời bỏ Vũ Hán. Vào thời điểm đó, việc rút lui về mặt chính trị, quân sự và công nghiệp của Vũ Hán đã được hoàn tất theo kế hoạch và chuyển đến hậu phương lớn Tây Nam. Vào nửa đêm ngày 24/10/1938, Tưởng Giới Thạch và phu nhân Tống Mỹ Linh bay khỏi Vũ Xương. Ngày hôm sau, quân Nhật xâm chiếm Vũ Hán. Các nhà sử học cho rằng trận Vũ Hán là một bước ngoặt lớn trong cuộc kháng chiến chống Nhật, hai bên từ đó lâm vào thế giằng co. Nhật Bản tuy thắng trận nhưng đã thua về mặt chiến lược và bị sa lầy vào cuộc kháng chiến toàn diện của Trung Quốc.

Triển khai theo kế hoạch của Tưởng Công, chính phủ di chuyển về phía Tây đến Trùng Khánh, và lợi dụng địa hình hiểm trở tự nhiên của Tứ Xuyên để chống sự tấn công xâm lược của quân đội Nhật Bản. Trong

mắt người dân Trung Quốc, Trùng Khánh là “thành phố hy vọng” cho sự phục hưng của Trung Quốc. Lúc này quân đội Nhật Bản buộc phải mở mặt trận phía Tây, đồng thời bắt đầu ném bom bừa bãi ở Trùng Khánh trong suốt sáu năm nhằm cố gắng phá hủy Trung tâm Chỉ huy kháng chiến của Tưởng Giới Thạch và làm lung lay quyết tâm chiến đấu chống Nhật của Trung Quốc. Dù xét từ góc độ quân sự, kinh tế chính trị hay tâm lý người dân Trung Quốc, thì tình hình chiến tranh chống Nhật lúc bấy giờ không rõ ràng, và vận mệnh của dân tộc Trung Hoa chỉ là ngàn cân treo sợi tóc.

Người Nhật nhận thức rõ tầm quan trọng của Tưởng Giới Thạch đối với Trung Quốc. Vào tháng 6/1938, Vụ trưởng Vụ Đông Á của Bộ Ngoại giao Nhật Bản, ông Ishii Itaro cho biết trong một báo cáo rằng: “Nếu Quốc Dân Đảng được ví như một cái quạt thì Tưởng Trung Chính thực sự là trục của chiếc quạt đó. Đối với đa số trí thức Trung Quốc có ý thức dân tộc, Tưởng Trung Chính là sự sinh tồn của quốc gia này, là hảo hán phục hưng dân tộc, cũng là anh hùng dân tộc của nhân dân Trung Quốc. Để lật đổ thần tượng của dân tộc Trung Hoa, sẽ khác với cuộc chinh phạt Trương Học Lương ở Mãn Châu và các lãnh chúa những nơi khác.”

Phần 20: Thống soái chiến khu

Chống địch đến cùng

“Quan niệm của phụ thân có tính chất thời đại, chẳng những là Trung Quốc lấy đức báo oán đối với Nhật Bản, đồng thời cũng yêu cầu các nước đồng minh Âu Mỹ lấy đức báo oán đối với nước Đức, và Italy. Mục đích của ông chính là muốn ngăn chặn thế lực cộng sản lan tràn đến Thái Bình Dương.” (“Tự truyện khẩu thuật của Tưởng Vĩ Quốc”)

Nhìn xa trông rộng

Thời kỳ đầu kháng chiến, Trung Quốc một mình tác chiến. Hoa Kỳ duy trì trung lập, không cung cấp vũ khí cho Trung Quốc và Nhật Bản. Sau khi Trung Cộng và Liên Xô ký kết hiệp ước “Hai bên không xâm phạm lẫn nhau” vào tháng 8/1937, Liên Xô đã từng viện trợ cho không quân Trung Quốc, cũng bán cho Trung Quốc súng ống đạn dược. Nhưng sau khi Liên Xô cùng Nhật Bản ký kết “Hiệp ước trung lập Xô-Nhật” thì Liên Xô đình chỉ viện binh cho Trung Quốc, thừa nhận nước Mãn Châu, coi như đã đâm cho Trung Quốc một dao từ phía sau. Năm 1940, dưới áp lực của Nhật Bản, Anh Quốc đã đóng cửa con đường Miến Điện, cắt đứt con đường giao thương duy nhất của Trung Quốc với bên ngoài.

Tướng Giới Thạch nhận định, Trung Quốc kháng Nhật không phải là đơn độc, ba nước Anh, Mỹ và Liên Xô sớm muộn cũng phải cuốn theo sự leo thang của chiến tranh. Ông chú ý mật thiết đến xu hướng ngoại giao của các quốc gia Âu-Mỹ.

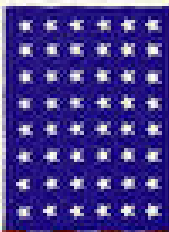
Ngày 01/09/1939, quân Đức xâm lược Ba Lan, chiến tranh Châu Âu bùng phát. Tướng Giới Thạch nghe tin, trong nhật ký đã cảm thán: “Đất nước chúng tôi đã trông đợi những thay đổi quốc tế trong suốt hai năm kháng chiến chống Nhật, giờ quả nhiên đã đến. Dù tình thế quốc tế rất nguy cấp, nếu như ta lựa chọn thật kiên trì và cẩn trọng vận dụng, tôi tin chắc rằng tất có thể từ nay đất nước ta sẽ được hồi sinh.” (Trường Kỳ Quân, “Đảng sử khái yếu”, quyển 3).

Trong nhật ký ngày 16/9/1940, ông viết: “Rạn nứt trong quan hệ Đức-Nga ngày càng sâu, Mỹ-Nga có khả năng tiếp cận.”

Đầu năm 1941, trong nhật ký Tưởng Công đã thể hiện sự nhìn xa trông rộng, đưa ra 9 điểm “Kỳ vọng” đối với tình thế quốc tế”, hai điểm đầu tiên là: “A, Nga-Đức khai chiến; B, Mỹ-Nhật khai chiến.”

Ngày 10/05/1941, Tướng Giới Thạch cảnh báo Đại sứ quán Hoa Kỳ phải tạm thời án binh bất động đối với Nhật Bản: “Theo tôi phán đoán cùng với báo cáo chính xác gần đây, nếu như trong vòng một tháng rưỡi (tức là tới cuối tháng 6) tình thế Mỹ quốc đối với nước Đức không chuyển biến xấu, chỉ cần có thể duy trì hiện trạng trước mắt, thì nước Đức tất sẽ tiến công Nga trong một tháng rưỡi này.” Ngày 16/06/1941, Tướng Giới Thạch triệu kiến người đứng đầu Trung Cộng là Chu Ân Lai, muốn ông ta chuyển lời với Liên Xô, “Quân Đức sẽ tấn

12 1943



SUN YAT-SEN
FOUNDER OF THE REPUBLIC OF CHINA
ON OCTOBER 10, 1911



We Salute the
CHINESE REPUBLIC
On her Birthday OCTOBER 10th

China - the First of our Allies to fight Japan,
China - in spite of war, struggling victoriously
toward Democracy as we did 150 years ago.

HELP HER TO FIGHT BRAVELY ON!

UNITED CHINA RELIEF
Member Agency of the National War Fund

*Áp phích của đồng minh Mỹ-Trung trong Đệ Nhị Thế Chiến.
(Ảnh: Tài sản công)*

công Liên Xô vào ngày 21/6.” Ngày 22/06/1941, quân Đức tấn công Liên Xô, chỉ chậm một ngày so với dự kiến của Tưởng Giới Thạch. Tin tình báo này đã giúp Liên Xô có thời gian gần một tuần chuẩn bị cho chiến tranh. (Lộc Tích Tuấn, “Dự báo và ứng nghiệm của Tưởng Giới Thạch đối với cuộc chiến tranh giữa Liên Xô và Đức”).

Tình thế diễn biến đã chứng minh sự anh minh của Tưởng Giới Thạch. Sau khi Liên Xô và Đức khai chiến, Tưởng Công thuyết phục Tổng thống Hoa Kỳ Roosevelt giữ vững lập trường cứng rắn đối với Nhật Bản, đình chỉ cung cấp vũ khí đạn dược và nguồn nhiên liệu cho quân Nhật Bản. Quân Nhật bị cắt khẩu phần lương thực, chột cảm thấy như bị “ngũ lôi oanh đỉnh” (năm loại sét đồng thời giáng xuống), tuyệt vọng quyết định liều chết đến cùng. Ngày 01/12/1941, Thiên Hoàng Nhật Bản chủ trì hội nghị hoàng gia, cho rằng: “Hoa Kỳ từ đầu đến cuối đã trở thành phát ngôn viên của Tưởng Giới Thạch”; “Chiến tranh Trung-Nhật, chiến tranh Nga-Nhật và những biến cố ở Trung Quốc cho đến nay, tất cả mọi thành quả đều đã trôi theo dòng nước.” Và quyết định “Khai chiến với Mỹ, Anh, Hà Lan”.

Ngày 07/12/1941, quân Nhật tập kích Trân Châu Cảng, chiến tranh Thái Bình Dương nổ ra. Tưởng Giới Thạch viết trong nhật ký: “Thành tựu của chiến lược kháng chiến, trong thời gian ngắn đã đạt đến cực điểm, vật cực tất phản, có thể không cảnh giác và sợ hãi sao?!” Ngày 09/12/1941, Trung Quốc cùng các nước đồng minh Anh, Mỹ chính thức tuyên chiến với Nhật, đồng thời hình thành thế đối đầu với phe trục Đức, Ý, và Nhật Bản.

Bốn năm trước, Thượng Hải bị chiếm đóng, Nam Kinh nguy cấp, Tưởng Giới Thạch trước khi dời đô đến Trùng Khánh đã tiên đoán: “Hiện nay, đối diện các quốc gia xâm lược, nhất định sẽ xuất hiện một trận tuyến liên hợp gồm Anh, Mỹ, Pháp và Liên Xô, có thể nói rằng hình thế quốc tế đã thay đổi bởi cuộc kháng chiến anh dũng của ta. Nếu như chúng ta tiếp tục kiên trì kháng chiến, nhất định có thể đạt tới mục đích các quốc gia tại viễn đông căm thù Nhật Bản, bao vây Nhật Bản. Nhất định khiến cho Nhật Bản rơi vào thế cô lập tuyệt đối. Mục đích này là không còn xa nữa, là rất dễ dàng đạt tới.” (“Di dời Quốc phủ và tiền đồn kháng chiến”, ngày 19/11/1937). Bốn năm sau, tiên đoán này đã trở thành sự thật.

Năm 1941, Owen Lattimore được Tổng thống Roosevelt tiến cử đến Trùng Khánh làm cố vấn chính trị cho Tưởng Giới Thạch. Ông Lattimore làm việc cùng với vợ chồng Tưởng Công hơn một năm, sau đó vì quan điểm thân Cộng nên đã xa lánh Tưởng Công và từ chức. Nhưng trong hồi ký, Owen Lattimore vẫn nói Tưởng Công là “Người yêu nước chân chính”, “Rất có ý thức quốc gia”, đôi khi “có tầm nhìn xa hơn so với Roosevelt hoặc Churchill.” (Theo “Tưởng Giới Thạch và Trung Quốc hiện đại” của Jay Taylor người Mỹ, do Lâm Thiêm Quý dịch).

Thống soái chiến khu

Tết Nguyên Đán năm 1942, tại Washington, 26 nước trong đó có Trung, Mỹ, Anh và Liên Xô đã ký kết tuyên ngôn phản xâm lược, Tưởng Giới Thạch được đề cử làm “Thống soái tối cao chiến khu Trung Quốc” của

các nước đồng minh, chỉ huy quân đội các nước đồng minh ở các địa khu Trung Quốc, Thái lan, Việt Nam liên hợp tác chiến. Tạp chí “Time” của Mỹ ngày 01/06 năm



Ngày 10/2/1942, Tướng Giới Thạch cùng Tống Mỹ Linh viếng thăm Ấn Độ, được Gandhi nhiệt tình đón tiếp. (Ảnh: Tài sản công)

đó đăng trên trang bìa bức ảnh chân dung Tưởng Giới Thạch cùng lời thuyết minh ngắn gọn: “Tưởng Tổng tư lệnh: Năm năm gian khổ đã qua, nhưng khó khăn nhất vẫn còn ở phía sau.”

Tháng 02/1942, Tưởng Giới Thạch cùng phu nhân nhận lời mời của Toàn quyền Anh quốc tại Ấn Độ để tới thăm Ấn Độ. Đây là chuyến thăm ngoại quốc đầu tiên của Tưởng Giới Thạch với cương vị là lãnh tụ Trung Quốc. Ấn Độ là thuộc địa của Anh quốc, nền độc lập dân tộc do ngài Mahatma Gandhi lãnh đạo mâu thuẫn với nước Anh mẫu quốc, khiến cho Ấn Độ không muốn lao vào trận chiến chống phát-xít. Nhật Bản và nước Đức cũng đua nhau tranh giành, muốn lôi kéo Ấn Độ làm chiến lược trọng điểm tại vùng Nam Á. Mục đích chuyến đi này của Tưởng Giới Thạch chính là tìm kiếm sự thỏa hiệp giữa Anh quốc và Ấn Độ, đồng thời nỗ lực giúp Ấn Độ sớm độc lập, từ đó củng cố vai trò của Ấn Độ trong phe Đồng minh. Tưởng Giới Thạch đến thăm các lãnh tụ dân tộc như Gandhi, Nehru, Jinnah (quốc phụ của Pakistan), và đối đãi rất chân thành với họ.

Tưởng Giới Thạch phát hiện, Ấn Độ và Trung Quốc có rất nhiều đặc điểm tương đồng, đều là nước yếu nên bị bắt nạt, có nền văn minh lâu đời, đều tin vào “sức mạnh tinh thần truyền thống”. Việc Tưởng Giới Thạch làm trung gian hòa giải giữa phong trào đòi độc lập của Ấn Độ và Vương quốc Anh dường như khiến chính quyền Churchill nghi ngờ “can thiệp vào công việc nội bộ”, bởi vậy cũng không đạt được sự nhượng bộ của Anh quốc. Vì ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa giành độc lập của Ấn Độ, Tưởng Giới Thạch đã không ngần ngại đắc tội với đồng minh hùng mạnh là Anh

quốc, tấm lòng trọng nghĩa và sự đồng cảm của ông đã khiến người dân Ấn Độ hết sức cảm động. Nhiều vị lãnh tụ Ấn Độ cũng cam đoan với Tưởng Công rằng, họ sẽ không ủng hộ phát-xít Đức, Nhật. Trước khi rời khỏi Ấn Độ, Tổng Mỹ Linh phát thanh “Bức thư gửi nhân dân Ấn Độ” của Tưởng Giới Thạch bằng Anh ngữ: Vận mệnh của người dân hai nước Trung Quốc và Ấn Độ giống nhau, bởi vậy nên kề vai chiến đấu.

Sau hai tháng xảy ra sự kiện Trân Châu Cảng, quân Nhật tấn công và chiếm được nhiều hòn đảo và thành phố ở Nam Á. Trung tuần tháng 2/1942, Hồng Kông, Manila, Singapore thất thủ. Tháng 5, Philippines, Thái Lan, Malaysia, Indonesia, Miến Điện lần lượt bị chiếm đóng. Quân Nhật liên tiếp đạt được ý muốn tại Nam Dương, dần dần hình thành hình thế bao vây Trung Quốc.

Tại Nam Dương, quân Nhật không gặp trở ngại gì, nhưng tại Trung Quốc lại liên tục gặp khó khăn. Đầu năm 1942, Tưởng Giới Thạch ra lệnh cho Tiết Nhạo chỉ huy 300,000 quân, dùng chiến thuật “Thiên Lô trận” bao vây 120,000 quân Nhật tại Trường Sa, tiêu diệt 57,000 quân Nhật. Còn bên Trung Quốc chỉ tổn thất 28,000 quân.

Phóng viên người Mỹ Forman đã có bài viết sau khi phỏng vấn chiến trường, trong đó viết: “Chiến thắng lần thứ ba của Trung Quốc ở Trường Sa chứng tỏ một nguyên tắc rằng, nếu trang bị của quân đội Trung Quốc có thể ngang bằng với quân đội Nhật Bản thì họ có thể dễ dàng đánh bại quân đội Nhật Bản”.

Tưởng Giới Thạch rất phấn khởi, đã viết trong nhật ký ngày 04/01/1942 rằng: “Cuộc xâm lược Nam Dương

của Nhật Bản có thể nói là bất khả chiến bại, nhưng chỉ riêng ở trận Trường Sa lại chịu thất bại nặng nề. Vì thế chính phủ Anh, Mỹ và dư luận của họ mới biết sức mạnh của quân xâm lược Nhật Bản, và biết rằng phản ứng của nước ta là không yếu.”

Vào tháng 02/1942, quân đội Nhật Bản tấn công Yangon thủ đô của Miến Điện, quân Anh đóng tại Miến Điện đã xin Bộ Tư lệnh chiến khu Trung Quốc cứu viện. Ngày 16/02/1942, chính phủ Trung Quốc cử một lực lượng viễn chinh đến chiến đấu ở Miến Điện. Đây là lần đầu tiên sau chiến tranh Giáp Ngọ (1894-1895) quân đội Trung Quốc ra ngoại quốc chiến đấu. Tướng Giới Thạch trước sau đã hai lần đưa quân viễn chinh được trang bị kiểu Mỹ đến Miến Điện và Ấn Độ. Dưới sự chỉ huy của tham mưu trưởng Joseph Stilwell, và với sự phối hợp của quân đội Anh, họ đã quyết chiến với quân xâm lược Nhật Bản để bảo vệ huyết mạch ở phía Tây. Cuối cùng đã giành được thắng lợi.

Phần 21: Lấy đức báo oán

Việc may mắn trong đời

Tháng 04/1942, Tưởng Giới Thạch gợi ý cho phu nhân Tống Mỹ Linh đăng bài “Như tôi quan sát” trên tờ “Thời báo New York”, yêu cầu Anh-Mỹ huỷ bỏ hiệp ước bất bình đẳng với Trung Hoa: “Ba tháng vừa qua, nhân dân Trung Quốc chúng tôi ngạc nhiên không tin vào mắt mình, khi nhìn thấy quân đội Tây Dương ở khắp mọi nơi đều khuất phục đầu hàng quân địch ... Nhưng chúng tôi lại cầm vũ khí lên chống lại quân địch. Đến hôm nay, đã sắp tròn 5 năm rồi.” “Sức mạnh tinh thần của Trung Quốc sẽ giúp cho chúng tôi vượt qua được cửa ải khó khăn nhất, gian khổ nhất, hy vọng người Tây Dương có thể hiểu được giá trị của sức mạnh tinh thần này.” Tưởng phu nhân nói rõ ràng cho thế giới phương Tây: Chớ xem thường người Trung Quốc.

Lời lẽ của Tưởng phu nhân đã tạo được sự đồng cảm của dân chúng Mỹ quốc. Tổng thống Roosevelt nhận thức được rằng, Trung Quốc và Anh, Hoa Kỳ giống nhau, đều là trụ cột của lực lượng đồng minh. Ông đã thuyết phục được Thủ tướng Churchill, ngày 09/10/1942, Hoa Kỳ và Anh tuyên bố từ bỏ đặc quyền và lợi ích của họ tại Trung Quốc. Tưởng Giới Thạch xúc động không thôi, trong nhật ký hôm đó ông viết: “Đây là mục tiêu phấn đấu lớn nhất cả đời từ khi lãnh đạo cách mạng đến nay, mà đến nay cuối cùng tôi đã tự

mình thực hiện được, trong lòng cũng khuây khỏa, thật là điều may mắn nhất trong cuộc đời.”

Dưới sự dẫn đầu của Hoa Kỳ và Anh, các quốc gia khác như Pháp, Canada, Bỉ, Na Uy, Thụy Điển, Thụy Sĩ, Đan Mạch, Hà Lan cũng rất nhanh chóng hủy bỏ hiệp ước bất bình đẳng với Trung Hoa.

Nhân cách của Tưởng Giới Thạch nhận được sự tôn trọng của các nước đồng minh quốc tế. Vào tháng 03/1943, Tổng thống Roosevelt đã viết thư cho tướng George Marshall, nói rằng: “Chúng ta nhất định phải nhớ kỹ, Chủ tịch (Tưởng) phải trải qua hành trình gian khó mới trở thành người lãnh đạo không thể bàn cãi của 400 triệu người dân.” (Hoàng Nhân Vũ, “Độc nhật ký của Tưởng Giới Thạch từ góc độ của lịch sử”).

Tháng 11/1943, nguyên thủ ba nước Trung Quốc, Hoa Kỳ và Anh Quốc đã gặp mặt tại Cairo, thương thảo chiến lược kháng Nhật và bố cục thế giới sau chiến tranh. Tưởng Công đề xuất: “Tất cả đất đai mà Nhật Bản chiếm đoạt của Trung Quốc, như Mãn Châu, Đài Loan, Bành Hồ, đều nên để Trung Hoa dân quốc khôi phục.” Tưởng Công còn đưa ra hai chủ trương: “Chính quyền Nhật Bản sau chiến tranh sẽ do người Nhật tự quyết định” và “Trợ giúp Triều Tiên và An Nam độc lập”. Tưởng Giới Thạch biểu thị rõ ràng: “Đối với các quốc gia Thái Lan, Miến Điện, Việt Nam, Trung Quốc không có dã tâm về lãnh thổ.” Ông bày tỏ: “Sau chiến tranh, Trung Quốc không đưa quân chiếm đóng lãnh thổ Nhật Bản, mà do Hoa Kỳ một mình chiếm đóng”; Không cho Liên Xô có cơ hội xuất binh tới Nhật Bản, tránh cho Nhật Bản bị chia cắt. Tổng thống Roosevelt và



*Nguyên thủ của ba nước Trung Quốc, Hoa Kỳ, Anh quốc: Tướng Giới Thạch, Roosevelt và Churchill gặp nhau tại Cairo năm 1943.
(Ảnh: Tài sản công)*

Thủ tướng Churchill đều ủng hộ lập trường của Tướng Công, đồng thời chính thức ghi vào “Tuyên bố Cairo”.

Tướng Albert Coady Wedemeyer là tham mưu trưởng quân đồng minh tại chiến khu Trung Quốc, từ đáy lòng rất khâm phục cuộc kháng chiến của Trung Quốc, ông đã viết trong hồi ký rằng: “Tôi bắt đầu lĩnh hội được những biểu hiện đáng kinh ngạc về sự kiên nhẫn cùng sức chịu đựng của chính phủ Quốc dân trong chiến tranh kháng Nhật, tuyệt không phải như Joseph Stilwell và những ký giả bằng hữu của ông ta



*Flying Tigers P-40 (Đội Phi Hổ), với hình vẽ hàm cá mập trên đầu phi cơ, là một trong những chiến đấu cơ dễ nhận biết nhất của lực lượng không quân trong Đệ nhị Thế chiến.
(Rennett Stowe from USA / Wikipedia)*

miêu tả là không muốn tác chiến. Nước Pháp đã lập tức khuất phục sau khi nước Đức phát động công kích 6 tuần lễ, tuy nhiên sau 7 năm từ khi Nhật Bản phát động chiến tranh xâm lược, vào năm 1944 Trung Quốc vẫn còn đang gian khổ chống đỡ.” (“Báo cáo của Wedemeyer”, 1958)

Năm 1944, “Flying Tigers” của lực lượng không quân Hoa Kỳ viện trợ Trung Quốc đã hợp tác với không quân Trung Quốc triển khai tấn công mạnh mẽ quân Nhật tại không phận Trung Quốc. Đầu năm 1945, máy bay ném bom của Mỹ bắt đầu công kích quy mô lớn vào các thành phố chủ yếu của Nhật Bản. Tokyo cũng bị ảnh hưởng bởi các cuộc không kích. Việc lực quân Trung Quốc vây quét quân Nhật ở Trung Quốc cũng dần leo thang.

Năm 1945 là một năm xoay chuyển tình thế. Ngày 28/04/1945, Benito Mussolini bị bắn chết, ngày 30/04/1945, Hitler tự sát. Đầu tháng 5/1945, Ý, Đức lần lượt đầu hàng, mấy nước trục tâm tan rã, chiến tranh ở Âu Châu kết thúc. Tuy nhiên, Nhật Bản không chịu đầu hàng và đang tích cực chuẩn bị cho một trận chiến quyết định cuối cùng mang mật danh “100 triệu viên ngọc nát” (ngọc nát ý chỉ sự hy sinh). Vào ngày 26/07/1945, ba nước Hoa Kỳ, Anh và Trung Quốc đã đưa ra “Tuyên bố Potsdam”, trong đó “Thông báo cho chính phủ Nhật Bản ngay lập tức tuyên bố tất cả các lực lượng vũ trang Nhật Bản đầu hàng vô điều kiện.” “Ngoài con đường này, Nhật Bản sẽ nhanh chóng hủy diệt hoàn toàn.” Nhật Bản đâu có biết, mười ngày trước Hoa Kỳ vừa thí nghiệm ra một loại vũ khí đáng sợ: Bom nguyên tử. Nhật Hoàng cùng các tướng lĩnh của ông không thể hiểu được ý tứ “nhanh chóng hủy diệt hoàn toàn”, cho nên muốn chọn cách dựa vào địa thế hiểm yếu để chống lại.

Để tránh đổ máu nhiều hơn, Tổng thống Truman quyết định sử dụng bom nguyên tử làm đòn sát thủ, giáng cho Nhật Bản một đòn cuối cùng. Ngày 06 và 09/08/1945, máy bay Mỹ lần lượt thả hai quả bom nguyên tử xuống Hiroshima và Nagasaki. Sau ánh chớp chói lòa, sóng xung kích quét ngang mặt đất, mây hình nấm bao phủ bầu trời, hai thành phố lập tức trở thành đồng đống nát, 140,000 người Nhật Bản thiệt mạng. Ngày 15/08/1945, Thiên hoàng Nhật Bản Hirohito đã phát đi “Chiếu thư kết thúc chiến tranh”, tuyên bố đầu hàng vô điều kiện.

Tin tức truyền ra, ở mảnh đất Thần Châu khắp chốn reo hò, người trong nước vui mừng đến phát khóc. Một cửa hiệu buôn bán ở Trường Sa treo câu đối: “Trung Hoa Trung Sơn Trung Chính, Dân tộc Dân quyền Dân sinh.” Đến lúc này, thanh danh của Tưởng Giới Thạch tựa như mặt trời ban trưa.

Lấy đức báo oán

Vào ngày Nhật Hoàng Hirohito đầu hàng, Tưởng Giới Thạch đã có bài phát biểu: “Cuộc kháng chiến của chúng ta, hôm nay đã thắng lợi rồi. Và chân lý ‘Chính nghĩa tất sẽ thắng cường quyền’ cuối cùng đã được chứng minh.”

“Các đồng bào Trung Quốc chúng ta phải biết rằng ‘tha thứ’ và ‘thiện chí giúp người’ là đức tính vô cùng cao quý trong truyền thống của dân tộc ta. Chúng ta trước sau như một tuyên bố rằng chỉ coi các quân phiệt hiếu chiến Nhật Bản là địch, không coi nhân dân Nhật Bản là địch. Hôm nay, quân địch đã bị đồng minh của chúng ta đánh bại.” “Nhưng chúng ta hoàn toàn không muốn trả thù, càng không thể vũ nhục đối với những người dân vô tội của địch quốc.” “Phải biết rằng, nếu như dùng bạo lực để đáp lại những hành động bạo lực trước đây của quân địch, lấy hành động vũ nhục đáp trả lại sai lầm của họ trước đây, như thế thì sẽ oan oan tương báo, vĩnh viễn không có điểm kết thúc, đây quyết không phải là mục đích của tấm lòng nhân nghĩa mà những người thế hệ trước đã dạy chúng ta”. (“Văn kiện công bố đến quân dân cả nước cũng như nhân sĩ toàn thế giới khi kháng chiến thắng lợi”, 1945)

Việc phế bỏ hay để tồn tại chế độ Thiên Hoàng Nhật Bản, là một vấn đề khó giải quyết. Các đồng minh phương Tây vẫn chưa ngã ngũ đối với vấn đề này. Trong Hội nghị Cairo, Tưởng Công nêu ra: “Người phát động chiến tranh, chỉ là một nhóm quân phiệt Nhật Bản, tôi cho rằng điều kiện thiết yếu là căn bản giải trừ quân phiệt, không thể để cho bọn họ tái khởi tham gia vào chính sự ; còn hệ thống quốc gia của Nhật Bản nên như thế nào, tốt nhất đợi sau khi chiến tranh kết thúc sẽ do người dân Nhật Bản tự mình quyết định. Bởi vì chiến tranh nhất thời mà can thiệp quốc thể của nước khác, sẽ tạo thành sai lầm vĩnh viễn giữa các dân tộc.” (“Hồ sơ bí mật của tổng thống Tưởng Giới Thạch”).

Tưởng Giới Thạch thuyết phục Roosevelt, Churchill... giữ lại danh nghĩa Thiên Hoàng, duy trì toàn vẹn lãnh thổ của Nhật Bản. Nhật Bản thời hậu chiến, được khai sáng về chính trị và phát triển về kinh tế, là một lực lượng hùng mạnh đã kìm hãm sự bành trướng của chủ nghĩa cộng sản.

Với tấm lòng vĩ đại lấy Đức báo oán của Tưởng Giới Thạch, có học giả Đài Loan bày tỏ rằng: “Tưởng Giới Thạch sở dĩ khoan dung đối với Nhật Bản, bởi vì ông ngay từ đầu đã không coi người dân nước Nhật là địch, ngược lại cho rằng mối bang giao giữa hai nước Nhật Bản-Trung Quốc là huynh đệ, chỉ cần những kẻ quân phiệt hiếu chiến Nhật Bản bị tiêu diệt, thì hai nước Trung-Nhật tuyệt đối có thể hóa thù thành bạn. Còn nữa, Trung Quốc sau chiến tranh có thể vào vị trí lãnh đạo Á Châu, Nhật Bản tất sẽ chủ động quy thuận.” (Hoàng Tử Tiến, “Thái độ Tưởng Giới Thạch đối với Nhật

Bản trước và sau kháng chiến kết thúc: Nghiên cứu thảo luận sự thật “Lấy đức báo oán”)

Trong chiến tranh, Tưởng Công là khắc tinh của quân phiệt Nhật Bản, sau chiến tranh, ông lại trở thành Thần hộ mệnh của dân tộc Nhật Bản. Sau khi Tưởng Công mất, tỉnh Aichi tại Nhật Bản đã xây dựng “Đền thờ Trung Chính” để thể hiện tấm lòng tri ân.

Xoay chuyển Càn Khôn

Ngày 24/10/1945, Trung Hoa Dân Quốc cùng với Hoa Kỳ, Anh, Liên Xô và Pháp khởi xướng việc thành lập Liên Hiệp Quốc, Trung Quốc là một trong năm thành viên thường trực. Tưởng Công với tư cách là nhà lãnh tụ tối cao của Trung Quốc, đã trở thành một trong những người sáng lập Liên Hiệp Quốc.

Công lao sự nghiệp của Tưởng Công trong việc lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Nhật thì ngay cả các đối thủ của ông cũng không thể phủ nhận. Trong một buổi nói chuyện nội bộ vào tháng 12/1971, Mao Trạch Đông đã nói: “Tưởng Giới Thạch có một số ưu điểm là sự thật lịch sử khách quan, chúng ta khi nói về lịch sử cần phải lưu tâm: Một là Bắc phạt thống nhất Trung Quốc, Hai là Chiến tranh kháng Nhật, Ba là Thu phục Bành Hồ, Bốn là mở mang lãnh hải. Năm 1946 Tưởng thu về các đảo ở Nam Hải từ Pháp quốc, vùng lãnh hải rộng 3.7 triệu km vuông này tương đương với ba tỉnh Ngoại Mông.” (Trương Lương Thiện, “Truyện ký có bình luận về Mao Trạch Đông”).

Tưởng Vĩ Quốc nói: “Trong Đệ Nhị Thế Chiến, nếu cha tôi không đưa ra một số đề xuất chỉ đạo chiến lược

đúng đắn tại Hội nghị Cairo, tôi e rằng sự phát triển tiếp theo sẽ thậm chí còn tồi tệ hơn. Nói cách khác, mặc dù cục diện Thế giới đã rất tồi tệ, thế nhưng nếu không có sự nỗ lực của cha tôi ở Hội nghị Cairo, e rằng thế giới bây giờ càng tồi tệ hơn. Tuy nhiên, những nỗ lực của cha tôi đã bị phá hủy bởi Hội nghị Yalta sau đó, vì vậy Hội nghị Yalta là nguồn gốc của sự phân loạn của thế giới.”

Tướng Vĩ Quốc nói: “Vào thời điểm đó, có một cuộc chiến tranh thế giới không thể tránh khỏi sắp xảy ra, đó là cuộc chiến giữa Chủ nghĩa cộng sản và Chủ nghĩa chống cộng, nhưng rất tiếc nhiều người không chú ý đến vấn đề này.”

“Mãi cho đến đại chiến thế giới lần thứ hai, chiến khu Trung Quốc đã giành được thắng lợi một cách khó khăn. Để bù đắp cho sự ích kỷ mà người phương Tây thể hiện tại Hội nghị Yalta, ông (Tướng Giới Thạch) đã đề xuất một phương pháp lấy đức báo oán. Quan điểm của cha vốn là có tính thế giới, không chỉ là Trung Quốc lấy đức báo oán với Nhật Bản, mà đồng thời cũng yêu cầu các đồng minh châu Âu và Hoa Kỳ cũng lấy đức báo oán với Đức và Ý. Mục đích của ông chính là muốn ngăn cản thế lực cộng sản ở giữa Á Châu và bắc Đại Lục, không để thế lực cộng sản lan ra Thái Bình Dương. Ông cũng kêu gọi các lực địa Á Châu và Âu Châu chú ý đến sự phát triển của chủ nghĩa cộng sản. Các nước Âu Châu đã thực hiện một số biện pháp, còn Á Châu thì dưới sự ích kỷ của người Âu Châu đã gây ra sự hỗn loạn lớn. Tướng Douglas MacArthur sau khi tiếp nhận thông tri đã tương đối chú ý đến việc ngăn chặn sự bành trướng của chủ nghĩa cộng sản, chẳng hạn như giữ nguyên chế

độ Thiên Hoàng Nhật Bản, làm cho học thuyết cộng sản không tràn ngập ở Nhật Bản ngay sau chiến tranh; mặt khác, các lực lượng chiếm đóng do Hoa Kỳ độc quyền điều động, còn các nước tham gia khác cử lực lượng hành chính tượng trưng, khiến cho quân đội Liên Xô không thể tiến vào lãnh thổ Nhật Bản.” (Tự truyện truyền khẩu của Tưởng Vĩ Quốc).

Sau khi Tưởng Công mất, chính phủ Nhật Bản đã gửi một bức điện chia buồn, nói rằng: “Tổng thống Tưởng là đại ân nhân tái tạo Nhật Bản, Tưởng Trung Chính dùng chính sách lấy đức báo oán đối với Nhật Bản, gia tăng sự tái thiết và phục hưng của Nhật Bản sau chiến tranh. Tổng thống Tưởng mất đi, đối với người dân nước Nhật giống như sấm sét giữa trời quang, người dân Nhật Bản có lương tri không ai là không đau buồn vô hạn.” (“Số tưởng niệm Tổng thống Tưởng Giới Thạch”).

Cùng ngày, trong một bài phát biểu, cựu Thủ tướng Satō Eisaku cho biết: “Nhật Bản sẽ không bao giờ quên đại ân đại đức mà Tổng thống Tưởng đã dành cho Nhật Bản sau Đệ Nhị Thế Chiến. Sự việc khó quên nhất đối với người dân Nhật bản, đó là ân huệ lấy đức báo oán của Tổng thống Tưởng đối với Nhật Bản sau Đệ Nhị Thế Chiến.”

Bài xã luận của tờ “Asahi Shimbun” cho biết: “Vinh quang của Tưởng Trung Chính đạt đến đỉnh cao khi cuộc chiến tranh chống Nhật kéo dài 8 năm do ông lãnh đạo giành được thắng lợi, khiến Trung Quốc, từ khi có chiến tranh nha phiến luôn bị các cường quốc ức hiếp và rơi vào chế độ bán thực dân, đã nhảy lên đứng ngang hàng là một trong năm cường quốc cùng với Hoa Kỳ, Anh, Pháp và Nga. Ông phản đối việc bãi

bỏ chế độ Thiên Hoàng Nhật Bản, phản đối chia cắt và chiếm đóng Nhật Bản, đồng thời lấy đức báo oán, ông độ lượng khoan dung khiến chúng ta luôn khắc ghi trong lòng.” Lúc này, Nhật Bản và ĐCSTQ đã thiết lập mối bang giao được gần ba năm, chính phủ và nhân dân trên dưới vẫn vô cùng xúc động trước tấm lòng của Tưởng Công, quả thật không thể biểu đạt bằng lời.

Tổng thống Đại Hàn Dân Quốc Park Chung-Hee đã đặc biệt phát biểu: “Tổng thống Tưởng không những có cống hiến vĩ đại đối với thắng lợi của các nước đồng minh trong Đệ Nhị Thế Chiến, mà đối với phong trào độc lập của Nam Hàn cũng từng có những ủng hộ tích cực. Tổng thống Tưởng đã cống hiến rất nhiều để đặt định nền tảng cho hòa bình và trật tự của thế giới sau Đệ Nhị Thế Chiến. Những công lao và sự nghiệp này của ông là không cách nào đong đếm, người dân Nam Hàn sẽ vĩnh viễn không bao giờ quên...”

Ông cũng có bài phát biểu chia buồn: “...Tôi cùng đồng bào Nam Hàn và tất cả những người dân trên toàn thế giới sùng kính công lao và sự nghiệp của ông, xin nghiêng mình bày tỏ sự ngưỡng mộ cao nhất tới tinh thần kiên định không đổi và niềm tin vững chắc dù trải qua rất nhiều khó khăn gian khổ của Tổng thống Tưởng.” (“Sổ tưởng niệm Tổng thống Tưởng Giới Thạch”)

Phần 22: Chiến đấu với quân Cộng Sản, bảo vệ Trung Nguyên

Dân gian lưu truyền “Kim Lăng tháp bi văn” (Văn tự khắc trên tháp Kim Lăng) của Lưu Bá Ôn tiên tri rằng: “Kim Lăng tháp, Kim Lăng tháp, Lưu Cơ xây, Giới Thạch phá. Phá tháp Kim Lăng rồi, quân dân tàn sát lẫn nhau. Thảo đầu (Cộng sản) đối đầu thảo đầu nhân (Tướng Giới Thạch)”.

Lời tiên tri này chỉ ra rằng Tướng Giới Thạch và Đảng Cộng sản tất sẽ có một cuộc đối đầu. Nhận thức của Tướng Giới Thạch về Đảng Cộng sản có lẽ bắt nguồn từ vài năm sau “Cách mạng Tháng Mười” ở Nga. Theo sự ủy quyền của Tôn Trung Sơn, Tướng Giới Thạch đã đến nước Nga Xô Viết để điều tra bản chất của Đảng Cộng sản và đưa ra kết luận nổi tiếng rằng: “Cách mạng cộng sản không phù hợp với Trung Quốc”.

Chuyến thăm Liên Xô

Lời hứa suông

Năm 1917, sau khi Đảng Cộng sản Liên Xô cướp chính quyền, đã tuyên bố rằng sẽ từ bỏ các đặc quyền của mình ở Trung Quốc. Động thái này “ngay lập tức khơi dậy sự hy vọng của người dân Trung Quốc và giành được thiện cảm chưa từng có của họ.” (Tướng Giới Thạch, “Nước Nga Xô Viết ở Trung Quốc”, 1956)

Tướng Giới Thạch cảm thấy hào hứng với Cách mạng Tháng Mười và tin rằng Trung Quốc có thể học hỏi từ Cách mạng Nga. Ông bắt đầu học tiếng Nga, đọc



Các ấn bản tiếng Trung, tiếng Hàn và tiếng Nhật của “Nước Nga Xô Viết ở Trung Quốc” (Ảnh: Solomon203 / Wikipedia)

các sách như “Tuyên ngôn cộng sản”, “Tư bản luận”, “Tóm tắt học thuyết của Marx” và “Loạt bài của Lênin”, nghiên cứu một cách có hệ thống lý luận về Chủ nghĩa Cộng sản, hy vọng tìm ra con đường cứu nước.

Sau khi Tôn Trung Sơn nghiên cứu một cách có hệ thống lý thuyết của Marx, ông đã tỏ ra dè dặt đối với Đảng Cộng sản Liên Xô và hệ thống Liên Xô, nhưng không loại trừ việc sử dụng sự trợ giúp quân sự của Liên Xô để đạt được mục tiêu của cuộc cách mạng quốc gia. Ngày 26/01/1923, Tôn Trung Sơn, với tư cách là Thủ tướng của Quốc dân Đảng, đã hội đàm tại Thượng Hải với Thứ trưởng Ngoại giao Liên Xô Adolph Joffe, để thảo luận về sự hợp tác giữa Quốc Dân Đảng và Liên Xô.

“Tuyên bố Tôn-Adolph” do hai bên ký kết ghi rõ: “Trên thực tế, tổ chức Cộng sản và thậm chí cả hệ thống Liên Xô không thể được thực hiện ở Trung Quốc, bởi vì ở Trung Quốc không có điều kiện nào có thể làm cho

Chủ nghĩa cộng sản hay hệ thống Liên Xô này thành công”. Adolph Joffe nhắc lại rằng Liên Xô sẵn sàng từ bỏ mọi hiệp ước bất bình đẳng chống lại Trung Quốc trong thời Nga Hoàng, và bày tỏ sự phản đối việc Ngoại Mông tách khỏi Trung Quốc. Ngay sau đó, Liên Xô đồng ý hỗ trợ tài chính và quân sự để giúp Quốc Dân Đảng thống nhất Trung Quốc.

Đầu tháng 3/1923, Tôn Trung Sơn trở về Quảng Châu, thành lập Phủ Đại nguyên soái, Ông được bầu làm Đại nguyên soái Hải quân và Lục quân, đồng thời tích cực chuẩn bị cho chuyến thăm Liên Xô. Tôn Trung Sơn viết thư cho Lênin, thông báo sẽ cử Tưởng Giới Thạch dẫn đầu phái đoàn sang thăm Liên Xô, nói rằng Tưởng Giới Thạch là “Tổng tham mưu trưởng của tôi và là người đại diện đáng tin cậy nhất”, “đã được cấp toàn quyền” và “có thể hoạt động dưới danh nghĩa của tôi”.

Từ ngày 16/08 đến ngày 29/11/1923, trong thời gian hơn 3 tháng, Tưởng Giới Thạch và phái đoàn gồm bốn người của ông đã đến thăm nhiều nơi khác nhau ở Liên Xô, gặp gỡ Trotsky, Kamenev, Zinoviev, Kalinin, Chicherin và các chức sắc khác, nhưng Lênin vì bị bệnh nên không thể gặp mặt. Tưởng Giới Thạch đã đi tham quan các học viện quân sự và xưởng vũ khí để tìm hiểu về việc thành lập và công tác chính trị của Hồng quân.

Phái đoàn đến thăm Liên Xô để tìm kiếm sự hợp tác quân sự với Liên Xô và thành lập Quân đội Cách mạng Quốc gia trung thành với Tôn Trung Sơn nhằm đánh bại Ngô Bội Phu và các Quân phiệt phương Bắc khác. Kế hoạch quân sự Tây Bắc của Tôn và Tưởng là yêu cầu thành lập một căn cứ quân sự của Quốc Dân Đảng ở Khố Luân (nay là Ulaanbaatar), Mông Cổ, với sự hỗ

trợ của Liên Xô, quân đội được điều động từ Mông Cổ xuống phía Nam để chinh phạt phái hệ quân phiệt Ngô Bội Phu cố thủ ở Bắc Kinh và thống nhất Trung Quốc.

Mông Cổ độc lập khỏi Trung Quốc sau Cách mạng Tân Hợi (năm 1911), và Nga Hoàng nhân cơ hội đưa quân vào Mông Cổ. Sau khi ĐCS Liên Xô cướp chính quyền vào năm 1917, Liên Xô tiếp tục coi Mông Cổ là khu vực ảnh hưởng của mình. Năm 1921, Hồng quân Liên Xô tiến vào Mông Cổ.

Năm 1919, Lênin từng đề nghị xóa bỏ hiệp ước bất bình đẳng giữa Nga và Trung Quốc thời Nga Hoàng. Một lời hứa như vậy tất nhiên là một sự khích lệ cho người Trung Quốc, liên tưởng đến sự tôn trọng của Liên Xô đối với Trung Quốc trong vấn đề Mông Cổ. Căn cứ vào lời hứa của Lênin, Tôn Trung Sơn đề ra Kế hoạch quân sự Tây Bắc.

Ai ngờ rằng Liên Xô đã đưa ra một lời hứa hão huyền, và việc Hồng quân Liên Xô chiếm đóng Mông Cổ chính là bằng chứng. Khi Tưởng Giới Thạch đưa ra phương án thực chất là thành lập căn cứ quân sự ở Khố Luân, Liên Xô đã đánh trống lảng và do dự không bày tỏ lập trường, khiến cuộc đàm phán khó đi vào chiều sâu. Tưởng Giới Thạch vô cùng bối rối. Cho đến tận tháng 11, khi chuyến thăm sắp kết thúc thì Tưởng Giới Thạch mới có được câu trả lời rõ ràng.

Ngày 11/11/1923, Sklyansky, Phó chủ tịch Ủy ban Quân sự Cách mạng Liên Xô cùng Kamenev, Tổng tư lệnh Hồng quân và những người khác mới tiếp tục hội đàm với phái đoàn Tưởng Giới Thạch. Lần này Sklyansky đi thẳng vào vấn đề và bác bỏ kế hoạch của Quốc Dân Đảng: “Tôn Trung Sơn và Quốc Dân Đảng

nên tập trung toàn lực vào công việc chính trị, vì nếu không, mọi hoạt động quân sự trong điều kiện hiện tại nhất định sẽ thất bại.” Ông yêu cầu Quốc Dân Đảng phải theo gương của ĐCS Liên Xô, tập trung toàn lực làm công tác tuyên truyền, làm báo, tạp chí, tiến hành các chiến dịch vận động bầu cử, v.v., và không được vội vàng xây dựng quân đội.

Tướng Giới Thạch vô cùng thất vọng vì điều này, ông đã viết trong nhật ký của mình ngày hôm đó: “Cho dù là vì cá nhân hay đất nước, cầu người không bằng cầu mình. Cho dù là người thân, bạn bè hay đồng minh thân thiết đến đâu cũng không thể nằm ngoài lợi ích của bản thân họ. Mà cơ nghiệp của bản thân, dù là thành bại hay lớn nhỏ, đều không thể xem thường. Nếu muốn thành công, bạn phải bắt đầu làm từ chính mình. Ngoại lực là thứ không đáng tin cậy nhất.”

Ngày 27/11/1923, Tướng Giới Thạch một lần nữa đề cập đến vấn đề Mông Cổ khi gặp Trotsky, Chủ tịch Ủy ban Quân sự Cách mạng Liên Xô. Trotsky khinh bỉ nói rằng nếu Quốc Dân Đảng nhất định phải thiết lập căn cứ, thì cũng nên “phát động các hoạt động quân sự từ chính đất nước của mình, chứ không phải từ Mông Cổ.” Vào thời điểm đó, Liên Xô trên miệng còn công nhận Mông Cổ thuộc về Trung Quốc. Tướng Giới Thạch rất tức giận, sau cuộc họp đã nói với phái đoàn của mình rằng: Trotsky đang giảo biện! “Nếu Mông Cổ muốn độc lập, họ cũng cần được chúng ta thừa nhận. Chúng ta cần trao cho họ độc lập mới được, chứ không phải họ tự thừa nhận chính mình!”

Từ chối gia nhập Cộng sản

Trong thời gian thăm Liên Xô, Quốc tế Cộng sản đề nghị Tưởng Giới Thạch gia nhập ĐCS TQ. Tưởng Giới Thạch khéo léo từ chối, nói rằng muốn hỏi ý kiến của Tôn Trung Sơn. Trong thư gửi Liêu Trọng Khải, ông nói: “Vì vấn đề gia nhập Đảng Cộng sản mà đệ phải lẩy lý do xin ý kiến của Tôn tiên sinh, khiến đệ bị chế giễu là kẻ bày tôi trung thành, đệ tự biết cá tính của mình như vậy cũng không tránh được sự chê cười của người khác. Tuy nhiên, những vị đại thần trung thành phục vụ quốc vương mà không mất đi lòng phục Quốc yêu dân, còn hơn những kẻ Hán gian phản bội chỉ làm những việc phản quốc, hại dân. Tôi thà bị mang danh một trung thần tội tặc, chứ không cần lấy vinh quang của kẻ nô lệ ngoại bang, và tôi xin được chia sẻ điều đó với anh trai tôi.” (Bản sơ thảo biên niên sử Tưởng Giới Thạch, Bắc Kinh, Nhà xuất bản Văn Khố, tháng 12/1992)

Sau khi gặp Trotsky, Tưởng Giới Thạch hoàn toàn thất vọng và trở về tay không sau chuyến thăm quan khảo sát kéo dài ba tháng ở Liên Xô. Hai ngày sau, đoàn lên tàu về nước. Trong nhật ký của mình, Tưởng Giới Thạch đã dùng “vô cùng buồn bực và chán nản” để miêu tả tâm trạng của mình lúc đó.

Trong “Bản báo cáo chuyến đi Nga” gửi Tôn Trung Sơn, Tưởng Giới Thạch viết: “Đảng Nga không có liên hệ, so với đế quốc Anh, Pháp, Mỹ, Nhật thì chỉ khác biệt năm mươi và một trăm bước chân mà thôi.” (“Nước Nga Xô Viết ở Trung Quốc”)

“Liên minh với Nga và Đảng Cộng sản” của Tôn Trung Sơn đã gây ra tranh cãi trong nội bộ Quốc Dân

Đảng. Tổng lý Tôn đã nhiều lần nói với các nguyên lão Quốc Dân Đảng rằng: “Nếu Đảng Cộng sản có thể bảo vệ đảng chúng ta thì tôi sẽ im lặng; nếu nó không thể, tôi có cách riêng để đối phó với nó.” (Tưởng Vĩ Quốc, “Phụ thân tôi là Tưởng Giới Thạch”).

Hiển nhiên, Tôn Trung Sơn biết rằng liên minh với Nga là biện pháp bất đắc dĩ cuối cùng, nhưng trong thâm tâm ông biết rõ và rất lạc quan về tương lai. Tưởng Giới Thạch quyết tâm phục tùng thủ lĩnh, chôn chân ở Hoàng Phố Quảng, Châu để xây dựng quân đội.

Hạng Trang múa kiếm

Vào ngày 14/3/1924, Tưởng gửi một bức thư cho Liêu Trọng Khải nói rằng: “Phương châm duy nhất của Đảng Nga đối với Trung Quốc là biến Đảng Cộng sản Trung Quốc trở thành một phần của nó. Tôi không bao giờ tin rằng Đảng của chúng ta có thể hợp tác lâu dài với nó, và thành công bằng chính sách tương hỗ này. Về chính sách đối với Trung Quốc, tất cả các bộ ở Mãn Châu, Mông Cổ, Hồi giáo và Tây Tạng đều thuộc Liên Xô, nhưng họ không có ý định can dự vào Trung Quốc. Hoàn toàn không có lý do gì để những người không thể tự chủ trong mọi việc và chỉ biết dựa vào người khác mà có thể đạt được thành công.”

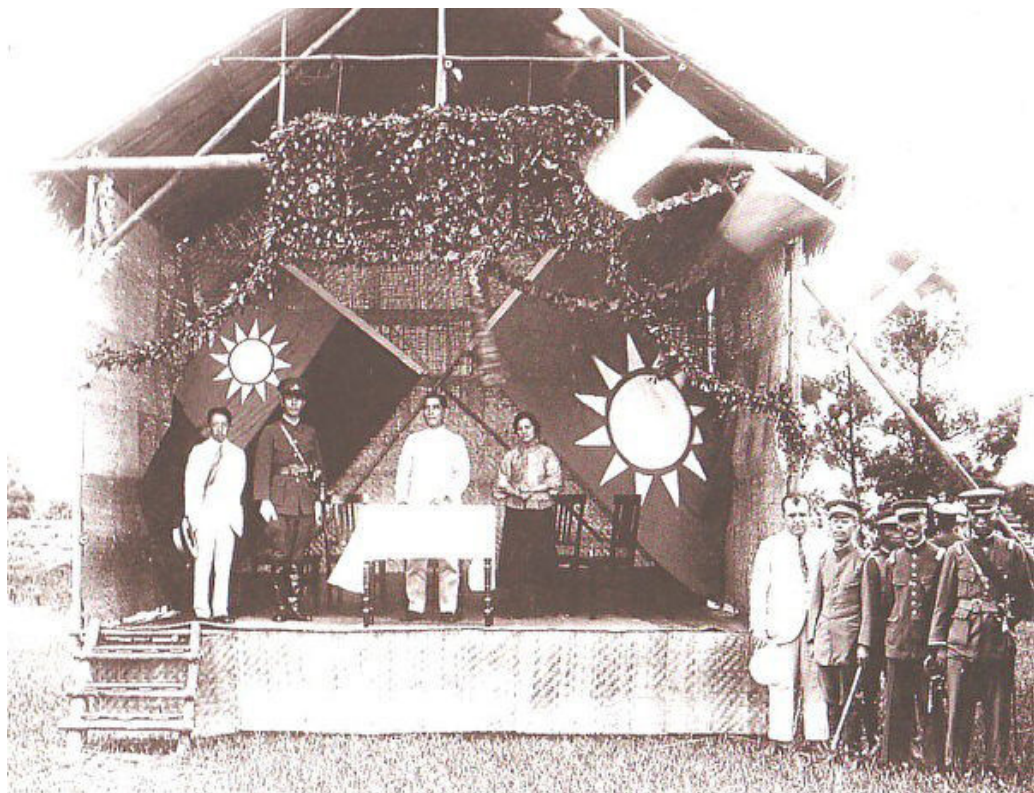
Ông còn nói: “Những người được gọi là Chủ nghĩa quốc tế và Cách mạng thế giới chẳng qua là Chủ nghĩa đế quốc của Caesar, bất quá là họ đã thay tên đổi họ để gây nhầm lẫn cho mọi người. Cái gọi là Nga cùng với Anh, Pháp, Hoa Kỳ, Nhật Bản, theo đệ nhìn nhận, chỉ mang lại lợi ích cho quốc gia của họ mà làm tổn hại các

quốc gia khác, sự khác biệt giữa năm mươi và một trăm bước chân mà thôi! “

Trong chuyến thăm ba tháng của mình, Tưởng Giới Thạch cũng đã quan sát kỹ nhiều vấn đề nội bộ của Liên Xô. Ông viết trong nhật ký: “Thiếu số người cai trị đất nước, bài xích những người bất đồng chính kiến. Tôi cảm thấy nguy hiểm.” Điều này rõ ràng ám chỉ tác hại tiềm tàng của Stalin đối với Liên Xô. Mặc dù không được nhìn thấy bản thân Stalin, nhưng Tưởng Giới Thạch đã linh cảm rằng ông ta không phải là người tốt.

Ngày 13/04/1931, Tưởng Giới Thạch sắp xếp tài liệu và thấy một bản sao thư trả lời của ông với Liêu Trọng Khải. Trong nhật ký của ngày hôm đó, ông viết: “Buổi sáng, tôi sắp xếp các bản thảo cũ trong căn hộ, và nhìn thấy bức thư của Trọng Khải vào mùa xuân năm 1913, nói rằng Nga có những động cơ khó lường, đọc mà thấy được an ủi. Chỉ vì Thủ tướng quyết tâm liên minh với Nga mà không thể thay đổi chính sách của mình, chỉ có thể đến Quảng Đông phụng mệnh để từng bước khắc phục tình hình. Thở dài nói với chị cả và vợ mình rằng: Tôi ngay từ đầu đã phản đối Đảng cộng sản đến cùng, quyết không đến Quảng Đông nhậm chức, nhưng sau khi Thủ tướng qua đời, Quốc dân đảng sẽ bị Đảng Cộng sản loại bỏ, và Trung Quốc sẽ không có hy vọng cứu vãn. Trong bóng tối mịt mù, liệu còn khả năng sống sót nào không?”.

Tưởng Giới Thạch tạm thời áp dụng kế sách che giấu, lấy lùi để tiến, điều này thực sự phù hợp với ý Trời. Muốn Tưởng Giới Thạch xây dựng học viện quân sự, đây rất có thể là cấm nang diệu kế mà Tôn Trung Sơn lưu lại.



Tôn Trung Sơn phát biểu tại lễ khai giảng của Học viện Quân sự Hoàng Phố, cùng có mặt là Tưởng Giới Thạch, Tổng Khánh Linh và Liêu Trọng Khải. (Ảnh: Tài sản công)

Nhiều năm sau, Tưởng Giới Thạch đã viết trong cuốn sách “Nước Nga Xô Viết ở Trung Quốc”: (Thăm Liên Xô để biết chính mình) “Tôi nhận ra rằng hệ thống chính trị của Liên Xô là một tổ chức chuyên chế và khủng bố, nó và hệ thống chính trị theo Chủ nghĩa Tam dân của Quốc Dân Đảng Trung Quốc của chúng ta không giống nhau. Căn bản không tương đồng.” Ông nhận ra rằng viện trợ của Liên Xô cho Trung Quốc chính là “Hạng Trang múa kiếm” [Dựa theo tích: Trong buổi yến tiệc ở Hồng Môn, Hạng Trang giả vờ múa kiếm

để tìm cách hành thích Lưu Bang nhưng không thành]. Và ông rất lo lắng về điều này.

Trong cuốn “Nước Nga Xô Viết ở Trung Quốc”, Tưởng Giới Thạch nhớ lại: “Trước khi sang Liên Xô, tôi tin rằng sự giúp đỡ của Đảng Cộng sản Nga đối với cuộc cách mạng quốc gia của chúng tôi xuất phát từ sự chân thành và đối đãi bình đẳng, không hề có ác ý hay tư tâm gì. Nhưng ngay sau khi tôi đến thăm Liên Xô, lý tưởng và lòng tin của tôi đã hoàn toàn biến mất. Tôi đã kết luận rằng, chính sách liên minh với Nga của Đảng ta, mặc dù nhất thời có thể chống lại thực dân phương Tây, nhưng sẽ không bao giờ đạt được mục tiêu độc lập và tự do cho đất nước; Tôi càng cảm thấy rằng các sách lược và mục tiêu của cái gọi là ‘Cách mạng thế giới’ của nước Nga Xô Viết đối với phong trào độc lập dân tộc ở phương Đông, so với chủ nghĩa thực dân phương Tây thì càng nguy hiểm hơn.”

“Tóm lại những ấn tượng mà tôi có được sau ba tháng khảo sát ở Nga, khiến cho tôi cảm giác rằng, chế độ Cộng sản Nga một khi được củng cố mạnh mẽ, sẽ phục sinh dã tâm chính trị của thời đại đế quốc Nga Hoàng, điều này cũng không phải là không có khả năng. Nếu vậy thì hậu họa mà nó mang đến cho Trung Hoa Dân Quốc và cuộc cách mạng quốc gia của chúng ta sẽ không thể tưởng tượng được”.

Tưởng Giới Thạch đã thấy trước được mối đe dọa của Đảng Cộng sản Liên Xô đối với Trung Quốc, và điều đó sau này quả nhiên đã ứng nghiệm.

Phần 23: Mối họa cộng sản tiến về phương Đông

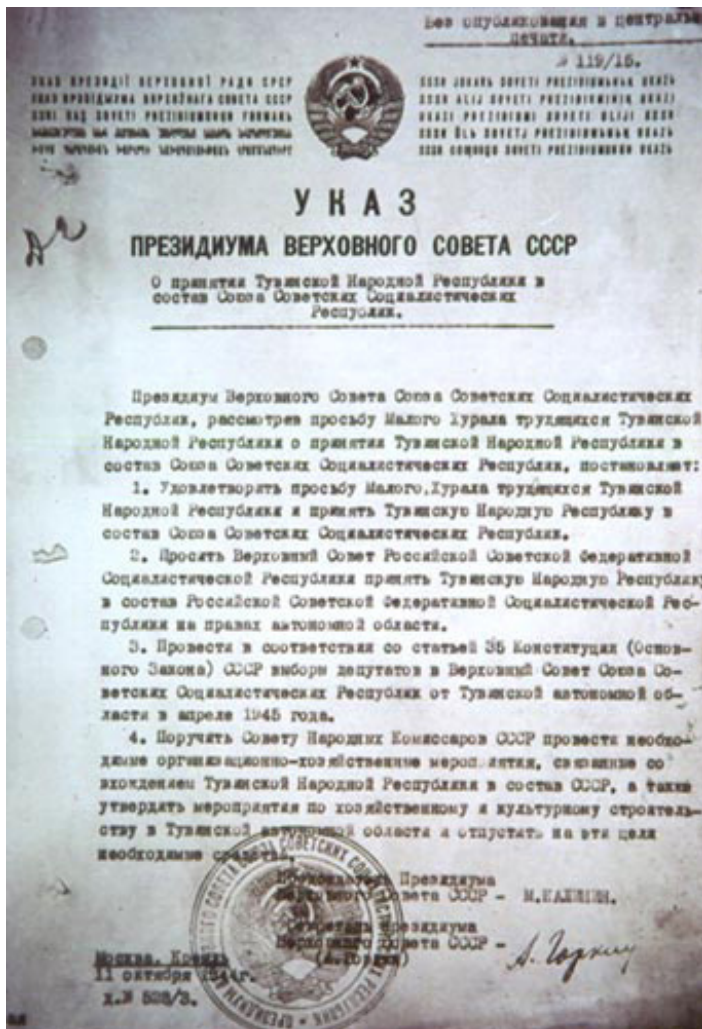
Bản chất của Đảng cộng sản Liên Xô

Sau cách mạng cộng sản, vào năm Dân Quốc thứ 9, chính phủ Liên Xô đã tuyên bố xóa bỏ đặc quyền của họ ở Trung Quốc; nhưng năm Dân Quốc thứ 10, quân Nga lại xâm lược Ngoại Mông, thành lập “Nước Cộng hòa nhân dân Mông Cổ” bù nhìn đầu tiên của mình.

“Sau sự kiện ngày 18/9, Liên Xô trên bề mặt là đồng tình với Trung Quốc kháng Nhật, nhưng trên thực tế vào năm Dân Quốc thứ 24, bất chấp trách nhiệm trong điều ước Trung-Nga, họ đã bán con đường Trung Đông cho ‘Mãn Châu Quốc’ (chính phủ bù nhìn do Đế quốc Nhật Bản lập nên ở Mãn Châu). Năm Dân Quốc thứ 30, Liên Xô lại cùng với Nhật Bản ký kết ‘Hiệp định trung lập’, cổ vũ Nhật Bản nam tiến.

Năm Dân Quốc thứ 33, Liên Xô càng ngang ngược sát nhập Tannu Uriankhai của nhà Thanh (nay giáp Nga và Mông Cổ) vào bản đồ của Nga. Đến giai đoạn Đệ Nhị Thế Chiến gần thắng lợi cuối cùng, Nga lại dựa vào những yêu cầu được lưu lại từ thời đại Nga Hoàng để đưa ra các điều kiện tham gia cuộc chiến chống Nhật, đồng thời ép buộc Hoa Kỳ và Anh thành lập hiệp ước bí mật Yalta” (Theo “Đường lối cơ bản về phản Cộng và kháng Nga”, Tưởng Giới Thạch)

“(Trung Cộng) ‘kháng Mỹ viện Triều, can thiệp vào chiến tranh với Nam Hàn’, nhòm ngó Nhật Bản, Việt



Vào tháng 10/1944, Liên bang Xô Viết chính thức tuyên bố hợp nhất khu vực Tannu Ulianghai vào lãnh thổ. (Ảnh: Tài sản công)

Nam, và làm phức tạp thêm tình trạng hỗn loạn ở Ấn Độ và Đông Nam Á, v.v. Điều là vì nó muốn thực hiện những trù tính 'tiêu diệt Trung Quốc, tiến đến xâm lược Á Châu, và sau đó thống trị thế giới' theo kế hoạch của

Lenin và Stalin. Chúng ta hiểu rõ âm mưu được toan tính một cách hệ thống này của Lenin và Stalin, biết rằng đế quốc Nga muốn xâm lược Trung Hoa, kết thúc cuộc xâm lược đối với Trung Quốc thì vẫn chưa dừng lại, mà là muốn chiếm lấy ‘Hậu phương vững chắc đáng tin cậy’ và ‘Lực lượng dự bị vô tận’, coi đây là điểm khởi đầu cho sự thống trị của nó đối với các quốc gia trên toàn thế giới và nô dịch toàn nhân loại”. (Theo “Đường lối cơ bản về phản Cộng và kháng Nga”, Tường Giới Thạch)

Tiền thân của Đảng cộng sản Liên Xô là Đảng Lao động Dân chủ Xã hội Nga (còn gọi là Đảng Công nhân Dân chủ Xã hội Nga). Năm 1903, trong nội bộ đảng này đã hình thành hai phái là Bolshevik và Menshevik. Năm 1917, phái Bolshevik chính thức thành lập đảng riêng, một năm sau đổi thành Đảng Cộng sản Nga (Bolshevik), gọi tắt là Xô Cộng.

Tường Giới Thạch cũng có nghiên cứu độc đáo về Xô Cộng: “Chủ nghĩa Cộng sản nước Nga ngày nay nói đúng ra chính là chủ nghĩa Bolshevik. Năm 1903, Đảng Lao Động Dân Chủ Xã hội Nga khai mạc đại hội ở Luân Đôn, phân chia thành Menshevik (phe thiểu số) và Bolshevik (phe đa số). Những người Menshevik cho rằng tổ chức đảng cần phải dân chủ, cuộc cách mạng của đảng nhất định phải do tầng lớp công nhân lãnh đạo. Những người Bolshevik lại áp dụng chủ nghĩa khủng bố ‘Đất đai và tự do xã hội’ của phái dân túy nước Nga và chủ trương công-nông độc tài. Lãnh tụ của phe Bolshevik chính là Lênin.”

“Lênin cũng từng một tay tiếp nhận tư tưởng của chủ nghĩa hư vô và chủ nghĩa khủng bố của Mikhail Aleksandrovich Bakunin, Sergey Nechayev

[Nekhayevka] và Dostoyevsky, cái gọi là ‘Vì cách mạng không tiếc phải sử dụng bất kỳ thủ đoạn nào, cũng không ngại có thể giết chết một nửa nhân loại’ và ‘Nô lệ tất phải có tầng lớp lãnh đạo, chúng ta chính là người lãnh đạo.’

Lênin đã đem kết hợp hai loại tư tưởng này với lý luận về đấu tranh giai cấp của Marx để tạo thành lý thuyết của ông ta về “chuyên chính của giai cấp vô sản”. Trong tay của Lênin và Stalin còn có “Sám hối”, “Lời thú tội”, “Bản án cuối cùng” của chính giáo phươg Đông, cùng chế độ Bức màn sắt của Hoàng đế Paul I nước Nga, cũng như chủ nghĩa chuyên chế của Sa Hoàng và Chủ nghĩa Đại Slav, tất cả đều đã thâm nhập vào chủ nghĩa Bolshevik và trở thành một bộ phận quan trọng của nó.” (Theo “Đường lối cơ bản về phản Cộng và kháng Nga”, Tưởng Giới Thạch)

Lênin muốn lật đổ Sa Hoàng, Hoàng đế Wilhelm II của Đức thì muốn giành được thắng lợi ở mặt trận phía Đông. Lênin khi đó đang sống lưu vong tại Thụy Sĩ, sau đó đã quay trở về Nga dưới sự hậu thuẫn và hỗ trợ tài chính của Hoàng đế Wilhelm II. Ngày 07/11/1917, lãnh tụ Lênin của đảng Bolshevik đã lãnh đạo lực lượng vũ trang phát động một cuộc nổi loạn nhằm vào chính phủ lâm thời Nga. Sau khi nắm giữ được chính quyền, Lênin lập tức trấn áp phái Menshevik và Đảng cách mạng xã hội, những người đã trợ giúp ông ta cướp chính quyền, để Đảng Cộng sản Liên Xô một mình độc chiếm quyền lực.

Năm 1918, Nga lâm vào nội chiến, lực lượng liên minh lỏng lẻo chống lại Bolshevik do tướng quân Nikolai Yudenich, thượng tướng hải quân Aleksandr



*Tướng Giỏi Thạch trong bộ quân phục, chụp năm 1923.
(Ảnh: Tài sản công)*

Kolchak và tướng quân Anton Denikin lãnh đạo, công khai phản đối chính quyền Cộng sản. Quân liên minh này gọi là Bạch quân, đối kháng với Hồng quân do những người ủng hộ chủ nghĩa cộng sản hợp thành.

Tuy nhiên Bạch quân đã thất bại. Sau khi chiến tranh kết thúc, phần lãnh thổ trước đây của đế quốc Nga do Đảng Cộng sản Liên Xô kiểm soát, thành lập nước Cộng hòa Liên bang Chủ nghĩa Xã hội Nga Xô Viết, tức Liên Xô.

Trung Cộng - Công cụ chinh phục Trung Quốc của ĐCS

“Lênin lật đổ chính phủ lâm thời và thành lập tổ chức Xô Viết, trên lý luận tự gọi là ‘Chuyển từ Cách mạng dân chủ của giai cấp tư sản thành Cách mạng xã hội của giai cấp vô sản’, đồng thời tuyên truyền là ‘Giải phóng giai cấp vô sản, cũng chính là giải phóng cho tất cả các tầng lớp nhân dân’, như thể Bolshevik là chính đảng cách mạng tiên tiến nhất trên thế giới, còn chủ nghĩa cộng sản là lý tưởng cao cả nhất trên thế giới. Nhưng trên thực tế, chủ nghĩa Marx chính là một loại phong trào phản cách mạng trong cách mạng tại Pháp, cũng chính là đi ngược dòng với cách mạng dân chủ ở Âu Mỹ lúc ấy, ý đồ của nó là phá hoại nền chính trị dân chủ để thành lập chế độ chuyên chế. ‘Chuyên chính của giai cấp vô sản’ mà Lê nin sáng tạo ra, cùng với cái gọi là chính thể chủ nghĩa cực quyền của ‘Dân chủ nhân dân’ do người kế tục ông ta đề xuất, tất nhiên là sự kế thừa của chủ nghĩa Marx, đây là điều không còn nghi ngờ gì nữa. Nhưng điều mà chúng ta cần đặc biệt chú ý, chính là chủ nghĩa Marx ở Nga đã thâm nhập vào Chủ nghĩa Đại Slav và chế độ chuyên chế Sa hoàng ở Nga, nếu như Marx và Engels có thể tận mắt thấy được sự tàn bạo của chế độ Xô Viết Nga và Trung Cộng ngày nay, cũng tất phải thấy rất là kinh sợ.” (Theo “Nước Nga Xô Viết tại Trung Quốc”)

“Sau khi Stalin giành được địa vị độc tài, ông ta đã thay đổi hai điểm quan trọng trong phương thức chiến tranh của Lênin. Thứ nhất, chính sách đối ngoại của Lênin là lấy lực lượng Xô Viết Nga để ủng hộ ‘cách mạng’

của ĐCS các quốc gia khác; trái lại, chính sách đối ngoại của Stalin là lấy ‘Cách mạng’ của ĐCS các quốc gia khác để củng cố địa vị của chính quyền Xô Viết. Vì lợi ích của chính quyền Xô Viết, thậm chí là vì quyền lực của cá nhân ông ta, dù phải hy sinh ĐCS ở một quốc gia nào đó thì cũng không hề luyến tiếc. ĐCS Trung Quốc đã từng nhiều lần làm vật hy sinh cho cuộc đấu tranh giữa nước Nga Xô Viết và quyền lực cá nhân của Stalin. Thứ hai, Stalin coi trọng phương đông hơn Lenin.” (“Nước Nga Xô Viết tại Trung Quốc”)

Tưởng Giới Thạch đặc biệt chỉ ra bản chất của Đảng Cộng sản Trung Quốc, “Chủ nghĩa Bolshevik của Lenin là sản phẩm của nước Nga. Về hệ thống tổ chức thì tổ phi Trung Cộng là một chi bộ của Quốc tế cộng sản, là tay sai của quân xâm lược Nga, trên tính chất thì chính là công cụ giúp Chủ nghĩa Đại Slav của Nga chinh phục Trung Quốc.” (“Nước Nga Xô Viết tại Trung Quốc”)

“Đảng Cộng Sản lợi dụng lý luận và sách lược của Marx, Lenin và Stalin để mê hoặc thanh niên, lừa gạt quần chúng. Chúng lấy chủ nghĩa duy vật làm gốc để bàn luận về nhân thể, dùng phép biện chứng làm phương pháp xuyên tạc lịch sử nhân loại, bôi nhọ nền văn minh hiện đại. Chúng dùng âm mưu gây bạo loạn, dùng bạo loạn thực hiện âm mưu giải thể các tổ chức xã hội và phá hoại trật tự chính trị. Chúng dùng ý thức tàn nhẫn, đấu tranh, làm biến loạn luân thường và hủy hoại đạo đức. Chúng đã tạo ra một phong trào phản nhân tính lan rộng khắp thế giới.” (“Chủ trương chính trị giai đoạn hiện nay của đảng ta”, 1950, Tưởng Giới Thạch)

Phần 24: Con tò vò của Đảng Cộng sản Liên Xô

Mao Trạch Đông từng nói: “Người Trung Quốc tìm ra chủ nghĩa Marx thông qua sự giới thiệu của người Nga. Trước Cách mạng Tháng Mười, người Trung Quốc không những không biết về Lenin và Stalin, mà còn không biết về Marx và Engels. Tiếng súng Cách mạng Tháng Mười vừa vang lên đã mang đến Chủ nghĩa Marx-Lenin cho chúng ta.”

Vào thời điểm đó, Chủ nghĩa cộng sản đã xuất hiện trên toàn thế giới, và sự xuất hiện của Đảng Cộng sản Trung Quốc (ĐCSTQ) cũng là sản phẩm của sự biến dị ngoại lai này, hoàn toàn đối lập với văn hóa truyền thống 5,000 năm của Trung Quốc.

Lý Đại Chiêu, người được mệnh danh là “Cha đẻ của chủ nghĩa Marx ở Trung Quốc”, đã đến Nhật Bản du học từ rất sớm. Sau khi vào Khoa Chính trị của Đại học Waseda, ông bắt đầu tiếp xúc với hệ tư tưởng cộng sản. Khi Lý Đại Chiêu giới thiệu về chủ nghĩa Marx, ông đã từng kể lại lời của một người Đức: “Một người dưới 50 tuổi nói rằng mình có thể hiểu các học thuyết của Marx thì nhất định là lừa dối. Bởi vì sách của Marx rất nhiều và sâu sắc về lý thuyết.” “Nếu nói phong trào Chủ nghĩa cộng sản là một phong trào không biên giới, thì phong trào Chủ nghĩa cộng sản ở Trung Quốc từ khi bắt đầu chấp nhận các học thuyết Xã hội Chủ nghĩa cho đến khi có được thông tin về Cách mạng Nga và động thái của các nhà lãnh đạo của nó, đến việc tìm hiểu hình thái của phong trào Chủ nghĩa cộng sản, đều liên quan mật

thiết và thể không tách rời trào lưu tư tưởng Xã hội Chủ nghĩa thế giới và phong trào Chủ nghĩa cộng sản thế giới.”

Tưởng Giới Thạch đã chỉ rõ trong cuốn “Nước Nga Xô Viết ở Trung Quốc” rằng: “Đảng Cộng sản Trung Quốc không phải là sản phẩm của Trung Quốc, mà là con Tò vò của Đế quốc cộng sản Xô-Nga. Chủ nghĩa cộng sản của nước Nga Xô viết không phù hợp với sự sinh tồn của nhân loại, cũng không phù hợp với hoàn cảnh của Trung Quốc.” “Tò vò” thường dùng để chỉ những người con nuôi không có quan hệ huyết thống. Tưởng Công đã so sánh Đảng Cộng sản Trung Quốc với con Tò vò (sống ký sinh) của Xô-Nga, điều này thật sinh động.

Tưởng Giới Thạch nhớ lại lịch sử thành lập Đảng Cộng sản Trung Quốc: “Đảng Cộng sản Nga tin rằng đây là cánh đồng lớn màu mỡ đầu tiên để chúng gieo mầm mống của Chủ nghĩa cộng sản ở phương Đông nhằm tạo ra đấu tranh giai cấp. Báo cáo của Chicherin (Ngoại trưởng Liên Xô) vào năm 1918 tức năm Trung Hoa Dân Quốc thứ 7 và Tuyên bố Karakhan vào năm Trung Hoa Dân Quốc thứ 8, tuyên bố rằng Liên Xô đã sẵn sàng từ bỏ các đặc quyền của mình ở Trung Quốc. Điều này ngay lập tức làm dấy lên sự hy vọng của người dân Trung Quốc và đã giành được thiện cảm chưa từng có của họ. Thế là Liên Xô một mặt cử các đặc phái viên ngoại giao bắt đầu đàm phán với Chính phủ Bắc Kinh; mặt khác, họ phái các Đảng viên Quốc tế Cộng sản của mình liên lạc với Quốc phụ – Tôn Tiên sinh của chúng ta. Nhưng điều cần lưu ý ở đây là nước Nga Xô Viết đồng thời tại một mặt khác là tiến hành tổ chức Đảng Cộng sản Trung Quốc trở thành một chi bộ của Quốc tế



*Phiên bản Hoa ngữ của “Nước Nga Xô Viết ở Trung Quốc”
(Ảnh: Zhong Yuan/Epoch Times)*

Cộng sản, cung cấp tài chính cũng như đưa ra chỉ đạo và thao túng chính trị.” (“Nước Nga Xô Viết ở Trung Quốc”)

“Vào mùa xuân năm Trung Hoa Dân Quốc thứ 9 (năm 1920), Grigori Voltinsky, Bộ trưởng Phương Đông của Quốc tế Cộng sản đến Trung Quốc, cùng với Lý Đại Chiêu và Trần Độc Tú cùng những người khác chuẩn bị cho Kỳ họp Đại hội Đại biểu Toàn quốc đầu tiên của Đảng cộng sản Trung Quốc diễn ra vào năm Dân quốc thứ 10 (năm 1921), Moscow lại cử Maring người Hà Lan (tên thật là Sneevlietet) tới tham gia hướng dẫn. Đây là khởi nguồn của Đảng thổ phỉ Cộng sản Trung Quốc, công cụ xâm lược Trung Quốc của Đế quốc Xô-Nga ngày nay. Vào thời điểm đó, chỉ là tập hợp của một số phần tử trí thức, chấp nhận giáo điều của

Marx, có sự cảm tình và thân Nga, phát triển tổ chức của mình theo hướng phong trào công nhân. Nhưng Moscow không để cho Đảng cộng sản Trung Quốc phát triển tự nhiên, tiếp tục nhào nặn biến nó thành một đoàn thể gián điệp âm mưu bạo loạn.” (“Nước Nga Xô Viết ở Trung Quốc”)

Đại hội Đại biểu Toàn quốc đầu tiên của Đảng cộng sản Trung Quốc được triệu tập dưới sự giám sát của Maring, đại diện của Quốc tế Cộng sản tại Thượng Hải. Thời điểm đó, Lý Đạt, người thay Trần Độc Tú lãnh đạo Đảng cộng sản ở Thượng Hải đã từng nói như thế này: “Vào tháng Sáu, Đệ tam Quốc tế đã cử Maring và Nikorsky (Vladimir Neyman) đến Thượng Hải. Sau khi thảo luận với chúng tôi, họ đã biết tình hình Đảng của chúng tôi và yêu cầu tôi triệu tập ngay Đại hội đại biểu Đảng, thông báo về việc chính thức thành lập Đảng cộng sản Trung Quốc. Có bảy chi bộ địa phương trong tổ chức Đảng lúc bấy giờ. Tôi đã gửi bảy bức thư, yêu cầu các Đảng bộ của tất cả các khu vực chọn đại diện về tham dự ở Thượng Hải.” (“Tự truyện của Lý Đạt”, trong “Tài liệu nghiên cứu lịch sử Đảng”). Các đại diện trên toàn quốc, ngoài thông báo về cuộc họp, mỗi người nhận được 100 nhân dân tệ làm chi phí đi lại.”

Bao Huệ Tăng, một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Trung Quốc và là Giám đốc Khoa Chính trị của Học viện Quân sự Hoàng Phố nhớ lại, Quốc tế cộng sản cử người tới hướng dẫn việc thành lập Đảng cộng sản, không liên quan gì đến giai cấp công nhân Trung Quốc. “Một ngày nọ, Trần Độc Tú mời chúng tôi đến gặp Nikolsky tại nhà Đàm Thực Đường, nói rằng ông ta đã nhận được một bức thư từ Lý Hán Tuấn ở

Thượng Hải, trong đó nói rằng Đệ tam Quốc tế và Công nhân Đỏ Quốc tế đã cử hai đại diện đến Thượng Hải để tổ chức cuộc họp ra mắt của Đảng Cộng sản Trung Quốc, yêu cầu Trần Độc Tú trở lại Thượng Hải, và mời



Hồ Thích. (Ảnh: Tài sản công)

hai người từ Quảng Châu tham dự; Còn gửi đến 200 nhân dân tệ làm lộ phí.” (“Hồi ức của Bao Huệ Tăng”)

Vào thời điểm đó, 100 nhân dân tệ đủ cho một gia đình sống trong một năm. “Vào đầu những năm 1920, một gia đình lao động gồm bốn hoặc năm người, cha mẹ và hai hoặc ba trẻ em, hoặc già trẻ ba thế hệ, thì chi phí cho thực phẩm mỗi năm là 132.4 nhân dân tệ.” (“Khảo sát tình hình xã hội Bắc Kinh từ năm 1918 đến năm 1980”) Vào tháng 6 năm 1922, khoảng một năm sau khi Đại hội đại biểu đầu tiên được tổ chức, trong số hơn 17,000 nhân dân tệ quỹ hoạt động của ĐCS TQ, thì trong đó có hơn 16,000 nhân dân tệ là do Quốc tế Cộng sản hỗ trợ, trong khi riêng ĐCS TQ chỉ huy động được 1,000 nhân dân tệ.

Tư tưởng của Chủ nghĩa cộng sản đã lan truyền nhanh chóng ở Trung Quốc. Năm 1933, Hồ Thích nói trong một bài báo đăng trên “Tạp chí Độc lập” rằng trong thời kỳ cải cách, người Trung Quốc không có “nghĩ ngợi gì lớn” đối với sự hiểu biết của họ về nền văn minh phương Tây, “Nền văn minh phương Tây trong lý tưởng của giới trí thức Trung Quốc lúc bấy giờ chỉ là nền văn minh Tây Âu của cái gọi là thời đại Victoria: tinh thần là chủ nghĩa cá nhân yêu tự do, phương thức sản xuất là Chủ nghĩa Tư bản tư nhân, và tổ chức chính trị là nền chính trị đại diện cho di sản của Anh”. Tuy nhiên, “Sau Chiến tranh Âu Châu, cuộc Cách mạng của Đảng Cộng sản ở nước Nga Xô Viết đã làm chấn động khán thính giả trên toàn thế giới; những thành tựu xây dựng nước Nga Xô Viết trong mười năm qua đã thu hút sự chú ý của người dân trên toàn thế giới. Thế là những tư tưởng của phái Marx-Lênin đã trở thành

trào lưu tư tưởng mới mẻ và thú vị nhất trên thế giới, và kết quả này khiến cho ‘Tất cả các giá trị phải đánh giá lại’: Sự rục rờ của chủ nghĩa cá nhân kém hấp dẫn hơn nhiều so với sự chói sáng của Chủ nghĩa xã hội; lý luận về sự thần thánh của tài sản cá nhân giờ kém thời thượng hơn nhiều so với Chủ nghĩa cộng sản và nền kinh tế kế hoạch; chính trị nghị viện Anh, vốn bị cả thế giới ghen tị, giờ cũng bị phỉ báng như một hệ thống sản phẩm phụ của Chủ nghĩa Tư bản. Những gì thuộc nền văn minh Tây Âu được ca ngợi nhất trong thời đại Victoria đều trở thành tội phạm và nhuốm máu trong ước tính mới này.” Ngay cả những nhà tư tưởng chống lại ĐCSTQ cũng thừa nhận rằng “Chủ nghĩa Marx ngày càng trở thành một xu hướng lớn.” (“Sơ lược lịch sử tư tưởng Trung Quốc trong 130 năm qua”)

Châu Phạt Hải, một đại biểu tham gia “Đại hội Đại biểu Toàn quốc lần thứ nhất” của ĐCSTQ năm 1941 nhớ lại: “Bây giờ nhìn lại, nó giống như một giấc mơ. Lúc đó, chúng tôi không bao giờ tưởng tượng được rằng chỉ một số sinh viên trẻ chúng tôi đã tạo ra mớ hỗn loạn lớn như thế. Trong 20 năm qua, bao nhiêu xương máu đã đổ, bao nhiêu người đã chết, bao nhiêu xóm làng bị đốt cháy, bao nhiêu nguyên khí bị tổn thất, tất cả đều từ những mầm họa do những sinh viên trẻ chúng tôi gieo xuống. Giờ nghĩ lại, tôi thực sự thấy có lỗi với đất nước và nhân dân. Chúng ta không thể chỉ trách các Quân phiệt và Quan lại làm cho đất nước rơi vào tình trạng nguy hiểm và tồi tệ như hiện nay, những thanh niên trẻ trên thuyền đỏ ở Nam Hồ, Gia Hưng lúc bấy giờ cũng phải gánh rất nhiều trách nhiệm.” (“Sự khởi đầu của ĐCSTQ”, Diệp Vĩnh Liệt)

Trong những năm cuối đời, Trần Độc Tú, người thành lập Đảng Cộng sản và giữ chức Tổng Bí thư 5 nhiệm kỳ, đã viết trong “Những ý kiến cơ bản của tôi”: “Cái gọi là chuyên chính của giai cấp vô sản hoàn toàn không có, đó là sự độc tài của Đảng, và kết quả chỉ có thể là sự độc tài của người lãnh đạo. Bất cứ một chế độ độc tài nào cũng đều không thể tách rời với bộ máy Chính trị quan liêu, tàn bạo, lừa lọc, dối trá, tham ô, hủ bại!” Trần Độc Tú chỉ ra rằng “Đảng Cộng sản chính là mẹ đẻ của Chủ nghĩa Phát xít!”.

Phần 25: Phụ thể xâm nhập

Thanh lọc Đảng cứu đất nước

Chiến thuật moi tim

“Đề cương phong trào Cộng sản ở Trung Quốc” của Quốc tế Cộng sản vào tháng 4/1922 đã chỉ thị cho ĐCSTQ “nên làm theo hai bước: bước đầu tiên là lật đổ hoàn toàn chế độ phong kiến và thúc đẩy nền độc lập chính thức của Trung Quốc; bước thứ hai là lật đổ nền chính trị của giai cấp Tư sản, giành chính quyền vào tay mình. (“Quốc tế Cộng sản, Kho lưu trữ bí mật của liên minh Cộng sản và Lý thuyết mới về Lịch sử Cách mạng Trung Quốc”, Nhà xuất bản Lịch sử ĐCSTQ). “Đó là một cuộc cách mạng vũ trang chống lại một cuộc phản cách mạng có vũ trang,” bạo lực giành chính quyền.

Ông Karakhan, Đại sứ Liên Xô tại Trung Quốc, nói rõ rằng việc tổ chức lại Quốc Dân Đảng là để làm cho nó “nằm dưới sự ảnh hưởng của chúng tôi”, “Kính trọng và ngưỡng mộ uy danh của chúng tôi” và “Ngoan ngoãn chấp hành các chỉ thị của chúng tôi và các nghị quyết của Quốc tế Cộng sản”. Ông Borodin, đại diện của Quốc tế Cộng sản tại Trung Quốc, đã viết trong một báo cáo bằng văn bản rằng “Tất cả các tổ chức địa phương của Quốc dân Đảng đều nằm trong tay chúng tôi.” (Văn phòng Nghiên cứu Lịch sử Trung Hoa Dân Quốc, Viện Lịch sử Hiện đại, Viện Khoa học Xã hội Trung Quốc, Khoa Lịch sử và Văn hóa, Đại học Sư phạm Tứ Xuyên biên tập: “Trung Quốc những năm 1920”)

Dưới sự nuôi dưỡng của Liên Xô, ĐCSTQ bắt đầu xâm nhập vào Quốc Dân Đảng. Tướng Giới Thạch chỉ rõ: “Sau khi Quốc Phục Bắc tiến, các hoạt động âm mưu chia rẽ Đảng ta của Đảng Cộng sản ngày càng gia tăng. Họ chia rẽ Sinh viên Học viện Quân sự, âm mưu chiếm đoạt trường Quân sự càng rõ ràng hơn. (“Nước Nga Xô Viết ở Trung Quốc”)

Sau khi Tôn Trung Sơn qua đời, Ưng Tinh Vệ nhận được sự ủng hộ hết mình của Quốc tế Cộng sản và trở



Đới Quý Đào. (Ảnh: Tài sản công)

thành lãnh đạo của Quốc Dân Đảng. Ngày 01/07/1925, Chính phủ Quốc dân Quảng Đông được thành lập, với sự ủng hộ của Karakhan và Borodin, Ông Tinh Vệ được bầu làm Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Chính phủ Quốc gia kiêm Chủ tịch Quân ủy.

Vào ngày 23/11/1925, những người cánh hữu Quốc Dân Đảng Trung Quốc như Đới Quý Đào và Lâm Sâm đã tổ chức “Hội nghị Tây Sơn” để phản đối phong trào cánh tả của Ông Tinh Vệ. Đảng Cộng sản đẩy nhanh sự xâm nhập vào Quốc dân Đảng và lên kế hoạch giành lấy quyền lãnh đạo của Quốc Dân Đảng.

Tháng 01/1926, “Đại hội Đại biểu Toàn quốc Lần thứ hai” của Quốc Dân Đảng được tổ chức, trong số 256 đại biểu tham dự đại hội, 3/5 là Đảng viên Đảng Cộng sản Trung Quốc. Trong số 36 ủy viên được bầu của Ban Chấp hành Trung ương, có bảy người là Đảng viên của Đảng Cộng sản. Trong số chín Ủy viên Ban Thường vụ Ban Chấp hành Trung ương được bầu tại Hội nghị Toàn thể Lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương khóa II, có bốn người thuộc Đảng Cộng sản. Trong số tám bộ, Bộ Tổ chức, Bộ Tuyên truyền, Bộ Nông dân và Bộ Ngoại giao do các Đảng viên Đảng Cộng sản kiểm soát, trong khi các Thư ký của bốn bộ khác là Thanh niên, Công nhân, Thương mại và Phụ nữ, cũng đều là các thành viên Đảng Cộng sản. Cuộc họp quyết định luận tội “phe Hội nghị Tây Sơn” có lập trường chống Cộng, khai trừ các nhà lãnh đạo Trâu Lỗ và Tạ Trì khỏi Đảng. “Chiến thuật moi tim” của Đảng Cộng sản Trung Quốc rất hiệu quả. Quốc Dân Đảng rơi vào tình thế lâm nguy. Quyền lực của Ủy ban Trung ương Quốc Dân Đảng về cơ bản đã bị những người Cộng sản nắm giữ, các trụ sở đảng



Tướng Giới Thạch, Tổng tư lệnh Quân đội Cách mạng Quốc gia, duyệt binh trong lễ tuyên thệ trước Cuộc Bắc Phạt ở Đông Giáo trường, Quảng Châu. (Ảnh: Tài sản công)

bộ địa phương của Quốc Dân Đảng cũng hầu hết do những người Cộng sản kiểm soát; Năm trong số các Cục trưởng Cục Chính trị Quân sự của sáu Quân đoàn của Quân đội Cách mạng Quốc gia cũng đều là đảng viên Đảng Cộng sản.

Đảng Cộng sản Trung Quốc “Chủ trương thông qua kỳ họp ‘Đại hội Đại biểu Toàn quốc Lần thứ hai’ của Quốc Dân Đảng để đạt được mục tiêu chống lại những người cánh hữu, cô lập phe trung gian, mở rộng cánh tả và phản công Tưởng Giới Thạch, người đang tiến gần hơn đến cánh hữu.” (“Cuộc đấu tranh của Đảng Cộng sản Trung Quốc với những người cánh hữu mới của Quốc Dân Đảng”, trang web của Ban Công tác Mặt trận Thống nhất của Ủy ban Trung ương ĐCSTQ)

Tưởng Giới Thạch bận rộn việc quân sự, vì vậy tránh các cuộc tranh chấp đảng phái. Là người hùng “bình định Quảng Đông”, Tưởng Giới Thạch trở thành mục tiêu của nhiều phe phái tranh thủ quyền lực. Ông nằm trong số chín ủy viên thường vụ của Ban chấp hành “Đại hội Đại biểu Toàn quốc lần thứ hai” và nằm trong cấp lãnh đạo đưa ra quyết sách của Quốc Dân Đảng. Đối diện với từng bước tiến sát và xâm nhập của Borodin và ĐCSTQ, Tưởng Giới Thạch đã suy nghĩ rất nhiều về các quốc sách đối phó.

Tại Đại hội Đại biểu Toàn quốc lần thứ hai của Quốc Dân Đảng, Tưởng Giới Thạch đã đề nghị phát động cuộc Bắc Phạt để hiện thực hóa tâm nguyện cuối cùng của Quốc phụ. Vào thời điểm này, cuộc Bắc Phạt được kiến nghị, một cách danh chính ngôn thuận, cả Borodin và Uông Tinh Vệ đều không bày tỏ sự phản đối nào. Nhưng ngay sau đó, Borodin về nước để báo

cáo tình hình. Nikolay Kuibyshev, trưởng đoàn cố vấn quân sự Liên Xô, nhận được lệnh từ Moscow, bất ngờ quay sang phản đối quyết liệt cuộc Viễn chinh phương Bắc, tạo thành tình thế đối đầu như nước và lửa với Tưởng Giới Thạch. Tại Học viện Quân sự Hoàng Phố, Nikolay Kuibyshev đã cố gắng hết sức để tuyên truyền lý luận “Cuộc Bắc Phạt sẽ bị thất bại”, và tuyên truyền rằng Hiệu trưởng Tưởng Trung Chính “không thể làm nên một cuộc cách mạng.”

ĐCSTQ đã hợp tác với yêu cầu của ĐCS Liên Xô và phân phát truyền đơn ở Quảng Châu, trong đó công kích và mô tả Tưởng Giới Thạch như một “tân Quân phiệt”. Khi Tưởng Giới Thạch gặp Ông Tinh Vệ, ông đã cay đắng nói rằng “Quyền lực thực sự của cuộc cách mạng không thể rơi vào tay người Nga”; thậm chí ông còn thúc giục Ông Tinh Vệ bày tỏ lập trường của mình bằng cách từ chức và trục xuất Nikolay Kuibyshev. Không ngờ rằng sự cấu kết giữa Ông Tinh Vệ với Trung Cộng đã rất sâu, trước yêu cầu của Tưởng Công thì Ông không tỏ rõ thái độ, lá mặt lá trái. Tưởng Giới Thạch nhận thấy mình đã trở thành chướng ngại của sự cấu kết giữa Ông với Nga, và rơi vào tình thế nguy hiểm, cho nên nội tâm giãy vò không thôi. (Tưởng Vĩ Quốc, “Cha tôi Tưởng Trung Chính”)

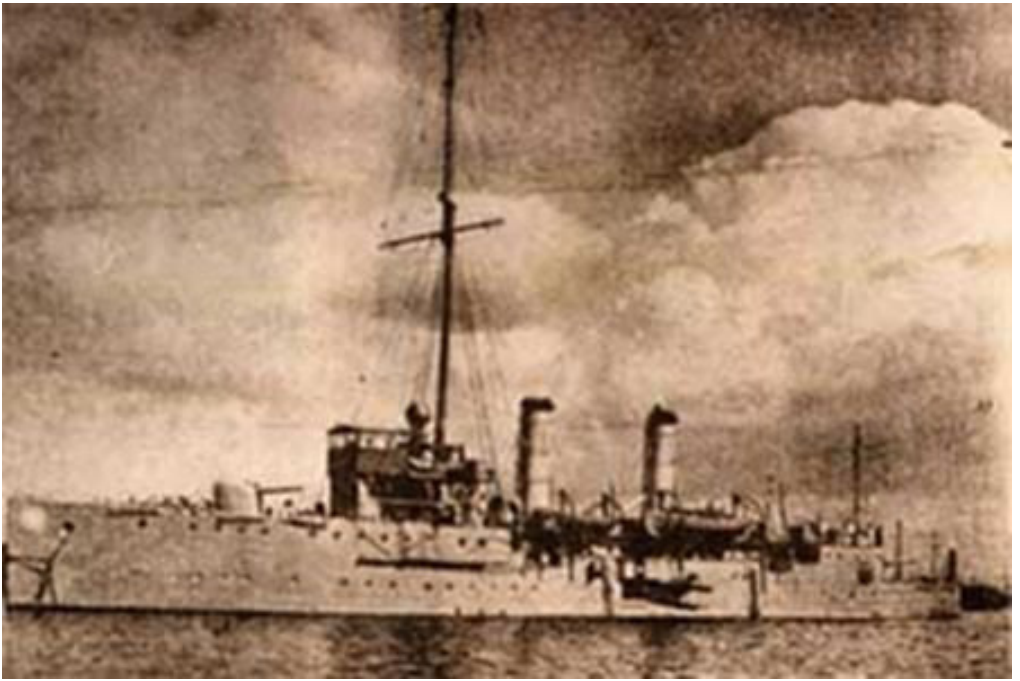
Trong nhật ký, Tưởng Giới Thạch mô tả tình hình lúc bấy giờ: “Ngày 5 tháng 3 năm 15 (1926): đơn thương độc mã, hổ trước, sói sau, cô độc và nguy hiểm, đó là hoàn cảnh của tôi hiện nay. Thủ tướng và các bậc tiền bối trên trời có linh, hãy thương xót và bảo hộ giúp con không bị rơi vào tình thế tuyệt vọng. Ngày 15 tháng 3 năm 15: lo lắng, nghi ngờ và sợ hãi đã lên tới

cực điểm, tiếc rằng dùng người nhưng không thể biết được lòng người, mắc kẹt ở giữa, việc thiên hạ không thể làm được. Ngày 17 tháng 3 năm 15: Buổi sáng, nghị sự. Những nỗi đau đang phải gánh chịu nhưng không thể nói, không nỡ nói ra, và những mộng tưởng không thể với tới. Cuộc sống Chính trị từ trước đến nay, có khác gì Phật xuống địa ngục đâu?”

Thu hồi Chiến hạm Trung Sơn

Vào ngày 18/03/1926, Lý Chi Long, quyền Cục trưởng Cục Hải quân và là một đảng viên Đảng Cộng sản, đã giả danh Hiệu trưởng Trường, tự ý điều động Chiến hạm Trung Sơn của Tưởng Giới Thạch từ Quảng Châu trở về Hoàng Phố, với ý định uy hiếp Tưởng Giới Thạch.

“Vào ngày 18 tháng 3, Lý Chi Long (một đảng viên Đảng Cộng sản), Quyền Cục trưởng Cục Hải quân, ra lệnh cho Chiến hạm Trung Sơn của tôi từ Quảng Châu trở về Hoàng Phố. Ông ta nói với Đặng Diển Đạt, Trưởng Phòng Giáo dục của Học viện Quân sự, “Tàu về đây để đợi theo lệnh của hiệu trưởng.” Lúc này, tôi đang ở tỉnh lỵ Quảng Châu, Đặng gọi điện cho tôi hỏi việc này là thế nào, nhưng tôi ngỡ ngàng không biết gì cả. Sau đó, Lý Chi Long cũng gọi điện hỏi tôi: ‘Tàu Trung Sơn vẫn đến Quảng Châu đón ngài phải không?’ Tôi lấy làm lạ nên hỏi ông ta: ‘Ai đã ra lệnh cho tàu Trung Sơn đi về Hoàng Phố?’ Ông ta không trả lời được. Trên thực tế, khi tàu trở lại Hoàng Phố, ông ta liền nạp đủ than ở Hoàng Phố để chuẩn bị cho một chuyến đi xa. Đến tối ngày 19, tàu Trung Sơn trở về Quảng Châu, lửa trên tàu



Chiến hạm Trung Sơn. (Ảnh: Tài sản công)

được giữ suốt đêm, canh phòng vô cùng nghiêm ngặt. Tôi biết rằng đây chính là âm mưu của Đảng Cộng sản. Nhưng lúc đó tôi chỉ biết rằng họ sẽ phản bội và hãm hại tôi, nhưng tôi chưa biết ý đồ thực sự của họ là gì. Cho đến sau khi cuộc nổi loạn bị dập tắt, tôi mới biết kế hoạch của họ: đó là khi tôi trên đường trở về Học viện Quân sự Hoàng Phố từ thủ phủ tỉnh Quảng Châu bằng tàu, họ sẽ ép buộc tôi phải rời Quảng Đông, đi thẳng đến Vladivostok, chuyển giao cho Nga, nhằm loại bỏ trở ngại duy nhất ngăn cản họ giả danh nghĩa cách mạng Quốc dân để thực hiện cái gọi là ‘Chế độ chuyên chế của giai cấp vô sản’.” “Đêm ngày 19, tôi cho rằng tình thế cách mạng đã đến bước này, sống chết của cá nhân không còn gì phải đáng tiếc, mà vì sự tồn vong

của Đảng và cách mạng, tôi không được phép chần chừ thêm nữa.” (“Nước Nga Xô Viết ở Trung Quốc”)

Vào ngày 20/03/1926, Tưởng Giới Thạch tuyên bố thiết quân luật, bắt giữ Lý Chi Long, tịch thu súng của các phần tử ĐCSTQ, thu hồi Chiến hạm Trung Sơn, bao vây nhóm cố vấn Liên Xô và các cơ quan của Trung Cộng, đồng thời loại bỏ chức vụ của các đảng viên Trung Cộng trong Học viện quân sự. Các biện pháp quyết đoán của Tưởng Giới Thạch đã phá vỡ thế trận của Đảng Cộng sản. Borodin khi đó đang báo cáo công tác ở Liên Xô thì vô cùng hoảng sợ, ngay lập tức điều động Nikolay Kuibyshev và các cố vấn của mình rút về nước. Đến cuối tháng Tư, ông ta trở lại Quảng Châu, đến gặp và nói lời xin lỗi Tưởng Giới Thạch, chấp thuận toàn bộ 8 điều khoản trong thỏa thuận hạn chế Trung Cộng của Tưởng Giới Thạch. Ông Tinh Vệ tuyên bố bị bệnh và cao chạy sang Pháp. Tưởng Giới Thạch nắm quyền lãnh đạo Quốc Dân Đảng.

Tưởng Giới Thạch đã tự vệ chính đáng, ông là một người thầy nổi tiếng, ngay cả các nhà lãnh đạo của Trung Cộng cũng bị thuyết phục. Trần Độc Tú đã xuất bản một số bài báo trong tờ “Hương Đạo” lần lượt vào ngày 03/04 và ngày 04/06/1926, nêu rõ: “Tưởng Giới Thạch là một trụ cột của phong trào cách mạng dân tộc Quốc gia Trung Quốc. Nếu Đảng Cộng sản không phải là công cụ của Chủ nghĩa đế quốc, thì sẽ không bao giờ áp dụng một chính sách phá hoại sự đoàn kết của các lực lượng cách mạng Trung Quốc.” “Từ khi thành lập Học viện Quân sự Hoàng Phố cho đến ngày 20/03, đều tìm không thấy Tưởng Giới Thạch có bất kỳ một hành động phản cách mạng nào.” Ông cũng tuyên bố, “Nếu Đảng

Cộng sản Trung Quốc âm mưu lật đổ Tưởng, thì họ nên đánh bại Đảng Cộng sản, và nếu những người Cộng sản âm mưu lật đổ Tưởng, họ nên bị xử bắn.” (“Tiểu sử của Trần Độc Tú”, Nhà xuất bản Nhân dân Thượng Hải, ấn bản năm 1989). Phía Liên Xô phê bình Nikolay và các cố vấn khác, “Họ đã hành động hấp tấp... Họ hiểu rằng nếu Quốc Dân Đảng một khi thất bại ở Quảng Đông, thì Đảng Cộng Sản cũng sẽ không tồn tại được.” (“Hồi ký của Trần Lập Phu”)

Việc giải quyết một cách quyết đoán sự cố “Chiến hạm Trung Sơn” là thắng lợi quan trọng đầu tiên của Tưởng Giới Thạch trong ván cờ với liên minh “Liên Xô-Trung Cộng-Uông Tinh Vệ”. Tưởng Giới Thạch đã thực hiện bước đầu tiên chống Cộng cứu nước.

Phụ thể xâm nhập

Trong nhật ký ngày 14/05/1926, Tưởng Giới Thạch nói rằng: “Mặc dù các điều kiện áp đặt đối với Đảng Cộng sản rất khắc nghiệt, nhưng khi Đảng lớn vẫn cho phép Đảng nhỏ hoạt động bên trong Đảng thì cũng tương tự như tự chuốc lấy diệt vong.” (Dương Thiên Thạch, Bản thảo “Nhật ký của Tưởng Giới Thạch”)

Sau khi Cuộc viễn chinh phương Bắc bắt đầu vào năm 1926, ĐCS Liên Xô đã chỉ thị cho Trung Cộng “Yêu cầu Đảng viên Trung Cộng lợi dụng các cơ quan của chính phủ Quốc Dân Đảng để tiếp cận nông dân, thực hiện cái mà họ gọi là ‘Kế Hoạch nông thôn’ và tạo ra cái mà họ gọi là ‘Cách mạng nông dân’”, mục đích của nó là từ trong bạo động ở nông thôn để tổ chức lực lượng vũ

trang và thiết lập một chế độ Đảng Cộng sản.” (“Nước Nga Xô Viết ở Trung Quốc”)

Gregori Voltinsky (tên Hoa ngữ là Ngô Đình Khang) đã báo cáo với Quốc tế Cộng sản rằng: “Đảng Cộng sản trên thực tế là đang lãnh đạo Quốc Dân Đảng, một ĐCS nhỏ bé nằm trong cơ cấu của Quốc Dân Đảng, đang tổ chức và lãnh đạo Quốc Dân Đảng.” “Sức ảnh hưởng của ĐCS quá lớn, rất khó vạch rõ ranh giới giữa hai Đảng, hầu như tất cả quyền lãnh đạo đều rơi vào tay người của ĐCS.” (“Bản ghi chép nhanh về cuộc thảo luận vấn đề



Năm 1927, Quân đội Cách mạng Quốc gia tiếp quản Tô giới của Anh ở Hán Khẩu trong cuộc Viễn chinh phương Bắc. (Ảnh: Tài sản công)

Trung Quốc của Đoàn Chủ tịch Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản”, ngày 10/02/1926)

Trong cuộc Bắc Phạt, Quốc tế Cộng sản đã tăng tốc kiểm soát quân đội Trung Quốc: “Trong việc hướng dẫn quân đội của ĐCSTQ, đại diện của Quốc tế Cộng sản tại Trung Quốc đã đề cao công tác Chính trị của Quân đội lên mức cần thiết, nhấn mạnh tầm quan trọng của công tác Chính trị trong Quân đội Quốc Dân Đảng. Họ đặc biệt lựa chọn một nhóm người trong Đảng tham gia vào công việc này dưới danh nghĩa Quốc Dân Đảng, phấn đấu để quyền lãnh đạo thực sự nằm trong tay những người Cộng sản, thành lập một Chi bộ của Đảng Cộng sản ở cơ sở của Quân đội Quốc Dân Đảng, và thành lập các cơ quan Chính trị trong các đơn vị Quân đội của Quân đội Cách mạng Quốc gia, từ cấp Đại đội cho đến Trung đoàn đều bổ nhiệm một Chính ủy để làm công tác này.” (“Quốc tế Cộng sản, Kho lưu trữ bí mật của Đảng Cộng sản Đồng minh và Lý thuyết mới về lịch sử cách mạng Trung Quốc”, Nhà xuất bản Lịch sử Đảng Trung ương)

“Trâu Lỗ nói rằng, sau khi cuộc Bắc Phạt đến sông Trường Giang, Quốc tế Cộng sản bắt đầu ra lệnh cho Trung Cộng ‘Lật đổ Tưởng Giới Thạch’. Vào thời điểm đó, Đảng Cộng sản ở Vũ Hán đã tổ chức một cuộc họp với các ‘Cánh tả’ của Quốc Dân Đảng để nghiên cứu ‘Nâng cao quyền lực Đảng’, chính là để trấn áp ‘Sức mạnh Quân sự’ của Tưởng Giới Thạch. Ban đầu Tưởng Giới Thạch còn chưa phát giác ra, cho đến khi khẩu hiệu “Đả đảo Tưởng Giới Thạch” phổ biến ở hai Hồ (Hồ Bắc và Hồ Nam), đồng chí Tưởng Giới Thạch đến lúc đó mới giật mình tỉnh ngộ.” (“Hồi ký của Trần Minh Xu”, trang 45 đến 59)

Vào ngày 13/12/1926, “Borodin thực sự đã triệu tập một cuộc họp của một số thành viên của Ủy ban Trung ương và Chính phủ Quốc gia ở Vũ Hán, quyết định tổ chức cái gọi là ‘Hội nghị liên tịch’, chỉ định Từ Khiêm làm chủ tịch, và thực hiện cái gọi là ‘Cơ quan quyền lực cao nhất của Đảng’.” (“Nước Nga Xô Viết ở Trung Quốc”)

Không lâu sau, Uông Tinh Vệ trở về từ châu Âu và điều hành Chính quyền ở Vũ Hán. Những Đảng viên ủng hộ Tưởng Giới Thạch đã thành lập Chính phủ Quốc dân ở Nam Kinh, hình thành nên “Ninh-Hán phân chia”. “Ngay khi Uông đến Thượng Hải, ông ta và Trần Độc Tú cùng ra tuyên bố, chủ trương tổ chức ‘Chế độ độc tài dân chủ của tất cả các giai cấp bị áp bức để trấn áp phản cách mạng’.” (“Nước Nga Xô Viết ở Trung Quốc”)

Trong lúc hỗn loạn, một mặt, Đảng Cộng sản tung tin đồn bịa đặt ly gián Quốc Dân Đảng, đào sâu chia rẽ Quốc dân đảng; Mặt khác, họ kích động gây rối, kích động “Phong trào nông dân” ở Hồ Nam và Hồ Bắc, giết người cướp của, lừa gạt tổng tiền và tạo ra khủng bố.

Phần 26: Thanh lọc Đảng cứu đất nước

“412”(Sự kiện ngày 12/4/1927) - Thanh lọc Đảng

Ngày 02/04/1927, Ủy ban Giám sát Trung ương của Quốc Dân Đảng Trung Quốc họp toàn thể đề ra “Nguyên tắc trong sạch Đảng” và thành lập “Ủy ban trong sạch Đảng” để chuẩn bị cho công cuộc thanh lọc chống Đảng Cộng sản.

Ngày 05/04/1927, Stalin đã có bài phát biểu trước ba nghìn cán bộ đảng viên ở Điện Kremlin, trong đó ông ta nói: “Tướng Giới Thạch vẫn phục tùng mệnh lệnh. Quốc Dân Đảng là một thể liên hợp, tương tự như một Nghị viện Cách mạng, bao gồm cả cánh hữu, cánh tả và những người của Đảng Cộng sản. Tại sao lại áp dụng biện pháp tấn công bất ngờ? Tại sao lại đánh đuổi phái hữu khi chúng ta vẫn còn đa số và những người cực hữu còn nghe chúng ta? Một người nông dân sẽ không bỏ đi một con ngựa già mệt mỏi miễn là nó vẫn còn sử dụng được. Anh ta sẽ không đuổi nó đi. Chúng ta cũng sẽ như vậy. Khi phe cánh hữu không còn tác dụng nữa thì chúng ta sẽ loại bỏ nó đi. Hiện nay, chúng ta cần phe cánh hữu. Trong phe cánh hữu vẫn còn người có thể dùng được, bọn họ đang chỉ huy Quân đội, dẫn dắt Quân đội đối phó với Chủ nghĩa Đế quốc. Tướng Giới Thạch có lẽ không đồng tình với Cách mạng, nhưng ông ta đang lãnh đạo Quân đội, hơn nữa ông ta sẽ không làm gì khác ngoài việc lãnh đạo đội quân này chống lại Chủ

nghĩa Đế quốc. Ngoài ra, những nhân sĩ phe cánh hữu có nhiều mối quan hệ khác nhau với các tướng lĩnh của Trương Tác Lâm, biết rất rõ cách để vực dậy tinh thần của họ, không cần sử dụng các biện pháp quyết liệt vẫn có thể buộc họ phải hoàn toàn đứng về phía cách mạng. Những người cánh hữu này cũng có mối quan hệ với các doanh nhân giàu có, từ đó họ có thể gây quỹ. Vì vậy, khi những người hữu khuynh này bị lợi dụng xong, họ bị chúng ta vắt giống như vắt chanh và sau đó vứt bỏ. ([Mỹ] Peter Rand, “Đi tới Trung Quốc”).

Sau này, Trotsky đã lấy việc này để đả kích Stalin rằng, “vài ngày sau bị một quả chanh đã vắt giành mất quyền lực và kiểm soát Quân đội”, ông nói đến “Sự kiện ngày 12 tháng 4.”

Làm trong sạch Đảng là yêu cầu của người Trung Quốc. Vào ngày 28/03/1927, Thái Nguyên Bồi, Ngô Trí Huy, Trương Tĩnh Giang, Lý Thạch Tăng và những người khác đề xuất rằng âm mưu của Trung Cộng nên được loại bỏ và thực hiện một “Chiến dịch bảo vệ Đảng và cứu quốc.” Thái Nguyên Bồi đề xuất thanh trừng những người Cộng sản khỏi Quốc Dân Đảng.

Ngày 02/04/1927, Ủy ban Giám sát Trung ương của Quốc Dân Đảng Trung Quốc đã họp toàn thể đưa ra “Nguyên tắc trong sạch Đảng” và thành lập “Ủy ban trong sạch Đảng” để chuẩn bị cho việc xóa bỏ Đảng Cộng sản.

Để bảo đảm sự thành công của cuộc Bắc chinh, những người Quốc Dân Đảng do Tưởng Giới Thạch đứng đầu đã quyết định loại bỏ những người Cộng sản trong Quốc Dân Đảng, và đoạn tuyệt với Trung Cộng. Vào ngày 12/04/1927, Quốc Dân Đảng bất ngờ đột



Thái Nguyên Bồi, người chủ chương thanh trừ Cộng sản làm trong sạch Đảng. (Ảnh: Tài sản công)

kích vào Đội trật tự của công nhân do Trung Cộng lãnh đạo ở Thượng Hải và bắt giữ các đảng viên Trung Cộng.

Ngày hôm sau, Tưởng Giới Thạch ra tuyên bố: “Trung Chính tin tưởng chắc chắn rằng Dân tộc Trung Quốc nên có quyền định đoạt vận mệnh của chính mình và không nên bị thao túng bởi bất kỳ quốc gia ngoại quốc nào trong hệ thống; và cũng tin rằng lần này nếu Đảng ta không tách khỏi Đảng Cộng sản thì cách mạng dân tộc khó thành công.” (“Thư gửi các đồng chí Quốc dân Đảng”, 1927).

Ngày 17/04/1927, Hội nghị Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Quốc Dân Đảng đã ban hành



Trên đường Bắc Phạt năm 1926. (Ảnh: Chung Nguyên)

một bức điện làm trong sạch Đảng, truy nã 197 quan chức Đảng Cộng sản: Đầu tiên là Borodin, Trần Độc Tú, sau đó là Lâm Bá Cừ, Cù Thu Bạch, Mao Trạch Đông, Uẩn Đại Anh, Chu Ân Lai, Lưu Thiếu Kỳ, Trương Quốc Đào, Bành Phái, Đặng Dĩnh Siêu, Thái Hòa Sâm, Phương Trí Mẫn...

Ngày 18/04/1927, Tưởng Giới Thạch lãnh đạo Chính phủ Quốc Dân Đảng đặt kinh đô ở Nam Kinh, ra chiếu thư kêu gọi nhân dân vùng lên thanh tẩy đảng phái. Tưởng Giới Thạch tuyên bố trước dân chúng: “Bây giờ dân tộc Trung Hoa chỉ có ba con đường để đi: Một là vẫn nằm dưới sự cai trị của các Quân Phiệt, cho phép họ cấu kết với Đế quốc, không có phương tiện hay mục đích, vì tranh giành quyền lợi cá nhân mà chiến tranh liên miên; Một là đi theo Đảng Cộng sản, dưới

sự chỉ huy của các nhóm đặc biệt ở ngoại quốc, thực hiện chế độ độc tài khủng bố đỏ; Một là Đại đạo chân chính của Chủ nghĩa Tam dân của Quốc dân Đảng,... sử dụng sức mạnh của chính chúng ta, tìm kiếm lợi ích của chúng ta, và tìm kiếm sự giải cứu cho chính chúng ta.” (“Thư gửi đồng bào cả nước ở thủ đô Nam Kinh”, 1927).

Vào ngày 21/04/1927, Tưởng Giới Thạch đã liệt kê những tội ác cấu kết giữa Uông Tinh Vệ và Đảng Cộng sản trong “Thư gửi toàn thể tướng sĩ”: “Khi Quân đội Cách mạng Quốc gia của chúng ta đánh những trận huyết chiến đẫm máu ở Giang Tây, đó là lúc Đảng Cộng sản dàn xếp một cuộc nổi loạn ở Hồ Nam và Hồ Bắc; Khi tướng sĩ chúng ta trong cuộc chiến ở Chiết Giang và Giang Tô đang chiến đấu ở mức khốc liệt nhất, Vũ Hán vẫn cố tình gây khó dễ, không trả một xu hay giúp chúng ta một viên đạn nào.”

“Gần đây, họ còn có một kế hoạch ly gián thâm độc để chia rẽ các Tướng sĩ của Quân đội Cách mạng Quốc gia của chúng ta, đó là tung tin đồn rằng chúng ta sẽ trở thành một chế độ độc tài và là một Quân Phiệt mới.” “Tại sao họ lại tung tin đồn thất thiệt như vậy? Nói một cách đơn giản là, Tổng Tư lệnh muốn bảo vệ Đảng của mình, Thực hiện Chủ nghĩa Tam Dân, không cho phép Đảng Cộng sản gây rối,... vì vậy nếu Đảng Cộng sản muốn tiêu diệt Trung Quốc, trước hết phải phá hoại Cách mạng Quốc dân, và lật đổ Tổng Tư lệnh của Quân đội Cách mạng Quốc gia mới được.”

Dưới sự chỉ huy của Đảng Cộng sản Liên Xô, Trung Cộng đã phát động “Cuộc nổi dậy Nam Xương” vào ngày 01/08/1927. Sau khi thất bại, những người còn sót lại bỏ chạy đến Quảng Châu, vào tháng 12/1927 một lần

nữa lại tổ chức bạo động ở Quảng Châu nhưng bị dập tắt nhanh chóng. Trong cuộc bạo loạn, Quân đội Quốc gia đã bắt giữ phó lãnh sự Liên Xô và những người khác, đồng thời thu giữ các tài liệu bí mật của Đảng Cộng sản Liên Xô kích động bạo loạn ở Trung Quốc tại lãnh sự quán. Ngày 14/12/1927, chính phủ cắt đứt quan hệ ngoại giao với Liên Xô.

Tướng Giới Thạch nói: “Đảng Cộng sản thực sự là kẻ thù duy nhất của Quốc Dân Đảng chúng ta. Chúng



1927. 4. 18, 与武汉国民政府对立的南京国民政府成立, 这个政府由蒋介石控制, 其“第一号命令”即是“清党”。汪精卫领导的武汉国民政府却决定开除蒋介石党籍, 撤消其所有职务, 是为宁汉对立。

Ngày 18/04/1927, Chính phủ Quốc dân Đảng ở Nam Kinh do Tưởng Giới Thạch lãnh đạo được thành lập, đối lập với Chính phủ Quốc dân Đảng ở Vũ Hán do Ông Tinh Vệ lãnh đạo, chính là thế Đối lập Ninh - Hán. (Ảnh: Tài sản công)

phá hoại Cách mạng dân tộc và cản trở việc thực hiện Chủ nghĩa Tam Dân; nếu muốn Cách mạng dân tộc thành công, chúng ta không thể cùng tồn tại với Đảng Cộng sản.” (“Nhận biết kẻ thù duy nhất của chúng ta”, 05/07/1927)

Ông Tinh Vệ công khai phản đối cuộc thanh trừng Đảng “ngày 12 tháng 4”, tuyên bố khai trừ Tưởng Giới Thạch ra khỏi Đảng và đưa ra một lệnh truy nã dẫn đến việc chia tách Ninh – Hán, Nam Kinh và Vũ Hán mỗi bên có một Ủy ban Trung ương Quốc Dân Đảng. Nhưng ngay sau đó, Ông nhìn thấy mật lệnh của Stalin gửi đến Quốc tế Cộng sản, cái gọi là “Chỉ thị tháng 5”. “Có một số điểm cần lưu ý trong nghị quyết đó: Điểm thứ nhất là về cải cách ruộng đất, chủ trương rằng Chính phủ Quốc gia không nên ban hành mệnh lệnh, mà nên bắt đầu từ bên dưới, và thực hiện việc tịch thu ruộng đất. Đây thực sự là nguyên nhân gây ra biến cố ở Hồ Nam, nguyên nhân của phong trào nông dân ly khai Quốc Dân Đảng. Điểm thứ hai là không nên tịch thu ruộng đất của sĩ quan và binh lính để tránh sự phản đối của họ. Điểm thứ ba là cải tổ Ủy ban Trung ương của Quốc Dân Đảng Trung Quốc, bổ sung các lãnh đạo nông dân và công nhân vào ban chấp hành. Kỳ thực, ông ta muốn gia tăng số lượng người của Đảng Cộng sản, chỉ là không nói toạc ra mà thôi, và công khai nói rằng cấu trúc hiện tại của Quốc Dân Đảng phải được thay đổi. Điểm thứ tư là vũ trang cho 20,000 Đảng viên CP, chọn ra 50,000 phần tử nông dân và công nhân và vũ trang cho họ. Các phần tử nông dân-công nhân mà ông ta đang nói đến thực ra là chỉ các phần tử Cộng sản. Điểm thứ năm là yêu cầu các nhà lãnh đạo Quốc Dân

Đảng tổ chức Tòa án cách mạng để xét xử các sĩ quan chống Cộng. Đây là yêu cầu các nhà lãnh đạo của Quốc Dân Đảng làm đao phủ cho Đảng Cộng sản và tự tàn sát lẫn nhau. (Uông Tinh Vệ, “Lịch sử Đảng Cộng sản ở Vũ Hán” – Bài phát biểu tại Đại học Tôn Trung Sơn ở Quảng Châu vào ngày 05/11 năm Trung Hoa Dân Quốc thứ 16).

Uông như vừa tỉnh mộng, ông ta nhận thức được rằng mình cũng đang gặp nguy hiểm, vì vậy đã từ bỏ lập trường thân Cộng của mình. Vào tháng 7/1927, chính quyền Vũ Hán bắt đầu thanh trừ Đảng Cộng sản một cách ôn hòa, yêu cầu các Đảng viên Đảng Cộng sản trong chính phủ và Quân đội quốc gia phải thoái xuất khỏi Đảng hoặc bị sa thải. Nhưng Uông Tinh Vệ vẫn coi Tưởng Giới Thạch là “Kẻ thù duy nhất của đảng-nhà nước.” Vì lấy đại cục làm trọng, Tưởng Giới Thạch đã từ chức vào tháng 8/1927.

Beso Lominadze, người được Stalin phái đến, đã tổ chức hội nghị vào ngày 07/08/1927 tại Hán Khẩu và quyết định rằng Cù Thu Bạch sẽ chủ trì sự lãnh đạo của Ủy ban Trung ương Trung Cộng. Chính sách chung được đề ra tại cuộc họp này là cách mạng nông nghiệp và vũ trang chống lại Quốc Dân Đảng Trung Quốc. (“Bách khoa toàn thư lịch sử Đảng”, Hội nghị số 87). Vào thời điểm đó, Trung Cộng đã phát động hơn 100 cuộc bạo động vũ trang ở nhiều vùng khác nhau của Trung Quốc, bao gồm hơn 140 thành phố ở 14 tỉnh.

Chính phủ Quốc Dân Đảng Vũ Hán cũng từ bỏ việc chia rẽ Đảng Cộng sản một cách ôn hòa. Vào ngày 08/08/1927, Uông Tinh Vệ đã triệu tập một cuộc họp mở rộng khẩn cấp của Ủy ban Trung ương Quốc Dân Đảng và thông qua một nghị quyết về “chia rẽ Đảng

Cộng sản bằng vũ lực,” và bắt đầu bắt và hành quyết những người Cộng sản trong khu vực do Chính phủ Quốc gia Vũ Hán kiểm soát. Tại cuộc họp này, Ông Tinh Vệ nói, “Thà giết nhầm một nghìn người còn hơn bỏ sót một người.” Sau khi Đảng bị thanh trừng toàn diện, một số lượng lớn Đảng viên Trung Cộng đăng báo thoái xuất khỏi Đảng, số lượng đảng viên giảm mạnh từ 60,000 xuống còn 10,000. Các cuộc bạo loạn ở đô thị của Trung Cộng đã thất bại thảm hại, họ chạy về các vùng nông thôn và miền núi, và trở thành lực lượng ly khai có vũ trang.

Mãi đến khi xảy ra bạo loạn ở Quảng Châu vào cuối năm 1927, Ông mới tỉnh ngộ, nhưng tiếc là đã quá muộn, vì vậy Ông cũng phải từ chức. “Tình huống trên là như thế này, trong mắt anh em lúc đó đều cho rằng đồng chí Tưởng và những người khác đã sai. Bởi vì lúc đó đồng chí Tưởng và những người khác thấy anh em không chịu nghe lời can ngăn, nhất định phải đi Vũ Hán, nên không chỉ thất vọng với các đồng chí ở Vũ Hán, mà cũng thất vọng với anh em. Vì vậy, không cần chờ đợi kết quả của chuyến đi Vũ Hán của anh em thế nào, tôi ngay lập tức bắt đầu làm việc ở Nam Kinh. Mà kết quả anh em đến Vũ Hán đều không nằm ngoài dự liệu của đồng chí Tưởng, uống công, hơn nữa càng làm tăng thế lực chống lại đồng chí Tưởng. Vì vậy, anh em đã nhìn nhận lại sau việc này, không nói đồng chí Tưởng sai mà nói anh em không đúng, đây là sự thật, chứ không phải là nói gì trái với lương tâm”. (Ông Tinh Vệ, “Lịch sử Đảng Cộng sản ở Vũ Hán” – Bài phát biểu tại Đại học Tôn Trung Sơn ở Quảng Châu vào ngày 05/11 năm Trung Hoa Dân Quốc thứ 16).

Lúc này, toàn bộ các phe phái của Quốc Dân Đảng mới phát hiện ra rằng chỉ có Tưởng Giới Thạch, người đã bị buộc phải từ chức, là có tầm nhìn xa và quyết đoán, thế là rất nhiều người đồng tình mời ông phục chức.

Thanh lọc Đảng là phát súng đầu tiên của Tưởng Giới Thạch chống lại Đảng Cộng sản để cứu nước, và tầm quan trọng của nó còn vượt qua cả cuộc Bắc phạt. Cuộc viễn chinh phương Bắc đã kết thúc kỷ nguyên của các quân phiệt ly khai; Thanh lọc Đảng mở màn cho cuộc chiến chống Chủ nghĩa Cộng sản trong thế kỷ XX.



Tưởng Giới Thạch, Phùng Ngọc Tường và Lý Tông Nhân thảo luận về Cuộc Bắc phạt. (Ảnh: Tài sản công)

Trung Cộng nói rằng việc Tưởng Giới Thạch thanh lọc Đảng là một “Cuộc tàn sát đẫm máu đối với công nhân, nông dân và trí thức giai tầng thấp”, và rằng “Cuộc đảo chính phản cách mạng ngày 12/04 đã đánh dấu một sự thay đổi lớn trong quan hệ giai cấp và tình hình cách mạng ở Trung Quốc. Những kẻ phản động Quốc dân đảng do Tưởng Giới Thạch cầm đầu đã hoàn toàn chuyển từ cánh hữu của giai cấp tư sản dân tộc sang đại diện cho đại địa chủ và đại tư sản.” “Trong thời kỳ này, Tưởng Giới Thạch đã tổ chức một loạt cuộc hội đàm bí mật với bọn đế quốc, bọn lừa đảo ở Giang Tô và Chiết Giang, và các thế lực lưu manh. Các thế lực đế quốc công khai xúi giục Tưởng Giới Thạch ‘hành động nhanh chóng và dứt khoát’”, để “khu vực phía nam sông Trường Giang khỏi rơi vào tay Đảng Cộng sản.”

Sự thật đương nhiên không phải như vậy

Phong trào công nhân của Trung Cộng đã thực hiện không kiêng dè gì. Otto Bauer, đại diện của Quốc tế Cộng sản, đã mô tả tình hình của “Lễ hội hóa trang Rome” ở Vũ Hán vào thời điểm đó: “Hàng nghìn hàng vạn công nhân làm thuê trong các hầm mỏ, nhà máy và nhà máy chế biến đã ngừng làm việc, dưới sự lãnh đạo của những kẻ cấp tiến, họ xuống đường cả ngày lẫn đêm để diễn thuyết, tuyên truyền và biểu tình.” Trụ sở Đảng bộ tỉnh Hồ Bắc do Trung Cộng kiểm soát đã tổ chức một cuộc họp tại Hán Khẩu. Các thành viên của Liên đoàn Công đoàn tỉnh tham dự cuộc họp đã hô vang khẩu hiệu “Đả đảo Tưởng Giới Thạch,” điều này làm dấy lên sự phẫn nộ của các sinh viên Học viện quân sự

tham dự cuộc họp, dẫn đến xô xát. Dưới sự thao túng của nước Nga Xô Viết, hoạt động chống Tưởng đã được công khai.

Bauer tiếp tục mô tả rằng do các phong trào đình công diễn ra thường xuyên, “các ngành công nghiệp ở khu vực Vũ Hán buộc phải đóng cửa,” và Vũ Hán, thành phố thịnh vượng nhất ở miền trung Trung Quốc, bị suy thoái và trì trệ kinh tế.

La Diệc Nùng đã nói trong “Báo cáo về chính trị và đường lối làm việc của Đảng”: “Trong khu vực công nhân, kể từ khi huyện ủy quyết định tổ chức khủng bố đỏ, đã thu được nhiều kết quả. Nhiều người bị giết, và khí thế công nhân lên rất cao, hiện giờ muốn mở rộng phạm vi của loại khủng bố đỏ này, tất cả những phần tử phản cách mạng, chẳng hạn như các nhà lãnh đạo cục hữu, các doanh nhân tư sản, các tay sai sinh viên, v.v., phải bị tấn công càng nhiều càng tốt. Bởi vì bây giờ là cao trào của cách mạng, người dân đều có nhu cầu này. Rất cần tổ chức Khủng bố đỏ để làm bảo đảm cho cách mạng. Đồng thời phải dùng lời đe dọa để nhiều kẻ phản cách mạng không dám ở lại Thượng Hải, gọi là khủng bố tinh thần đỏ.”

Sau khi lực lượng Bắc Dương rút khỏi Thượng Hải, Ủy ban Quận ủy Thượng Hải của Đảng Cộng sản Trung Quốc do La Diệc Nùng và Triệu Sĩ Viêm chủ trì đã nói trong đề cương tuyên truyền của mình: “Đã đến thời điểm cho cuộc cách mạng Thượng Hải.” Tuy nhiên, cuộc tổng đình công lần trước chỉ là một cuộc biểu tình, bây giờ thời cơ đã đến, chúng ta phải nhanh chóng chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang, giành lấy vũ trang tự vệ, diệt bọn phản động, báo thù cho những người đã chết,

đấu tranh giành tự do cho công nhân.” (“Ba cuộc khởi nghĩa vũ trang của công nhân Thượng Hải”). Hai cuộc nổi dậy đầu tiên chỉ là bãi công và biểu tình, nhưng cuộc nổi dậy thứ ba là một cuộc khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.

Sách giáo khoa của Trung Cộng nói với các thế hệ tương lai: “Khi đoàn diễn hành đến đường Bảo Sơn, Tưởng Giới Thạch đã ra lệnh cho Quân đội phản động dùng súng máy bắn những người lao động tay không tấc sắt”. Tuy nhiên, sự thật hoàn toàn ngược lại: Tưởng Giới Thạch không ra lệnh, cũng không phải tất cả trong cuộc diễn hành đều là công nhân, càng không phải là tất cả mọi người đều không có vũ khí, và đội trật tự công nhân đi đầu trong đoàn công nhân “còn có vũ trang”! Đội trật tự công nhân do Trung Cộng kiểm soát đã được tổ chức lại thành 14 đại đội với tổng số 2,700 người, được trang bị hơn 20 súng máy và hơn 4,000 súng trường. Quân đội khai hỏa, không phải theo mệnh lệnh của Tưởng Giới Thạch ngồi tại Nam Kinh, mà là phòng thủ tự vệ trong tình huống cấp bách.

Tham mưu trưởng Phòng 2 Chúc Triệu Châu nhớ lại tình hình lúc đó: “Đảng thổ phỉ tổ chức mít tinh trên đường Thanh Vân, dù có hơn 10,000 người nhưng súng trường đã bị thu giữ, và nguy cơ không nghiêm trọng”. Vì vậy, khi bọn thổ phỉ cầm đầu đi qua đường Bảo Sơn xông thẳng đến trụ sở, có thể sẽ bị bảo vệ của trụ sở chặn lại, nhưng người của họ rất hung hăng, có ý đồ gây loạn, hầu hết bọn họ đều cầm gậy sắt loạn đả, ở giữa còn có rất nhiều súng lục. Một vệ binh của ta bị giết và một người bị thương, trong tình huống bất đắc dĩ, vệ binh đã xả súng để tự vệ, hơn 100 tên bị thương

và tử vong tại chỗ, số còn lại chạy tan tác như chim muông. Sau khi cử một đội đến bao vây, hơn 700 người đã bị bắt, tất cả đều mang phù hiệu của Trục Lỗ Quân trên người, tra xét phần còn sót lại của các Quân Phiệt thì biết do Đảng thổ phỉ dùng tiền mua chuộc và giả danh cố tình gây rối ở địa phương và gây nguy hại cho Đảng, đất nước và nhân dân, làm gì có công nhân chân chính nào ở đây chứ?

Cuộc thanh trừng đảng của Tưởng Giới Thạch đã mang lại sự ổn định cho trật tự xã hội của Trung Quốc, và Trung Quốc đã có thể thoát khỏi việc trở thành vật hy sinh cho nước Nga Xô Viết lúc bấy giờ.

Nếu không có sự bình định dẹp loạn ở Quảng Châu vào ngày 20 tháng 3 năm Trung Hoa Dân Quốc thứ 15, và cuộc thanh trừng toàn diện Đảng vào ngày 12 tháng 4 năm Trung Hoa Dân Quốc thứ 16, khiến sự thống nhất và độc lập của Trung Quốc đã được hoàn thành dưới sự lãnh đạo của Chính phủ Quốc Dân Đảng của chúng ta, thì Trung Hoa Dân Quốc ngay từ thời kỳ đó đã trở thành nơi thử nghiệm cho những người Bolshevik và trở thành một nước chư hầu của Liên Xô. Không cần đợi mười năm sau Đệ nhị Thế chiến, Moscow đã kiểm soát được 12 triệu km vuông và 450 triệu dân này, với căn cứ và nguồn lực vô tận và không thể cạn kiệt cho Chiến tranh cách mạng thế giới, thách thức hòa bình và an ninh của châu Á và toàn thế giới." ("Nước Nga Xô Viết ở Trung Quốc")

Phần 27: Bình định nội loạn

Vào tháng 1 năm 1929, ngay sau khi cuộc viễn chinh phương Bắc kết thúc, Tưởng Giới Thạch đã lập một kế hoạch giải giáp, giảm một nửa quân số 1.6 triệu quân. Nhưng tất cả các phe phái trong Quốc Dân Đảng đều muốn bảo toàn sức mạnh của mình nên không thể đạt được sự đồng thuận.

Năm 1929, Lý Tông Nhân là người dẫn đầu khởi binh chống lại Trung ương và bị Tưởng Giới Thạch đánh bại. Sau đó là Phùng Ngọc Tường, Trương Phát Khuê, Đường Sinh Trí, Thạch Hữu Tam và các Quân Phiệt khác cũng lần lượt phát động các cuộc tấn công, nhưng đều không thành công. Vào tháng 3/1930, Diêm Tích Sơn, Phùng Ngọc Tường và Lý Tông Nhân cùng nhau phát động cuộc Chiến tranh Trung Nguyên chống lại Trung ương. Tưởng Giới Thạch hạ lệnh đánh dẹp nhóm phản nghịch, và phải mất năm tháng mới đánh dẹp được quân nổi dậy. Vào tháng 9/1930, Trương Học Lương tăng cường vận động ủng hộ Chính Phủ Trung ương, khi đó cuộc nội chiến mới chấm dứt. Đại chiến Trung Nguyên kéo dài nửa năm, với hơn 300,000 người thương vong cho cả hai bên. Quân đội Chính phủ Trung ương mệt mỏi trong cuộc nội chiến kéo dài, trong khi Trung Cộng có thể phát triển lớn mạnh.

Đất nước bị chia cắt

Sau cuộc thanh lọc Đảng “ngày 12 tháng 4,” “Cuộc

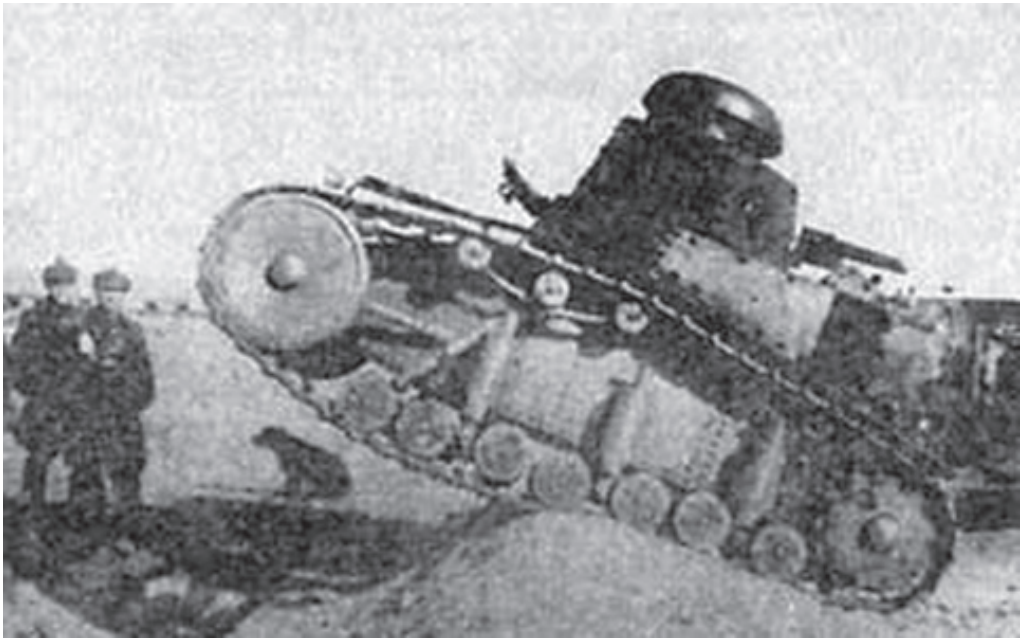
nổi dậy Nam Xương” và “Cuộc nổi dậy vụ gặt mùa Thu” do ĐCSTQ phát động đã bị dẹp tan. Đám tàn quân chạy trốn đến dãy núi Tỉnh Cương, và dưới sự kiểm soát của Liên Xô, tiếp tục chia cắt Trung Quốc. Sau khi Sự cố Đường sắt Trung Đông nổ ra năm 1929, Liên Xô đã xâm chiếm vùng Đông Bắc trên quy mô lớn, đốt phá, giết chóc, đập phá, “bảo vệ” các tuyến đường sắt và các đặc quyền khác do nước Nga Sa Hoàng để lại. Không hề quan tâm đến chủ quyền quốc gia, ĐCSTQ thực sự đã hô khẩu hiệu “Vũ trang để bảo vệ Liên Xô.” Ngay cả người sáng lập ĐCSTQ, Trần Độc Tú, cũng không chấp



Hồng quân Liên Xô chiếm được lá cờ của Quân đội Đông Bắc trong sự cố Đường sắt Trung Đông. (Ảnh: Tài sản công)

nhận được điều đó và lên tiếng phản đối, nhưng đã bị khai trừ khỏi đảng.

Dưới sự chỉ huy trực tiếp của ĐCS Liên Xô, ĐCSTQ đã bạo loạn ở Giang Tây. Tướng Giới Thạch nhớ lại lịch sử và nói: “Vào năm Trung Hoa Dân Quốc thứ 16, Neumann, người lãnh đạo ‘Hội nghị 87’ của ĐCSTQ,... là một chuyên gia về bạo loạn của nước Nga Xô Viết. Trong cuộc Bạo loạn Nam Xương, bạo loạn Sán Đầu và bạo loạn Quảng Châu vào thời điểm đó, ĐCSTQ đều đã áp dụng thực hiện các lý thuyết và phương pháp bạo loạn của ông ta.” “Nhiệm vụ của cái gọi là ‘Hồng quân’ của ĐCSTQ thổ phỉ là giết chóc, phóng hỏa, đòi tiền chuộc, gây quỹ và kích động quần chúng. Chương trình



*T-18 do Quân đội Liên Xô đầu tư trong Sự cố Đường sắt Trung Đông.
(Ảnh: Tài sản công)*



Quân đội Trung Quốc khai triển trong chiến hào tại sự cố Đường sắt Trung Đông. (Ảnh: Tài sản công)

chính trị của nó là giết địa chủ, chia đất, vũ trang cho quần chúng và thành lập chế độ Xô Viết.” (“Nước Nga Xô Viết ở Trung Quốc”).

Ngày 22 tháng 8 năm 1930, Tưởng Giới Thạch đã tuyên bố trong báo cáo chiến sự của mình trước Ủy ban Trung ương Quốc Dân Đảng: “Đảng Cộng sản Trung Quốc, một lũ súc sinh, đang lợi dụng lúc đất nước chúng ta gặp khó khăn, cấu kết bừa bãi làm càn, mỗi ngày một lan rộng và trở thành đám cháy trên đồng cỏ.” Tưởng Giới Thạch biết rằng ĐCSTQ phải bị tiêu diệt càng sớm càng tốt để tránh những rắc rối trong tương lai.

Vào tháng 11 năm 1930, ngay sau khi Chiến tranh Trung Nguyên kết thúc, Tưởng Giới Thạch đã khai triển quân đội của mình để bắt đầu chiến dịch trấn áp thổ

phỉ đầu tiên ở khu vực Giang Tây Xô Viết, nhưng không tiêu diệt được Hồng quân. Năm 1931, cuộc chiến thứ hai và thứ ba tiêu diệt thổ phỉ lần lượt được phát động, nhưng cũng bị bỏ dở giữa chừng do cuộc nội chiến của Quốc Dân Đảng và “Biến cố ngày 18 tháng 9.”

ĐCSTQ cùng đường tuyệt vọng, kích động sinh viên thỉnh nguyện để gây rối. Mâu thuẫn trong Quốc Dân Đảng ngày càng sâu sắc, nhóm người Hồ Hàn Dân, Ưông Tinh Vệ, Tôn Khoa đã thành lập một liên minh chống Tưởng. Để cứu vãn tình thế Ninh-Việt chia rẽ trong nội



Quân đội Cách mạng Quốc dân đã anh dũng chiến đấu chống lại quân địch. (Ảnh: Tài sản công)

bộ đảng, vào tháng 12/1931, Tưởng Giới Thạch đã từ chức Chủ tịch kiêm Trưởng Ban điều hành của Chính phủ Quốc dân. Đầu năm 1932, “Sự kiện ngày 28/01” bùng nổ, quân Nhật xâm lược Thượng Hải, Nam Kinh lâm nguy. Ngày 29/01/1932, Quốc Dân Đảng họp Ủy ban Trung ương lâm thời, khẩn cầu mời Tưởng Giới Thạch trở lại Ủy ban Trung ương để chủ trì việc quân sự.

ĐCSTQ đã chia rẽ đất nước và ngày càng trở nên kiêu ngạo. Vào tháng 12 năm 1931, trong “Thông báo của Ban Chấp hành Trung ương Cộng hòa Xô Viết Trung Hoa,” ĐCSTQ đã tuyên bố: “Từ nay trở đi, sẽ có hai quốc gia khác nhau trong lãnh thổ của Trung Quốc, một là Trung Hoa Dân Quốc, là một công cụ của chủ nghĩa đế quốc, và một là Cộng hòa Xô Viết Trung Hoa.” (Theo Văn khố tỉnh Giang Tây, “Tư liệu lịch sử chọn lọc từ các khu căn cứ địa cách mạng trung ương”). ĐCSTQ đã công khai sử dụng cờ hiệu của “hai Trung Quốc.”

Đầu tháng 3 năm 1932, Tưởng Giới Thạch lại được bổ nhiệm làm Chủ tịch Quân ủy. Tháng 6/1932, ông chủ trì hội nghị chống thổ phỉ ở năm tỉnh, “xác định kế hoạch bao vây và trấn áp lần thứ tư, và quyết định khởi động việc tiêu diệt quân thổ phỉ ở ba tỉnh Hà Nam, Hồ Bắc và An Huy.” (Theo “Nước Nga Xô Viết ở Trung Quốc”).

Chiến dịch bao vây và trấn áp lần thứ tư phát động vào tháng 2 năm 1933 cũng thất bại, nhưng quyết tâm trấn áp thổ phỉ của Tưởng Giới Thạch vẫn không thay đổi. Ông nói: “Cổ nhân nói muốn chống ngoại xâm thì trước hết phải dẹp yên bên trong, nghĩa là phải dẹp được nội loạn thì mới có thể chống được ngoại xâm”. “Người Nhật bản là ngoại xâm, như vết lở loét trên da thịt dần dần khỏi, thổ phỉ làm loạn từ bên trong, như

nội tạng có bệnh, đây thật sự là nỗi phiền muộn trong tâm; Vì bệnh bên trong này không được tiêu trừ thì bệnh bên ngoài cũng không thể chữa khỏi.” (Tướng Giới Thạch, “Trách nhiệm của Quân đội Cách mạng là Bảo vệ an ninh trong nước và Chống giặc ngoại xâm”).

Năm 1933, Tướng Giới Thạch tổ chức Quân đoàn huấn luyện sĩ quan Lộ Sơn để đào tạo lực lượng cốt cán tiêu diệt Đảng Cộng sản. Việc chính quyền bao vây và trấn áp “khu căn cứ” của Đảng Cộng sản ở Giang Tây đã dần có nhiều tiến triển.

Tiêu diệt Trung Cộng cứu người

Trong bài phát biểu khai giảng Quân đoàn Huấn luyện Sĩ quan Lộ Sơn khóa thứ hai vào năm 1933, Tướng Giới Thạch nói rằng Đảng Cộng sản đã phá hủy đạo lý làm người do các bậc hiền triết Trung Quốc khởi xướng trong suốt năm nghìn năm qua, khiến người dân Trung Quốc trở nên bất trung, bất hiếu, vô lễ và bất nghĩa giống như cầm thú! Diệt trừ Đảng Cộng sản là để cứu giúp nhân dân, giúp họ một lần nữa quay trở lại làm người.

“Bây giờ chúng ta hãy làm rõ: Thế nào mới được xem là một con người? Và thế nào gọi là cầm thú? Mọi người đều biết, Trung Quốc chúng ta có một câu ngạn ngữ rằng ‘Mặt người dạ thú,’ tức là có khuôn mặt của con người, nhưng lại ẩn chứa dã tâm của cầm thú, tâm tư, tinh thần và mọi hành động đều hoàn toàn giống với dã thú.” “Bởi vì bọn thổ phỉ không chỉ giết người phóng hỏa, hãm hiếp, cướp bóc ở một nơi, khiến người dân không thể an cư lạc nghiệp, mà còn khiến họ bất kính

với tổ tông, bất hiếu với cha mẹ, không yêu thương anh em, coi thường đất nước, dân tộc, coi thường lễ nghĩa liêm sỉ, hủy hoại đạo đức luân thường và lịch sử vốn có của Trung Quốc!”. “Đảng Cộng sản muốn dạy người Trung Quốc chúng ta trở thành loài cầm thú bất trung, bất hiếu, vô lễ và bất nghĩa! Chính là không cho chúng ta làm người! Nó muốn người Trung Quốc hành xử như loài cầm thú! Không cho chúng ta được sống cuộc sống của con người và làm sự việc của con người! Vì vậy, ‘Phỉ đở’ chính là dã thú, chúng ta tiêu trừ thổ phỉ chính là để tiêu diệt ác thú này, chúng ta phải cứu hết thầy người dân trong vùng thổ phỉ để họ trở lại làm người, để họ không bị mắc kẹt trong khu vực của thổ phỉ và



Năm 1933, khi Đảng Cộng sản bị đàn áp, Tưởng Giới Thạch, Chủ tịch Quân ủy Chính phủ Quốc dân, đã đích thân làm Tổng tư lệnh Tổng hành dinh trấn áp thổ phỉ ở ba tỉnh Hà Nam, Hồ Bắc và An Huy. (Ảnh: Tài sản công)

trở thành cầm thú! Vì vậy, chúng ta tiêu trừ thổ phỉ chính là đánh dã thú! Mục đích của việc đánh dã thú, một mặt là để tiêu diệt ác thú, mặt khác là để giải cứu nhân dân ta, để họ không còn bị thú dữ áp bức, từng bước biến thành dã thú, để họ có thể nhanh chóng thấy được một con đường tươi sáng và trở lại làm người! Đây chính là mục đích trấn áp thổ phỉ cũng như tôn chỉ và tinh thần của quân đoàn sĩ quan chúng ta!”

Trong Lời giáo huấn có tựa đề “Ý nghĩa của việc trấn áp thổ phỉ và đạo lý làm người,” Tưởng Giới Thạch đã nói rằng: “Hết thảy mọi thứ mà chúng ta làm đều vì mục đích trở thành ‘con người’ đường đường chính chính, và chúng ta làm điều đó một cách oanh liệt để trở thành một ‘con người.’ Vì sự nghiệp đất nước, vì dân tộc, vì ông bà tổ tiên, chúng ta sẽ chiến đấu đến hơi thở cuối cùng! Nay chúng ta muốn tiêu diệt Phỉ đỏ, thống nhất đất nước, chống lại hải tặc Nhật Bản, cũng là vì điều này.”

Tưởng Giới Thạch nói về đạo lý làm người, cũng chỉ ra rằng nếu bản thân không biết các đạo lý làm người, thì sẽ không thể tiêu diệt Đảng Cộng sản. ĐCSTQ khiến người ta giết cha mẹ, bán tổ tông, dạy người ta bất trung, bất hiếu, bất nhân, bất nghĩa, biến người ta thành cầm thú.

“Hiện tại thổ phỉ là thứ mặt người dạ thú. Tuy khuôn mặt là mặt người nhưng suy nghĩ và hành vi của hắn đều là suy nghĩ và hành vi của dã thú! Làm sao chúng ta biết được? Bởi vì người Trung Quốc chúng ta đã có lịch sử năm nghìn năm, các bậc hiền triết của các triều đại chúng ta đã giảng Tám chữ về đạo lý làm người, đó chính là “trung hiếu, nhân ái, tín nghĩa, hòa bình.”

Nhất định phải làm được hoàn mỹ Tám chữ này thì mới có thể được coi là một con người, mới hoàn toàn chân chính là một người Trung Quốc! Điều này có nghĩa là đối với quốc gia, đối với bằng hữu, đối với người trên, đối với người dưới, chúng ta đều phải trung thực; đối với tổ tông, đối với cha mẹ, nhất định phải hiếu kính; đối với đồng bào phải nhân từ; đối với tất cả bằng hữu, thậm chí với cả nhân loại, chúng ta phải có tín nghĩa; trong mọi mối quan hệ giữa người với người, chúng ta đều phải điều chỉnh, hài hòa, công bằng và hợp lý, cuối cùng là thực hiện tiến trình hòa bình chung của toàn nhân loại!”

“Còn Đảng Cộng sản bây giờ thì sao? Tôi vừa nói: Thổ phỉ không chỉ bất trung với Trung Hoa Dân Quốc và dân tộc Trung Hoa của chúng, mà còn bất trung với cấp trên của chúng, bất trung với cấp dưới của chúng. Bất kể là có tội hay vô tội, chúng sẽ lập tức chém giết họ, tùy tiện đánh đập hoặc thi hành đủ loại tra tấn cực hình, vô cùng tà ác, hoàn toàn không có một chút tín nghĩa nào! Còn có những tên phỉ đỏ không những không cần cha mẹ, mà còn thường xuyên đánh đập và giết hại cha mẹ của chính mình! Phản bội bán rẻ tổ tông, thờ cúng tổ tiên ngoại quốc! Đi thờ cúng tổ tiên ngoại quốc như Lenin, Marx và người ngoại quốc khác! Loại hành vi thổ phỉ này thật sự là bất trung, bất hiếu, bất nhân, bất nghĩa giống như cầm thú, còn có thể xem là người sao? Còn có thể xem là một người Trung Quốc sao?”

Đảng Cộng sản sẽ chớp lấy cơ hội để mưu lợi, nhưng Tưởng Giới Thạch đã nhìn thấy vận mệnh cuối cùng của Đảng Cộng sản: “Trong thiên hạ không có ai nói rằng kính bái tổ tông ngoại quốc, bất hiếu với cha

mẹ, không yêu tổ quốc của mình lại có thể thành công! Trong lịch sử từ xưa đến nay cũng không có loại thổ phỉ giết người phóng hỏa bán nước vong ân nào lại có thể thành công!”

Tướng Giới Thạch cũng đã thấy trước được mối họa lớn của Đảng Cộng sản: “Nếu không diệt được thổ phỉ này, chẳng những mọi người chúng ta sống không có đất dung thân, chết không nơi chôn thân, mà mồ mả của tổ tiên cũng không thể bảo tồn! Hơn nữa, con cháu chúng ta sau này đều phải làm kẻ nô tài mất nước, làm nô lệ trâu ngựa cho người khác!” Lời này của Tướng Công đã trở thành một lời tiên tri.

Tướng Giới Thạch nói: “Tháng Mười năm đó, tôi lại triệu tập hội nghị trấn áp thổ phỉ ở Nam Xương để vạch ra kế hoạch tiêu diệt thổ phỉ lần thứ năm. Đối với khu vực thổ phỉ Giang Tây, áp dụng chính sách ‘ba phần quân sự, bảy phần chính trị,’ một mặt vừa cấm vận tiếp tế, vừa phong tỏa kinh tế, xây lô cốt, cắt đứt giao thông; một mặt mở mang đường sá, thận trọng từng bước tiêu diệt thổ phỉ.” “Đến mùa hè năm thứ 23 (năm 1934), vùng thổ phỉ ở năm tỉnh Hồ Nam, Giang Tây, Hồ Bắc, Hà Nam, An Huy bị thủ nhỏ lại như vùng núi phía nam Giang Tây, diện tích chỉ 4,000 dặm vuông, so sánh khách quan với 21 năm qua thì tỷ lệ gần như 50/1.” (“Nước Nga Xô Viết ở Trung Quốc”)

Vào tháng 10 năm 1934, Cuộc chiến trấn áp thổ phỉ lần thứ năm trải qua một năm, Hồng quân cuối cùng đã hết đạn dược và lương thực, phải tháo chạy về phía Tây Nam, để đánh lừa mọi người nên nói là “lên Bắc kháng Nhật.” Trên thực tế, Hồng quân không tiến lên phía Bắc cũng như không đánh Nhật.

Sau khi bao vây và trấn áp thành công, Tưởng Giới Thạch đã rảnh tay để đối phó với sự xâm lược của quân Nhật.

Nhật Bản luôn chống Cộng mạnh mẽ, và đối với việc Tưởng Giới Thạch tiêu trừ Đảng Cộng sản, mặc dù Nhật Bản đứng ngoài việc này, nhưng họ cũng lạc quan về thành công của mình. Tận dụng các nguồn lực của quốc gia, cũng như sự thay đổi về tương quan lực lượng của Nhật Bản và ĐCSTQ, đây là mấu chốt để kiểm soát tình hình hiện tại, Tưởng Giới Thạch đã sớm có chủ trương về phương diện này.

Tưởng Giới Thạch viết trong nhật ký ngày 17 tháng 8 năm 1933: “Trước khi cuộc chiến nổ ra, cần phải chuẩn bị yểm trợ như thế nào để kẻ địch lơ là chú ý, chỉ tập trung quản lý Tây Bắc và Tứ Xuyên.” Ngày 29 tháng 12 năm 1934, ông nói tiếp: “Nếu lập kế hoạch đối phó với người Oa (Nhật Bản) thì cần vận dụng nguyên tắc lấy việc tiêu diệt thổ phỉ làm vỏ bọc kháng Nhật, phòng ngừa nội chiến, để người Nhật không lợi dụng được bất kỳ sơ hở nào của chúng ta đồng thời còn giành được sự đồng tình ủng hộ của quần chúng nhân dân. Chính là dựa trên cơ sở đích thân trấn áp lực lượng tàn dư của thổ phỉ ở Tứ Xuyên và Quý Châu, đồng thời củng cố quyền kiểm soát đối với khu vực Tây Nam.” Việc Tưởng Giới Thạch truy kích Hồng quân vào thời điểm đó đã làm trì hoãn tốc độ xâm lược của Nhật Bản đối với Trung Quốc, đồng thời củng cố quyền kiểm soát đối với khu vực Tây Nam.

Tưởng Kinh Quốc đã tiết lộ trong cuốn tự truyện của mình: “Vào thời điểm đó, cũng có thuyết nói là [chung stooi] bao vây không thành công và bị ĐCSTQ

phá vòng vây, nhưng nói chúng tôi đã mở cho chúng một đường thoát thì đúng hơn... Xét về hoàn cảnh lúc đó, đây là một thành công rất lớn về Chiến lược chính trị. Chúng tôi theo quân đội Trung Cộng tiến vào Vân Nam, Quý Châu, Tứ Xuyên, để Trung Quốc có thể đạt được sự thống nhất thực sự.”

Phần 28: Trước sau thọ địch

Vận mệnh ngàn cân treo sợi tóc

Trước khi Hồng quân chuyển đến bắc Thiểm Tây, lực lượng chủ lực của Hồng quân Trung ương đã giảm từ hơn 80,000 xuống còn 6,000, mạng sống của họ đã chỉ còn ngàn cân treo sợi tóc. Theo ước tính của Đảng Cộng Sản Trung Quốc, toàn bộ lực lượng của Hồng quân chỉ có thể đối phó với hai trung đoàn của Quân đội Quốc gia. (Dương Khuê Tùng, “Khám phá mới về sự cố Tây An”).

Cuối năm 1936, đích thân Tưởng Giới Thạch làm tổng tư lệnh trấn áp thổ phỉ Tây Bắc, đến Tây An triển khai tiêu diệt ĐCS Trung Quốc nhằm toàn lực chống Nhật. Tuy nhiên, ai có thể lường trước được chuyện gì có thể xảy ra, Sự kiện Tây An đã phá hỏng sự sắp xếp của Tưởng Giới Thạch. Sau này, Tưởng Giới Thạch ghi trong nhật ký rằng: “Hàn Thanh đã phá hỏng một ván cờ hay của tôi!”

ĐCS Trung Quốc cũng xóa sổ hoàn toàn công sức chiến đấu và trí tuệ chiến lược trong nhiều năm kháng Nhật của Tưởng Giới Thạch và chính phủ Quốc dân đảng, đồng thời ngụy tạo lời dối trá rằng Trương Học Lương và Dương Hồ Thành (Trương-Dương) đã phát động sự kiện Tây An để buộc Tưởng kháng Nhật. Ví dụ, ngày 01/09/1936, Ban Chấp hành Trung ương Trung Cộng ra “Chỉ thị về vấn đề buộc Tưởng phải kháng Nhật” cho toàn đảng, nêu rõ chủ trương chung của đảng là “Ép Tưởng kháng Nhật.” Sự kiện Tây An do Trương



Tống Mỹ Linh may vá quân phục cho binh lính. (Ảnh: Tài sản công)

Dương khởi xướng vào ngày 12/12/1936 là do Tưởng Giới Thạch không chống lại quân Nhật, vì vậy Trương-Dương muốn bắt ông phải chống lại quân Nhật. Sự kiện Tây An được coi là một hình phạt nghiêm khắc đối với ông (Tưởng Giới Thạch) vì đã đi ngược lại xu hướng của lịch sử.

Việc Tưởng Giới Thạch kháng Nhật không phải do ai ép buộc, mà lúc đó ĐCSTQ là họa trong nước, Nhật Bản là giặc ngoại bang, quốc lực Trung Quốc còn kém và yếu. Giữa những khó khăn chồng chất cả trong và ngoài nước, trước những lời chỉ trích vì không biết sự thật, ông đã giấu tài, âm thầm thể hiện đại trí đại tuệ.

Trước sau thọ địch

Sau “Sự cố ngày 18 tháng 9” năm 1931, để đối phó với cuộc xâm lược của Nhật Bản, quốc gia buộc phải đình chỉ việc bao vây và trấn áp ĐCSTQ ở khu vực Liên Xô. Bốn tháng sau, Nhật Bản gây hấn ở Thượng Hải, khơi mào cho “Cuộc kháng chiến Tùng Hộ ngày 28/01/1932.” Vào ngày 30/01/1932, ngày thứ ba sau khi sự việc nổ ra, ĐCSTQ đã ra tuyên bố: “(Kêu gọi binh sĩ của Quân đội Quốc gia) giết các sĩ quan của họ và gia nhập Hồng quân.” “Hồng quân bành trướng ở các khu vực Xô Viết ở Giang Tây, Phúc Kiến, Hồ Nam, Hồ Bắc, An Huy và những nơi khác, có thời điểm suýt chiếm được Cố Châu (Giang Tây), khiến Chính phủ Quốc gia phải vừa đánh thù trong vừa lo giặc ngoài.

Sau sự kiện Tây An, Tưởng Giới Thạch bắt đầu đàm phán với ĐCSTQ. Sau “Biến cố ngày 7 tháng Bảy” năm 1937, chính phủ quốc gia tuyên bố toàn diện kháng



Trong Sự cố ngày 28 tháng Một, Nhà xuất bản Thương mại ở Thượng Hải và Thư viện Phương Đông (thư viện tư nhân lớn nhất ở Trung Quốc với bộ sưu tập hơn 300,000 cuốn) đã bị đánh bom. Hình ảnh cho thấy Nhà xuất bản Thương mại Thượng Hải sau vụ đánh bom. (Ảnh: Tài sản công)

chiến chống Nhật. Vào ngày 22/07/1937, ĐCSTQ đã ban hành “Tuyên bố cùng nhau cứu nguy đất nước,” tuyên bố sẵn sàng đấu tranh để thực hiện Chủ nghĩa Tam dân; từ bỏ bạo loạn lật đổ chính quyền; ngừng tịch thu ruộng đất của địa chủ; bãi bỏ chế độ Xô Viết; “Hồng quân” trở thành “Quân đội cách mạng Quốc Dân,” thuộc quyền của Chính phủ Quốc gia kháng Nhật dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Tưởng. Tuyên bố đầu hàng này của Trung Cộng là vô cùng đối trá. Dưới ngọn cờ của Mặt trận Thống nhất, sự tàn phá của Trung Cộng chưa bao giờ dừng lại.

Tưởng Giới Thạch nhìn thấy rõ điều này. Ngày 25/10/1937, ông viết trong nhật ký của mình: “Chủ



Vào ngày 19/07/1937, sau sự kiện Cầu Lư Câu (sự kiện ngày 7 tháng Bảy), Tưởng Giới Thạch đã có bài phát biểu “vào phút cuối” ở Lộc Sơn, tuyên bố bắt đầu cuộc Kháng chiến chống Nhật. (Ảnh: Tài sản công)

nghĩa cơ hội của Đảng Cộng sản cần phải được chú ý cẩn thận. Thế hệ này là những kẻ không có đức tin, cũng không đáng để lo ngại, chúng ta sẽ lấy chính trị tà, lấy sự vụng về làm cách ứng phó thông minh.”

Sau Hội nghị La Xuyên, Mao Trạch Đông ra lệnh cho Sư đoàn 115 của Lâm Bưu luân vào dãy Sơn Tây-Sát Cáp Nhĩ-Hà Bắc, Sư đoàn 120 của Hạ Long lên vào dãy núi Tây Bắc Sơn Tây, và Sư đoàn 129 của Lưu Bá Thừa phát triển về phía đồng bằng Sơn Đông-Hà Bắc. Mục đích của họ là vòng ra sau lưng địch với âm mưu bành trướng. Bởi vì Mao Trạch Đông đã nhiều lần chỉ thị rằng “Bát Lộ Quân nên tránh đối đầu trực tiếp với

quân Nhật, tránh chỗ mạnh mà tìm chỗ sơ hở, rồi vòng ra hậu phương quân Nhật đánh du kích. Nhiệm vụ chính là mở rộng sức mạnh của Bát Lộ Quân và thiết lập một khu căn cứ chống Nhật do Trung Cộng lãnh đạo ở hậu phương của quân địch.” (Trương Quốc Đào, “Hồi ức của tôi,” Tập 3, “Chương 21: Kháng chiến chống Nhật”).

Ở phía trước, quân Nhật đối kháng với quân Quốc gia và chiếm nhiều vùng đất, ĐCS đi phía sau lấy danh nghĩa kháng Nhật để mở rộng căn cứ địa của bản thân mình. Cái gọi là “Đế Nhật Bản chiếm nhiều ruộng đất mới là yêu nước,” thực chất là “Đế Nhật bản chiếm nhiều ruộng đất mới là yêu Đảng.”

Về chính sách cơ bản của công cuộc cải chính năm 1940, Tổng tư lệnh của Lực lượng Viễn chinh Trung Quốc của Nhật Bản Yasuji Okamura đã cảm thán rằng: “Sức mạnh của quân đội cộng sản đang dần tăng lên, trong giai đoạn thứ ba, nó đã bắt đầu nuốt chửng quân đội Trùng Khánh và các đội quân hỗn tạp khác. Sức mạnh của nó đã phát triển nhanh chóng và không thể coi thường. Nếu không sớm có biện pháp đối phó kịp thời thì Hoa Bắc Trung Quốc sẽ trở thành thiên hạ của Trung Cộng. Vì thế, trọng điểm thảo phạt của Phương Diện Quân nhất định phải tập trung hoàn toàn vào Quân đội Cộng sản.”

Để trấn áp sự bành trướng của ĐCSTQ, quân đội Nhật Bản bắt đầu tiến đánh ĐCSTQ. Trung Cộng kháng Nhật chỉ là để tự vệ, không phải để chống lại sự xâm lược của Nhật Bản đối với Trung Quốc. Quân đội Trung Cộng cố gắng tránh hết mức việc đối đầu với quân đội Nhật Bản. Chỉ có hai “trận chiến huy hoàng” trong “Lịch sử Chiến tranh Chống Nhật” của ĐCSTQ. “Trận Bình

Hình Quan” năm 1937 là một trận đánh ở Thái Nguyên dưới sự chỉ huy của Diêm Tích Sơn, Tư lệnh chiến khu hai của Quân đội Quốc gia. Lâm Bưu chỉ huy Sư đoàn 115 của Bát Lộ Quân, phối hợp với lực lượng chủ lực của Quân đội Quốc gia tấn công đội vận chuyển quân nhu của quân đội Nhật Bản. Trong cuộc chiến Thái Nguyên kéo dài hai tháng, “Trận Bình Hình Quan” chỉ kéo dài một ngày, hoàn toàn không thể gọi là “chiến dịch.” Năm 1940, “Cuộc chiến Trăm Trung đoàn” do Bành Đức Hoài chỉ huy là một cuộc chiến tranh du kích nhằm phá hủy các hầm mỏ và đường sắt trong các khu vực quân Nhật chiếm đóng.

Từ trước đến nay, ĐCSTQ đều tuyên truyền rằng Tưởng Giới Thạch “không kháng cự,” tại “Sự kiện Tây An” Đảng Cộng sản “buộc Tưởng phải kháng Nhật,” “Chiến thắng Bình Hình Quan” là chiến thắng đầu tiên của cuộc kháng chiến, và Đảng Cộng sản là “trụ cột” của kháng chiến, lãnh đạo nhân dân đánh du kích và giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến kéo dài tám năm; Quốc Dân Đảng bỏ trốn và ẩn náu ở núi Nga Mi, và chỉ ra mặt “hái dào” sau khi Đảng Cộng sản tiêu diệt được người Nhật.

Theo Biên bản “Hội nghị Lộ Sơn,” ngày 31/07/1959, tại cuộc họp Lư Sơn, Lâm Bưu kiểm điểm lại trận Bình Hình Quan, nói rằng ông đã “bị thua thiệt” và “quá nóng vội,” hơn nữa còn thoái thác trách nhiệm của mình và nói, “Chỉ là quyết định đưa ra trong lúc thiếu sự hỗ trợ.” Tiếp đó, Mao Trạch Đông nói: “Một số đồng chí cho rằng Nhật Bản chiếm càng ít đất càng tốt, sau này họ mới thống nhất một nhận thức là: Để Nhật chiếm nhiều đất hơn, thì mới là yêu nước. Còn không

thì sẽ trở thành yêu đất nước của Tưởng Giới Thạch rồi. Trong nước có Tam Quốc Chí, đó là Tưởng, Nhật Bản và Tôi.”

Bành Đức Hoài ngay lập tức kiểm điểm “Trận chiến Trăm Trung đoàn” là một sai lầm, nói: “Trận chiến này là có lợi cho Tưởng Giới Thạch..... Hội nghị Hoa Bắc đã phê bình tôi, sau này tôi sẽ chú ý tuân thủ kỷ luật hơn.” Mao Trạch Đông chỉ trích Bành rằng: “Đồng chí Bành Đức Hoài làm như vậy không phải yêu nước, trận chiến Trăm Trung đoàn là giúp Quốc Dân Đảng chống lại quân Nhật, đó là yêu đất nước của Tưởng Giới Thạch,” “Trận chiến Trăm Trung đoàn đã làm bại lộ lực lượng của chúng ta quá sớm, gây ra sự chú ý của quân Nhật đối với lực lượng của chúng ta; đồng thời khiến cho Tưởng Giới Thạch tăng cường cảnh giác đối với chúng ta.” (Lý Duệ, “Biên bản Hội nghị ở Lộc Sơn,” Nhà xuất bản Nhân dân Hà Nam, ấn bản năm 1996).

Vladimirov, sĩ quan liên lạc của Quốc tế Cộng sản ở Diên An và là phóng viên quân sự của hãng thông tấn TASS, đã viết trong “Nhật ký Diên An” của mình rằng: “Vào ngày 09/07/1942, Yuren và Aleyev đã trở về sau khi tuần sát tiền tuyến. Họ thất thần vì những gì đã thấy. Đội ngũ của Bát Lộ Quân (và tất nhiên còn có Tân Tứ Quân) sớm đã ngừng chủ động xuất kích và phản kích đánh quân xâm lược. Nhật Bản vẫn đe dọa xâm lược Liên Xô cho dù quân đội Nhật Bản đang tổ chức tấn công dữ dội ở vùng đông nam Trung Quốc, và tình hình này vẫn không thay đổi cho đến hôm nay. Quân đội ĐCSTQ đã không chống lại việc Nhật Bản hiện đang càn quét các khu vực mà họ đã chiếm đóng, họ rút lui lên núi hoặc vượt qua sông Hoàng Hà. Các nhà lãnh đạo



Năm 1945, Bát Lộ Quân giương cao cờ Trung Hoa Dân Quốc, nhưng lại lá mặt lá trái, phá hoại cuộc kháng chiến chống Nhật. (Ảnh: Tài sản công)

của ĐCSTQ coi Quốc Dân Đảng là kẻ thù chính, không tiếc công sức chiếm đoạt lãnh thổ do chính quyền trung ương kiểm soát và sử dụng nhiều thủ đoạn khác nhau để đạt được mục tiêu của họ. Những hoạt động ly khai rõ ràng này đã gây nguy hiểm cho phong trào giải phóng của nhân dân Trung Quốc chống lại kẻ xâm lược, làm gia tăng sự hy sinh của nhân dân Trung Quốc, và gây ra xung đột quân sự với Quốc Dân Đảng.”

Bề ngoài, ĐCSTQ cúi đầu xưng thần trước Tưởng Công, nhưng thực chất là luôn kiểm soát Bát Lộ Quân và Tân Tứ Quân như đội quân riêng, lá mặt lá trái, thậm chí tấn công cả quân đội Quốc gia, phá hoại kháng chiến. Trong đó “Sự cố Hoàng Kiều” là sự kiện nghiêm trọng

nhất xảy ra vào tháng 10 năm 1940. Trần Nghị dẫn đầu phân đội một của Tân Tứ Quân đột kích Cầu Vàng ở phía bắc Giang Tô, khiến quân đội quốc gia thương vong hơn 10,000 người, Tân Tứ Quân kiểm soát một phần tỉnh Giang Tô. Tân Tứ Quân đã trở thành một đội quân nổi dậy. Nghiêm trọng hơn, chủ lực của quân đội Nhật Bản đứng ngoài quan sát, chỉ cách trận địa Hoàng Kiều mười lăm dặm, đợi sau khi quân đội quốc gia đại bại, họ mới rút về Thái Hưng. Sự thông đồng giữa ĐCSTQ và phía Nhật Bản là rất rõ ràng.

Trong số tám “vở kịch kiểu mẫu” của Cách mạng Văn hóa, có một đoạn lời hát trong vở kịch “Shajiabang”: “Ngày 13 tháng Tám, quân Nhật xâm lược Thượng Hải, lãnh thổ Giang Nam (phía nam của hạ lưu Trường Giang) bị tiêu diệt, xác chất như núi, máu đổ thành sông... Tân Tứ Quân của Đảng Cộng sản đã đến đánh địch, Đông tiến Giang Nam, tiến sâu vào phía sau chiến tuyến của địch, giải phóng các thị trấn và thôn trang. Khi cờ đỏ được kéo lên và tiếng hát vang lên, dân chúng mới có thể nhìn thấy ánh mặt trời.”

Đây là bằng chứng về việc ĐCSTQ lợi dụng các hình thức văn học và nghệ thuật để xuyên tạc lịch sử.

Phần 29: Cứu tinh của Trung Cộng

Vị cứu tinh quân đội Hoàng gia

Năm 1964, khi Mao Trạch Đông tiếp phái đoàn Đảng Xã hội Nhật Bản thăm Trung Quốc, trưởng đoàn Nhật Bản là Kōzō Sasaki và Kuroda Hisao đã xin lỗi nhân dân Trung Quốc về cuộc chiến tranh xâm lược Trung Quốc của Nhật Bản.

Mao Trạch Đông nói: “Tôi từng nói chuyện với những người bạn Nhật Bản. Họ nói, rất xin lỗi, quân đội Hoàng gia Nhật Bản đã xâm lược Trung Quốc. Tôi nói: Không! Nếu quân đội Hoàng gia của các ông không xâm lược hơn một nửa Trung Quốc, thì nhân dân Trung Quốc sẽ không thể đoàn kết chống lại Tưởng Giới Thạch, Trung Quốc sẽ không thể giành được chính quyền. Vì vậy, quân đội Hoàng gia Nhật Bản là người thầy tốt của người dân Trung Quốc chúng tôi, cũng có thể nói là một đại ân nhân, một vị cứu tinh vĩ đại.”

Sasaki bày tỏ sự áy náy: “Hôm nay được nghe những lời rất khoan dung độ lượng của Mao chủ tịch. Trước đây, chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản xâm lược Trung Quốc, đã gây tổn hại rất lớn cho các bạn, chúng tôi cảm thấy rất áy náy.”

Mao lập tức đáp lại: “Không có gì phải áy náy. Chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản đã mang lại lợi ích to lớn cho Trung Quốc, giúp nhân dân Trung Quốc giành chính quyền. Không có quân đội Hoàng gia các ông, chúng tôi không thể giành được chính quyền. Về điểm



Kōzō Sasaki, ảnh chụp năm 1956. (Ảnh: Tài sản công)

này, tôi và các ông có ý kiến khác nhau, giữa hai chúng ta là có mâu thuẫn.” (mọi người cười, hội trường sôi động hẳn lên) (Trích từ cuốn “ Tư tưởng Mao Trạch Đông muôn năm,” trang 533 ~ 534).

Ngày 18/11/1938, sau khi đọc cuốn “Xây dựng đảng” của Trung Cộng, Tưởng Giới Thạch đã cảm thán ghi trong nhật ký: “Do Quốc tế Cộng sản hoạt động bí mật cả trăm năm nên Đảng Cộng sản có kỷ luật nghiêm ngặt nhất, thủ đoạn tinh vi nhất, tổ chức bí mật nhất, không đảng phái nào có thể theo kịp. Bởi vì thủ đoạn của nó là độc ác nhất, tình nghĩa và đạo đức đã bị quét sạch hoàn toàn. Giả sử muốn hướng đến con đường quốc gia dân tộc thì hỏi được mấy người đây.”

THE ILLUSTRATED LONDON NEWS

The World Copyright of all the Editorial Matter, both Illustrations and Letterpress, is Strictly Reserved in Great Britain, the British Dominion and Colonies, France, and the United States of America.
SATURDAY, OCTOBER 18, 1941.



GENERAL CHIANG KAI-SHEK, THE GREAT LEADER OF THE 400,000,000 PEOPLE WHO CELEBRATED ON OCT. 18 THE "DOUBLE TENTH" (THE 30TH ANNIVERSARY OF THE CHINESE REPUBLIC), AND CHINESE VICTORIES IN THE FIELD.

On October 10 the Chinese people officially celebrated the "Double Tenth," which is China's National Day—the tenth day of the tenth month—and marks the anniversary of the outbreak in 1911 when the Republic was born. These celebrations at Chungking have coincided with notable victories in the field by the Chinese armies. Under the indomitable leadership of Generalissimo Chiang Kai-shek—the photograph above is reproduced from the American Magazine

"Fortune"—China, in its fifth year of war, is still meeting with increasing success, the unprovoked invasion by Japan, that the tide of battle is turning in favour of the debaters is clearly shown in current happenings. The crushing Chinese victory before Changsha, where the demoralized Japanese forces left 40,000 dead and wounded on the field, has been followed up by the recovery of Chinese troops into Ichang, on the Yangtze River. (Reprinted by Carl H. Stone)

Ngày 18/10/1941, tờ The Illustrated London News của Anh quốc lấy ảnh Tưởng Giới Thạch làm trang bìa, thuật lại câu chuyện anh dũng kháng chiến của Trung Quốc, phía dưới tiêu đề nhỏ có nội dung: Tướng quân Tưởng Giới Thạch, lãnh tụ vĩ đại của 400 triệu người dân Trung Quốc, chúc mừng 30 năm quốc khánh Trung Hoa dân quốc và nhiều chiến thắng trên chiến trường Trung Quốc. Theo bài báo, khi cuộc chiến giữa Trung Quốc và Nhật Bản tiếp tục mở rộng, truyền thông Âu-Mỹ đã bày tỏ rõ ràng sự đồng tình và ủng hộ cuộc kháng chiến của Trung Quốc. (Ảnh: Chung Nguyên/Epoch Times)

Đầu năm 1941, Chính phủ Quốc dân quyết loại bỏ phần quân, bắt giữ tư lệnh quân đội Diệp Đình (Ye Ting). Lịch sử gọi đây là “Biến cố Nam An Huy.”

Tướng Giới Thạch nói: “Lần này chúng ta xử trí sự kiện Tân Tứ quân, vô luận nhân sĩ trong ngoài nước, mọi người đều biết, đây hoàn toàn là vấn đề chính đốn kỷ luật quân đội của chúng ta ... Phạm là quân nhân trái lệnh làm loạn kỷ cương, tất phải trừng phạt tại chỗ. Còn về phần dấy binh làm phản, tập kích đội bạn, xâm chiếm khu vực phòng thủ, gây phương hại đến quân đội kháng chiến, tất nhiên càng cần phải giải tán.”

Ông còn nói: “Giáo lý của Cơ Đốc khuyến khích người bình thường tha thứ cho kẻ có tội bảy mươi lần bảy, mà bây giờ sai lầm của Tân Tứ quân đã vượt quá bảy mươi lần bảy rồi. Chúng ta hãy ghi nhớ tấm lòng quảng đại của Chúa Jesu, và chúng ta không được dung túng hay tha thứ cho loại quân hành ác không chịu hối cải, chấp mê bất ngộ này; cũng quyết không thể lại ỉn nhẫn, tiếp tục tha thứ. Nếu không, chính là chúng ta đang phạm tội. (Trích từ cuốn “Chính đốn kỷ luật quân đội và tăng cường kháng chiến”, 1941)

Trong mắt Tướng Giới Thạch, cả Trung Cộng và Ôn Ngụy (Ôn Tinh Vệ) đều là Hán gian, mỗi bên đều phục vụ cho chủ nhân của mình. Ngày 08/09/1943, ông viết trong nhật ký: “Trung Cộng làm con tốt cho Nga, Ôn Ngụy làm tay sai cho Nhật Bản, tình thế loạn trong giặc ngoài chưa hề suy yếu.”

ĐCSTQ được Liên Xô hậu thuẫn, đồng thời trắng trợn ca ngợi dân chủ kiểu Mỹ, đạt được sự đồng tình của dư luận quốc tế.



*Nhật Bản phải trả lại toàn bộ lãnh thổ đã cướp từ Trung Quốc.
(Ảnh: Chính phủ tỉnh Đài Loan)*

Tướng Giới Thạch viết trong nhật ký ngày 26/02/1944: “Trung Cộng tuyên truyền tại Hoa Kỳ rằng quân ta đã không đánh giặc Nhật, mà tập trung lực lượng để tấn công Trung Cộng. Điều này không khác gì thủ đoạn tuyên truyền chính phủ ta đầu hàng quân Nhật hồi năm ngoái. Điều lo lắng là, chính phủ và người dân Mỹ quốc đã bị nó tuyên truyền mê hoặc, tin rằng đó là sự thật!”

Năm 1944, kháng chiến thắng lợi trong tầm mắt, nhưng Tướng Giới Thạch lại không lạc quan. Ông viết

trong nhật ký ngày 12/07/1944: “Tương lai quốc gia còn nhiều khó khăn, đặc biệt vấn đề nước Nga và Trung Cộng là lớn nhất, nhưng đây là điều then chốt liên quan đến sự tồn vong của quốc gia.”

“Ngày 30/4/1945. Chuyện xảy ra như thế này: Tháng Tư năm đó, quân Nhật phát động tấn công từ địa khu Khai Phong, đến cuối năm đã khiến Trung Quốc rơi vào bờ vực sụp đổ về mặt quân sự. Do đó, chiến lược nguy trang quan sát dưới chiêu bài chiến thuật du kích, được xây dựng trên cơ sở học thuyết chính của Mao Trạch Đông, đã chấm dứt vào năm 1944. Lúc này, sức mạnh của chính phủ trung ương đã bị suy yếu rất nhiều trước sức tấn công ác liệt của quân Nhật.

Mao Trạch Đông nhận thấy cơ hội đã đến. Nhân cơ hội này, ông từ chối tham gia các hoạt động tích cực chống Nhật, khiến mặt trận thống nhất dân tộc không thể thực hiện được. Bấy giờ, Chủ tịch Ủy ban Trung ương ĐCSTQ cho rằng đã đến lúc phải hành động. Viễn cảnh về một cuộc tranh giành quyền lực thắng lợi hiện ra trước mắt ông một cách rõ ràng và thực tế.

Quân đội của Tưởng Giới Thạch bị kéo đổ, bộ máy chính phủ lỏng lẻo. Đồng minh chính trị trong mặt trận thống nhất này đã trong tình trạng kiệt sức. Trong trường hợp xảy ra nội chiến, cơ hội thành công của cả hai bên gần như là ngang nhau.” (Trích từ “Nhật ký Diên An” của Peter Vladimirov).

Ngày 13/08/1945, trước thềm kháng chiến thắng lợi, Tưởng Giới Thạch đã viết trong nhật ký: “Tương lai khó khăn rất lớn, gấp mười lần so với kháng chiến.” Đối với Tưởng Công, mối nguy thực sự vừa mới bắt đầu.

Phần 30: Đơn độc khó chống đỡ

Thiên Tướng đơn độc khó chống đỡ

Theo lý tương sinh tương khắc, có chính thì sẽ có tà. Sáng Thế Chủ và các Chính Thần muốn cứu tất cả các sinh mệnh, còn sinh mệnh phụ diện tất sẽ muốn phá hoại, hủy đi chúng sinh. Chúng làm ra cái gọi là thuyết Vô thần, thuyết Duy vật, khoa học thực chứng, phân cách tinh thần và vật chất, khiến con người chỉ tin vào những sự vật mà mắt thường nhìn thấy, gạt bỏ tinh thần, tín ngưỡng, không còn tin vào Thần, dẫn đến cuối cùng bị Thần bỏ rơi.

Satan đã gieo rắc bóng ma Cộng sản, giảng nói thuyết tiến hóa và thuyết vô Thần, khiến nhân loại hoàn toàn rời xa vị Thần đã tạo ra mình. Vào thời điểm đó, đạo đức suy đồi là hiện tượng trên toàn thế giới. Đảng Cộng sản với sự hậu thuẫn của giả dối và bạo lực, có thị trường truyền bá trên toàn thế giới, chính là hậu quả trực tiếp của sự suy đồi về đạo đức.

Vào thời đại của Tướng Giới Thạch, nhà nước cộng sản đầu tiên cướp chính quyền một cách thô bạo là Liên Xô được thành lập. Đến cuối Đệ nhị Thế chiến, phong trào cộng sản quốc tế trở nên mạnh mẽ hơn. Tuy nhiên, con người chưa hiểu rõ về bản chất tà ác của chủ nghĩa cộng sản. Hoàn cảnh quốc tế về khách quan đã giúp chủ nghĩa cộng sản bành trướng. Thế trận phòng bị chống chủ nghĩa cộng sản còn chưa hình thành ở phương Tây. Trong số các lãnh tụ trên toàn thế giới, sự hiểu biết và

nỗ lực của Tưởng Giới Thạch đối với Đảng Cộng sản là rất hiếm thấy, nhưng ông đơn thương độc mã, rất khó để thành tựu. Trong một thời gian ngắn, việc ông tiêu diệt Đảng Cộng sản sắp thành công, nhưng vì sự biến Tây An nên đã thất bại. Đảng Cộng sản đã có được thời gian và không gian để tồn tại và phát triển lớn mạnh.

Cuộc chiến giữa Quốc Dân Đảng và Đảng Cộng sản ở Trung Quốc, trong lịch sử được xem là một cuộc nội chiến. Thực chất, đây là cuộc đại chiến giữa Chính và Tà trong vũ trụ được phản chiếu tại nhân gian. Cuộc chiến do Đảng Cộng sản phát động là để quảng bá ý thức hệ của mình trên trường quốc tế bằng vũ lực. Chỉ cần là cuộc chiến do Đảng Cộng sản phát động thì nó sẽ là cuộc chiến tranh khiến thế giới đẫm máu, và cũng chính là chiến tranh mang tầm quốc tế. Lực lượng Đảng Cộng sản tham gia vào cuộc chiến với Quốc Dân Đảng bao gồm người Triều Tiên, người Nhật Bản, còn có sự hỗ trợ hậu cần của Liên Xô. Đây là một cuộc xâm lược Trung Quốc của các thế lực Chủ nghĩa cộng sản quốc tế.

Những sinh mệnh phụ diện đã tạo ra ma nạn trong giai đoạn đầu của thời kỳ nhân loại lần này khi các chính giáo đang truyền Pháp độ nhân. Còn có những ma nạn và khảo nghiệm lớn hơn nữa đã được an bài vào lúc Đại Pháp hồng truyền trong vũ trụ cuối cùng này. Để đạt được điều này, họ đã tạo ra một môi trường xã hội khắc nghiệt hơn, cho phép tương ứng sinh ra một Đảng Cộng sản cực đoan không tin vào Thần, không tin nhân quả, hành động tùy tiện, sử dụng mọi thủ đoạn để đạt mục đích, còn cho nó thiết lập một nhà nước chuyên chế toàn trị để sử dụng sau này. Vậy nên, điều đó được xem là thiên thời bất lợi.

Vào cuối cuộc chiến tranh, bộ phận chủ lực của quân Quốc Dân Đảng tập trung ở phía Tây Nam. Trong khi quân Nhật Bản bại nhục, quân Cộng sản đã phát triển mạnh mẽ ở các khu vực sau lưng địch và thiết lập căn cứ địa ở địa khu Hoa Bắc. Hiệp định Yalta được ký kết giữa Liên Xô, Hoa Kỳ và Anh đã giúp cho Stalin thuận lợi chiếm lĩnh vùng Đông Bắc. Hơn nữa, Hoa Kỳ đã mắc sai lầm trong chiến lược đối với Trung Quốc, khi liên tục can thiệp và phá hoại cơ hội chiến thắng của quân Quốc Dân Đảng, khiến cuộc chiến tiêu diệt giặc phi (chỉ Cộng sản) vừa mới bắt đầu đã mất đi yếu tố địa lợi.

Tướng Giới Thạch kiên trì giữ gìn đại nghĩa dân tộc, bảo vệ tôn nghiêm dân tộc, không ngại đắc tội những vị khổng lồ như Hoa Kỳ, Anh quốc và Liên Xô. Còn Đảng Cộng sản Trung Quốc (ĐCSTQ) ngược lại hết sức nịnh bợ lấy lòng, đồng thời thực hiện chính sách ngoại giao xu nịnh giữa Liên Xô và Hoa Kỳ. Đối với người dân trong nước, họ dùng thuật lừa bịp về một cuộc chiến giành lại nền thống nhất hòng thu được nhiều lợi ích khác nhau và chiếm được cảm tình rộng rãi của người dân. Tướng lĩnh cao cấp của Quốc Dân Đảng, ngoài những người xem cái chết như sự trở về, kể cả chiến tử nơi sa trường, thì đa số thường bị gián điệp của Cộng sản dụ hoặc, khiến họ do dự, dẫn đến có nhiều người binh biến “khởi nghĩa.” Cộng thêm một vấn nạn quốc gia phải đương đầu, đó là số lượng lớn người vì lợi ích cá nhân mà tham ô, hủ bại. Điều này chính là nhân hòa không ổn.

Tuy thiên thời, địa lợi, nhân hòa đều không có, nhưng Tướng Công vẫn cố gắng hết mình chiến đấu

với Satan Cộng sản, lưu lại trong lịch sử một thế trận giao tranh, diễn dịch cuộc đại chiến Chính – Tà tại nhân gian. Từ đó giúp thế nhân nhận biết thế nào là Chính, và Satan Cộng sản tà ác như thế nào.

Theo quan điểm của Tưởng Giới Thạch, thiện và ác, được và mất đều là tương đối. Trong nhật ký ngày 31/05/1944, ông viết: “Mọi việc có thất bại tất phải có thành công, cũng như có thành công thì phải có thất bại. Thứ hôm nay xem là nhân ác, có thể trong tương lai lại được xem là quả thiện. Còn người hôm nay được xem là nhân quả ác, trong quá khứ lại xem là nhân thiện. Điều này chứng tỏ, không có việc gì không nằm trong mâu thuẫn, và không có quả thiện mang tính tuyệt đối.”

Đại cục chờ phân định

Trong mắt Tưởng Giới Thạch, từ khi khai thiên tịch địa cho đến ngày nay, những biến động trên thế giới giống như một ván cờ. Tưởng Giới Thạch từng viết bài thơ “Vịnh tượng kỳ”:

*“Mang mang Long Hán đảo kim thì,
Bách chiết nan đào nhất cục kỳ.
Sát mã hồi xa tòng thủ thủy,
Vạn phương đồng khải cánh hà chi”*

Tạm dịch:

*Mênh mang Long Hán kéo đến nay,
Thế cờ trăm sự chẳng thoát tay.
Ngựa dữ quay đầu từ đây đối,
Bùi ngùi vạn nẻo biết sao đây.*

Đệ nhất Thế chiến khai sinh ra việc Đảng Cộng sản nắm chính quyền ở Nga. Đệ nhị thế chiến khiến thế lực Cộng sản bành trướng ở đại lục Á - Âu như trận hồng thủy, như con thú dữ. Sau chiến tranh, chủ nghĩa cộng sản tiến thêm một bước trong việc mở rộng ảnh hưởng. Xã hội Đảng Cộng sản và xã hội tự do đối đầu với nhau trên thế gian, bắt đầu cuộc Chiến tranh Lạnh kéo dài nhiều thập niên.

Năm 1936, ba nước Đức, Ý và Nhật Bản đã ký “Hiệp định chống Quốc tế cộng sản.” Hiệp định này là một nỗ lực nhằm thiết lập một liên minh chính trị - quân sự trên cơ sở chống lại chủ nghĩa cộng sản. Tuy nhiên, cuộc chiến chống Cộng trên danh nghĩa đã dẫn đến kết cục Đảng Cộng sản phát triển lớn mạnh hơn.

Liên minh quân sự của ba nước trước hết là nhằm vào Liên Xô, nội dung chủ yếu là: các nước ký kết nhất trí trao đổi tin tình báo về hoạt động của Quốc tế Cộng sản, hợp tác chặt chẽ, thỏa thuận và thực hiện các biện pháp phòng ngừa cần thiết; khi một trong các bên ký kết bị Liên Xô tấn công hoặc đe dọa, các bên còn lại không được thực hiện bất cứ hành động nào có lợi cho Liên Xô, đồng thời cần thảo luận ngay lập tức các biện pháp “bảo vệ lợi ích chung”; nếu không có sự đồng ý của cả hai bên thì không được ký kết bất kỳ điều ước chính trị nào với Liên Xô trái với tinh thần của hiệp định này.

Anh và Pháp từng áp dụng chính sách xoa dịu Đức. Một trong những mục đích là chống lại Liên Xô đang theo chủ nghĩa cộng sản, giảm bớt mối đe dọa của Liên Xô đối với châu Âu, và biến nước Đức trở thành bình

phong ngăn chặn giữa Đảng Cộng sản Liên Xô và lục địa châu Âu.

“Vào tháng 1 năm 1940, trợ lý riêng của Hitler, Tướng Schmundt, nói với tôi về những cuộc trò chuyện gần đây của ông ta với Hitler về Liên Xô ... Hitler chỉ có một kết luận: Stalin muốn chinh phục toàn bộ châu Âu. Giờ đây, quân đội Đức là rào cản có tác dụng duy nhất giữa Hồng quân Liên Xô và châu Âu. Vì vậy, Hitler tin rằng, sứ mệnh của Đức là loại bỏ mối nguy từ phương Đông và đánh đuổi chủ nghĩa Bolshevism đang dần xâm nhập vào châu Âu ra khỏi châu Âu. Ông đã theo dõi chặt chẽ các diễn biến trong vấn đề này và sẵn sàng hành động nếu cần thiết. (“Victory Away: Hồi ức của một vị tướng tiền tuyến của Đức trong Thế chiến thứ hai”, 1956)

Năm 1941, khi Đức liên minh với Nhật Bản tấn công Liên Xô, Hitler nói: “Quan hệ giữa Đức và Liên Xô hiện nay ngày càng trở nên tồi tệ, và chiến tranh Đức-Xô có lẽ là điều không thể tránh khỏi.” Ông Ribbentrop nói: Nếu Nhật Bản “cảm thấy tiến vào Trung Quốc ở phía Nam gặp khó khăn thì hoan nghênh Nhật Bản tiến lên phía Bắc để hỗ trợ Đức tấn công Liên Xô” (“Con đường dẫn đến chiến tranh Thái Bình Dương”, Asahi Shimbun, ấn bản năm 1963).

Lục quân Nhật Bản có ba phương án: tăng cường tiến công về hướng Nam, tập trung tiến công về hướng Bắc và chờ đợi thời cơ. Để đạt được mục tiêu này, Bộ Lục quân Nhật Bản và Bộ Tổng tham mưu đã xây dựng “Chính sách Quốc phòng thích ứng với tình hình thay đổi,” chú ý đến cả phương Bắc và phương Nam, chờ thời cơ hành động. Nguyên do có chính sách này là: “Giải quyết vấn đề phương Bắc, nhất thiết phải sử dụng

vũ lực trên quy mô lớn. Vì vậy, phải cần đến các vật tư chiến lược, đặc biệt là nhiên liệu hóa lỏng (dầu mỏ) mà trên thực tế phải được tìm kiếm từ phía Nam. Cũng vì vậy, rất nguy hiểm nếu miễn cưỡng giải quyết vấn đề phía Bắc.” (Takehiro Hattori, Lịch sử chiến tranh Đại Đông Á, 1984)

Ngoại trưởng Nhật Bản Matsuoka Hiroyoshi chủ trương rằng, Đức nên tấn công Liên Xô: “Ngày nay, khi Liên Xô và Đức bắt đầu chiến tranh, Nhật Bản nên liên kết với Đức để tấn công Liên Xô.” Tổng tham mưu trưởng quân đội Nhật Sugiyama Yuan phản đối: “Đại đa số quân đội Nhật Bản hiện đang bị kiềm chế trên chiến trường Trung Quốc. Những gì Ngoại trưởng nói, trên thực tế là không thể thực hiện được. Với tư cách là cơ quan đầu não, việc cân nhắc đầu tiên là chuẩn bị chiến tranh, còn hiện nay chưa thể bàn đến việc có tham chiến hay không. Chỉ tính riêng quân Quan Đông, việc chuẩn bị cho chiến tranh phải mất từ 40 đến 50 ngày, và sẽ mất nhiều thời gian để chuyển đổi binh lực hiện tại sang thể chế thời chiến và xa hơn nữa là phát động một cuộc tấn công. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian đó, diễn tiến của cuộc chiến tranh Xô-Đức cũng đã được xác định rồi.” (Takehiro Hattori, Lịch sử chiến tranh Đại Đông Á, 1984).

Tướng Giới Thạch tổng kết từ quan điểm quân sự rằng, các hoạt động quân sự của Đức chống Liên Xô đều không chiếm ưu thế về thiên thời và địa lợi: “Về thiên thời mà nói, lãnh thổ của Đảng Cộng sản Nga đều là những vùng lạnh giá âm u, băng tuyết bao phủ. Trong đó còn có một phần là sa mạc có khí hậu nóng lạnh khắc nghiệt, nhiệt độ biến động gay gắt. Cho nên,

điều kiện thời tiết thích ứng cho chiến tranh trên lãnh thổ Nga trong một năm chỉ có chưa đến bốn tháng. Đây là điều kiện thiên thời đặc biệt có lợi cho Đảng Cộng sản Nga. Đặc biệt về mặt địa lý, Nga có biển Bắc Cực làm hàng rào tự nhiên ở sau lưng, eo biển Bering và biển Okhotsk ở phía Đông, và biển Baltic ở phía Tây, có thể nói là được bao bọc bởi ba mặt là biển, hình thành nên điều kiện tự nhiên thuận lợi. Chỉ có phía Nam là nội địa, nhưng cũng có nhiều núi non sông ngòi, thung lũng, tạo thành những rào cản. Hơn nữa, diện tích lãnh thổ rộng lớn 21.3 triệu kilomet vuông bao bọc lấy châu Âu và châu Á. Đảng Cộng sản Nga có được một lãnh thổ vừa sâu vừa rộng, cho nên họ đặc biệt có trong tay điều kiện thuận lợi cho phòng thủ quân sự và chiến tranh lâu dài. Nếu quân địch tấn công từ phía Đông, cuối cùng họ có thể rút về phía Tây. Nếu quân địch tấn công từ phía Tây, họ càng có thể dần dần rút về phía Đông, đánh trận trường kỳ, tiêu hao sinh lực địch. Đây lại là một điều kiện vô cùng ưu việt về mặt địa lý có lợi cho nước Nga bạo chúa. Bởi vì nước Nga có ưu thế về mặt thiên thời, địa lợi như vậy, cho nên các nước phương Tây như Anh, Pháp, Ý, Hà Lan, Đức, Áo ... có gây chiến với họ, thì cuối cùng cũng không thể giành thắng lợi, chỉ đành bó tay không làm gì được. Vì vậy, trong lịch sử, tuy các quốc gia phương Tây đã từng có Napoléon, William Đệ II và Hitler tấn công vào lãnh thổ Nga, thậm chí có lúc đã chiếm được thủ đô Moscow, nhưng cuối cùng hiếm khi khắc chế được điều kiện thiên thời, địa lợi này, để dám đánh một trận quyết chiến với nước Nga.” (“Lý thuyết cơ bản về chống Cộng và chống Nga” của Tưởng Giới Thạch).

Vào tháng 6 năm 1941, quân Đức phát động Chiến dịch Barbarossa, Đại quân từ ba hướng tiến thẳng, đội quân tiên phong đã tiến một mạch đến ngoại ô Moscow. Thời tiết ở Liên Xô vào tháng 10 gây ra bùn đất lầy lội. Các đơn vị cơ giới của Đức phải vật lộn tiến từng bước trong khó khăn, và việc đẩy nhanh tốc độ tiến quân của họ bị cản trở đáng kể.

Đến tháng 12, Liên Xô bước vào một mùa đông khắc nghiệt, và quân đội Đức mất sức tấn công do thời tiết. Tướng Đức Guderian nhớ lại: “Trong khí hậu mùa đông năm đó, các cánh đồng ở Liên Xô phủ đầy tuyết trắng, gió lạnh thấu xương. Tất cả các mục tiêu trên đường tiến quân bị tuyết dày đặc vùi lấp. Sau vài giờ ngồi trên xe hơi từ vùng đất không người, chúng tôi mới gặp những đoàn quân đói rét của mình. So với các lực lượng quân đội Siberia của Liên Xô, họ được ăn no, mặc ấm và có đầy đủ trang thiết bị tác chiến mùa đông. Đó thật sự là khác biệt một trời một vực ... Quân đội Đức hoàn toàn không chuẩn bị cho kiểu thời tiết lạnh giá này, đợi đến khi nhiệt độ ở Liên Xô xuống đến âm 32 độ, thì tất nhiên không thể tránh khỏi hoảng loạn.” (“Hồi ức của Guderian”).

(Xem Tiếp Quyển 2)

Nhân vật thiên cổ anh hùng



Đế Nghiêu



Đế Thuấn



Đế Vũ



Tần Thủy Hoàng



Hán Vũ Đế



Hàn Tín



Tào Tháo



Lưu Bị



Tôn Quyền



Gia Cát Lượng



Chu Du



Đường Thái Tông



Lý Bạch



Dương Diên Chiếu



Nhạc Phi



Thành Cát Tư Hân



Hốt Tất Liệt



Minh Thành Tổ



Trương Tam Phong



Lý Tự Thành



Khang Hy



Hồng Tú Toàn



Tôn Trung Sơn



Tưởng Giới Thạch

